CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO TIỀN BỐI CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

HUỲNH THÚC KHÁNG

TIỂU SỬ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

HUỲNH THÚC KHÁNG

TIỂU SỬ

CHƯƠNG TRÌNH SƯU TẦM TÀI LIỆU, VIẾT TIỂU SỬ
CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO CHỦ CHỐT CỦA ĐẢNG
VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

HUỲNH THÚC KHÁNG

TIỂU SỬ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội-2019

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỒNG ANH	Trưởng ban
TÔ HUY RỨA	Ủy viên
ĐINH THẾ HUYNH	Ủy viên
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Ủy viên
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

TẠ NGỌC TẤN	Chủ nhiệm
PHẠM NGỌC ANH	Phó Chủ nhiệm thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG PHONG HÀ	Ủy viên
TRẦN MINH TRƯỞNG	Ủy viên

BAN BIÊN SOẠN

PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG (Chủ biên)
PGS.TS. NGUYỄN MINH ĐỨC
PGS.TS. NGUYỄN THANH TÂM
TS. LÊ THỊ HIỀN
TS. NGUYỄN THỊ LƯƠNG UYÊN

CÁC CỘNG TÁC VIÊN

PGS.TS. PHẠM NGỌC ANH	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
PGS.TS. LÝ VIỆT QUANG	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
PGS.TS. NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
PGS.TS. LÊ VĂN TÍCH	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
PGS.TS. ĐÀM ĐỨC VƯỢNG	Viện Nghiên cứu nhân tài, nhân lực
PGS.TS. PHẠM XANH	Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội
TS. TRẦN VĂN HẢI	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
TS. TRẦN THỊ HUYỀN	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
TS. LÊ THỊ THU HỒNG	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
TS. NGÔ XUÂN DƯƠNG	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

TS. LÊ THỊ HẰNG	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
ThS. NGUYỄN TUYẾT HẠNH	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
ThS. ĐÀO TUẤN ANH	Bảo tàng Hồ Chí Minh
ThS. TRẦN THỊ HỢI	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
ThS. TRẦN THỊ NHUẦN	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
ThS. CHU LAM SƠN	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngoài ra, còn một số cộng tác viên tham gia viết bài cho các hội thảo, tọa đàm của đề tài.



Cụ HUỲNH THÚC KHÁNG
(1876 - 1947)

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Huỳnh Thúc Kháng là gương mặt tiêu biểu của phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX, là nhân vật tạo nên cái "gạch nối" lịch sử gắn kết phong trào yêu nước của các chiến sĩ Duy tân với phong trào cách mạng theo con đường cách mạng vô sản. Cuộc đời cụ là tấm gương sáng ngời về truyền thống vượt khó, hiếu học, học giỏi, về nếp sống thanh cao, giản dị, không màng danh lợi, suốt một đời vì nước, vì dân.

Sinh ra trong một gia đình nho học ở xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam - một địa phương giàu truyền thống yêu nước và hiếu học, Huỳnh Thúc Kháng nổi tiếng học giỏi, đỗ cao, nhưng không ra làm quan mà cùng với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp... là những nhà lãnh đạo phong trào Duy tân. Vì lý do đó, cụ bị bắt năm 1908, rồi bị đày ra Côn Đảo suốt 13 năm, đến năm 1921, cụ được trả tự do.

Những năm tháng tù đày không làm nhụt ý chí, mà ngược lại còn hun đúc tinh thần đấu tranh, với mong muốn giành quyền dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, năm 1925, cụ Huỳnh Thúc Kháng tham gia vào cuộc vận động và đắc cử chức Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong ba năm hoạt động ở Viện, cụ cương quyết tranh đấu trong nghị trường, rồi nhân việc chống lại Khâm sứ Pháp, cụ từ chức. Năm 1927, cụ sáng lập tờ báo *Tiếng Dân* làm diễn đàn nhằm tiếp tục đấu tranh đòi quyền dân chủ và bị chính quyền thời bấy giờ đình bản năm 1943.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cụ ra tham gia nội các Chính phủ liên hiệp lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Năm 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp đàm phán, cụ Huỳnh Thúc Kháng được cử làm Quyền Chủ tịch nước. Thời gian này, cụ còn là Chủ tịch Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Cuối năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử cụ Huỳnh Thúc Kháng thay mặt Chính phủ đi kinh lý các tỉnh Trung Bộ; cụ đã có nhiều bài nói chuyện với cán bộ và nhân dân địa phương thể hiện quyết tâm kháng chiến đến cùng, giữ vững nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc. Ngày 21-4-1947, cụ lâm bệnh nặng và mất tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Theo tâm nguyện của cụ, nhân dân đã an táng cụ trên đỉnh núi Thiên Ấn, là đệ nhất thắng cảnh của Quảng Ngãi.

Cuộc đời và sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng là một tấm gương lớn về nhân cách, tinh thần yêu nước và thương dân của một chí sĩ "không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan, cả đời phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập", vẫn luôn sống mạnh mẽ trong lòng nhân dân Việt Nam.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc các tư liệu nghiên cứu về thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của cụ Huỳnh Thúc Kháng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản cuốn sách ***Huỳnh Thúc Kháng - Tiểu sử*** thuộc Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam theo Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Cuốn sách cung cấp nguồn tư liệu quý giá để tìm hiểu, nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp cao quý cùng những công lao to lớn của cụ Huỳnh Thúc Kháng đối với lịch sử dân tộc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2019

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Huỳnh Thúc Kháng là một trong những chí sĩ yêu nước tiêu biểu nhất của lịch sử cận hiện đại Việt Nam, tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, thương dân, đoàn kết toàn dân, suốt đời đấu tranh vì lợi ích tối cao của dân tộc, mong cho dân được tự do, hạnh phúc. Huỳnh Thúc Kháng là nhân vật kết nối được phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX của thế hệ các chiến sĩ Duy tân với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là vai trò lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thân thế và sự nghiệp chính trị của Huỳnh Thúc Kháng cho thấy một sự chuyển biến tư tưởng từ yêu nước chân chính, thương dân thật sự đến tư tưởng cách mạng chân chính; từ một yếu nhân của phong trào Duy tân đi đến cộng tác với Hồ Chí Minh, trở thành một yếu nhân của Nhà nước cách mạng Việt Nam. Bài học và tấm gương của Huỳnh Thúc Kháng và các nhà yêu nước khác chứng tỏ sự đúng đắn của con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn: từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đi tới chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ giữa Huỳnh Thúc Kháng

và Hồ Chí Minh là một bài học lớn để chúng ta hội tụ nhân tâm, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới tương lai, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Căn cứ Quyết định số 268-QĐ/TW, ngày 12-11-2014 của Ban Bí thư về việc thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng và cách mạng Việt Nam, ngày 9-1-2015, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ra Quyết định số 78B/QĐ-HVCTQG về việc cử Ban Chủ nhiệm đề tài khoa học Ban Bí thư giao năm 2015 - 2016: *Huỳnh Thúc Kháng - Tiểu sử* do PGS.TS. Bùi Đình Phong làm Chủ nhiệm và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là cơ quan chủ trì.

Thực hiện quyết định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tháng 10-2015, Ban Biên soạn đề tài *Huỳnh Thúc Kháng - Tiểu sử* đã thu thập tư liệu và tổ chức hội thảo khoa học *Huỳnh Thúc Kháng - Quê hương, gia đình, tuổi trẻ* ở tỉnh Quảng Nam. Tháng 5-2016, đề tài đã tổ chức hội thảo khoa học ở Hà Nội với chủ đề *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam.* Trong hai năm 2015 và 2016, đề tài cũng đã tổ chức sưu tầm tư liệu ở các cơ quan lưu trữ ở Hà Nội và các bộ, ban, ngành có liên quan.

Để hoàn thành công trình, Ban Chủ nhiệm đề tài và Ban Biên soạn đã kế thừa thành tựu nghiên cứu của những tác giả đi trước như: *Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh*

và Huỳnh Thúc Kháng tổ chức tại Đà Nẵng, ngày 8 và 9-9-1992; *Lễ kỷ niệm 120 năm ngày sinh nhà yêu nước Huỳnh Thúc Kháng* tổ chức tại Hà Nội, ngày 1-10-1996; *Hội thảo khoa học Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)* tổ chức tại huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, tháng 4-2012.

Mặc dù đã có công trình của các tác giả như Nguyễn Q. Thắng, Chương Thâu, Phạm Ngô Minh, Vương Đình Quan, đặc biệt một số hoạt động sử học có sự tham gia chủ trì của Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Chủ tịch danh dự của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, cũng là một nhân chứng quan trọng của lịch sử, đã có thời gian làm việc dưới quyền của Huỳnh Thúc Kháng, nhưng viết tiểu sử Huỳnh Thúc Kháng - một chí sĩ yêu nước nổi tiếng, nhà hoạt động chính trị, văn hóa xuất sắc, vị lãnh đạo mẫu mực của Nhà nước là một công việc khó khăn. Vì vậy, công trình khó tránh khỏi hạn chế, thiếu sót. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến tâm huyết, những nhận thức mới của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu lý luận, hoạt động thực tiễn để công trình có chất lượng tốt hơn.

Nhân dịp công trình hoàn thành, Ban Biên soạn chân thành cảm ơn Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo và Ban Chủ nhiệm Chương trình và cơ quan chủ trì Chương trình là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã chỉ đạo sâu sát, kịp thời thực hiện nhiệm vụ viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và cách mạng Việt Nam.

Chúng tôi cũng thực sự cảm ơn Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam; Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Phước; các trung tâm lưu trữ tư liệu, Bảo tàng Hồ Chí Minh và nhiều cơ quan, bộ, ban, ngành khác đã tạo điều kiện cung cấp tư liệu, hợp tác, góp nhiều ý kiến quý báu để chúng tôi hoàn thành công trình này. Ban Biên soạn trân trọng cảm ơn các nhà khoa học trong và ngoài Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã góp nhiều ý kiến có chất lượng cho công trình.

T/M BAN BIÊN SOẠN
Chủ biên

PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG

Chương 1

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1876 - 1904)

1. Quê hương Huỳnh Thúc Kháng

Huỳnh Thúc Kháng sinh ngày 1-10-1876[1], tại làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình, nay là Thôn 1, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo gốc nông dân, tên thật lúc thiếu thời là Huỳnh Văn Thước, lớn lên đi học lấy tên Huỳnh Hanh, tự Giới Sanh, hiệu Mính Viên[2]. Huỳnh Thúc Kháng

---

1. Trong Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ* (*Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để*), Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000, tr. 11, Huỳnh Thúc Kháng viết: "Tôi sinh tháng 10 năm Tự Đức 29 (Bính Tý 1876)". Theo các tài liệu công bố gần đây, Huỳnh Thúc Kháng sinh ngày 1-10-1876.

2. Sau này khi viết báo, Huỳnh Thúc Kháng còn lấy nhiều biệt danh khác như Sử Bình Tử, Khách Quan, Chuông Mai, Tha Sơn Thạch, Khỉ Ưu Sinh, Xà Túc Tử, Ưu Thời Khách, Ngu Sơn, Hải Âu, Điền Dân, Thức Tự Dân, Hà Hử Nhân, v.v..

sinh ra và lớn lên trên quê hương Quảng Nam, vùng đất "địa linh nhân kiệt", có truyền thống yêu nước, hiếu học và cách mạng.

Quảng Nam là một tỉnh thuộc miền Trung Việt Nam. Trước và sau khi trở thành chính danh, có hình thế như hiện nay trên bản đồ nước Việt Nam, tỉnh Quảng Nam đã trải qua một quá trình lịch sử lâu đời với nhiều tên gọi khác nhau. Tỉnh Quảng Nam giáp với tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng ở phía bắc; giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa ở phía nam; chung biên giới với nước Lào ở phía tây. Với vị thế tự nhiên núi sông hùng vĩ, tỉnh Quảng Nam, hướng trước mặt là Biển Đông với nhiều cù lao và quần đảo nổi, chìm như Cù lao Chàm; bờ biển dài, có nhiều cảng biển và vịnh nước sâu; sau lưng là vùng gò đồi nhấp nhô, tiếp giáp với núi cao, rừng rậm thuộc dãy Trường Sơn. Sông, suối chảy qua tỉnh bắt nguồn từ dãy Trường Sơn, lớn nhất là sông Thu Bồn với nhiều nhánh, nhiều phân lưu đổ dồn xuôi về biển.

Khí hậu Quảng Nam khắc nghiệt, mưa nắng, bão lụt thất thường, không theo quy luật bốn mùa. Đất trồng trọt không nhiều, lại kém màu mỡ. Nguồn tài nguyên khoáng sản trong lòng đất tuy có một số rất có giá trị như vàng, đồng, kẽm, thiếc, than, nhưng trữ lượng không lớn. Rừng già, gỗ quý vốn là tài nguyên có giá trị lâu đời, nhưng bị bom đạn, chất hóa học trong

chiến tranh của đế quốc Mỹ tàn phá và cạn kiệt dần cùng với năm tháng. Tuy có nhiều khó khăn, thiếu thốn do điều kiện tự nhiên, nhưng Quảng Nam được bù đắp lại bởi những giá trị lớn lao, quý báu về truyền thống lịch sử, văn hóa mà con người nơi đây qua bao thế hệ đã dựng xây, bồi đắp nên.

Quảng Nam là vùng đất thơ mộng, con người giàu cảm xúc, giàu tiềm năng văn học và nghệ thuật, là đất hiếu học có nhiều nhà khoa bảng danh tiếng trước và cùng thời với Huỳnh Thúc Kháng như Đỗ Thúc Tịnh[1], Phạm Phú Thứ[2], Trần Văn Dư[3], Nguyễn Duy Hiệu[4],

---

1. Đỗ Thúc Tịnh (1818 - 1862), quê làng La Châu, huyện Hòa Vang, phủ Điện Bàn (nay thuộc xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng), đỗ Cử nhân năm 1846 và Tiến sĩ năm 1848.

2. Phạm Phú Thứ (1821 - 1882), quê làng Đông Bàn, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay thuộc xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Ông có tên thật Phạm Hào, đỗ Tiến sĩ được vua Thiệu Trị đổi tên Phú Thứ, là đại thần nhà Nguyễn, có quan điểm canh tân đất nước trong những năm cuối thế kỷ XIX.

3. Trần Văn Dư (1839 - 1885), quê làng An Mỹ Tây, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình (nay thuộc xã Tam An, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam), đỗ Cử nhân năm 1868 và đỗ Tiến sĩ năm 1875, làm quan triều Nguyễn. Ông là người yêu nước, hưởng ứng phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp.

4. Nguyễn Duy Hiệu (1847 - 1887), quê làng Thanh Hà, huyện Duyên Phúc (nay thuộc xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam); đỗ Cử nhân năm 1876, Phó bảng năm 1879; hưởng ứng phong trào Cần Vương, cùng Trần Văn Dư lập Nghĩa hội Quảng Nam chống Pháp ở Quảng Nam.

Phan Châu Trinh[1], Trần Quý Cáp[2], v.v.. Các nhà khoa bảng đó đều là những bậc chí sĩ yêu nước, những nhà hoạt động nổi tiếng trong các phong trào yêu nước ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX. Trong số đó có những người là bạn hữu cùng thời mà Huỳnh Thúc Kháng hết sức ngưỡng mộ.

Từ cuối thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, Quảng Nam là một trong những mảnh đất đi tiên phong trong phong trào yêu nước chống xâm lược. Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha do Đô đốc Rigôn Đờ Giơnuiy (Rigauly de Genouilly) chỉ huy đã bắn đại bác vào cửa biển Đà Nẵng và đổ quân lên bán đảo Sơn Trà mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta của bọn thực dân phương Tây. Âm mưu của quân Pháp là nhanh chóng đánh chiếm Đà Nẵng để từ đó uy hiếp triều đình Huế. Nhưng âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp đã bị thất bại. Cũng chính trên cửa biển Đà Nẵng và bán

---

1. Phan Châu Trinh (1872 - 1926), hiệu Tây Hồ Hy Mã, tự Tử Cán, là nhà chí sĩ, nhà thơ, nhà văn, quê làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam); đỗ Cử nhân năm 1900, Phó bảng năm 1901.

2. Trần Quý Cáp (1870 - 1908), tự Dã Hoàng, Thích Phu, hiệu Thái Xuyên, quê thôn Thai La, làng Bất Nhị, Điện Bàn (nay thuộc xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Ông là một trong sáu học trò lỗi lạc của Đốc học Mã Sơn Trần Đình Phong tại trường Thanh Chiêm, cùng với Phạm Liệu, Nguyễn Đình Hiên, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Quang. Thi cử lận đận, năm 1903 đỗ Tú tài, năm 1904 thi hội, thi đình đỗ Tiến sĩ. Là chí sĩ yêu nước trong phong trào Duy tân.

đảo Sơn Trà, từ ngày 1-9-1858 đã diễn ra những trận chiến đấu quyết liệt đầu tiên ở các đồn lũy Nại Hiên Đông, Điện Hải và tiếp đến Mỹ Thị, Cẩm Lệ giữa chỉ huy, quân lính của triều đình nhà Nguyễn dưới thời vua Tự Đức, cùng nhân dân Quảng Nam anh dũng, nêu cao tinh thần dân tộc quyết tử chiến với 2.350 quân lính liên quân Pháp - Tây Ban Nha và 16 chiến hạm của các nước tư bản chủ nghĩa phát triển châu Âu.

Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược thực dân Pháp ở Quảng Nam đã nổi lên những gương mặt tiêu biểu như Lê Đình Lý[1], Nguyễn Tri Phương[2]. Trong cuộc

---

1. Lê Đình Lý (1790 - 1858), danh tướng nhà Nguyễn, quê Phù Mỹ, tỉnh Bình Định, xuất thân nhà nghèo, đầu quân nhà Nguyễn năm 1829, từng trấn giữ Định Biên, An Giang. Ông có công trong việc đánh đuổi quân Chân Lạp ở Châu Đốc, Hà Tiên. Năm 1851, được vua Tự Đức phong làm Thống chế; năm 1858, thăng chức Đô thống phủ Chưởng phủ sự. Khi quân Pháp bắn phá cửa biển Đà Nẵng, ông được sung làm Tổng thống tiễu bộ quân vụ đại thần, mang quân đi chống cự. Trong trận Cẩm Lệ ông bị trúng đạn trọng thương, được đưa về quê nhà chữa trị vài hôm thì mất.

2. Nguyễn Tri Phương (1800 - 1873), tên thật Nguyễn Văn Chương, tự Hàm Trinh, một đại thần danh tướng triều Nguyễn. Ông quê làng Chí Long, xã Điền Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông xuất thân trong một gia đình làm ruộng, nghèo khổ, song ý chí tự lập lớn, được các vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức tin dùng. Ông có công trong việc bình định Nam Kỳ, giữ chức Tổng đốc An Hà (An Giang - Hà Tiên), Khâm sai Tổng thống quân vụ đại thần lục tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên. Là Tổng chỉ huy quân đội triều đình nhà Nguyễn chống quân Pháp ở ba mặt trận Đà Nẵng (năm 1858), Gia Định (năm 1861), Hà Nội (năm 1873).

tập kích vào bán đảo Sơn Trà, tuy chiếm được đất nhưng quân Pháp cũng phải khiếp sợ trước tinh thần dũng cảm của quân và dân Đà Nẵng. Đó là chiến công oanh liệt đáng tự hào đầu tiên của nhân dân Quảng Nam trong phong trào chống thực dân Pháp xâm lược giữa thế kỷ XIX, được Đốc học Phạm Văn Nghị người Nam Định lập đội nghĩa quân vào Đà Nẵng chiến đấu, ca ngợi trong bài thơ *Thoái lỗ ca* (Bài ca lui giặc):

"Sĩ dân đó, núi sông đây
Muôn năm bền vững nước non này
Giặc Tây sao dám phạm bờ cõi
Chẳng mấy gươm trời quét sạch bay"[1].

Gần 30 năm sau sự kiện đó, nhân dân Quảng Nam lại dấy lên phong trào *Nghĩa hội Quảng Nam*, khi quân Pháp tấn công cửa biển Thuận An tiến vào Kinh đô Huế (năm 1883) và triều đình nhà Nguyễn ký Hiệp ước Quý Mùi (Hiệp ước Hácmăng) (ngày 25-8-1883) và Hiệp ước Giáp Thân (Hiệp ước Patơnốt) (ngày 6-6-1884) đầu hàng dâng nước Đại Nam cho Pháp.

Từ năm 1885 trở đi, ngọn cờ chống thực dân Pháp nằm trong tay các văn thân sĩ phu yêu nước. Hưởng ứng chiếu Cần vương, tháng 9-1885, *Nghĩa hội Quảng Nam*

1. Phạm Văn Nghị: "Thoái lỗ ca", Nguyễn Văn Huyền dịch, in trong Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.32.

được thành lập do Trần Văn Dư làm Hội chủ cùng với các chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến, Trần Đỉnh, Nguyễn Thành, Nguyễn Hanh, Ông Ích Khiêm. *Nghĩa hội Quảng Nam* tổ chức lực lượng chống thực dân Pháp hết sức quyết liệt từ tháng 7-1885 đến tháng 7-1887 thì chấm dứt. *Nghĩa hội Quảng Nam* đi vào lịch sử dân tộc nói chung, lịch sử xứ Quảng nói riêng như là một trong những sự kiện tiêu biểu nhất của phong trào đấu tranh chống áp bức, xâm lược cuối thế kỷ XIX.

Ở một khía cạnh khác, xứ Quảng bộc lộ rõ nét cốt cách, tình cảm của con người vùng đất đan xen sự khắc nghiệt của thiên nhiên "sơn lam chướng khí" với sự trù phú, sầm uất. Đó là "sự vươn lên của tâm hồn, tinh thần bất khuất, đức tính chịu khó, hăng hái làm việc nghĩa, rất can đảm, sẵn sàng hy sinh đấu tranh chống những thế lực đàn áp. Thật thà, chất phác, cương trực, khảng khái... là những đức tính gắn liền với những cuộc đấu tranh để chống mọi bất công, bạo tàn. Nhưng tất cả đều trầm lặng mà không buông tay đầu hàng. Đó là cái trầm lặng của con người nghĩ nhiều, cảm nhiều, hành động nhiều và gặp trường hợp cũng biết nói lớn. Cái cá tính ấy thể hiện qua tâm tư thì ít, mà trái lại qua hành động thì vô cùng phong phú. Người xứ Quảng rất giàu tình cảm, nhưng không bộc lộ ồn ào mà lại thầm kín, bền chặt. Họ rất giản dị, thiết thực, thẳng thắn, chân thành và rất giàu nghị lực. Đó là mẫu người có ý chí kiên quyết, có con tim hào hùng. Sống giữa quê hương đó với tâm hồn và đức tính ấy, họ không khỏi rung động một cách thiết tha, nhưng cũng rất kín đáo,

trầm lặng. Huỳnh Thúc Kháng dầu muốn dầu không cũng không thể nào thoát ra khỏi căn cơ đó"[1].

Những công trình nghiên cứu gần đây đã nói đến "chất Quảng Nam" trong con người cụ Huỳnh. Đó là "người xứ Quảng luôn tự hào và hãnh diện với các danh xưng "Ngũ Phụng Tề Phi", "Lục Phụng Tề Phi"[2]. Con người Quảng Nam trung thực thẳng thắn, khảng khái và nhạy cảm với cái mới, điềm đạm, sốt sắng việc công và đầy khí phách. Quảng Nam biết cãi nên hay cãi. Đó là một di sản văn hóa, một tính cách đáng yêu. "Cãi" của Quảng Nam là trí tuệ và trách nhiệm[3]. Huỳnh Thúc Kháng đã hấp thụ, kế thừa và phát triển những truyền thống tốt đẹp đó của xứ Quảng. Những di sản tinh thần của quê hương Quảng Nam được Huỳnh Thúc Kháng làm cho đậm đà hơn, có chất lượng cao hơn, mang sức sống trường tồn.

Huyện Tiên Phước là quê nhà của Huỳnh Thúc Kháng, ở phía tây tỉnh Quảng Nam[4], là vùng trung du gò đồi,

---

1. Xem Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.31.

2. Đó là Phạm Phú Thứ (Tiến sĩ), Phan Châu Trinh, Nguyễn Duy Liệu (Phó bảng), Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng (Tiến sĩ), Phạm Như Xương (Hoàng giáp).

3. Xem Phạm Ngọc Sinh: ""Chất Quảng Nam" trong con người cụ Huỳnh", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.28-37.

4. Huyện Tiên Phước ngày nay có vị trí nằm giữa các huyện Trà My (phía tây), Phú Ninh (phía đông), Núi Thành (phía nam), và huyện Hiệp Đức (phía bắc). Huyện Tiên Phước có diện tích đất tự nhiên là 45.322ha (năm 2001).

hoang sơ hẻo lánh, tiếp nối với núi cao, rừng rậm của dãy Trường Sơn. Địa hình huyện Tiên Phước có đặc trưng phức tạp, đa dạng, ruộng đồng phân tán, nhỏ hẹp chia thành ba vùng: vùng núi cao, vùng gò đồi, vùng đồng ruộng bậc thang. Khí hậu Tiên Phước khắc nghiệt, hết hạn hán đến mưa lũ. Cuộc sống nhân dân trong huyện luôn đói khổ vì bão lụt, mùa màng thất bát. Huyện Tiên Phước là vùng nghèo nhất của tỉnh Quảng Nam, được Huỳnh Thúc Kháng ví là "xứ Xibêri" của Quảng Nam.

Trong cái nôi truyền thống yêu nước, cách mạng chống đế quốc xâm lược và chống chế độ phong kiến lỗi thời theo ý nghĩa cách mạng "đổi cái cũ ra cái mới" của tỉnh Quảng Nam, huyện Tiên Phước là một trong số các huyện ở Quảng Nam sớm có truyền thống yêu nước, hăng hái tham gia cách mạng từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX. Được sinh ra, lớn lên đến tuổi thành niên, trong quãng thời gian đó, Huỳnh Thúc Kháng chịu ảnh hưởng, tác động của hoàn cảnh lịch sử và những biến cố diễn ra trên quê hương Quảng Nam, quê nhà huyện Tiên Phước.

Làng Thạnh Bình, xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, quê hương Huỳnh Thúc Kháng, được xem là vùng đất trung du "đặc biệt", trên có núi, dưới có sông, sỏi đá, khô cằn; thời tiết khá khắc nghiệt. Hoạt động kinh tế chủ yếu của người dân Thạnh Bình là nghề nông. Là vùng đất có truyền thống hiếu học, người dân Thạnh Bình luôn luôn tự hào là quê hương của hai dòng họ khoa bảng nổi tiếng:

"Huỳnh, Lê[1] hai họ anh em,
Đứng đầu khoa mục khá xem vài người"[2].

Thạnh Bình là vùng đất có truyền thống yêu nước chống ngoại xâm lâu đời. Từ năm 1858, khi thực dân Pháp nổ súng vào bán đảo Sơn Trà, Đà Nẵng, trong đoàn quân của Đề đốc Phạm Gia Vĩnh, có Lê Liễn người làng Thạnh Bình. Khi phong trào Cần Vương bùng nổ, một người con của Thạnh Bình là Lê Vĩnh Huy[3] trở thành tấm gương sáng trong các cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù.

Tất cả những yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử của xứ Quảng, trong đó có Tiên Phước, Thạnh Bình đã tạo ra "chất" trong con người Huỳnh Thúc Kháng: "Tôi, một anh học trò, gốc sanh trưởng nhà nông nghèo trong thôn quê, đã là cái hoàn cảnh phác dã, thô vụng, khô khan, quê kệch, gia dĩ đặc tính trời phú ham mê về sự học, nửa đời người tôi, ngoài thơ văn sách vở ra, gần như không có cái gì gọi là mỹ cảm"[4].

---

1. Lê Vĩnh Khanh (1819 - 1884) là người mở đầu khoa cử cho quê hương Tiên Phước với vị trí Giải nguyên năm 1843. Sau đó, ông đỗ Phó bảng năm Nhâm Thìn 1844, được triều đình Huế sung vào Hàn lâm viện và bổ nhiệm làm Tri huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

2. Đảng bộ huyện Tiên Phước: *Lịch sử đấu tranh cách mạng xã Tiên Cảnh (1858 - 1975)*, Quảng Nam, 2009, tr.23.

3. Lê Vĩnh Huy (1850 - 1916) là con trai của Lê Vĩnh Khanh. Ông tham gia nhiều phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp tại Quảng Nam, từ phong trào Cần Vương đến phong trào Duy tân, sau này là phong trào chống thuế ở Trung Kỳ.

4. Huỳnh Thúc Kháng: "Một vài cái mỹ cảm trong đời tôi", báo *Tiếng Dân*, số 1387, ngày 10-8-1939.

2. Gia đình và tuổi trẻ học đường Huỳnh Thúc Kháng

Cùng với truyền thống yêu nước, văn hóa của quê hương, những nhân tố tổ tiên, dòng họ, gia đình và tuổi trẻ học đường cũng có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển trong suốt cuộc đời của mỗi người có chí hướng.

Tổ tiên của dòng họ Huỳnh Thúc Kháng vốn là họ Hoàng ở miền Bắc[1], nhưng không rõ thuộc địa phương nào, vào lập nghiệp ở xứ Quảng khoảng cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, tức dưới triều đại nhà Trần, nhà hậu Lê; đến thời Nguyễn đổi sang họ Huỳnh vì kiêng tên húy chúa Nguyễn Hoàng. Dòng tộc Huỳnh Thúc Kháng rời quê hương bản quán ra đi theo lớp người vốn ở quê hương xứ sở không có hoặc ít ruộng đất, nên di dân vào xứ Quảng, khai khẩn đất đai, sinh sống bằng nghề nông làm ruộng đời này qua đời khác. Sau hơn 300 năm, đến thế kỷ XVIII thời vua Quang Trung, tiếp đến vua Gia Long (1802), vị Tằng tổ công họ Huỳnh húy Văn Xuyên ở làng Thạnh Bình, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình vẫn làm nghề cày ruộng, có đọc sách thánh hiền, lập địa bộ, trở thành dòng họ đông đúc, hiền hòa và được "liệt vào hương hiền"[2].

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd*, tr.7.

Theo *Gia phổ họ Huỳnh* ở Tiên Châu, huyện Tiên Phước và sách *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện*[1], ông tổ của Huỳnh Thúc Kháng có tên Huỳnh Văn Lập, người tiếp thu thành thạo thổ âm địa phương, trở thành nhà nông hào vào hàng vọng tộc trong làng, được nhiều người mến mộ.

Thân phụ Huỳnh Thúc Kháng tên là Huỳnh Văn Phương, tự Tấn Hữu, tiếp nối mấy đời thuần nhiên nhà nông khuôn mẫu. Song mẹ của Huỳnh Tấn Hữu là người họ Lê, có người trong họ của bà là Lê Minh Khanh, khoa Canh Tý triều Minh Mệnh đỗ Hương thí; kế đến năm Quý Mão đời Thiệu Trị đỗ Giải nguyên; năm Giáp Thìn đỗ Phó bảng, làm quan đến chức tri phủ và là người mở mốc khoa giáp trong làng. Thuở nhỏ Huỳnh Tấn Hữu được cha mẹ mời thầy dạy chữ Hán, chữ Nôm, nên lớn lên cũng luôn hâm mộ cái vinh hoa của thi cử, được gia đình cho đi các nơi theo học và rất chăm chỉ nghiệp đèn sách. Trong vùng lúc đó có thầy Nguyễn Đình Tựu[2] dạy học ở hai làng Tây Lộc, Phú Thị,

---

1. Tập Niên phổ (Niên biểu) viết bằng chữ Hán được ông Anh Minh (Ngô Thành Nhân) dịch và được xuất bản ở Huế năm 1963, dày 56 trang, khổ 14,5x21cm. Tên sách *Huỳnh Thúc Kháng tự truyện* do ông Anh Minh đặt với mong muốn "cho xác thiết hơn". Tập sách này, Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng viết lần lượt từng năm, từ lúc 8 tuổi đến năm 67 tuổi.

2. Nguyễn Đình Tựu (1828 - 1888), tự Doãn Ngũ, hiệu Vọng Chi. Ông đỗ tú tài (1861), đỗ Phó bảng (1868), giữ chức Tế tửu trường Quốc Tử Giám, anh ruột bà Nguyễn Thị Tình, mẹ Huỳnh Thúc Kháng.

được học trò theo học tấp nập. Huỳnh Tấn Hữu được cha mẹ cho học lớp của thầy Nguyễn Đình Tựu và được thầy hứa gả cho người em gái ruột. Sau đó, Huỳnh Tấn Hữu còn học nhiều trường tỉnh, bén chân đến Quốc giám ở kinh sư Huế và nhiều lần lều chõng đi thi, nhưng đường khoa cử lận đận, không đạt kết quả. Từ ấy, ông trở về yên tâm trọn đời với nghề cày ruộng theo nghiệp của ông cha, xây dựng gia đình, nhưng vẫn đọc sách như một nhà nho nông dân biết chữ để khuyên dạy con cái trong nhà và đàn trẻ trong làng.

Mẹ của Huỳnh Thúc Kháng là bà Nguyễn Thị Tình người làng Hội An. Cha mẹ gia đình bà cư ngụ ở làng Phú Thị, phủ Hà Đông (nay là thôn Hội An, xã Tiên Châu, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam). Dòng họ của bà có nhiều người học giỏi, sĩ tử lều chõng đi thi trong chế độ khoa trường phong kiến.

Như vậy, tổ tiên, dòng họ nhiều đời và gia đình cha mẹ của Huỳnh Thúc Kháng sinh sống ở nông thôn, nhiều đời làm ruộng, không giàu của cải. Tuy nhiên, các làng Thạnh Bình, Hội An và Phú Thị là đất hiếu học, có nhiều người rời nhà đi học những nơi xa trong huyện, phủ, trong tỉnh, vùng miền và thi cử đỗ đạt cao.

Ông bà Huỳnh Tấn Hữu và Nguyễn Thị Tình sinh năm người con trai (Huỳnh Văn Phụng (tức Huỳnh Nghi), Huỳnh Văn Lân, Huỳnh Văn Thước (tức Huỳnh Hanh, Huỳnh Thúc Kháng), Huỳnh Văn Tước và Huỳnh Văn Hạc)

và ba người con gái (Thị Loan, Thị Duật, Thị Cưu). Khi bà Nguyễn Thị Tình mất, bố lấy thứ mẫu là Lê Thị Quyên, sinh một con trai là Văn Ong[1]. Người con trai đầu Huỳnh Nghi được cha mẹ cho đi học cùng với người anh thúc bá Huỳnh Doanh nổi danh thông minh, hay chữ nhưng thi hỏng, về sau làm chánh tổng. Lớn lên Huỳnh Nghi theo học cậu[2] Nguyễn Công Tế Tửu, học trường tỉnh và trường Quốc giám vài năm. Huỳnh Nghi học tiến bộ, song vì nhà nghèo, lại bị bệnh đậu mùa, nên đã qua đời lúc 19 tuổi. Người con trai thứ hai và hai người con trai sau của ông Tấn Hữu và bà Tình cũng mất sớm vì bệnh đậu mùa. Chỉ còn Huỳnh Văn Thước, chính là Huỳnh Thúc Kháng, cùng các chị em gái trưởng thành, có gia thất.

Huỳnh Văn Thước là con thứ ba trong gia đình, từ nhỏ tỏ ra thông minh, sáng dạ, ham hiểu biết. Thấy thế, cha mẹ rất mừng, vì là người hâm mộ Nho học, nên tuy cảnh nhà nghèo khổ, ông bà thân sinh vẫn cố hết sức cho các con đi học với lòng mong ước các con thành danh trong cuộc đời nghiên bút.

---

1. Nguyễn Tiến: "Thời niên thiếu của cụ Huỳnh Thúc Kháng", trong sách Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Đà Nẵng, 1993, tr.237.

2. Theo cách gọi địa phương, các anh và em trai ruột của mẹ được gọi là cậu cùng với số thứ tự được sinh ra trong gia đình.

Lên 8 tuổi, vào năm Tự Đức thứ 36 - Quý Mùi 1883[1], với mong muốn cho con học hành, thi cử thông suốt, cha mẹ đặt tên Huỳnh Hanh thay tên Thước và bắt đầu cho đi học đình huấn.

Lên 9 tuổi, vào năm Kiến Phúc nguyên niên - Giáp Thân 1884, giữa lúc triều đình ký Hiệp ước Giáp Thân (Hiệp ước Patơnốt) đầu hàng Pháp, theo nghiêm mệnh của cha mẹ, Huỳnh Hanh cùng anh cả Huỳnh Nghi đến ở nhà ông bà ngoại tại làng Phú Thị, học vỡ lòng cùng lớp với anh Nguyễn Chuẩn hơn 2 tuổi là con thứ của cậu ruột Nguyễn Đình Tựu. Chưa được bao lâu, cậu Nguyễn Đình Tựu có chiếu chỉ bổ Tế Tửu trường Quốc Tử giám. Anh cả Huỳnh Nghi được người cậu đưa vào học trường Quốc Tử giám, còn Huỳnh Hanh trở về nhà với cha mẹ và học tại trường trong làng.

Năm Hàm Nghi nguyên niên - Ất Dậu 1885, Huỳnh Hanh 10 tuổi, học chữ Hán (còn gọi chữ Nho), chữ Hán - Việt (chữ Nôm) với thầy dạy trong làng. Đó là thầy Nguyễn Tiến, một đồ nho người Hà Tĩnh, cư ngụ trong làng Thạnh Bình, tổng Tiên Giang đã vài mươi năm, sau ngày Huỳnh Hanh thi đậu thì thầy Nguyễn Tiến trở về quê nhà. Những năm cuối thế kỷ XIX, ở nước ta, việc học chữ Hán còn thịnh hành. Mỗi ngày, mỗi đêm Huỳnh Hanh

---

1. Huỳnh Hanh sinh năm 1876 đến năm 1883 lên 8 tuổi là cách tính tuổi cộng thêm một tuổi "Mụ Bà", tức là tuổi khi còn trong bụng mẹ.

đọc sách có gia nghiêm kèm dạy cho vần bằng, vần trắc và cách viết ngang ngay sổ thẳng, cùng làm văn câu đối. Ngay lúc đó, Huỳnh Hanh đã tỏ rõ "tánh hơi thông minh"[1] như về sau Huỳnh Thúc Kháng tự nhận. Nhà nghèo không có tiền mua sách, nhưng đọc sách nào thì nhớ quyển ấy không sót một chữ. Đến một ngày kiểm tra lực học, thầy dạy ra câu đối: "Vị thiên cái cao, vị địa cái hậu". Huỳnh Hanh liền đối: "Như hỏa ích nhiệt, như thủy ích thâm", được thầy khen hay đáo để. Ở trường làng mỗi tháng đến ngày ôn luyện viết ám tả (chính tả), bài của Huỳnh Hanh thường hay và chữ đẹp hơn bài của các bạn cùng lớp học.

Năm 1885, Kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuất bôn. Đúng lúc người anh cả Huỳnh Nghi và người anh họ Huỳnh Doanh học tại trường Quốc Tử giám vào kỳ thi Hương. Sĩ tử khắp nơi đổ về Kinh sư rất đông, nhưng chưa kịp ngày thi thì ngày 23 tháng Năm năm Ất Dậu (tức ngày 5-7-1885), binh hỏa đã bùng phát do đại thần Tôn Thất Thuyết chủ động tiến công quân Pháp ở Kinh thành Huế và đồn Mang Cá. Kinh thành Huế náo loạn. Sĩ tử ai nấy tự mình lo chạy nạn thoát thân, không còn lo nghĩ gì đến chuyện thi cử. Khi Huỳnh Nghi và người anh họ Huỳnh Doanh từ Kinh thành Huế chạy về làng Thạnh Bình sống với gia đình, bà con họ hàng, làng xóm

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.9.

đến hỏi han việc học hành, thi cử. Huỳnh Nghi đã thuật lại việc Tôn Thất Thuyết phò vua Hàm Nghi ra Sơn phòng Tân Sở (Cam Lộ, Quảng Trị). Vua Hàm Nghi ban chiếu Cần vương cứu nước. Còn Quận công Nguyễn Văn Tường vào Giáo đường Kim Long, yêu cầu lui quân để giảng hòa với quân Pháp. Quan huyện Hà Đông, Tiến sĩ Nguyễn Công Thích, lúc đó ở lại Kinh thành, không kịp di tản nên bị nạn. Tam cung quay xa giá về Thọ Xuân nhiếp chính ngôi Vương. Huỳnh Hanh đứng gần cạnh người anh, nghe những chuyện đó trong lòng rất cảm động và in sâu vào trí não cho mãi về sau không quên.

Cùng thời gian đó, Hội chủ Nghĩa hội Quảng Nam[1] Trần Văn Dư cho quân lính đánh chiếm lại đồn Trà My, gần huyện Hà Đông quê của Huỳnh Hanh. Mấy vạn dân binh trong vùng đổ xô về bao vây dinh tỉnh thành La Qua và chiếm đóng dinh tỉnh Quảng Nam. Lúc đó, Huỳnh Hanh nhỏ tuổi chưa hiểu thế sự, nhưng vẫn mường tượng sự tàn ác của bọn người da trắng.

Năm Huỳnh Hanh 11 tuổi, là năm Đồng Khánh thứ nhất (Bính Tuất - 1886), cậu Nguyễn Đình Tựu được chiếu chỉ bổ Sơn phòng sứ tỉnh Quảng Nam, đóng tại làng Dương Yên gần nguồn Trà My, thay cho Sơn phòng sứ Trần Văn Dư được đổi làm Bố chánh tỉnh Bình Thuận.

---

1. Sau khi Vua Hàm Nghi ban chiếu Cần vương, Trần Văn Dư họp bàn cùng Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Thành, Phan Bá Phiến... thành lập Nghĩa hội Quảng Nam do ông làm Hội chủ.

Ông Trần Văn Dư người làng An Mỹ, huyện Hà Đông (tức Tam Kỳ) đỗ Tiến sĩ khoa Ất Hợi, Phụ đạo Chiên Đàn, con rể ông Nguyễn Văn Dục. Ông Trần Văn Dư tỏ ý không chịu nhận chiếu chỉ, nhưng cũng bàn giao công việc rồi bỏ về nhà. Lúc ấy, chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi rúng động khắp toàn quốc, quan quân khắp tỉnh mưu hội binh khởi nghĩa. Ông Trần Văn Dư, ông Nguyễn Duy Hiệu (người làng Thanh Hà, phủ Điện Bàn, đỗ Phó bảng khoa Kỷ Mão, làm quan Hồng lô) đã nghe theo lệnh ấy. Sau đó tỉnh lỵ Quảng Nam cùng Sơn phòng bị nghĩa quân đánh chiếm trong một ngày. Tuần vũ Nguyễn Văn Ngoạn người Quảng Ngãi giao thành cho nghĩa quân rồi bỏ về nhà. Nguyễn Đình Tựu ở Sơn phòng cũng bỏ về quê lánh việc vài tuần. Nhưng không lâu sau đó, nghĩa quân bị quân của triều đình và quân Pháp đánh phá. Trần Văn Dư biết không thể chống giữ, lén trốn định về Kinh thành nhận tội. Đi qua tỉnh lỵ, Trần Văn Dư vào yết kiến viên Tuần vũ Châu Đình Kế, bị quan tỉnh này đối đãi như tướng phản nghịch. Trần Văn Dư không chịu khuất phục, mắng chửi lại, bị quan tỉnh báo cho quân Pháp bắt đưa ra xử trảm[1]. Nhưng Nghĩa hội Quảng Nam vẫn tiếp tục hoạt động do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo. Hai anh em Huỳnh Nghi

1. Xem Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr. 13-14.

và Huỳnh Hanh tiếp tục ở nhà ông bà ngoại học tập. Cậu Nguyễn Đình Tựu (Nguyễn Công Tế Tửu) dạy Kinh thi cho Huỳnh Hanh và học thuộc làu Thập ngũ Quốc phong cùng Nhã, Tụng. Huỳnh Hanh được ông Tế thương vì thông minh. Nguồn gốc học thông thuộc Kinh thi của Huỳnh Hanh xuất phát từ những ngày tháng đó.

Năm Đồng Khánh thứ hai (Đinh Hợi 1887), Huỳnh Hanh 12 tuổi. Nghĩa hội Quảng Nam do Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo đặt *Tân tỉnh*[1] tại làng Trung Phước, huyện Quế Sơn. Các xã thôn miền xuôi, miền ngược đều lập nghĩa quân, thanh thế lên cao, giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Nhưng do lợi thế về quân đông, vũ khí tốt, quân Pháp đã đánh dẹp được các lực lượng nghĩa quân. Trước khi giải tán Nghĩa hội, Hội chủ Nguyễn Duy Hiệu ra lệnh buộc dân chúng triệt phá hết nhà cửa. Nhà ông quan Sơn phòng Nguyễn Đình Tựu cũng bị triệt phá như mọi nhà khác, vì khi quân triều đình đến đánh phá Nghĩa hội có đồn trú tại nhà ông Nguyễn Đình Tựu. Ông Tế thôi dạy học về nguyên quán làng Hội An lánh nạn.

Huỳnh Hanh phải nghỉ học, cùng bạn nhỏ trong làng tập côn kiếm và các môn võ thuật. Vốn bẩm sinh gầy yếu, nhưng động tác lanh lẹ, lại hay nhẫn nại, chịu

---

1. *Tân tỉnh* với ý nghĩa là một tỉnh lỵ mới, một hậu cứ làm nơi thiết lập một chính quyền của lực lượng khởi nghĩa.

đựng được kham khổ, nên cũng học được ít nghề võ thuật. Lúc ấy, quan binh triều đình và quân Pháp hay đến đánh phá bất ngờ, nghĩa quân triệt hạ lán trại, thu giấu của cải, tiền bạc trong hang núi, dân làng cũng làm lán trại ở tạm trong núi. Gia đình Huỳnh Hanh sơ tán vào rừng núi, chỉ có người cha và người anh cả thỉnh thoảng đi đi, về về trong làng để tìm kiếm lương thực, còn mẹ và anh chị em Huỳnh Hanh ở luôn trong trại núi trải qua mấy tháng. Hằng ngày, ngoài những lúc giúp đỡ mẹ công việc nhà, Huỳnh Hanh thường cùng bạn bè chăn trâu, đùa chơi, đi câu cá trong khe suối, không còn tâm trí nghĩ đến bút nghiên, sách vở.

Tháng 6-1887, Tiễu phủ Nguyễn Thân cùng Tán tương Lê Khiết đóng đại đồn tại làng Đại Đồng thuộc tổng Vĩnh Quý, phái binh thừa lúc đêm tối đến đánh úp đồn An Lâm ở miền núi Thăng Bình (thuộc huyện Tiên Phước ngày nay), căn cứ cuối cùng của Nghĩa hội. Ông Nguyễn Duy Hiệu cùng binh lính cận vệ thoát nạn, không lâu sau đó bị bắt, còn ông Phan Bá Hiến (Án Hổ) uống thuốc độc quyên sinh. Khi ông Nguyễn Duy Hiệu bị quân triều đình và quân Pháp bắt, xử chém, phong trào Nghĩa hội nổi dậy trong tỉnh Quảng Nam mới hoàn toàn bị dập tắt.

Nghĩa hội tan rã, nhưng những người theo Nghĩa đảng vẫn trốn tránh không công khai ra hoạt động. Khi ông Nguyễn Đình Tựu có lời kêu gọi, đa số môn đồ trong Nghĩa đảng mới lục tục trở lại, quan dân yên ổn.

Tháng 7-1887, do nạn đói kém, mùa màng thất bát, nhiều người dân làng Thạnh Bình chết vì bệnh đậu mùa. Gia đình ông Tấn Hữu, bà Tình ở núi kéo về làng, chui đụt trong túp lều tranh làm tạm bợ, vì ngôi nhà cũ của gia đình đã bị triệt phá. Anh con cả nhà ông Tấn Hữu là Huỳnh Nghi bị bệnh đậu mùa nặng, cả gia đình rất lo lắng. Không có tiền mua thuốc chạy chữa, ngày 25-8-1887, Huỳnh Nghi qua đời lúc 19 tuổi, cả gia đình rất đau buồn. Nguyễn Văn Bá, chồng của chị gái Huỳnh Hanh cũng mất vì bệnh đậu mùa. Kế đến người anh thứ hai và hai em trai của Huỳnh Hanh cũng bị nhiễm bệnh không khỏi. Ngày 13-9-1887, mẹ của Huỳnh Hanh qua đời. Huỳnh Hanh và bốn chị em gái vì mắc bệnh nhẹ nên qua khỏi. Suốt ba năm liền: năm Ất Dậu 1885, năm Bính Tuất 1886, năm Đinh Hợi 1887, hoàn cảnh bách biến, gia tình ngàn mối, lại thêm dịch bệnh tang tóc, đau thương, ông Huỳnh Tấn Hữu phải một mình một bóng đương đầu với cảnh khổ đớn đau ấy, ra sức chỉ trì chèo chống. Sau khi mẹ và anh cả mất, cha đã già yếu, Huỳnh Hanh vừa đi học, vừa làm công việc nhà, công việc đồng áng nặng nhọc với bao vất vả của người con trụ cột trong gia đình. Mới 12 tuổi, Huỳnh Hanh đã trải qua đủ mùi cay đắng. Tuy vậy, gia đình phải chịu đựng và sẵn sàng hy sinh tất cả cho cậu Hanh được học thành danh. Đã đến lúc học trò nghèo Huỳnh Hanh phải thoát ly hẳn công việc đồng áng để học trường huyện chuẩn bị cho kỳ khảo hạch trong huyện và khoa thi hương sắp tới.

Mấy chục năm sau ngồi ghi lại cảnh khốn khó của cha mẹ gia đình hồi ấy trong cuốn biên niên cuộc đời, nhớ lại câu "Ai ai phụ mẫu sinh ngã cù lao" (thương xót thay cho mẹ, sinh ta khó nhọc), bất giác Huỳnh Thúc Kháng nước mắt nhỏ ròng. Hoàn cảnh khó khăn của gia đình đã giúp cho Huỳnh Hanh sớm có ý chí tự lập, lao động, học tập với một nghị lực lớn và tiếp sau đó "trải trên hai mươi năm như một ngày, theo khuôn khổ nghiêm huấn không lúc nào sai"[1].

Năm Mậu Tý 1888, tức năm Đồng Khánh thứ 3, Huỳnh Hanh 13 tuổi. Ông Nguyễn Đình Tựu được bổ làm Đốc học tỉnh Quảng Nam, vì được sĩ phu để ý vả lại không dính vào việc Nghĩa đảng. Một người cậu thứ của Huỳnh Hanh là Nguyễn Hướng cũng được bổ làm Bang biện huyện Hà Đông. Năm ấy đúng kỳ thi Hương, theo lệ các sĩ tử ứng thí phải do huyện khảo hạch trước, sau phải qua tỉnh phúc duyệt, trúng tuyển mới được vào danh sách thi. Ngày phúc duyệt tại trường tỉnh vào rằm tháng Giêng, trước kỳ nạp quyển cho đến ngày ứng phúc, thấy phía trong và bên ngoài trường tỉnh rộng độ một mẫu, sĩ tử cùng người đi xem thi đứng quanh trước giảng đường chẳng khác nào họp chợ. Sáng sớm hôm sau, thí sinh vào trong khuôn rào trường lĩnh quyển, làm bài tới chiều lại vào giảng đường nạp quyển. Một tháng sau đến Rằm

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.9.

tháng Hai, treo bảng người nào trúng tuyển tỏ vẻ dương dương, tự đắc; người nào không thấy tên mình trên bảng, tỏ ra buồn rầu. Cảnh tượng thi cử trước mắt đó in sâu vào đầu Huỳnh Hanh không thể quên. Những người trúng tuyển phải do trường tỉnh nạp quyển. Quyển thi cùng với danh sách được gửi về Kinh sư, nạp tại trường Quốc Tử giám. Bốn tỉnh từ Quảng Nam ra đến Quảng Bình, sĩ tử thuộc trường Thừa Thiên, đều nạp quyển và danh sách trước ở Quốc Tử giám, sau mới gửi nạp ở Bộ Lễ. Tháng Tư sĩ tử vào thi, đến tháng Năm công bố kết quả và có những tân khoa cử nhân, tú tài lục tục về trường tỉnh yết kiến. Chỉ trong vòng 5 tháng, từ bạch y cùng sĩ tử, qua các kỳ thi đã nghiễm nhiên đứng vào hàng khoa giáp. Họ được các quan trường nhìn với vẻ kính nể, bạn bè thì hết lời ngợi khen, vinh danh.

Huỳnh Hanh lúc nhỏ học làm văn xuôi với văn bát cổ - tám vế và cái vinh hiệu khoa cử đã in sâu trong não, khởi đầu từ đấy cho một đời văn sách, thi phú. Giữa lúc đó, tháng Tám năm 1888, cậu ruột và là thầy giáo Nguyễn Đình Tựu lâm bệnh, từ giã nghề dạy học về nhà và đến ngày 10 tháng Mười năm 1888 thì qua đời[1], gây một niềm thương cảm sâu sắc cho các đệ tử, trong đó có cháu ruột, học trò yêu Huỳnh Hanh.

---

1. Xem Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.22.

Năm Kỷ Sửu 1889 là năm Thành Thái thứ nhất, Huỳnh Hanh 14 tuổi đến học lớp của hai anh con cậu Nguyễn Tế là cậu ấm sinh Nguyễn Hoành và Nguyễn Quy. Hai người anh làm lều lán bên mộ cha mình để dạy trẻ con trong làng. Huỳnh Hanh theo học được một năm rồi tập làm thi phú theo gương người cậu Nguyễn Tế Công thông minh, biết rộng, được sĩ phu nể phục, còn tư cách của hai anh cậu ấm con cậu Tế Tửu thì tầm thường, không sở đắc được gì.

Năm Thành Thái thứ 2 (Canh Dần 1890), Huỳnh Hanh 15 tuổi. Thời gian đó ở làng Trường Xuân có ông Tú Nguyễn Chí, trong khoa Giáp Thân triều Kiến Phước, là người duy nhất trong huyện đỗ Tú tài được sĩ phu biết đến. Vì thế, trong làng Thạnh Bình có nhiều con em theo lớp học của ông Tú Nguyễn Chí. Gia đình cho Huỳnh Hanh theo học ông Tú Nguyễn Chí độ nửa năm tập làm văn trường Ba, bắt đầu đủ thể. Nửa năm sau, cậu Nguyễn Hướng là em ruột cậu Nguyễn Tế, rước ông Tú Trần Tiểu Minh (tên thật Dinh) ở làng Phước Kiều, tổng Phước Giang dạy học tại nhà, sắp đặt cho cháu Huỳnh Hanh ăn học.

Năm Thành Thái thứ 3 (Tân Mão 1891), Huỳnh Hanh 16 tuổi. Năm đó đúng kỳ thi Hương. Theo lệ định, người ứng thí phải được phủ huyện phúc trúng tuyển mới được đưa lên tỉnh xem xét. Tỉnh xét trúng cách mới được ứng thí. Huỳnh Hanh còn nhỏ tuổi, đang học nên ban đầu không nghĩ đến việc dự thi Hương. Tuy nhiên

trước đó, trong số bạn đồng học, có người trưởng ban mỗi tháng đến dinh Huấn đạo khảo phúc. Huỳnh Hanh được đi theo bạn thi lần đầu tiên ở trường Giám, trường Huấn ở phủ, huyện do triều đình lập. Số học trò ứng hạch có trên trăm người và Huỳnh Hanh đứng thứ 13, được Huấn đạo Võ Xuân Dương người Thừa Thiên yêu mến. Vì thế, khi gia đình cùng người cậu Nguyễn Hướng bảo Huỳnh Hanh ứng phúc thi Hương thì anh đủ điều kiện ứng thi. Việc thi diễn ra ngoài ý muốn, nhưng không ngờ khoa thi đó có trên 1.300 người dự thi, thì chỉ có Phạm Liệu quê Trừng Giang và Huỳnh Hanh ở Tiên Phước nổi tiếng thông minh, là ít tuổi nhất, đầu còn để chỏm khiến cho các quan Giáo thụ và Huấn đạo 6 phủ huyện trong ngày hạch thi để ý. Những người hay chữ có tiếng trong tỉnh Quảng Nam và quan Đốc học Nguyễn Liên người Hà Tĩnh lệnh cho thí sinh, trong đó có Phạm Liệu 19 tuổi, Huỳnh Hanh 17 tuổi, vào giảng đường làm văn (tức diện phúc). Đề thi ra Tam trường đại thể đầy đủ, gồm truyện một bài, phú một bài. Bài phú có đề: "Tân nhật dĩ tri xuân", Huỳnh Hanh đã thảo được bài phú. Ngày yết bảng, tên của Phạm Liệu xếp hàng nhì, đứng đầu bảng là Võ Kiều người Duy Xuyên, còn Huỳnh Hanh xếp ở hạng trung bình. Sự gặp gỡ tình bạn văn thi giữa Huỳnh Hanh, Phạm Liệu bắt đầu từ đó và hai cái tên "Huỳnh Hanh - Phạm Liệu" về sau thường được gọi trong trường tỉnh, trường Quốc Tử giám và trong văn giới cũng khởi đầu từ đấy.

Việc Huỳnh Hanh thi đỗ trong kỳ thi này đã vượt ra ngoài ý liệu của gia đình nội ngoại, lại thêm bạn bè khuyến khích và được hai người anh con cậu Tế lo liệu chi phí đi đường, ăn, nên lần đầu tiên Huỳnh Hanh, một trò nhỏ, vượt qua Hải Vân quan, lặn lội 6-7 ngày đường đến Kinh sư Huế, cùng với các thí sinh lớn tuổi tại trường thi La Chữ "giao tranh một trận bút chiến kịch liệt"[1]. Khoa ấy, trường thi tại La Chữ, Huỳnh Hanh được trọ ở phòng học sinh nhà Tôn Thất tại Quốc Tử giám do hai người anh con cậu Tế giới thiệu. Hằng ngày, Huỳnh Hanh chơi đùa với các bạn con cháu nhà Tôn Thất hệt như một trẻ con, chẳng biết việc thi đỗ hay thi trượt có hệ trọng gì.

Lúc mới đến Kinh thành Huế, vào trường Nhất, Huỳnh Hanh nộp quyển rất sớm khoảng đầu giờ chiều, và đợi có ai nộp xong ra cửa sẽ đi theo. Khi đi ra qua cửa trường thi mới chỉ dăm ba người, quan giám sát trường thi ngồi trên chòi cao thấy một bé con trên đầu thả chóp, liền dùng ống loa truyền lệnh gọi lớn: "Cậu bé con kia! Không ở lại làm bài sao? Ra cửa làm gì thế!". Phía ngoài cửa trường thi, có nhiều người thân, bạn bè thí sinh đứng trông đợi, thấy một bé con ra trước và

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.25.

mấy người nhà Tôn Thất quen biết gọi tên Huỳnh Hanh thì có vẻ ngạc nhiên, sững sờ. Đến kỳ treo bảng lần thứ nhất, nhiều thí sinh, trong đó có cả hàng thí sinh con nhà Tôn Thất bị hỏng, còn Huỳnh Hanh lại đỗ. Tiếp đến trường Nhì, lại thêm một số trò đợi lần sau thi lại lấy bằng Tú tài, còn Huỳnh Hanh có tên trên bảng đỗ Tú tài. Mọi người lấy làm lạ và tên "Huỳnh Hanh" bay khắp Kinh sư, số người tấp nập kéo tới xem Tú tài bé con "đông như kiến ổ". Thế là khoa ấy, Phạm Liệu và Huỳnh Hanh vào trường Ba. Cả Kinh sư chỉ biết tên "Huỳnh Hanh - Phạm Liệu" và lúc nào bạn bè cũng gọi cặp đôi hai người như thế. Thế là Huỳnh Hanh vào học trường Đốc trong tỉnh. Theo điểm thi, Huỳnh Hanh được 3 "ưu" xếp vào hạng khá nhất. Nhưng Đốc học Trần Tiên Phong vốn đã biết rõ gia thế của học trò Huỳnh Hanh, khi ông dạy trường làng, thấy cần phải nâng đỡ cho học trò nghèo này có tiền học bổng ăn học, nên đã cho thêm một "ưu" nữa là 4 "ưu", do đó Huỳnh Hanh có thêm tiền ăn học, mỗi tháng được lĩnh 16 quan tiền. Học ở trường Đốc tỉnh năm đó, mọi người còn được biết có Trần Quý Cáp và Nguyễn Đình Hiến. Bốn học trò ưu tú nhất được lưu tên "Quảng Nam tứ hổ" ở trường tỉnh là Trần Quý Cáp, Huỳnh Hanh, Nguyễn Đình Hiến và Phạm Liệu. Trong số ấy xuất sắc toàn diện không những về văn chương, mà cả nhân cách, đạo đức, tư tưởng phản kháng là Trần Quý Cáp và Huỳnh Hanh.

Từ năm Thành Thái thứ 4 (Nhâm Thìn 1892), đến năm Thành Thái thứ 7 (Ất Mùi 1895), Huỳnh Hanh qua tuổi 17-18, quan hệ bạn bè, gia đình, xã hội ngày càng mở rộng. Năm 1892, Huỳnh Hanh đến chơi nhà Phạm Hiếu Liêm (tức Mẫn), đỗ Tú tài khoa Giáp Ngọ, dạy học tại nhà ở làng An Đình. Thấy Huỳnh Hanh rắn rỏi, có chí, ông Nguyễn Công, bá hộ ở xã Đại Đồng hứa gả con gái út cho cậu Hanh. Cũng năm đó, Phan Châu Trinh nghe tiếng và đến tìm gặp Huỳnh Hanh tại làng. Cuộc gặp gỡ với Phan Châu Trinh đã đưa đến cho Huỳnh Hanh một người bạn văn chương, một người anh khí khái và tri kỷ trong sự học cũng như suy nghĩ. Huỳnh Hanh kết bạn tâm giao với Phan Châu Trinh và học với nhau ở nhà ông Tú Phạm. Năm 1893, Huỳnh Hanh học tại nhà thầy Nguyễn Liên khoảng nửa năm. Thầy giáo Nguyễn Liên bị bệnh, phải nghỉ dạy học. Lúc bấy giờ có ông Huấn Lộc Sơn Lê Công Thúy có tiếng hay chữ, 40 tuổi đỗ Tú tài đi thi Hội, đỗ khoa Canh Thìn, vào thi Đình viết nhầm Hoàng Hiệu nên bị đánh hỏng, về dạy học ở làng Cẩm Y và được nhiều người theo học.

Năm Giáp Ngọ 1894, Huỳnh Hanh 19 tuổi, đi thi Hương vào trường Nhì. Khoa thi ấy, Phạm Liệu trúng giải nhất. Giữa lúc sĩ phu trong nước say sưa vào khoa cử, ôm quyển ống lều chiếu, chen lấn nhau xem bảng vào trường, chẳng biết thế giới xung quanh là gì, thì cuộc chiến tranh

Nhật - Trung diễn ra[1]. Huỳnh Hanh cùng các bạn thí sinh ngụ tại Kinh đô hơn cả tháng, đến gặp một vài quan lớn và các nhà trưởng giả, nhưng không nghe thấy ai nói đến chiến tranh Trung - Nhật. Mấy năm sau, đến năm Canh Tý 1900, Huỳnh Hanh thi đỗ thì mới thấy bản "Trung - Nhật kỷ" lưu hành trong trường.

Năm 1895, Huỳnh Hanh tiếp tục học với Giáo thụ Nguyễn Trạc, người quê Lương Sơn, tỉnh Nghệ An ngụ ở làng Hà Lam, phủ Thăng Bình. Đồng thời, Huỳnh Hanh cũng qua học ở nhà Tri phủ Thăng Bình Lê Bá Hoan là Tiến sĩ quê ở tỉnh Nghệ An, mỗi tháng khảo một lần có thêm bình duyệt, việc học khá tiến bộ. Tới tháng 12 năm 1895, gia đình cưới vợ cho Huỳnh Hanh[2].

---

1. Cuộc chiến tranh Đại Thanh (Trung Quốc) với Nhật Bản nổ ra từ ngày 1-8-1894 đến ngày 17-4-1895, là biểu tượng sự suy yếu của nhà Thanh, sự thành công của quá trình hiện đại hóa do công cuộc Minh Trị duy tân của Nhật Bản.

2. Vợ ông là bà Nguyễn Thị Sắt, sinh năm 1881, con gái út một nhà vọng tộc thuộc làng Đại Đồng, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Bà Sắt là em vợ Phan Văn Cừ, ông Cừ là anh ruột Phan Châu Trinh. Năm 1903, vợ chồng Huỳnh Thúc Kháng sinh con gái đầu lòng đặt tên là Huỳnh Thị Xuân Lan (tức cô Yển). Năm 1908, ông bà có cô con gái thứ hai, đặt tên là Huỳnh Thị Thu Cúc (tức cô Kình). Đến năm 1924, bà Sắt cưới vợ hai cho Huỳnh Thúc Kháng, là bà Hồ Thị Chưởng, người trong làng. Hai người chung sống với nhau 10 năm nhưng không có con. Năm 1933, vì bị bệnh nặng, bà Chưởng mất ở Huế trong thời gian ra thăm chồng từ năm 1927.

Năm Bính Thân 1896, tức năm Thành Thái thứ 8, quan Đốc học tỉnh Quảng Nam Trần Đình Phong, là Tiến sĩ, người làng Mã Sơn, tỉnh Nghệ An, đưa Huỳnh Hanh vào học trường tỉnh cùng với nhiều danh sĩ trong tỉnh. Huỳnh Hanh đến học muộn hơn mọi người, nhưng được quan Đốc học Trần Đình Phong để ý, vả lại có lòng lo lắng để việc học đuổi kịp chúng bạn, nên anh cố gắng học và đã không ngừng tiến bộ. Nhưng năm sau 1897, khoa thi vào trường Ba, Huỳnh Hanh cãi quan triều đình coi thi nên bị đánh trượt.

Đến năm Thành Thái thứ 10 (Mậu Tuất 1898), Huỳnh Hanh học trường tỉnh, theo chân học trò tỉnh ở trọ nhà Cửu phẩm Đặng Văn Tài phía ngoài cửa hữu Kinh thành Huế, dạy các học trò nhỏ. Năm đó, tỉnh Quảng Nam có cái vinh dự "Ngũ phụng tề phi": 3 Tiến sĩ là Phạm Liệu (xã Trừng Giang, huyện Diên Phước), Phan Quang (xã Phước Sơn, huyện Quế Sơn), Phạm Tuấn (xã Xuân Đài, huyện Quế Sơn); 2 Phó bảng là Ngô Chuân (xã Cẩm Sa, huyện Diên Phước), Dương Hiển Tiến (xã Cẩm Lậu, huyện Diên Phước). Năm sau Thành Thái thứ 11 (Kỷ Hợi 1899), Huỳnh Hanh vẫn học tại trường tỉnh. Suốt 4 năm liên tục (1896 - 1899), Huỳnh Hanh học khoa cử cùng học Hán văn, đắc lực toàn tại cả bốn năm ấy. Thời gian này, được nhiều thầy giáo "minh sư hữu ích" ngày ngày giảng tập, Huỳnh Hanh đã thu nhận được rất nhiều điều bổ ích. Trừ những năm tháng ấu thơ trôi nổi vinh nhục, nếm trải đủ mùi đời gian khổ,

cái thích thú về tinh thần của văn tự, thi phú ở Huỳnh Hanh chỉ có được ở 4 năm học trường tỉnh. Cũng trong thời gian ấy, những giao lưu, trao đổi giữa Huỳnh Hanh, Trần Quý Cáp và Phan Châu Trinh về học hành văn chương, thi phú, đàm đạo sự đời đã diễn ra sôi nổi.

Ở trường Đốc tỉnh Quảng Nam lúc đó, Huỳnh Hanh kết bạn với Trần Quý Cáp, Nguyễn Đình Hiến và Phạm Liệu tạo thành nhóm "Tứ hổ" về học giỏi hay chữ và giàu cảm xúc văn chương ở tỉnh Quảng Nam. Đặc biệt, Huỳnh Hanh rất gắn bó với Trần Quý Cáp cả về văn chương, đạo đức, nhân cách, tình cảm và tư tưởng yêu nước, gần dân[1]. Khi cả hai người được gặp người bạn, người anh lớn tuổi hơn, sự học rộng hơn là Phan Châu Trinh, thì cả ba trở thành tri kỷ. Ngoài việc cùng học tập, gặp nhau ở trường, ở lớp hằng ngày, ba người bạn ấy thường tìm đến nhà nhau bàn luận văn chương và trao đổi việc nước. Chủ đề câu chuyện mà họ cùng nhau bàn thảo, trao đổi nhiều nhất là vì sao đại thần Tôn Thất Thuyết nổi binh đánh quân Pháp ở Kinh thành Huế và đồn Mang Cá? Vì sao vua Hàm Nghi rời bỏ Kinh thành Huế ra Sơn phòng Tân Sở (Cam Lộ,

---

1. Ngày 16-8-1908, tại cầu Sông Cạn, Diên Khánh, Khánh Hòa, Tiến sĩ Trần Quý Cáp bị thực dân Pháp và phong kiến Nam triều xử chém ngang lưng bằng hình phạt "yêu trảm" man rợ nhất trong lịch sử hình luật Việt Nam thời phong kiến. Huỳnh Thúc Kháng thương tiếc bạn đã viết cuốn sách *Thai Xuyên Trần Cáp tiên sinh tiểu truyện*, ca ngợi: "Tiên sinh lên đoạn đầu đài, thật là thê thảm! Trong lịch sử huyết lệ, tiên sinh là người thứ nhất".

Quảng Trị) xuống chiếu Cần vương cứu nước? Việc lập Nghĩa đảng Cần vương ở Quảng Nam và ông Trần Văn Dư bị quân Pháp cùng với triều đình nhà Nguyễn đầu hàng giặc, xử tử hình. Rồi ông Nguyễn Duy Hiệu thay thế đứng lên lập Nghĩa hội, cùng với các ông Phan Bá Phiến (Án Hổ), Nguyễn Thành (Tiểu La) đặt căn cứ ở huyện Quế Sơn chống quân Pháp, chống phái chủ hòa trong triều đình và cầm cự với giặc suốt 3 năm (1885 - 1887) mới tan vỡ. Thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu phải lên đoạn đầu đài, Phan Bá Phiến tự sát, Nguyễn Thành trốn thoát. Nhóm học trò này đã rút ra những bài học đau xót, chua cay về sự thất bại đau đớn của Nghĩa hội Cần vương các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định. Thứ nhất, Nghĩa hội thiếu tổ chức, không thật sự đoàn kết, nhất trí, một số phần tử xấu lọt vào hàng ngũ, gây chia rẽ nội bộ, thù oán cá nhân mà giết oan mấy người nghĩa sĩ làm cho dân chúng hoang mang. Thứ hai, quân Pháp trang bị vũ khí tốt, giúp vũ khí cho bọn đầu hàng, bán nước cầu vinh hoành hành. Sự thất bại của phong trào Cần vương là sự bế tắc con đường cứu nước, giải phóng dân tộc cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Đó cũng là điều đặt ra cho giới trí thức nho sĩ, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng, lúc đầu còn bỡ ngỡ chưa biết làm gì để cứu nước.

Giữa lúc đó, Phan Châu Trinh đã đậu Phó bảng và nhậm chức Thừa biện Bộ Lễ dưới triều vua Thành Thái. Được đọc bản *Lưu cầu huyết lệ tân thư* của Phan Bội Châu ở Huế, Phan Châu Trinh hết sức khâm phục chí

hướng của chí sĩ yêu nước, nhà cách mạng này, bèn chép lại gửi về cho Huỳnh Hanh, Trần Quý Cáp và bạn bè trong tỉnh. Huỳnh Hanh bắt đầu biết tiếng Phan Bội Châu từ đấy và đến năm 1904, trong lần ra Kinh đô Huế thi Hội, mới được gặp nhà ái quốc bậc đàn anh và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ Phan Bội Châu.

Khoa thi Hương năm Canh Tý 1900, tức năm Thành Thái thứ 12, Huỳnh Hanh thi đỗ Giải nguyên trong số 42 thí sinh. Từ đây, Huỳnh Hanh lấy tên mới là Huỳnh Thúc Kháng[1].

Ngày 11-9-1900, người cha kính yêu từ trần, Huỳnh Thúc Kháng đau đớn, xót thương nghĩ đến người cha đã suốt một đời lo cho con ăn học. Vì có đại tang thân sinh nên kỳ thi Hội kế tiếp đó, Huỳnh Hanh không được ứng thí. Luật lệ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn muốn đề cao chữ hiếu, không cho phép học trò đang có đại tang được cùng chúng bạn đến trường thi. Nén nỗi ưu phiền, năm 1901, Huỳnh Hanh ở nhà dạy học trò và sang năm 1902 bị bệnh trên nửa năm thuốc thang mới khỏi.

Sau ba năm hết đại tang cha, năm Quý Mão 1903, tức năm Thành Thái thứ 15, Huỳnh Thúc Kháng 28 tuổi.

---

1. Xem Vương Đình Quang: "Vài nét về tiểu sử Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Hà Nội, 1997, tr.155.

Gia đình Huỳnh Thúc Kháng dời nhà đến xóm Bình Trung là nơi anh "chôn rau cắt rốn", gia cảnh nghèo khổ. Lúc này, người em trai cùng cha khác mẹ của Huỳnh Hanh đã 11 tuổi. Chú bác trong họ sửa lại nhà cũ cho vợ chồng Huỳnh Thúc Kháng ở riêng. Vì mê sách ăn học suốt 15 năm, công việc ruộng vườn đều do cha mẹ, chị em trong gia đình lo liệu cho Huỳnh Thúc Kháng khỏi phân tâm. Cha anh nhiều năm trước đã trồng một vườn quế bán được ba bốn trăm đồng thời giá lúc đó, đều đưa vào việc sửa lại nhà cũ. Chú bác trong họ nói rằng, một người khoa giáp, tự nhiên phú quý không lo, còn anh bấy giờ khó khăn không biết sinh kế. Năm ấy, vợ Huỳnh Thúc Kháng sinh con gái đầu lòng đặt tên là Huỳnh Thị Yến (tức Xuân Lan).

Sau một năm về quê sinh sống với vợ con, chú bác, năm Giáp Thìn (1904), Huỳnh Thúc Kháng đi thi Hội và đỗ đầu - Hội nguyên. Tiếp đến, vào thi Đình đỗ Tam giáp đồng Tiến sĩ cùng năm Giáp Thìn, niên hiệu Thành Thái thứ 16[1]. Theo thông lệ, đỗ Tiến sĩ vinh quy 3 tháng, hết hạn phải đến Bộ học tập chính sự làm quan. Kỳ vọng bấy

---

1. Thi cùng khóa có Đặng Văn Thụy (Trần Thai Xuyên) đỗ Nhị giáp, Đình nguyên, đến Trần Quý Cáp, đến Huỳnh Kiêm, đến Huỳnh Hanh, đến Hồ Sĩ Tạo, đến Nguyễn Mai; Phó bảng Tạ Thúc Đỉnh, Huỳnh Cư, Nguyễn Đình Tiến, Thân Trọng Ngật, Nguyễn Tư Tái, chánh, phó cả thảy 11 người (xem Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.33.

lâu của cha mẹ, gia đình là cốt Huỳnh Thúc Kháng thi đỗ đại khoa, đến lúc này đã đạt mục đích thì người cha không còn nữa. Việc làm quan chẳng phải là điều Huỳnh Thúc Kháng mong muốn. Vì thế, sau khi đỗ Tiến sĩ, Huỳnh Thúc Kháng từ chối không làm quan, cáo bệnh ở nhà dạy học, đọc sách, kết giao bạn bè tiếp thu tư tưởng tiến bộ, nuôi chí và bắt đầu hoạt động yêu nước.

Chương 2

HOẠT ĐỘNG TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN Ở TRUNG KỲ VÀ NHỮNG NĂM THÁNG Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1904 - 1921)

1. Những hoạt động sau khi đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904)

Sau khi đỗ Tiến sĩ Hán học tại Thừa Thiên Huế (1904), Huỳnh Thúc Kháng cáo bệnh, không chịu ra làm quan. Sở dĩ Huỳnh Thúc Kháng đi thi đỗ Tiến sĩ là để chiều lòng cha, như có lần ông tâm sự: "Lâu nay chí kỳ vọng của gia nghiêm (thân phụ - *T.G*) cốt ở thi đỗ đại khoa, nay thế là đạt mục đích, còn việc làm quan chẳng phải là điều mong muốn"[1]. Trong bối cảnh xã hội đang đua chen có một chỗ đứng trong ngạch quan trường để thoát khỏi thân phận tủi cực, nghèo hèn, thì một người đỗ

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ* (*Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để*), *Sđd*, tr. 35.

đạt cao trong làng khoa bảng lại khước từ đã khiến nhiều người càng ngưỡng mộ Huỳnh Thúc Kháng. Song điều đó cũng làm cho viên Khâm sứ Pháp tại Trung Kỳ và Chính phủ Nam triều khó chịu, ít có thiện cảm với ông.

Rời trường thi, về quê dạy học, chú tâm vào việc đọc sách và tự tu theo khuôn mẫu hiền triết Á Đông qua các bộ sách Hán học mà ngày đêm Huỳnh Thúc Kháng tiếp xúc. "*Bệnh mê sách*" của Huỳnh Thúc Kháng đã được Phan Châu Trinh khắc họa bằng câu thơ: "*Khách lai vô thoại chỉ đam thư*" (Khách đến không nói, chỉ mê sách)[1], được nhiều người cho là đúng với ông từng nét một.

Ngoài dạy học, Huỳnh Thúc Kháng còn bốc thuốc chữa bệnh cho những người dân trong vùng. Vốn nổi danh là người "hay chữ", một trong số *"Quảng Nam tứ hổ"*[2], nên nhiều người trong họ hàng, bè bạn gửi con cháu đến để ông kèm cặp. Thầy Huỳnh không chỉ dạy chữ cho học trò, mà còn rất quan tâm dạy đạo đức, lối sống, nhất là về cách thức ở đời, đối nhân xử thế, lối sống có tình có nghĩa, thủy chung, biết yêu nước, thương dân.

Trải theo nếp nhà từ nhỏ, lại dày công nghiền ngẫm về nhân tình, thế sự qua các trang sách, nên tuy vẻ ngoài

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014, tr.208.

2. Tức là 4 người học giỏi nhất xứ Quảng Nam: Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Đình Hiến và Phạm Liệu.

kín đáo, điềm đạm, nhưng Huỳnh Thúc Kháng sống rất chân thật và ngay thẳng, không màng hư danh, tửu sắc. Trở về sống ở quê hương Thạnh Bình, Huỳnh Thúc Kháng nhận thấy người dân quê mình cũng như bao làng quê xứ Quảng khác, phải sống trong cảnh lam lũ, vất vả, quanh năm đầu tắt mặt tối mà vẫn không đủ ăn. Ngoài lo việc đóng các khoản thuế má, họ còn phải đi phu liên miên để đào sông, đắp đường, hoặc là khuân vác, vận tải khí giới, hàng hóa cho các đồn binh Pháp, mà người dân gọi là "làm xâu" (tức sưu dịch). Chính quyền thuộc địa cho đó là việc công ích, đã là "dân tráng" thì phải tham gia, không được trả tiền công. Người "đi xâu" thì phải mang gạo nhà đi mà ăn, còn công việc đào sông, đắp đường, thường kéo dài từ năm này qua năm khác nên dân tình rất khổ sở.

Ở Quảng Nam hồi ấy, chính quyền thực dân, phong kiến buộc người dân phải "đi xâu", è vai gánh vác nhiều việc như dân phải đào sông Cu Nhí để chở than từ Nông Sơn ra Đà Nẵng; đắp đường tới mỏ Bồng Miêu để khai thác vàng; đắp đường từ Vĩnh Điện đến Đại Lộc, Bến Giằng... Tệ hại nữa là bọn quan lại Nam triều theo đóm ăn tàn, thừa cơ hà hiếp, sách nhiễu nhân dân; ai có tiền đút lót cho quan thì được miễn làm xâu, kẻ nghèo thì nai lưng mà chịu đựng, thậm chí có người phải đi xâu 15 - 16 lần trong một năm. Trong dân gian thường lưu truyền nhiều bài vè, ca dao nói về nạn sưu cao, thuế nặng, trong đó có nhiều câu kể về nỗi lòng người phải đi "làm xâu" như sau:

"Kể từ ngày Tây lại Cửa Hàn
Đào sông Cu Nhí, đắp đàng Bồng Miêu
Dặn lòng em, ai dỗ đừng xiêu
Gắng công nuôi phụ mẫu, sớm chiều có qua"[1].

Do thường xuyên chứng kiến cảnh những người nông dân bị áp bức, bóc lột dã man và đời sống khốn cùng của họ, Huỳnh Thúc Kháng càng thấy xót xa cho thân phận của người dân mất nước. Ông sớm nhận thấy, sở dĩ dân mình khổ sở như thế, là vì sưu cao, thuế nặng; muôn bề bị đè nén là do bọn quan lại Nam triều tham lam vô độ, bất nghĩa với dân. Là người trong giới khoa bảng có hiểu biết, Huỳnh Thúc Kháng suy nghĩ nhiều về thời cuộc, thấy mình phải có trách nhiệm với dân, với nước, không thể thờ ơ, đứng ngoài thời cuộc.

Những năm đầu thế kỷ XX, những biến chuyển ở Trung Quốc, Nhật Bản có ảnh hưởng sâu sắc tới tình hình Việt Nam. Đó là việc Nhật Bản vừa giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905); sự trỗi dậy của tầng lớp công thương nghiệp mới ở Trung Quốc đã tạo điều kiện cho phong trào Duy tân phát triển. Giới sĩ phu Trung Quốc chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa phương Tây nên các sách nói về nhân quyền, dân quyền được phiên dịch và phổ biến trong dân chúng.

---

1. Lâm Quang Thự: *Quảng Nam, Địa lý - Lịch sử - Nhân vật*, Ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974, tr.65.

Ở trong nước không còn tình trạng như những năm cuối thế kỷ XIX, chủ yếu chỉ có sách chữ Hán về kinh, truyện, sử, tiểu thuyết... với những quan niệm cũ của ý thức hệ phong kiến. Lúc này đã có nhiều sách báo nước ngoài, hầu hết là các sách, báo mới chữ Hán từ Trung Quốc truyền sang, bấy giờ gọi là tân thư, tân báo. Đó là các sách chứa đựng những tri thức mới (tân học), khác hoàn toàn những kiến thức trong kinh sách Nho giáo. Có ảnh hưởng nhất là sách và báo của Lương Khải Siêu, như *Mậu Tuất chính biến ký, Trung Quốc hồn, Ẩm băng thất văn tập, Thanh Nghị báo* và *Tân Dân tùng báo*; đồng thời, những sách về triết lý, chính trị, lịch sử của châu Âu và Nhật Bản do người Trung Quốc dịch ra như: *Thiên diễn luận, Dân ước luận, Vạn pháp tinh lý, Thái Tây tân sử lãm yếu, Nhật Bản duy tân tam thập niên sử, Nhật Bản duy tân khẳng khái sử, Nhật - Nga chiến ký,...* cũng được đưa vào Việt Nam. Nội dung cũng như lối diễn đạt văn xuôi trong sáng, hùng hồn, triết lý của các sách báo đó đã gây niềm say mê đọc tân thư và để lại dấu ấn khá sâu đậm trong tư tưởng của nhiều sĩ phu yêu nước Việt Nam. Bấy giờ, có người mong mỏi: "Trước kia khi tôi còn ở trong nước, từng được đọc mấy bản sách của Lương Khải Siêu tiên sinh, như bản *Mậu Tuất chính biến ký*, bản *Trung Quốc hồn* và vài xấp *Tân Dân tùng báo*, thấy văn chương hay, tư tưởng mới, thì đã sẵn lòng sùng bái Lương"[1]. Từ đó,

1. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn: *Tân thư và xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr.315.

người nước ta bắt đầu nghe nói đến lối học mới, bắt đầu làm quen với khoa học và kỹ thuật phương Tây.

Tại Quảng Nam lúc đó, thông qua các cảng Đà Nẵng, Hội An, các tân thư, tân báo Trung Quốc giới thiệu tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây được đưa vào ngày càng nhiều. Một số nhà khá giả và Hoa kiều ở Hội An đã lưu giữ được nhiều tân thư, tân báo trong tủ sách gia đình. Bấy giờ tuy cũng biết là sách cấm, nhưng người ta cứ chuyền tay nhau đọc và đến đâu cũng chỉ nghe nói một chuyện ấy. Nhiều chí sĩ Quảng Nam lúc đó như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Lê Bá Trinh... thường đến nhà Đào Nguyên Phổ,... trao đổi, tiếp nhận tân thư, tân văn. Nhờ đó, Huỳnh Thúc Kháng và giới văn thân sĩ phu xứ Quảng có điều kiện thuận lợi để làm quen với tư tưởng tư sản phương Tây.

Ham đọc sách, Huỳnh Thúc Kháng hào hứng tìm đọc các loại sách, như điều trần của Nguyễn Trường Tộ, *Thời vụ sách* và *Thiên hạ đại thế luận* của Nguyễn Lộ Trạch, *Lưu Cầu huyết lệ tân thư* của Phan Bội Châu cùng với những cuốn *Mậu Tuất chính biến ký, Trung Quốc hồn, Nhật Bản duy tân khẳng khái sử, Nhật Bản duy tân tam thập niên sử, Thái Tây tân sử lãm yếu, Tân Dân tùng báo*. Những tác phẩm tân học này đã giúp Huỳnh Thúc Kháng mở rộng nhận thức về tình hình trong nước và quốc tế, nhất là hiểu rõ tình trạng lạc hậu, yếu kém của đất nước dưới chế độ quân chủ phong kiến. Càng đọc, Huỳnh Thúc Kháng càng thấy rõ vì sao các phong trào chống Pháp trước đó bị thất bại,

cũng như hiểu biết về xu thế phát triển của thời đại, để rồi từ đó suy nghĩ và chọn lựa con đường canh tân, tự cường dân tộc theo hướng tư tưởng dân quyền, dân chủ tư sản. Huỳnh Thúc Kháng âm thầm nghiên cứu, nhận xét và thường trao đổi, bàn luận với những người bạn tâm giao về các trào lưu tư tưởng mới mẻ đó.

Lúc còn học ở trường tỉnh, Huỳnh Thúc Kháng kết bạn tâm giao với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, cả hai người đều nổi danh là những người học giỏi, có chí khí yêu nước. Từ năm 1901, Phan Châu Trinh đỗ Phó bảng, sau nhận chức Thừa biện Bộ Lễ với mong muốn có điều kiện giúp dân, giúp nước. Trần Quý Cáp đỗ Tiến sĩ cùng với ông ở khoa Giáp Tý (1904), nhưng không ra làm quan. Đây là hai người bạn để lại cho Huỳnh Thúc Kháng nhiều tình cảm sâu đậm, như ông đã viết: "Kể trong 50 năm, trừ ngày thơ ấu trôi nổi vinh nhục, nếm đủ mùi đời, cái thú vui về tinh thần của văn tự, minh hữu, chỉ có 4 năm học ở tỉnh. Nay nhớ lại, quả một việc trọn đời không thể nào có trở lại được nữa. Học về Thi được tiến bộ cũng ở mấy năm ấy. Lúc bấy giờ cùng Thai Xuyên (Trần Quý Cáp - *T.G*), Tây Hồ (Phan Châu Trinh - *T.G*) trao đổi, khá vui"[1]. Từ đó, cả ba người trở thành tri kỷ, thường chia sẻ mọi nỗi niềm, tâm sự.

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.31.

Tuy về ở quê nhà, Huỳnh Thúc Kháng vẫn giữ mối liên hệ thường xuyên với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp. Mỗi dịp gặp nhau, Huỳnh Thúc Kháng cùng hai bạn thường bàn luận chuyện thời thế hơn là chuyện văn chương, phần nhiều là những chuyện lịch sử, chính trị thời cuộc, như Nghĩa hội Cần vương Quảng Nam, điều trần của Nguyễn Lộ Trạch, Nguyễn Trường Tộ, các chủ thuyết canh tân, cải cách... đang sôi động ở Nhật Bản, Trung Quốc, kể cả những xấu xa, ươn hèn của triều đình hủ bại mà Phan Châu Trinh đang làm quan Thừa biện Bộ Lễ ở Huế kể lại. Tuy các tri thức "tân học" mới du nhập vào còn sơ sài, thiếu hệ thống nhưng dù sao, nó cũng là chất men kích thích, có tác dụng giải tỏa những ràng buộc cũ trong suy nghĩ và hành động, giúp hâm nóng thêm nhiệt huyết của những người yêu nước thức thời, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng và những người bạn đồng tâm, đồng chí hướng của ông.

Sớm tiếp xúc với thương nhân nước ngoài và nếm trải sự thất bại của Nghĩa hội Cần Vương, bộ ba Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp trăn trở, tìm tòi một hướng cứu nước mới có hiệu quả hơn. Cả ba người đều nhận thấy trong tình thế hiện tại, lực lượng còn yếu, trình độ lạc hậu nên dân ta chưa đủ sức đánh Pháp giành độc lập theo con đường bạo lực. Vì vậy, Huỳnh Thúc Kháng và hai bạn thân thiết của mình sớm đi đến nhất trí về sự cần thiết phải duy tân tự cường để thực hiện con đường cứu nước, cứu dân.

Từ ngày đỗ Tiến sĩ, Huỳnh Thúc Kháng có thêm nhiều bạn mới, như Phan Bội Châu, Đào Nguyên Phổ, Tiểu La Nguyễn Thành... Họ đều là những người học giỏi, thành đạt và có tinh thần yêu nước, mong muốn cứu nước, cứu dân. Đặc biệt, từ sau khi được đọc *Lưu cầu huyết lệ tân thư* của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng càng thêm khâm phục chí hướng cách mạng của nhà yêu nước đàn anh này.

Trong dịp thi Hội năm Giáp Thìn (1904), Huỳnh Thúc Kháng gặp Phan Bội Châu ở Huế, được nhà yêu nước này tin cậy, trao đổi ít nhiều về những suy tư của bản thân trước thời cuộc bấy giờ. Cảm phục nhiệt huyết cách mạng và nhãn quan của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng càng nung nấu ý chí tìm đường hướng cứu dân, cứu nước.

Sau khoa thi Hội, Phan Bội Châu vào Quảng Nam cùng Nguyễn Thành mở cuộc hội nghị bí mật tại Nam Thịnh sơn trang, quyết định thành lập tổ chức *Duy Tân hội* (tháng 5-1904), và chủ trương hoạt động theo đường lối bạo động "xuất dương cầu ngoại viện" để đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục nước Việt Nam, đem lại độc lập cho dân tộc. Con đường đấu tranh võ trang bạo động của *Duy Tân hội* do Phan Bội Châu khởi xướng đã thu hút sự quan tâm, hưởng ứng của một bộ phận không nhỏ sĩ phu đất Quảng.

Tuy mối quan hệ với những người bạn mới chỉ trong thời gian ngắn, nhưng Huỳnh Thúc Kháng luôn được

mọi người quý trọng. Vì vậy, vào mùa thu năm 1904, Phan Bội Châu đã tìm đến nhà Huỳnh Thúc Kháng gặp và chào từ biệt trước khi đi sang Nhật Bản hoạt động. Cuộc gặp gỡ này có mặt Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, hai đồng chí trong nhóm vận động Duy tân của Huỳnh Thúc Kháng. Kể về cuộc gặp gỡ này, Phan Bội Châu viết: "Ngày tháng 7 năm ấy, tôi mượn tiếng là đi mừng bảng Hội, bắt đầu ở nhà Tiểu La, thăm nhà cụ Hoàng Thạnh Bình (Huỳnh Thúc Kháng) vừa đụng cụ Tây Hồ, cụ Trần Thai Xuyên thảy đều ở đó, nói chuyện suốt đêm rất vui. Tôi lấy ý sắp sửa ra đi ngỏ với các ngài, các ngài dòm nhau cười mỉm, chúc tôi thành công"[1]. Dẫu không tán thành chủ trương bạo động của Phan Bội Châu, nhưng dũng khí cách mạng của nhà yêu nước xứ Nghệ này như tiếp thêm động lực cho nhóm vận động Duy tân của Huỳnh Thúc Kháng dấn thân vào hoạt động cứu dân, cứu nước.

Những năm đầu thế kỷ XX, các phong trào cải cách, duy tân ở bên ngoài khi du nhập vào Việt Nam đã hình thành nên hai xu hướng tiêu biểu. Xu hướng của Phan Bội Châu là kết giao đồng chí, chủ trương xuất dương học tập và tranh thủ ngoại viện để giải phóng đất nước bằng võ lực. Xu hướng của Phan Châu Trinh thì hô hào tân thư, chú tâm chuyện duy tân, kêu gọi và thực hành

---

1. Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân,* Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Nghiên cứu quốc học, 1995, tr.58.

dân chủ, nhằm "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh". Trong bối cảnh ấy, Huỳnh Thúc Kháng không phê phán mà chủ trương kết hợp hai đường lối, hai phương thức cứu nước, cùng với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp dấn thân vào phong trào Duy tân ở Quảng Nam những năm đầu thế kỷ XX.

2. Những hoạt động trong phong trào Duy tân ở Trung Kỳ (1905 - 1908)

Đang ở quê nhà và âm thầm nung nấu con đường cứu dân, cứu nước, Huỳnh Thúc Kháng như được tiếp thêm sức mạnh khi biết Phan Châu Trinh dứt khoát từ bỏ chốn quan trường (cuối năm 1904), cùng các bạn đồng tâm, đồng chí đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vận động cải cách trong giới thân sĩ và nhân dân trong tỉnh Quảng Nam. Từ đây, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp liên kết thành một nhóm hoạt động yêu nước. Khi họp nhau bàn luận về chủ trương cứu nước, cũng chỉ nói miệng chứ không viết ra trên giấy, theo lối mà Phan Châu Trinh gọi là "khẩu thuyết vô bằng" để tránh gây hậu quả khi thực dân phong kiến khủng bố.

Huỳnh Thúc Kháng tham gia rất tích cực vào các buổi thảo luận về việc nước với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp. Trong các buổi bàn luận, Huỳnh Thúc Kháng thường chăm chú lắng nghe và đồng tình với nhiều ý kiến của Phan Châu Trinh đánh giá về phong

trào yêu nước Việt Nam trước đây và phương hướng tiến lên của con đường cứu nước hiện tại theo khuynh hướng dân chủ, dân quyền, coi đó là cái căn cốt có thể thay đổi vận mệnh của đất nước, giành nền độc lập tự chủ. Huỳnh Thúc Kháng nhận thấy những đề xuất về chủ trương cứu nước mà Phan Châu Trinh đã khái quát trong ba nội dung "*Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*" là phù hợp với thực tế Việt Nam lúc bấy giờ, cũng trùng hợp với suy nghĩ, trăn trở của ông đã ấp ủ bấy lâu nay.

Tuy nhiên, do có nhiều năm tháng sống ở thôn quê, gần gũi với đời sống của nông dân nên Huỳnh Thúc Kháng có những băn khoăn, suy nghĩ riêng. Ông cho rằng người dân lao động, nhất là nông dân, có cuộc sống cơ cực, bần hàn, chủ yếu là do sưu cao, thuế nặng, quan lại tham nhũng, cường hào ức hiếp, sự học bị bó buộc vì dân trí thấp. Do đó, để mở đường phục hưng dân tộc thì trước hết cần khai thông dân trí, cổ động tân học, đả phá khoa cử, kêu gọi các thương gia, thân hào thành lập hội thương, hội công, hội nông,... theo con đường cải cách, ôn hòa.

Với mục tiêu *"Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh"*, Huỳnh Thúc Kháng cùng hai bạn trao đổi, cụ thể hóa chủ trương cứu nước trên ở những nét cơ bản. *Chấn dân khí* là nhằm thức tỉnh tinh thần tự lực tự cường, làm cho mọi người giác ngộ được quyền lợi của mình, giải phóng khỏi sự kìm kẹp của chế độ quân chủ

chuyên chế và đàn áp thực dân. *Khai dân trí* là bỏ lối học tầm chương trích cú, mở trường dạy chữ quốc ngữ, kiến thức khoa học thực dụng, bài trừ hủ tục xa hoa. *Hậu dân sinh* là phát triển kinh tế, cho dân khai hoang làm vườn, lập hội buôn, sản xuất hàng nội hóa. Cũng như Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng những vấn đề dân tộc tự quyết, cường thịnh, dân đức, dân trí, dân khí sẽ là những yếu tố cơ bản của một quốc gia độc lập, tự chủ.

Huỳnh Thúc Kháng thống nhất với Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp về con đường đi tới mục tiêu theo nguyên tắc bất bạo động, không nhờ ngoại viện, mà dùng những biện pháp ôn hòa, nhất là giác ngộ dân trí. Tuy đặt niềm tin vào khả năng hoạt động hợp pháp, có thể cộng tác với chính quyền thực dân để làm thay đổi hiện trạng xã hội bằng cải cách dần dần, nhưng Huỳnh Thúc Kháng cũng không phản đối, hay chỉ trích chủ trương giành độc lập dân tộc bằng biện pháp bạo động vũ trang của tổ chức *Duy Tân hội* do Phan Bội Châu lãnh đạo. Trong quan niệm của mình, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng, chủ trương bạo động, mưu cầu ngoại viện mà Phan Bội Châu lãnh đạo và chủ trương duy tân ôn hòa mà Phan Châu Trinh đại diện là hai khuynh hướng "*tương phản nhi tương thành*"[1], bổ sung

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, Nxb. Đà Nẵng, 2012, tr.1327.

cho nhau, tác thành lẫn nhau, tuy khác ý hướng nhưng cùng chung mục đích làm cho dân giàu, nước mạnh.

Trên cơ sở thống nhất về chủ trương đấu tranh ôn hòa, đòi dân sinh, dân chủ một cách công khai, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp nhất trí phát động một cuộc vận động cải cách trong nhân dân, mà trọng tâm của phong trào đặt vào sự chuyển biến về nhận thức của mọi người, đổi mới tri thức, từ bỏ lối học cũ và những tri thức lỗi thời cổ xưa để hướng tới nền học vấn Âu Tây trong khoa học - kỹ thuật; kêu gọi các tầng lớp nhân dân cải cách phong tục, hăng hái tham gia vào những hoạt động kinh doanh nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế đất nước. Để tạo thành một phong trào rộng khắp, các ông triển khai vận động tuyên truyền, giới thiệu tư tưởng duy tân cứu nước đến với các giới đồng bào trong tỉnh.

Mở đầu cuộc vận động cải cách ở Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp về thăm làng Phú Lâm, huyện Lễ Dương, phủ Thăng Bình (nay là hai thôn 3 và 5 của xã Tiên Sơn, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam), nơi có những kết quả bước đầu trong hoạt động canh tân, đổi mới. Tại địa phương này, Lý trưởng Lê Cơ (người có đầu óc duy tân và là anh em con cô cậu với Phan Châu Trinh) đã bước đầu thực hiện được một số cải cách tiến bộ, đã biến Phú Lâm từ "một cái làng rừng che núi cách, giao thông trở ngại, thủa nay tịch mịch quê mùa, bỗng trở thành một nơi khai thông vui vẻ,

không những dân làng và lân cận tin phục, mà người xa, nhất là người đã nếm mùi Âu hóa đi ngang qua tỉnh Quảng Nam, cũng gắng lên đến làng Phú Lâm đặng xem công việc sắp đặt của một ông lý"[1] (*Chuyện Lý chưởng Lê Cơ*). Từ hiện thực trên, các nhà sáng lập phong trào hết sức vui mừng và tự hào về công cuộc duy tân ở Phú Lâm. Chứng kiến kết quả đó, Huỳnh Thúc Kháng cảm hứng viết bài thơ *Chúc các cơ sở Duy tân:*

"Người trong Đông Á rõ ràng
Một giòng một giống Hồng Bàng là đây
Nay biết đổi quê ngày, tục cũ
Hiệp cùng nhau chung của mà buôn.
Đuổi theo tân hóa bôn chôn,
Thói hư ta bỏ, trí khôn ta bày.
Chúng tôi vui thấy hội này
Ngỏ lời kính chúc quý thầy đôi câu..."[2].

Bài thơ không chỉ thể hiện sinh động sự chuyển biến tích cực ở một làng quê, mà còn là sự cổ vũ, tán dương các hoạt động canh tân đang diễn ra trên đất Quảng Nam. Vì vậy, bài thơ này của Huỳnh Thúc Kháng thường được giáo viên các trường tân học dùng làm tài liệu giảng dạy cho học sinh.

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.1167.

2. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm, Sđd*, tr.218-219.

Tiếp đó, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp đi đến nhiều nơi trong tỉnh, kể cả vùng thượng nguồn sông Thu Bồn lẫn những vùng quê hẻo lánh xa xôi để vận động các vị thân sĩ, thân hào và dân chúng hưởng ứng phong trào Duy tân. Cảnh đi đường, gian nan trong buổi đầu vận động cải cách được Trần Quý Cáp ghi lại bằng hai câu thơ:

"Lúc lắc đò đưa: Tí, Sé, Kẽm
Gập ghềnh chân bước: Gành, Truông, Đèo"[1].

Từ kết quả nóng hổi của công cuộc thực hành cải cách ở Phú Lâm và các địa phương trong tỉnh Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh và Trần Quý Cáp càng thêm quyết tâm đẩy mạnh phong trào tiến lên một bước mới.

Tháng 2-1905, triển khai kế hoạch trên, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp thực hiện chuyến Nam du để tuyên truyền, vận động cho phong trào Duy tân, đồng thời tìm kiếm và kết giao với các bạn bè cùng chí hướng.

Đến Bình Định, gặp kỳ khảo hạch của trường tỉnh cho kỳ thi Hương sắp tới, ba ông lấy tên là Đào Mộng Giác vào trường dự thi. Dựa theo đề bài thi, các ông làm bài phú *Lương ngọc danh sơn* và bài thơ *Chí thành thông thánh* có nội dung bài xích khoa cử, cổ xúy tân học, gợi lòng yêu nước, cổ động nhân tâm sĩ khí. Bài phú

---

1. Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân*, *Sđd*, tr.86.

Lương ngọc danh sơn do Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp cùng làm, trong đó có những câu:

"... Hỡi người trí thức kia ơi!
Quăng mũ đi, vứt bút đứng lên...
Đừng cam chịu tiếng ươn hèn
Hơi tàn còn thở chớ quên phục thù!..."[1].

(*Lương ngọc danh sơn phú*)

Những sáng tác này xuất hiện ở vào thời người Việt Nam gần như mê muội trong nền giáo dục quá thiên khoa cử, từ chương, quá chú trọng chữ Hán nên gây được tiếng vang lớn trong giới nho sĩ lúc bấy giờ. Huỳnh Thúc Kháng nhận xét: "Nói đến việc dùng sức văn tự để mạt sát khoa cử, cổ xúy tân học thì bài thi và bài phú ấy là tiếng nói đầu tiên vậy"[2].

Rời Bình Định, Huỳnh Thúc Kháng và Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp đi vào phía Nam. Lúc đi ngang qua Nha Trang, được tin có đoàn chiến hạm đậu tại Cam Ranh, ba người giả trang làm người dân sở tại, mua những gà, vịt, trứng chuyên chở trên thuyền con đem ra bán. Tới nơi thì mới biết không phải tàu Nhật mà là tàu Nga ghé vào tiếp tế nhiên liệu và thực phẩm ở đây, họ cũng bán cho lính Nga những thứ hàng mang

---

1. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*, *Sđd*, tr.115.

2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd*, tr.36.

theo, lấy được mấy đồng tiền "rúp" vàng. Huỳnh Thúc Kháng nhận xét: chẳng qua vì tính hiếu kỳ chứ không có ý gì và xem rất khoái.

Rời Nha Trang, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp vào Bình Thuận, mảnh đất cuối cùng của xứ Trung Kỳ. Các ông chọn Bình Thuận là nơi đến vì nhiều lý do. Trước hết, Bình Thuận mà Phan Thiết là thủ phủ, từ sau khi lục tỉnh Nam Kỳ lọt vào tay Pháp (1867) đã trở thành nơi quy tụ của nhiều nhà duy tân yêu nước, trong số đó có nhiều gia đình văn thân yêu nước ở Gia Định, Bến Tre ra "tỵ địa" trên vùng đất này. Hơn nữa, lại có Nguyễn Quý Anh (con Nguyễn Thông, một danh sĩ yêu nước ở Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX) là học trò cũ của Trần Quý Cáp lặn lội ra tìm và mời các ông về Phan Thiết thăm thú tình hình và bàn việc nước với những nhà nho yêu nước có tư tưởng duy tân đang sinh sống tại đây.

Ở Bình Thuận, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp được giới thân hào, thân sĩ địa phương, như các ông Nguyễn Trọng Lội (anh ruột Nguyễn Quý Anh), Trần Lệ Chất, Trương Gia Mô, Ngô Văn Nhượng, Hồ Tá Bang, Nguyễn Hiệt Chi (tức Ký Thuận)... nhiệt tình đón tiếp, mạn đàm về các câu chuyện thời sự và công cuộc cải cách, duy tân. Xoay quanh những cuộc trao đổi, bàn luận này, ba nhà sáng lập phong trào Duy tân đã giới thiệu các ý tưởng của mình về việc mở các trường tân học, lập thư xã, thương

quán... theo tinh thần tự lực duy tân, phấn đấu cho dân có trí lực, có chí khí và cải thiện đời sống cho dân; đồng thời, ba nhà chí sĩ Quảng Nam cũng ủy thác việc tuyên truyền, khởi xướng cuộc vận động cải cách ở Bình Thuận cho các thân hào, thân sĩ địa phương. Tư tưởng duy tân của Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp đã được các nhà nho cấp tiến nơi đây hưởng ứng, đón nhận và vận dụng tích cực trên mảnh đất giáp ranh với xứ Nam Kỳ thuộc địa của Pháp.

Sau hơn một tháng ở Bình Thuận, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp trở về Quảng Nam trước, tiếp tục các hoạt động duy tân, cứu nước. Còn Phan Châu Trinh do bị bệnh phải nằm lại điều trị, mấy tháng sau mới trở ra. Khi Phan Châu Trinh về đến Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng và Trần Quý Cáp cùng gặp ông bàn bạc về kế hoạch phát triển phong trào. Trước khi Phan Châu Trinh ra Bắc tìm người đồng tâm, đồng chí (cuối năm 1905), rồi sang Nhật Bản (đầu năm 1906), ba ông đều nhất trí với nhau là, trước mắt cần vận động duy tân rộng khắp trong các giới đồng bào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm mục đích đổi mới con người Việt Nam từ nếp sống đến nếp nghĩ, cổ động dân quyền theo hướng "phú quốc cường binh", đưa nước nhà đến giàu mạnh và cuối cùng là thoát khỏi vòng nô lệ của thực dân, đế quốc.

Năm 1906, Trần Quý Cáp từ biệt Huỳnh Thúc Kháng đi nhậm chức giáo thọ ở phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

Hai ông cùng thống nhất kế hoạch phối hợp hành động phù hợp theo hoàn cảnh của từng người. Huỳnh Thúc Kháng tặng Trần Quý Cáp câu đối:

"Bạn đồng niên như là cây mùa xuân tươi tốt, thơ xưa há phải hư ngôn. Giang Kiều đưa tặng đôi lời, sắc liễu xanh xanh theo mắt người ly khách.

Đời loạn mới hay, người trung liệt hiếm hoi, ngày nay dễ mà giải đáp. Thể lộ éo le mấy lúc, gió Tây hiu hắt, bạc đầu bạn cố nhân"[1].

Trên cương vị mới, Trần Quý Cáp ra sức tuyên truyền bài xích khoa cử và tổ chức lớp học mới, rước thầy về dạy chữ Pháp, chữ quốc ngữ, học sinh có đến vài trăm người. Ông còn vận âu phục đi lại các xã, đánh trống tụ tập dân chúng diễn thuyết.

Ở lại quê nhà, Huỳnh Thúc Kháng tập trung vào việc vận động Duy tân rộng rãi với nhiều hoạt động phong phú, mới mẻ như mở trường học, cải cách việc học, dạy chữ quốc ngữ, thu nhận nhiều nữ sinh, mở hội buôn, phát triển nghề tằm tang, cổ xúy việc mặc âu phục, cắt tóc ngắn, bài trừ hủ tục, diễn thuyết cổ vũ cho việc khai trí, trị sinh. Hưởng ứng lời kêu gọi của ông, một số vị thân hào, sĩ phu tiến bộ đã tập hợp nhau lại mở các thương cuộc để buôn bán, kiếm tiền nuôi thầy giáo, mở

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.134.

trường học, cung cấp sách vở cho học sinh, như Cử nhân Phan Thúc Duyện lập Hợp thương Diên Phòng tại làng Phong Thử, buôn bán các loại thổ sản (vải, sợi, đường, lợn, dầu lạc...), Nguyễn Toản cũng mở hiệu bán đủ loại: vải, gạo, đường, quế, tơ, cau khô, dầu lạc; ngoài ra còn bán cả tân thư, bản đồ, sách vở, bút mực cho học sinh và nho sĩ. Bên cạnh đó, nhiều nho sĩ cũng rủ nhau lập các doanh điền, như Tú tài Trương Hữu (Điện Bàn), Tú tài Lâm Mẫn (Hòa Vang) khai hoang, lập doanh điền ở Đồng Nghệ, Đồng Xanh (Hòa Vang); một số người khác thì lập hội trồng quế, hồ tiêu, chè ở Quế Sơn, Tiên Phước..., mở lò rèn, lò chén, xưởng mộc, nhưng do hạn chế về kinh nghiệm, nhân công thiếu, lại phải đối phó với khí hậu khắc nghiệt nên gặp nhiều khó khăn.

Huỳnh Thúc Kháng và các lãnh đạo phong trào Duy tân còn tích cực đi khắp nơi trong tỉnh vận động những nhà hữu sản bỏ tiền, hoặc cùng nhau mở lớp, dựng trường, rước thầy dạy quốc ngữ..., làm dấy lên phong trào học chữ quốc ngữ rầm rộ ở Quảng Nam, tiêu biểu là các trường Phú Lâm, Diên Phong, Thăng Bình, Quảng Phước, Phước Bình. Các trường học này đều dạy chữ quốc ngữ, chữ Pháp, toán, lịch sử, địa lý Việt Nam, các kiến thức về khoa học tự nhiên, thể dục và hát. Học sinh ở các trường tân học được học bằng tiếng Việt các môn cách trí, địa lý, toán,... là những môn học hoàn toàn mới lạ so với lối học cử nghiệp ngày trước.

Không chỉ hô hào vận động quần chúng, Huỳnh Thúc Kháng và các vị lãnh đạo phong trào còn tham gia nhiều hoạt động thực tiễn, như ông cùng Lê Vĩnh Huy với sự ủng hộ của một số đồng bào khá giả thiết lập ngay tại Thạnh Bình một công ty lấy tên là "Thương học công ty" có chi nhánh khắp huyện nhằm mục đích liên lạc những người yêu nước và làm tài chính để hỗ trợ cho các hoạt động Duy tân. Nhưng vì thiếu kinh nghiệm tổ chức, công ty không phát đạt và đi đến chỗ thất bại. Từ đó, ông tập trung vào lãnh đạo các lớp tân học, tham gia giảng dạy, diễn thuyết về các chủ đề chính trị và văn hóa[1]...

Do nhu cầu truyền đạt, tiếp thu kiến thức khoa học mới và thiết lập một nền giáo dục đại chúng, Huỳnh Thúc Kháng và các nho sĩ duy tân nhận thấy chữ Hán khó phổ cập đến toàn dân. Có người đã phê phán: "Chữ Hán quả là một cái hàng rào hiểm, chắn ngang đường văn minh, làm cho kẻ đi học mỏi lưng, tốn biết bao cơm gạo mới dùng được chữ. Khi dùng được chữ thì trán đã nhăn, lưng đã còng, vì nỗi vùi mài một đời học các điều cao xa quá. Chữ thảm chữ hại làm cho ai mó đến cũng

---

1. Vương Đình Quang: "Vài nét về tiểu sử Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.161.

phải quên cả việc thường, đời nay mà học việc đời xưa, thực chết rồi, thực xa rồi"[1].

Vượt qua dư luận cho rằng chữ quốc ngữ là "chữ của Tây", "chữ phản động" tồn tại trong quan niệm của không ít nhà nho lúc bấy giờ, Huỳnh Thúc Kháng ủng hộ việc học chữ quốc ngữ, vì đồng bào dễ học, dễ tiếp thu tri thức mới, thậm chí ông còn đề cao chữ quốc ngữ, coi đó là "hồn của nước". Không chỉ vận động mọi người và con cháu đi học, bản thân Huỳnh Thúc Kháng cũng cắp sách đi học chữ quốc ngữ. Ông kể rằng: "Một điều buồn cười là mình đi cổ động người ta học quốc ngữ và học chữ Tây mà mình chưa biết đánh vần a, b, c"[2]. Ông còn sáng tác thơ cổ vũ phong trào học chữ quốc ngữ:

"Chữ quốc ngữ là hồn trong nước
Phải đem ra tính trước dân ta.
Sách Âu Mỹ, sách China,
Chữ kia, nghĩa ấy dịch ra tỏ tường.
Nông công cổ trăm đường cũng thế,
Hợp bày nhau thì dễ toan lo.
Á Âu chung lại một lò,
Đúc nên tư cách, mới cho rằng người"[3].

(Bài ca khuyên học chữ quốc ngữ)

---

1. Vũ Bội Liêu: "Bài phi lộ", *Đăng cổ tùng báo*, số ra ngày 28-3-1907.

2. Vương Đình Quang: *Hồi ký về Cụ Phan và Cụ Huỳnh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1977, tr.6.

3. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd,* tr.79.

Năm 1907, Bộ Lại triều Nguyễn mời Huỳnh Thúc Kháng làm Giáo thọ huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Huỳnh Thúc Kháng một mực từ chối không ra nhậm chức, tiếp tục các hoạt động duy tân cùng các bạn đồng chí của mình.

Huỳnh Thúc Kháng thường xuyên đi nhiều nơi trong tỉnh diễn thuyết, tuyên truyền hoặc tham gia giảng dạy ở các trường tân học. Nội dung diễn thuyết cũng như bài giảng của Huỳnh Thúc Kháng và các sĩ phu duy tân đều xoay quanh tôn chỉ lấy thực học làm chính và lấy thương yêu đồng bào làm gốc, nhất là chú trọng tuyên truyền phổ biến thơ văn yêu nước, kêu gọi đoàn kết, giáo dục truyền thống dân tộc, cổ động thực hiện cải cách, đã góp phần đưa tư tưởng đổi mới ngày càng đi sâu vào quần chúng. Phong trào cải cách nhanh chóng lan rộng khắp tỉnh Quảng Nam, các nông hội, hội buôn, xưởng dệt, trường học theo lối mới ra đời ngày càng nhiều; đồng bào đua nhau cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, bỏ rượu chè, bài trừ hủ tục, dị đoan, cổ động dùng hàng nội hóa... thể hiện tinh thần đấu tranh của nhân dân đòi cải cách đời sống về mọi mặt.

Chính quyền thực dân, phong kiến không ngờ được rằng, những tư tưởng dân chủ do Huỳnh Thúc Kháng và các sĩ phu yêu nước tuyên truyền đã làm nên một điều lớn lao, đánh thức ý chí đấu tranh của nhân dân. Trong một mật báo với cấp trên, viên Công sứ Quảng Nam Sáclơ (Charler) nhấn mạnh rằng, các bài học của

các nhà nho duy tân, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng, đã kích thích tinh thần dân tộc, đó là điều đáng sợ đối với chế độ cai trị của người Pháp. Sáclơ viết: "Họ nắm các trường học và điều hành việc dạy học. Họ trao cho học sinh những tài liệu kích thích tinh thần yêu nước, hận thù quân xâm lược, xem thường cái chết. Mỗi người phải sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc. Thật là những bài học tuyệt vời về chí khí, chỉ tiếc là chúng ta một ngày kia phải trả giá cho sự giáo dục ấy mà thôi"[1].

Lo sợ trước ảnh hưởng của phong trào Duy tân, từ mùa thu năm 1907, thực dân Pháp bắt đầu thực hiện các thủ đoạn đàn áp, gây khó khăn cho các hoạt động Duy tân ở Quảng Nam. Cuối năm 1907, Phan Châu Trinh, lãnh tụ của phong trào, bị bắt tại Hà Nội, khi đang giảng ở Trường Đông Kinh Nghĩa thục. Tháng 1-1908, Trần Quý Cáp đang làm Giáo thọ ở Thăng Bình, Quảng Nam bị thuyên chuyển vào Ninh Hòa, Khánh Hòa và bị cấm diễn thuyết và đánh trống trường. Từ đây, công cuộc Duy tân trong tỉnh Quảng Nam do Huỳnh Thúc Kháng gánh vác, lo liệu.

Mặc dù gặp khó khăn, trở ngại, Huỳnh Thúc Kháng vẫn kiên định lập trường, tư tưởng duy tân, duy trì và đẩy mạnh các hoạt động vận động cải cách. Ông đã "cùng các thân hào bằng hữu đề xướng chung vốn lập

---

1. Dẫn theo Lê Thị Kinh: *Phan Châu Trinh qua những tài liệu mới*, Nxb. Đà Nẵng, q.1, t.1, tr.50-51.

thương cuộc tại Phố (Hội An - Faifo) cùng lập trường học, hội nông, trồng quế..."[1] rồi lại "cùng các thân sĩ trong huyện, lập một thư xã tại nhà túc nhất của Văn miếu huyện (tại làng Chiên Đàn), mua nhiều sách báo mới (của Trung Quốc mới xuất bản), ngày rằm mỗi tháng họp giảng diễn thuyết một lần, người đến xem rất đông; lại cùng các đệ tử trong làng mở nhà học, rước thầy về dạy chữ Tây và quốc ngữ cho con em... Nhiều làng trong hương thôn có trường quốc ngữ"[2].

Để vận động nhân dân xây dựng lối sống mới và thực hành duy tân, Huỳnh Thúc Kháng cũng cắt búi tóc, mặc áo ngắn. Các buổi diễn thuyết cổ động dân quyền, tự chủ, đổi mới phong tục của ông và các nhà lãnh đạo phong trào Duy tân có rất đông người đến nghe. Học trò của ông và các sĩ phu cũng đều thực hiện như người cầm đầu, dân chúng khắp nơi hưởng ứng rầm rộ.

Tuy các lãnh tụ của phong trào Duy tân chỉ mới đề ra khẩu hiệu và kêu gọi nhân dân thực hiện cắt tóc ngắn, để răng trắng, mặc âu phục, lập hội buôn, hội thương, hội nông, mở trường học theo lối mới..., nhưng tinh thần của phong trào đã thực sự biểu hiện một tầm nhìn mới, một cách nhìn mới của khuynh hướng canh tân yêu nước do bộ ba Huỳnh Thúc Kháng, Phan Châu Trinh,

---

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ* (*Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để*), *Sđd,* tr.37, 38.

Trần Quý Cáp khởi xướng. Nó có tác dụng là ngòi nổ làm bùng lên phong trào chống sưu thuế rộng lớn ở Quảng Nam và các tỉnh Trung Kỳ đầu năm 1908 - một phong trào đấu tranh của quần chúng xảy ra ngoài dự kiến và ý muốn của Huỳnh Thúc Kháng và các lãnh tụ phong trào Duy tân.

Phong trào Duy tân ở Quảng Nam do Huỳnh Thúc Kháng và các đồng chí của ông lãnh đạo đã trở thành nguy cơ lớn đối với chính quyền thực dân, phong kiến ở Việt Nam. Nhà cầm quyền Pháp và chính phủ Nam triều thẳng tay bắt bớ những người bị chúng tình nghi có liên quan đến phong trào.

3. Bị giam ở nhà lao Hội An (từ tháng 2-1908 đến tháng 9-1908)

Khoảng giữa tháng 2-1908, Huỳnh Thúc Kháng ra Hội An tìm gặp các bạn để bàn việc lập thương hội thì xảy ra việc chính quyền thực dân, phong kiến bắt giữ nhiều thân sĩ và người dân trong tỉnh. Đoán chắc trước sau cũng đến lượt mình, ông quay về nhà, chủ động sắp xếp mọi việc, sẵn sàng ứng phó nếu tình huống xấu xảy ra.

Khoảng 8 giờ sáng ngày 24 tháng Hai năm Mậu Thân (1908), Huỳnh Thúc Kháng đang ở nhà thì bị lính Pháp và lính khố xanh bắt giải ra nhà lao Hội An theo lệnh của viên Công sứ. Biết trước ý đồ của chúng nên Huỳnh Thúc Kháng điềm tĩnh, cứng cỏi, không một

chút bối rối, sợ sệt. Trong hành lý đi đường, Huỳnh Thúc Kháng được mang theo mấy quyển sách để đọc trong những lúc nhàn rỗi.

Khoảng 6 giờ chiều hôm ấy, Huỳnh Thúc Kháng bị dẫn vào phòng giấy của Tòa Đại lý ở Tam Kỳ. Ngay phút đầu giáp mặt, viên đại lý người Pháp đã phủ đầu Huỳnh Thúc Kháng bằng việc buộc tội ông xúi giục dân chúng nổi dậy trong cuộc cự sưu chống thuế vừa qua. Rất ôn tồn và cương quyết, ông biện luận phải trái để tự bào chữa, bác bỏ mọi luận điệu hàm hồ của viên đại lý. Đoạn đối thoại giữa Huỳnh Thúc Kháng và viên đại lý phủ Tam Kỳ đã được ông ghi lại như sau: "Quan đại lý (Délégué - *T.G*) gọi tôi (tức Huỳnh Thúc Kháng - *T.G*) nói: "Ông đã biết quan công sứ gọi về việc gì chăng?...

Tôi nói một cách thản nhiên: "Không biết gì cả"".

Ông nói: "Ông là hàng khoa giáp của An Nam, sĩ dân trong tỉnh đều suy phục. Ông thường đi các nơi diễn thuyết, đề xướng dân quyền. Nay hạt dân dấy loạn, kéo nhau cự sưu, trong số đó có đồ đệ của ông theo xúi giục, quan sứ triệu ông cũng vì cớ ấy".

Tôi nói: "Việc tôi diễn thuyết là việc trước tai mắt trăm ngàn người. Vấn đề diễn giảng không ngoài việc tỉnh xa sùng kiệm, khai trí trị sinh, cùng bỏ cái học khoa cử, cổ lệ Âu hóa, tuyệt không có việc dẫn người nào làm việc phạm thượng vi pháp. Ngày nay nhân dân xin xâu, chỉ vì bần khổ bức xúc cùng bị quan lại tham nhũng bức hiếp,

không nơi kêu thấu, họ làm thế chỉ là kêu oan, tôi có dự vào việc ấy làm gì?.

Ông nói: "Đúng rồi, ông diễn thuyết đều là việc khai hóa, mà có bọn nghe lầm làm sai, nay thành ra việc không hay như thế; ở Điện Bàn, Thăng Bình đều có tấn kịch tụ tập vây phủ bức bách quan, chính phủ hiện đã dùng quân pháp trị tội, nay bọn ông lại mở các vụ thương quán, học đường, đã không chút nào tấn bộ, lại theo đó mà thụt lùi".

Tôi nói: "Việc ấy do nhà đương đạo chính trị lưu tâm minh sát, nghiêm trị kẻ xướng loạn; bằng cứ nhân đó mà làm hại các việc thương, việc học, thế chẳng phải sai tôn chỉ khai hóa của chính phủ lắm sao?".

Ông nói: "Tôi chẳng phải nhà diễn thuyết, và đây chẳng phải là nơi diễn đàn, ông đến gặp quan sứ Hội An để bày tỏ thì hơn"[1].

Bị đuổi lý, viên đại lý phủ Tam Kỳ cho dẫn giải Huỳnh Thúc Kháng ra thuyền đi Hội An. Khoảng 7 giờ tối hôm sau đến nơi, ông lập tức bị chúng tống giam vào nhà lao.

Nhà lao Hội An (người Pháp gọi là nhà tù Faifo) do thực dân Pháp xây dựng đầu thế kỷ XX để giam cầm những người tham gia đấu tranh yêu nước ở Quảng Nam

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.40-42.

và các tỉnh Trung Kỳ. Nhà lao này do các quan chức người Pháp thuộc Công sứ Hội An quản lý trực tiếp, có diện tích 2ha, nằm ở phía đông bắc nội ô Hội An, cách Tòa công sứ 500m về phía đông nam và cách đồn lính khố xanh chừng 100m. Nhà lao được xây bằng xi măng cốt thép kiên cố và cách ly với bên ngoài bằng hệ thống tường rào khép kín cao 3m, ở bốn góc có chòi lính canh nghiêm ngặt suốt ngày đêm. Ngoài một số phòng giam tù thường phạm, nhà lao Hội An còn có những dãy nhà giam kiên cố để nhốt những người tù được xem là nguy hiểm đối với chế độ thuộc địa. Các phòng giam này đều kín mít, ít lỗ thông hơi, lại đặt một chiếc thùng để tù nhân tiểu tiện, mỗi ngày chỉ cho đổ thùng một lần, nên lúc nào cũng thiếu không khí, ánh sáng và mùi hôi thối, ngột ngạt. Huỳnh Thúc Kháng bị chúng nhốt vào một trong những phòng giam đặc biệt này.

Trong suốt thời gian Huỳnh Thúc Kháng bị giam giữ ở nhà lao Hội An, mỗi ngày chỉ có cai gác mở cửa hai lần để đưa thức ăn vào, nếu đi vệ sinh thì luôn có lính gác đi kèm, trông chừng. Huỳnh Thúc Kháng rất bức xúc vì thấy mình bị mất tự do, hoàn toàn cách ly với đời sống bên ngoài, nhất là ông bị ngăn cấm gặp người thân và bạn bè.

Cùng bị giam trong nhà lao Hội An với Huỳnh Thúc Kháng có Tiểu La Nguyễn Thành, một thủ lĩnh quan trọng của phong trào Đông du. Cùng hoạt động chống Pháp trên

quê hương Quảng Nam nên vừa thoạt nhìn thấy nhau qua cánh cửa ngục tối của nhà lao, hai ông dẫu không thể nói chuyện gì, song đều cảm động, cười vui. Mặc dù bị giam giữ riêng, nhưng Huỳnh Thúc Kháng và Nguyễn Thành thường lấy cớ đi vệ sinh sau bữa ăn trưa để trò chuyện, trao đổi tin tức với nhau. Trong cảnh cô đơn, nghẹt thở của nhà tù, những phút gặp nhau tuy rất ngắn ngủi ấy đã trở thành niềm vui và nguồn động viên, khích lệ hai nhà chí sĩ yêu nước giữ vững tinh thần đấu tranh.

Trong nhà lao Hội An, Huỳnh Thúc Kháng còn gặp cả Châu Thượng Văn, người bạn chiến đấu thân thiết của Nguyễn Thành và Phan Bội Châu. Cuộc gặp gỡ diễn ra khi lính tập cho cáng Châu Thượng Văn vào giam tạm cùng phòng với Huỳnh Thúc Kháng để chờ tàu hỏa đày đi Lao Bảo. Huỳnh Thúc Kháng thấy Châu Thượng Văn lúc này "mặt đen như than, tay chân như ống quyển, hai mắt nhắm khít, không còn là hình dạng người, hơi thở như sợi tơ, chừng như muốn tắt nghỉ"[1]. Khi biết Châu Thượng Văn tuyệt thực hơn 20 ngày nay, Huỳnh Thúc Kháng cảm kích và rất xúc động nghe lời nhắn nhủ của ông: "Mính Viên quân, tôi làm cái dễ, còn anh em gắng gánh lấy sự khó". Khi nghe tin Châu Thượng Văn ra đến Huế thì mất,

1. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1965, tr.89.

Huỳnh Thúc Kháng cảm động trước khí phách kiên cường của ông và điếu Châu Thượng Văn một câu đối:

"Cái chết ai không sợ, người lại không tham cái sống suông; tám thước mày râu, thẹn với non sông dành bữa gạo.

Phần khó dễ ai đương, ngươi bỗng lãnh ngay cái phần dễ; một phần gánh vác, đều đem tâm huyết cáo bà con"[1].

(Thi tù tùng thoại)

Trong những ngày bị giam ở nhà lao Hội An, Huỳnh Thúc Kháng bị các quan chức Pháp liên tục tra hỏi về hai việc:

Một là, ông tham dự cuộc họp cùng Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh tại nhà Nguyễn Thành ở Quảng Nam và có nhận mật thư của Phan Bội Châu từ Nhật gửi về;

Hai là, ông cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp ký tên Đào Mộng Giáp làm bài phú *Lương ngọc danh sơn* và bài thơ *Chí thành thông thánh* ở trường thi Bình Định, rồi xuống tàu Nga ở cảng Cam Ranh để mưu toan vượt biển sang Nhật.

Dù kẻ địch dùng mọi thủ đoạn tra hỏi, nhưng trước sau đều bị Huỳnh Thúc Kháng cương quyết phản bác với nhiều lý lẽ và chứng cứ xác đáng. Chúng giam Huỳnh Thúc Kháng trong ngục tối, tiếp tục tra khảo và chờ ngày Tòa án Nam triều xét xử.

Ở trong tù, dù không biết mình bị bắt giam vì tội gì và cũng không biết nhà cầm quyền xử mình ra sao, Huỳnh Thúc Kháng trước sau vẫn giữ một thái độ điềm

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.713.

tĩnh, ôn hòa, không tỏ chút lo lắng. Ông thường mang sách ra đọc và ngâm thơ. Các bạn tù ở đây, kể cả cai ngục người Pháp và người Việt cũng thầm nể phục chí khí và cốt cách đúng mực của Huỳnh Thúc Kháng. Có lần viên cai ngục nấu cơm cho tù nhân hằng ngày dẫu biết quy định của nhà tù không cho tội phạm quốc sự được tiếp xúc và nhận quà của bất cứ ai, nhưng vẫn lén chuyển thư của một "lão chài" gửi cho Huỳnh Thúc Kháng. Thư này có đoạn viết: "Nghe ông bị giam, người nhà ở xa (nhà tôi cách Faifo đến hai ngày đường), không ai ra thăm được. Tôi có ghe bán mắm ra bán ở phố đây, kính gởi vật quà thăm ông. Như ông có nhắn người nhà điều gì, tôi sẵn lòng chuyển đạt cho". Tiếp dưới là mấy chữ lớn: "Hòa Thanh Lão Phố kính thơ".

Trong tình cảnh một tù nhân suốt ngày bị giam hãm trong ngục tối, phần nhiều những người quen biết lánh xa vì sợ liên lụy, nên khi nhận được bức thư trên, Huỳnh Thúc Kháng thực sự cảm động. Ông làm bài thơ:

"Mình côi ngục tối cảnh âm thầm,
Một chữ thân bằng cũng vắng tăm.
Lưa có Hòa Thanh già Phố nọ,
Ân cần gửi thấu bức thơ thăm"[1].

(Thi tù tùng thoại)

Tuy không có chứng cớ cụ thể, nhưng ngày 11 tháng Năm năm Mậu Thân (tức ngày 9-6-1908), chính quyền

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.707-708.

Nam triều tại tỉnh Quảng Nam đã mở tòa án xét xử Huỳnh Thúc Kháng và những người yêu nước đang bị giam giữ ở nhà lao Hội An. Phiên tòa xử Huỳnh Thúc Kháng do Hồ Đắc Trung, Tổng đốc Quảng Nam thành lập tại La Qua, phủ Điện Bàn (thành tỉnh Quảng Nam lúc bấy giờ). Một điều vô lý của phiên tòa này là, Huỳnh Thúc Kháng cùng các bị cáo khác, kể cả thân nhân của họ không được tham dự phiên xử và cũng không có luật sư biện hộ. Thậm chí chúng còn xét xử cả Phan Châu Trinh, mặc dù Phan Châu Trinh bị bắt tại Hà Nội vào cuối năm 1907, giải về Huế giam ở Hộ Thành, đã bị xử ngày 10-4-1908, kết án chung thân đày ra Côn Đảo.

Không tìm ra chứng cớ buộc tội, nhưng tòa án Nam triều vẫn chiếu theo điều "mưu bạn vị hành" (mưu làm giặc mà chưa làm), kết tội Huỳnh Thúc Kháng và các thân sĩ yêu nước khác phải chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc biểu tình chống thuế vừa xảy ra. Huỳnh Thúc Kháng và các sĩ phu yêu nước bị buộc tội "thông với người bội quốc (tức Phan Bội Châu) và xướng thuyết dân quyền, cùng các cuộc khai thương lập học". Tòa án Nam triều kết án Huỳnh Thúc Kháng "xử tử phát Côn Lôn, ngộ xá bất nguyên"[1] (xử tử đày Côn Lôn, gặp ân xá chẳng tha). Bản án được trình lên viên Công sứ Pháp ở Hội An phê duyệt rồi trình lên

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.715.

phủ Phụ chính Nam triều tại Huế, sau đó đệ trình lên Tòa Khâm sứ Pháp ở Huế phê chuẩn.

Bị khép án quốc sự phạm đày ra Côn Đảo, nhưng Huỳnh Thúc Kháng và các tù nhân khác hoàn toàn không hay biết gì về bản án của mình. Kể cả khi ra đến Côn Đảo, cai ngục người Pháp hỏi về tội trạng thì ông và các bạn tù cũng không biết Tòa án Nam triều tuyên án thế nào!

Tháng 6-1908, Huỳnh Thúc Kháng và những người tù đã có án kết đày ra Côn Đảo bị chuyển đến nhà lao tỉnh tại làng Thanh Chiêm, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, cách Hội An 9km về phía tây. Trong nhà lao tỉnh, Huỳnh Thúc Kháng được giam chung cùng các tù quốc sự nên ông và các bạn tù có dịp trò chuyện, lúc thì chơi tổ tôm, đánh cờ, khi thì cùng bàn luận chuyện văn thơ. Cảnh tù có vẻ bớt u sầu, khác hẳn với thời còn bị giam riêng trong ngục tối ở nhà lao Hội An.

Trong những ngày bị giam ở nhà lao tỉnh Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng được tin Trần Quý Cáp, người bạn chiến đấu thân thiết đã bị chính quyền thực dân, phong kiến xử tử ở Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Nghe tin đau buồn này, Huỳnh Thúc Kháng làm bài thơ khóc bạn hết sức xúc động:

"Gươm sách xăm xăm tách dặm miền
Làm quan vì mẹ há vì tiền.
Quyết đem học mới thay nô kiếp,
Ai biết quyền dân nảy họa nguyên
Bồng đảo gió chưa đưa giấc mộng,
Nha Trang cỏ đã khóc hồn thiêng.

Chia tay, chén rượu còn đương nóng
Đà Nẵng đưa nhau lúc xuống thuyền"[1].

(Thi tù tùng thoại)

Có lần Huỳnh Thúc Kháng cùng một số các ông cử, ông tú đang bị giam ở nhà lao tỉnh xướng họa bình thơ, lấy điển tích "Kinh Kha nhập Tần" hạn vận, làm đề bài thi. Trong cảnh ngục tù, thân phận tội đày, thi hứng không có, nên thơ của các ông cử, ông tú đều không đạt; chỉ có Huỳnh Thúc Kháng làm được một bài phỏng vận sau:

"Nỗi oan đường ngựa giận đương đeo,
Sông Dịch đưa người ngọn sóng trêu.
Khí hiệp suốt trời vừng mống lợt,
Hơi thu dăng đất tiếng gươm reo.
Chí côi hẳn dễ vui buồn ngoại,
Lời hứa đành mang sống chết theo.
Sáu nước nhân tài đâu vắng ngắt?
Khéo nhương phường thịt tấm gương treo"[2].

(Thi tù tùng thoại)

Ngày 31-8-1908, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định chấp thuận đề xuất của Khâm sứ Trung kỳ, của Tổng biện lý, Giám đốc Sở Tư pháp, theo quyết định của Tòa án bản xứ ở Trung kỳ, giam giữ tại Côn Đảo 26 người, trong đó có Huỳnh Thúc Kháng.

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.710, 718.

Khoảng đầu tháng 9-1908, nghe tin Huỳnh Thúc Kháng và những người tù có án đày Côn Đảo sắp lên đường, các bạn tù trong nhà lao tỉnh Quảng Nam tổ chức bữa tiệc chia tay. Tù nhân ở lại, người tặng quà, người ngâm thơ tiễn biệt các bạn tù ra đảo xa, khiến ngục giam lạnh lẽo, u tịch như được sưởi ấm lên trong tình cảm dạt dào, thương yêu nhau của những kẻ cùng cảnh ngộ và chí hướng. Đáp lại tấm chân tình ấy, Huỳnh Thúc Kháng làm một bài thơ và một bài hát từ biệt bạn bè, đồng chí còn ở lại trong lao. Bài hát lưu biệt bạn tù của ông có những câu:

"Trăng trên trời khi tròn khi khuyết
Người ở đời sao khỏi tiết gian nan
... Nọ núi Ấn, nầy sông Trà
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt
... Tấm lòng vàng tạc đá vẫn chưa mòn,
Trăng kia khuyết đó lại tròn"[1].

(Thi tù tùng thoại)

Ngày 10-9-1908, Huỳnh Thúc Kháng cùng các bạn tù, gồm Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Trương Bá Huy, Dương Phu Thạc, Nguyễn Thành và Hương Cảnh, Hương Quần, tất cả 8 người, từ nhà lao tỉnh Quảng Nam được chở bằng tàu hỏa ra Đà Nẵng. Đến đây, các ông bị lính dẫn giải ngay xuống tàu thủy ở Cửa Hàn. Đi cùng chuyến tàu, ngoài số tù quốc sự tỉnh Quảng Nam, còn có một số thân sĩ và dân thường các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh,

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd,* tr.719-720.

Quảng Ngãi và Bình Định, trong đó có những người Huỳnh Thúc Kháng từng biết tiếng trong thời hoạt động duy tân như Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Văn Hân, Đặng Văn Bá. Trên chuyến tàu này tổng cộng có 27 tù[1] quốc sự bị đày ra Côn Đảo, mà số tù khoa bảng chiếm gần 20 người.

Đến Sài Gòn, Huỳnh Thúc Kháng và các tù nhân bị đưa vào giam trong Khám lớn Sài Gòn để chờ tàu ra Côn Đảo. Tuy bị gông cùm, xiềng xích, nhưng Huỳnh Thúc Kháng và các bạn tù vẫn thường đàm đạo thơ văn. Đóng góp vào sinh hoạt thơ ấy, Huỳnh Thúc Kháng đọc liền hai bài *Vô đề* được ông sáng tác sau khi Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã sang Nhật Bản. Các nhà khoa bảng vốn ham chuyện thi ca, mỗi người lần lượt đọc một đôi bài, mọi người cùng lắng nghe kèm theo lời bình phẩm, khiến cảnh tạm giam bớt nặng nề, buồn tẻ.

Qua hơn một tuần lễ ở Khám lớn Sài Gòn, Huỳnh Thúc Kháng và các bạn tù đều cổ mang gông, chân đeo xiềng bị giải xuống tàu thủy ra Côn Đảo. Những thử thách mới, cực nhọc quá sức tưởng tượng đang chờ Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự nơi đảo xa.

4. Những năm tháng ở nhà tù Côn Đảo (1908 - 1921)

Sau khoảng 16 - 17 tiếng đồng hồ lênh đênh, dập dềnh trên sóng biển, con tàu đã đưa Huỳnh Thúc Kháng và các quốc sự phạm tới Côn Đảo.

---

1. Huỳnh Thúc Kháng: *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000, tr. 43-44.

Côn Đảo, thời Nguyễn còn có tên Côn Lôn, là quần đảo gồm 14 đảo lớn nhỏ nằm ngoài khơi Biển Đông. Do bốn mặt đều có biển bao bọc, lại cách đất liền gần trăm hải lý, nên sau khi chiếm được quần đảo này, thực dân Pháp đã đưa nhiều tội phạm và những người yêu nước chống Pháp ra đây giam giữ. Từ đó, Côn Đảo trở thành "địa ngục trần gian" ở xứ Đông Dương.

Nhà tù Côn Đảo do thực dân Pháp xây dựng từ năm 1862 và trong thời gian dài, nhà tù chỉ có một khu nhà giam, gọi là Banh 1. Banh này được xây dựng trên một khu đất rộng khoảng 1.015m^2, dùng để giam giữ đủ các loại tù, trong đó có 10 phòng giam tập thể (chia làm 2 dãy, mỗi dãy 5 phòng), 1 phòng giam đặc biệt, 20 xà lim (hầm đá), 1 hầm xay lúa và 1 khu đập đá. Tính đến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, số tù nhân bị giam giữ ở nhà tù Côn Đảo đã lên tới 1.200 người[1]. Đến năm 1916, thực dân Pháp lại cho khởi công xây dựng Banh 2, dùng để nhốt những trọng phạm, trong số đó có những người tù bị kết án tử hình đợi ngày hành quyết.

Ngoài ra, những người tù Côn Đảo còn bị giam ở các sở tù khổ sai khác như: Sở Rẫy An Hải - An Hội, Sở Lưới, Sở Muối, Sở Củi - Chuồng Bò, Sở Tiêu, Sở Cỏ Ống...

Tháng Tám năm Mậu Thân, Huỳnh Thúc Kháng cùng các bạn tù đặt chân lên Côn Đảo, nơi Tây Hồ

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975),* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.82.

Phan Châu Trinh đã bị đày ra trước đó trên bốn tháng. Huỳnh Thúc Kháng mang số tù 7.455 dưới khắc hai chữ D.C (Dangereux Condamné: tù nguy hiểm)[1].

Biết tin Huỳnh Thúc Kháng tới Côn Đảo, ngay chiều hôm ấy Phan Châu Trinh đang bị an trí ở làng An Hải bí mật gửi thư thông báo cho ông và các nhân sĩ đang bị giam ở Banh 1 về tình hình nhà tù, từ các việc ăn, uống đến đối đãi với cai tù cùng lời động viên: "Anh em vì quốc dân hy sinh tất cả ra đây, nơi đảo khơi, tưởng có vui thú tuyệt, chứ chẳng chút nào buồn chán cảnh cay đắng này, làm trai ở thế kỷ 20, không thể không nếm tới"[2]. Nhận được thư của Phan Châu Trinh, người bạn đồng chí hướng, thân thiết, Huỳnh Thúc Kháng rất cảm kích, làm hai bài thơ tứ tuyệt, trong đó có đoạn:

"Đày hoang đảo, trước thế người sau
Mũ áo ta nay cũng chức tù,
Thôi chớ Tần đình rơi giọt lệ.
Ngàn năm sử Việt ấy trương đầu"[3].

(*Thi tù tùng thoại*)

Lúc Huỳnh Thúc Kháng bị đày ra Côn Đảo, chế độ nhà tù ở đây vẫn chưa có sự phân biệt chính trị phạm,

---

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.44, 46.

3. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd*, tr.733.

quốc sự phạm với thường phạm, nên tất cả đều giam chung ở Banh 1. Cảnh chửi bới, đánh lộn, chơi bời, cờ bạc, gian manh... giữa các tù thường phạm diễn ra thường xuyên, không ngày nào không có; thậm chí đâm giết lẫn nhau cũng có. Các nhân sĩ yêu nước, các nhà khoa bảng không chỉ cực nhọc làm khổ sai mà còn phải chịu đựng cảnh sống xô bồ, quấy phá của các tên lưu manh, những tay anh chị trong đám tù thường phạm.

Khác với tù thường phạm có vẻ khép nép sợ sệt, những tù quốc sự luôn giữ phong cách sống ung dung, đàng hoàng, không chịu hạ mình bợ đỡ bọn cai tù (như cai thì gọi bằng "chú", đội thì gọi bằng "thầy", quản thì gọi bằng "ông"). Thái độ khí khái của tù quốc sự khiến nhiều người tù thường phạm e dè, kiêng nể, đều gọi các ông là "tù quan to". Nhưng lính gác ngục thì cho là hạng cứng đầu, vô lễ, thường tìm cớ đánh đập các ông để thị oai. Có lần các tù quốc sự đang đập đá, lấy cớ các ông làm việc lề mề, chậm chạp, lính gác đi từ đầu dãy đến cuối dãy, hỏi từng người: "Mầy cái gì?". Dù người khai là cử nhân, tú tài cũng đều bị đánh một roi, duy chỉ có người xưng là chánh tổng thì được miễn, vì lính gác là người miền trong nên rất coi trọng người có chức dịch và cũng không biết khoa giáp là gì.

Huỳnh Thúc Kháng cũng bị lính gác hỏi: "Còn lão nầy cái gì?". Huỳnh Thúc Kháng thản nhiên trả lời: "Bẩm Tấn sĩ". Lính gác cho là ăn nói hỗn láo, đánh ông một roi khá đau. Nhân việc này, Ông có bài tứ tuyệt:

"Tấn sĩ là cái gì,
Ăn nói rất vô lễ.
Cho mầy một ngọn roi
Mầy biết tay tao nhé!"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Bài thơ của Huỳnh Thúc Kháng trở thành một giai thoại vui ở Côn Đảo, thường được các quốc sự phạm truyền đọc cho nhau.

Trong những ngày bị đày ải ở nhà tù Côn Đảo, Huỳnh Thúc Kháng và tù quốc sự phải làm nhiều công việc hết sức nặng nhọc, như kéo xe, đốn củi, khuân vác, đập đá..., cơ cực nhất là xâu dọn tàu. Vì tàu chở hàng lớn không cặp sát bờ được, nên mỗi lần dọn tàu, cai ngục lại đưa khoảng 50 đến 60 người tù, chia làm nhiều tốp bốc hàng từ hầm tàu lên, chuyển qua xà lan chở rồi bốc xếp lên bờ và từ đó chuyển vào kho nhà tù. Mỗi lần phải chuyển các giỏ cá khô nặng 50kg, hoặc những bao thóc nặng 60 - 70kg, các ông phải hai, ba người xúm vào khiêng "*như kiến tha thằn lằn. Sóng vỗ té lên té xuống ướt như chuột lột*". Công việc nặng nhọc quá sức với các nhà khoa bảng, nên Huỳnh Thúc Kháng và tù quốc sự không chỉ phải hứng chịu nhiều đòn roi, mà còn bị cai ngục và lính gác xỉ vả, chế giễu là *"tụi quan to hèn*". Nói về nỗi sợ làm xâu dọn tàu, Huỳnh Thúc Kháng có bài thơ:

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.737-738.

"Việc gì rất ghê người,
Tàu chở lúa tới nơi?
Sẽ rước trận đòn lớn,
Sắc mặt trắng như vôi"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Lao động vất vả như vậy, nhưng chế độ ăn uống vô cùng kham khổ, thậm chí cơm ăn bao giờ cũng thiếu, thức ăn không bao giờ đủ. Thường thì tù ăn cơm gạo xay không giã, cá khô, canh nhạt là thực phẩm chính quanh năm, thỉnh thoảng mới được ăn một bữa thịt. Đến bữa ăn, mỗi người tù nhận một lon sắt dùng để ăn thay bát, cứ 7 người ngồi chung một nhóm, có 1 thùng cơm, 1 thùng canh hoặc rau, 1 lon cá khô kho, 1 lon nước mắm. Huỳnh Thúc Kháng đã miêu tả chân thực bữa cơm tù ở Côn Đảo như sau:

"Cá khô mặn như muối
Cơm lức đen như sắt
Bảy người chung một mâm
Ngồi lết cứ xực gắt"[2].

(*Thi tù tùng thoại*)

Do lao động khổ sai nặng nhọc cùng với đòn roi hiểm ác của cai ngục và chế độ ăn uống kham khổ thiếu thốn, dịch bệnh hiểm nghèo nên rất nhiều tù nhân đã bị chết nơi đảo xa. Trong số quốc sự phạm, chỉ trong

---

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd,* tr.751-752, 736.

khoảng 13 năm (1908 - 1921), có hơn 10 vị thân sĩ và dân một số tỉnh Trung Kỳ chết tại nhà tù Côn Đảo[1].

Những ngày đầu mới bị đày ra đảo, Huỳnh Thúc Kháng luôn trăn trở nỗi nhớ vợ, thương con. Khi biết tù nhân được phép gửi thư về thăm nhà và người tù cũng được phép nhận quà, những thứ mà nhà tù không cấm, cuối tháng 9-1908, Huỳnh Thúc Kháng gửi lá thư đầu tiên về gia đình. Trong thư Huỳnh Thúc Kháng viết có câu:

"Đã cái thân nhiều bệnh lắm sầu,
Thêm những nỗi lìa làng bỏ nước.
Ven trời lưu lạc, nhớ nhau chỉ gởi
Nơi mộng hồn; ngày tháng tiêu mòn,
Ngắm bóng thêm buồn cùng bắp thịt..."[2].

(*Thi tù tùng thoại*)

Tháng 12-1908, Huỳnh Thúc Kháng nhận được thư nhà cùng một thùng trà và thuốc. Ông mừng như được của quý, sung sướng vô cùng, vì từ ngày bị lính Pháp bắt giải đi Hội An đến giờ, đây là lần đầu tiên Huỳnh Thúc Kháng nhận được thư nhà. Ông làm bài thơ:

"Một phong gói chặt thuốc tương tư,
Gởi đến ven trời viếng bạn xưa
Ngăn lệ trước rèm tay xét nhỏ
Lòng riêng trăm mối rối như tơ"[3].

(*Thi tù tùng thoại*)

1, 2, 3. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd,* tr.767, 743, 743-744.

Huỳnh Thúc Kháng thường xuyên gửi thư về nhà, đều đặn ba tháng một lần. Lúc biết tin vợ sinh con gái thứ hai[1], Huỳnh Thúc Kháng cảm xúc viết những vần thơ với đầy mong mỏi, khát vọng:

"Chưa trai thì gái cũng vừa,
Chị em Trưng nữ tiếng giờ còn thơm"[2].

(*Thi tù tùng thoại*)

Từ lúc đặt chân lên Côn Đảo, với bao nỗi u uất, tâm tư về thời cuộc, Huỳnh Thúc Kháng mong gặp Phan Châu Trinh để cùng nhau giãi bày, tâm sự. Mãi hơn ba tháng sau, nhờ một người tù cho mượn thẻ bài ra làm sở rẫy, Huỳnh Thúc Kháng mới có dịp gặp được Phan Châu Trinh ở làng An Hải. Hai ông cùng mừng rỡ, trò chuyện với nhau được trong ít phút. Thấy Phan Châu Trinh vẫn khảng khái, cương quyết như xưa, lại rụng mất hai cái răng cửa, còn bản thân mình tóc đã bạc nhiều, Huỳnh Thúc Kháng xúc động làm bài thơ:

"Kiếp tù chung một cõi ven trời,
Hai ngả Sâm Thương cách mỗi nơi.
Tóc tớ bạc phơ răng bác rụng.
Gặp nhau không nói ngó nhau cười"[3].

(*Thi tù tùng thoại*)

---

1. Ông bà sinh được người con gái đầu năm 1903, đặt tên là Huỳnh Thị Xuân Lan (tức cô Yển), năm 1908, sinh người con thứ hai, tên là Huỳnh Thị Thu Cúc (tức cô Kình).

2, 3. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.760, 746.

Bên cạnh nỗi niềm nhớ nhà, nhớ bạn da diết, Huỳnh Thúc Kháng luôn trăn trở, suy nghĩ về những sự việc diễn ra nơi ngục tù Côn Đảo và rút ra nhận xét cho riêng mình. Quan sát từ việc phân phát công việc lao dịch đến điểm tù hằng ngày, ông nhận thấy: "Tính cách người Âu Tây, phàm làm việc gì, bất luận việc lớn nhỏ, đều có quy tắc nghiêm mật, lại lâu bền, không có cái lối lây lất cẩu thả, trước siêng sau nhác như người phương Đông, nhứt là người Nam ta"[1]. Ông làm bài thơ kể về việc điểm tù để minh họa như sau:

"Sổ bài đeo ngực thế cho tên,
Ngày mấy lần kêu đứng "lápben" (lappel).
Tháng lại năm qua bài học ấy,
Ngoài trời công việc thảy đều quên"[2].

(*Thi tù tùng thoại*)

Tháng Hai năm Kỷ Dậu (1909), nhiều thân sĩ yêu nước có án nặng ở các tỉnh ngoài Bắc, chủ yếu là những người tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa thục và phong trào Đông du, như Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Vũ Hoành... bị đày ra Côn Đảo. Tiếp đó vài tháng, lại có thêm các vị khoa bảng ở các tỉnh, nhiều nhất là Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Bình Định, Hà Nội bị đày ra đảo, đưa số tù quốc sự lên hơn 50 người.

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd,* tr.851, 853.

Cũng năm đó ở Côn Đảo có bệnh dịch lớn, tù chết nhiều, "có kẻ buổi mai đi làm xâu mà buổi chiều đã chôn xác nơi mộ địa, có kẻ khiêng vào nhà thương đôi ngày mà không sống được". Trong đợt dịch này, số quốc sự phạm ở Côn Đảo có hai người chết, mà người chết đầu tiên là Lý trưởng làng Hạ Lôi (Hà Tĩnh) - bị đày ra đảo cùng nhóm 27 người từ năm 1908. Ngậm ngùi tiễn đưa người bạn tù, Huỳnh Thúc Kháng làm câu đối viếng:

"Đảo này là trường học thiên nhiên bạn anh hùng, với chúng ta cùng sớm chiều, thanh phúc mấy đời tu được thế!

Một làng là tấm ảnh rút nhỏ của nhà nước, cùng đồng bào tranh lợi ích, cùng hoang một thác quỷ càng thiêng"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Ngoài hai người đã chết vì dịch bệnh, trong số quốc sự phạm có Ngô Đức Kế cũng mắc căn bệnh quái ác này. Biết nhà thương trên đảo sợ bệnh truyền nhiễm, ngại chữa trị nếu bệnh nặng, nên Huỳnh Thúc Kháng cùng các bạn tù quốc sự giấu ông ở trong khám và tìm mọi cách cứu chữa, nhờ đó ông qua khỏi. Sau này trong thư gửi về nhà, Ngô Đức Kế cảm động kể về sự tận tình chăm lo, giúp đỡ nhau trong lúc đau yếu của những người tù quốc sự: "Bị con ma dịch bắt, nhờ phúc nhà con dày, anh em

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.750.

săn sóc, may mà qua khỏi được. Không thế, nay cỏ đã xanh trên nấm mả rồi"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Tuy số quốc sự phạm ra đảo ngày càng đông, nhưng họ vẫn bị giam chung cùng thường phạm. Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự làm đơn đấu tranh, đề đạt đòi được giam riêng để tránh sự nhũng nhiễu của tù thường phạm. Trước tình thế đó, Quản đốc nhà tù là Quyđônê (Cudenet) buộc phải chấp nhận yêu sách của quốc sự phạm và hứa sẽ xem xét giải quyết. Đến năm 1910, Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự được đưa ra giam riêng ở Khám B (gồm Khám số 6 và Khám số 7 của Banh 1), cho làm khổ sai nhẹ hơn, như dệt chiếu, đan mây, làm rẫy; còn tù thường phạm vẫn ở lại trong khám cũ. Từ đó, mọi sinh hoạt trong tù có vẻ bớt lộn xộn và trật tự hơn.

Nhờ được ở cùng một khu vực, Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự rất hào hứng bàn luận chuyện văn chương, có khi chỉ là ngẫu hứng một mình, cũng có khi được tổ chức xướng họa với nhiều người tham gia. Các tù quốc sự thường lấy đề tài từ cuộc đời tù ngục của mình, như ăn, ở, điểm danh, điểm tù, làm xâu, khám xét, trốn khám, thả bè vượt biển, nhớ nhà, gia đình gửi quà cho người thân, vợ tặng chăn cho chồng, khóc các

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.750.

bạn tù qua đời... làm nguồn thi hứng. Huỳnh Thúc Kháng là một trong những người tích cực đóng góp cho sinh hoạt này.

Kỷ niệm 3 năm ngày ra Côn Đảo (8-1908 - 8-1911)[1], các tù quốc sự tổ chức làm thơ xướng họa, lấy đề bài 7 chữ: "Ngày này năm ngoái đến Côn Lôn". Huỳnh Thúc Kháng đóng góp liền hai bài thơ. Bài thứ nhất có câu kết theo đề bài ra:

"Một tay thề quyết vạch trời con,
Gọi dậy bà con tỉnh mộng hồn.
Gươm tách núi chiều xua bóng xế,
Thuyền phăng biển sớm rước vầng tròn.
Nước non hẹn vẫn lòng ôm chặt,
Năm tháng ngồi ghê tuổi chất dồn?
Trong ngục há đâu quên kỷ niệm,
Ngày này năm ngoái đến Côn Lôn".

(*Thi tù tùng thoại*)

Tiếp đó, ông viết bài thơ thứ hai với câu mở đầu theo yêu cầu của đề bài:

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): "Thi tù tùng thoại", trong sách *Huỳnh Thúc Kháng - Tác phẩm chọn lọc*, *Sđd*, tr.320. (Về sự kiện Huỳnh Thúc Kháng đến Côn Đảo, sách *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)* viết ngày 28-8-1908 (tr.44); sách *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc* ghi ngày 15-8-1908 (tr.320)).

Ngày này năm ngoái đến Côn Lôn,
Cay đắng mùi tù nuốt cứ ngon.
Thềm gạch ban ngày đan chiếc lác,
Kẻ phen chiều tối học bài con.
Gió đưa thu đến sầu thêm bội,
Cây trải đông qua trái vẫn còn.
Chót núi nơi nào dung tớ đứng,
Ngắm xem bể Á lớp triều dồn"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Huỳnh Thúc Kháng không chỉ làm thơ để tự động viên mình mà còn khích lệ nhiều vị thân sĩ trong số quốc sự phạm sáng tác và xướng họa. Các ông Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn, Nguyễn Phong Thử, Nguyễn Thành, Nghiêu Giang..., đều nổi thi hứng, kẻ trước người sau cùng đóng góp nhiều bài thơ hay, có giá trị, được mọi người tán thưởng, trân trọng.

Mỗi bài thơ của Huỳnh Thúc Kháng và của các nhà nho yêu nước đều chất chứa đầy tâm sự, thể hiện chí khí khảng khái, nỗi niềm thương dân, yêu nước, tinh thần lạc quan của người chí sĩ trong chốn lao tù tin tưởng vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc. Hứng thú làm thơ, ngâm vịnh nảy nở, lôi cuốn nhiều nhà khoa bảng, kể cả người không biết gì về thơ phú trong số quốc sự phạm.

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.798-799.

Khoảng năm 1910, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh và Phan Thúc Duyện viết chung tác phẩm *Tuồng Trưng Vương*. Vở tuồng mở đầu với lời xướng của Trưng Vương:

"Non nước Hồng Bàng lắm khí thiêng,
Ngàn năm rạng mặt gái thuyền quyên.
Mày râu ai những phường nô lệ,
Xem thử quần thoa gióng nữ quyền"[1].

Tác phẩm thể hiện tinh thần yêu nước, thương nòi, tư tưởng bình quyền, nhất là tinh thần tự cường, độc lập, tự tôn dân tộc và được truyền đọc rộng rãi trong khám, khiến nhiều quốc sự phạm thích thú, có người thuộc lòng cả vở tuồng.

Bên cạnh nhiều bài thơ, phú, liễn đối bằng chữ Hán, Huỳnh Thúc Kháng còn làm câu đối bằng chữ quốc ngữ. Tuy mới học chữ quốc ngữ khi tham gia cuộc vận động Duy tân, nhưng biết vợ mình ở quê nhà mong muốn có câu đối nôm để chúc thọ nhạc mẫu nhân dịp cụ 76 tuổi. Ngẫm cảnh nhà vợ, khi cụ ông đã mất, 6 người con trai đều trưởng thành, yên bề gia thất, riêng 4 chàng rể thì 3 người đã mất, còn rể út là ông đang bị tù đày. Huỳnh Thúc Kháng nén xúc động viết:

"Tôi kính chúc mừng bà, bảy mươi lại sáu thừa, rồi đây mà tám mươi, mà chín mươi, mà trăm tuổi trở lên,

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd,* tr.156.

sân hòe nương cậy vào ra, chút ngót trong tay, cháu chắt chung quanh nghe chuyện cũ.

Con đây oa nào rể? Bốn người còn một chút, nực cười khi ông Cử, khi ông Nghè, khi làm ông Tú xứ khác, biển cạn chiếc thuyền chìm nổi, tiệc đào vui chén, non sông gìn giữ đợi ngày sau"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Đây là câu đối quốc ngữ đầu tiên của Huỳnh Thúc Kháng viết từ nơi ngục tù Côn Đảo.

Các buổi xướng họa, bàn luận chuyện văn chương ấy, trong đó Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn đóng vai trò chủ chốt, đã góp phần xua đi tâm lý bi quan, chán chường nơi ngục tù đế quốc, tạo không khí sống lạc quan, bồi dưỡng chí khí, hoài bão của những tù nhân có tâm huyết và gia tăng mối đồng cảm, đồng chí hướng giữa họ với nhau.

Sức mạnh tinh thần của những vần thơ cất lên giữa chốn lao tù được Huỳnh Thúc Kháng ghi lại như sau: "Đến như cảnh tù, trăm điều tự do không còn một chút gì, đến cái xu xác cũng không phải của mình, chỉ lựa có một chút tự chủ về tinh thần mà muốn an ủi cho tinh thần thì "thi văn" lại là món tu dưỡng rất thích hợp. Vậy tôi dám nói: Ở tù mà dùng thi văn làm món di dưỡng tinh thần, không phòng hại gì mà sự bổ ích rất rõ ràng.

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd,* tr.899.

Trong trường học thiên nhiên 13 năm (1908 - 1921) cả bọn đồng thời với tôi, cả thân sĩ cho đến người dân, kẻ chết không nói, người còn mà được tha về, vẫn giữ được tấm lòng không thay đổi. Biết đâu không nhờ món nuôi tinh thần đằm thắm đó mà không tự biết. "Thi cùng mà sau mới hay", cái đó không dám chắc. Song thi văn có thể làm món nuôi tinh thần trong cảnh cùng thì chính tôi là một người đã nhờ món quà ấy mà nuôi tinh thần được sống sót đến ngày nay"[1]. Phan Bội Châu nhận xét: "Thi mà tù, tù mà thi, là một việc rất hiếm. Chẳng dè sự hiếm có ở đời xưa mà lại náo nhiệt ở đời nay! Đàn thi ở đảo Côn Lôn vừa xây đâu trước đây 30 năm, mà các ông tù hay thơ, gót trước liền gót sau, trong một khoảng không dứt...:

Sá lẽ bút thua gươm được mãi,
Ghe phen núi đổ bể vùi đi
Ai ơi! muốn học thi tù nhé,
Trong đảo Côn Lôn bạn thiếu gì"[2].

(*Thi tù tùng thoại*)

Xen lẫn cùng với các cuộc đàm đạo thơ văn, trong khám tù quốc sự còn diễn ra nhiều buổi sinh hoạt trao đổi về các chủ thuyết chính trị, về tình hình thời cuộc và triển vọng của sự nghiệp canh tân đưa dân tộc, đất nước thoát khỏi cảnh lầm than. Huỳnh Thúc Kháng thường là

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.969, 970-971.

một trong những người tham gia sôi nổi và tích cực trong những buổi sinh hoạt đó. Nhân chuyện Phan Châu Trinh được tha về đất liền (năm 1910), rồi đi Pháp (năm 1911), có một vài tù quốc sự bàn tán, hoài nghi, Huỳnh Thúc Kháng lên tiếng khá gay gắt để bảo vệ chính kiến của người bạn chiến đấu cùng chung lý tưởng duy tân, đồng thời cũng giải thích, biện luận rõ thêm quan điểm của mình, nhằm tạo sự đồng thuận trong số tù quốc sự.

Qua các buổi sinh hoạt này, Huỳnh Thúc Kháng cùng một số nhân sĩ giàu tâm huyết luôn trăn trở, nung nấu và thường xuyên tìm gặp nhau để trao đổi những suy nghĩ về con đường phục quốc. Trong *Văn bản thông báo số 2951 - 3C* của quyền Khâm sứ Trung Kỳ gửi các đốc lý Đà Nẵng và Đà Lạt có nội dung: "Ở Côn Đảo, các tù chính trị hồi 1908 và 1913 đã tổ chức một nhóm đặt tên là nhóm Phục Việt. Lê Huân, Tú Kiên, Cửu Cai, Huỳnh Thúc Kháng... tất cả đều là những nhà nho ở trong nhóm này"[1].

Một hoạt động say mê của Huỳnh Thúc Kháng trong những năm tháng bị đày ải tại Côn Đảo là học chữ Pháp. Vốn là tiến sĩ Nho học, khi bị bắt Huỳnh Thúc Kháng chưa biết tiếng Pháp. Không chịu buông xuôi, phó thác

---

1. Dẫn theo Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.106.

thân phận mình trong ngục tù, nên dẫu bị đày đọa và làm xâu việc nặng nhọc, ông vẫn tranh thủ thời gian rỗi để học. Khi ra đảo, ông có mang theo được mấy quyển sách tiếng Pháp gồm: một quyển Pháp Việt từ điển của Trương Vĩnh Ký, một quyển Lecture langage và một quyển ngữ pháp tiếng Pháp; sau lại mua thêm một ít sách Lecture và Grammaire cùng một bản L'Histore nationale Française. Tranh thủ những lúc nghỉ trưa, Huỳnh Thúc Kháng cùng Ngô Đức Kế và một số tù quốc sự lại mang sách ra học. Khác với các lớp học ngoại ngữ thường coi trọng việc giao tiếp, trao đổi; ở đây, người học chủ yếu tự nhẩm đọc theo sách và cố gắng ghi chép vào trí nhớ của mình. Dù cố hạn chế gây tiếng ồn khi học đọc và viết chính tả, nhưng các ông vẫn không tránh khỏi sự khó chịu và những lời chửi mắng của một số tù thường phạm: "*Tụi quan to, ở nhà cha mẹ cho đi học, không học, nay ra tù, học cái gì phá giấc ngủ người ta*"[1].

Nhờ có lòng say mê và kiên trì, Huỳnh Thúc Kháng có nhiều tiến bộ trong việc học tập tiếng Pháp. Tuy còn hạn chế về nghe và nói, nhưng Huỳnh Thúc Kháng đã có thể đọc hiểu sách Pháp và phiên dịch khá thành thạo. Việc học tập, trau dồi tiếng Pháp ở ngay nơi ngục tù Côn Đảo không chỉ thể hiện ý chí cầu tiến bộ của Huỳnh Thúc Kháng, mà còn tạo cơ sở để ông có những

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.838.

bước đi vững chắc trên con đường đấu tranh vì sự nghiệp cứu dân, cứu nước sau này.

Các hoạt động ngâm thơ, xướng họa cũng như tinh thần học tập say mê của tù quốc sự cùng nhân cách của họ, trong đó Huỳnh Thúc Kháng là một người tiêu biểu, đã tác động tích cực đến thái độ của số tù thường phạm và của nhiều gác ngục. Các tù thường phạm thì bớt gây gổ, mắng chửi, có người lại noi theo gương các quốc sự phạm, tự tìm mua giấy bút để học. Đặc biệt là, cách đối xử, xưng hô của những người gác ngục đã thể hiện sự tôn trọng, nể phục những người tù quốc sự - những người có nhân cách, có văn hóa và hiểu biết sâu rộng. Họ ít đánh đập tù nhân hơn và xưng hô cũng bớt phần thô tục.

Năm 1912, nhờ biết chữ Pháp nên Huỳnh Thúc Kháng được đưa ra làm việc ở phòng giấy của nhà tù. Công việc chính của Huỳnh Thúc Kháng ở đây là ghi chép, thống kê các sổ lương tháng tù, sổ phạt, sổ tù bệnh cũng như số tù ra vào các sở hằng ngày. Ông không còn phải làm xâu nặng nhọc lại được ăn mặc đầy đủ, được đối xử tử tế và có chút ít tiền lương, với 2 - 3 đồng mỗi tháng. Không như những người trước có ý gian dối nên phải bị đuổi, bị phạt, Huỳnh Thúc Kháng cẩn thận biên chép đầy đủ và không để xảy ra bất kỳ sai sót, thất thoát nào. Tác phong làm việc cần mẫn, có hiệu quả, nhất là thái độ trung thực của Huỳnh Thúc Kháng khiến viên Giám ngục thêm phần nể phục và có nhiều thiện cảm với ông, với những người tù quốc sự.

Hơn ba năm làm việc trong phòng giấy, Huỳnh Thúc Kháng có thêm nhiều hiểu biết về cách làm sổ sách kế toán, công văn, thư trát. Huỳnh Thúc Kháng nhận xét, đây "là một trường học mới: Lúc mới vào không hiểu gì cả. Nhưng dần dần rồi tìm ra mối manh, thấy rõ người Tây về mặt sổ sách, biên chép, số mục thứ lớp, cái gì ra vào cũng ghi ngày tính tháng, có môn loại rành rẽ, nhân đó được môn học thực nghiệm về mặt làm việc tập sự mà có thú, trong đôi ba tháng, đã thành tay thạo. Phàm phần việc của tôi cho đến sổ sách, đều ghi chép hằng ngày, không có điều gì sai lầm"[1].

Cũng trong thời gian ra làm việc ở phòng giấy, Huỳnh Thúc Kháng được bảo lãnh ra ngoài khám để dạy chữ Hán cho một viên thông ký nhà tù. Mỗi buổi tối, Huỳnh Thúc Kháng ra dạy học từ 7 giờ đến 9 giờ, rồi trở về khám. Suốt mấy tháng liền, ông chỉ bảo tận tình, chu đáo từ Chánh văn, Luận ngữ, Mạnh tử đến soạn sẵn tờ khai, tờ bẩm, đơn thư chữ Hán; đồng thời gợi ý người học mời các vị khoa bảng văn hay, chữ tốt ở trong khám, như Giải Huân, Lê Đại ra giúp đỡ thêm. Công việc đó không chỉ giúp Huỳnh Thúc Kháng củng cố vốn chữ Hán của mình mà còn gây thêm thiện cảm của cai ngục, lính gác ở trên đảo đối với tù quốc sự. Ông làm bài thơ kể về sự việc này như sau:

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd,* tr.839.

"Quyển sách ngòi lông trước ngọn đèn,
Rõ ràng cảnh ấy trước xưa quen.
Bỗng nghe chín tiếng đồng hồ giục,
Vội lại sân "banh" chực "láp ben"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Từ sau ngày Phan Chu Trinh được tha về đất liền (1910), Huỳnh Thúc Kháng và các tù nhân trong khám quốc sự phạm đều ngày ngóng đêm mong đến lượt mình được trở về với quê hương. Nhờ có sự can thiệp của Liên minh nhân quyền tại Pháp và những nỗ lực vận động của Phan Châu Trinh, đến năm 1913, các ông nhận được giấy ân xá, trong số này những án kết trước 9 năm đều được tha về, còn số tù quốc sự vốn bị án kết "khổ sai chung thân", như Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Đặng Thai Sơn, Phan Thúc Duyện được giảm án xuống 13 năm. Bị đày ra Côn Đảo, tưởng chừng như không có ngày trở về, nên biết tin này ai cũng lấy làm vui.

Từ khi ra làm việc ở phòng giấy, Huỳnh Thúc Kháng ít được gặp gỡ, trò chuyện và xướng họa thi ca với các bạn tù quốc sự. Tuy vậy, đôi khi có cảm xúc, Huỳnh Thúc Kháng ở ngoài cũng gián tiếp cùng anh em xướng họa. Có lần gặp bạn tù quốc sự là Nguyễn Phong Niên ra nhà thương kể chuyện về tờ báo tiếng Hoa đưa tin một

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd,* tr.857.

người Trung Quốc được giải thưởng cuộc thi máy bay ở Mỹ, Huỳnh Thúc Kháng cảm hứng làm bài thơ:

"... Thiên nhiên học hiệu thêm bài mới,
Nước cũ non sông chạnh mối sầu.
Tin báo cùng ngươi trò chuyện đó,
Chiêm bao theo máy tếch bay mù"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Huỳnh Thúc Kháng thường tìm cách kể lại cho bạn tù quốc sự biết những chuyện mà ông được đọc ở ngoài phòng giấy, như về cách mạng ở Trung Quốc năm 1911 và cuộc chiến tranh thế giới nổ ra năm 1914. Được nghe các tin trên, nhất là tin "Trung Hoa đánh đổ Mãn Thanh", những người tù quốc sự vốn luôn bị ngăn cấm mọi tin tức về chính trị, tình hình trong nước, thế giới, rất là phấn khởi.

Trong ký ức của Huỳnh Thúc Kháng và tù quốc sự phạm, quan Tham biện Ô. Cônen (O.Coonell) và trước đó là ông Quyđônê (Cudenet) là những quản ngục có kinh nghiệm về mặt chính trị. Thực hiện chính sách khai phóng, từ năm 1914, chúa đảo Ô. Cônen đã cho tất cả các hạng tù, từ tù bị án lưu đến tù quốc sự, kể cả tù án chung thân được ra ngoài khám tự lao động sinh sống và tự quản lý lẫn nhau theo quy định cụ thể với mỗi hạng tù. Từ chỗ bị giam hãm chặt chẽ trong ngục tối với xiềng xích

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.840.

cùm gông, nay được ra ngoài tự do mưu sinh, nên tù nhân rất vui vẻ, phấn khởi, cảnh tù nhờ đó cũng bớt đi phần u sầu. Nhận xét về chính sách khai phóng của Ô. Cônen, Huỳnh Thúc Kháng có bài thơ:

"Dầu tù vẫn có bụng lương trung,
Phân biệt chi bằng đãi cách chung.
Khai phóng trở thành lương thiện hóa,
Trong tù muôn miệng tụng Ô công"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Được ra ở ngoài khám, Huỳnh Thúc Kháng cùng một số bạn tù quốc sự mở hiệu bán đồ tạp hóa. Các ông hùn vốn kinh doanh, gửi tiền về Sài Gòn nhờ mua hàng chuyển ra. Nhân lúc nhà tù đang xây dựng, số thợ xây từ đất liền ra đông cũng như lính gác trên đảo tiêu thụ nhiều, nên cửa hàng của các tù quốc sự càng thêm đông khách, lấn át cả hai tiệm buôn của người Hoa lâu nay, tiền vốn lên tới hàng ngàn.

Việc buôn bán phát đạt, thuận lợi nên cuộc sống của Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự ở Côn Đảo thời gian này có phần dễ chịu hơn. Không như một số tù quốc sự, khi có tiền thì sinh ra xa xỉ, phung phí, nay tiệc mai tùng cùng với tổ tôm, tài bàn, chờ ngày hết hạn tù, Huỳnh Thúc Kháng vẫn day dứt, đau đáu nỗi niềm

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.873.

về việc dân, việc nước. Trong lần phải đi nằm ở nhà thương trên đảo, Huỳnh Thúc Kháng có làm bài thơ thổ lộ tâm sự của mình với bao mong muốn:

"... Cố quốc trông về lưa có bóng
Tân triều ngóng mãi dứt không tin..."[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Năm 1917, quan Tham biện Ô. Cônen bị triệu hồi về đất liền, có tham biện mới đến, chính sách khai phóng bị bãi bỏ và thực thi chính sách nghiêm khắc đối với các tù nhân. Họ không còn được ở ngoài tự do làm ăn, buôn bán kinh doanh như trước nữa. Huỳnh Thúc Kháng và tù quốc sự bị chia ra làm việc tại các sở của nhà tù.

Lúc đầu, Huỳnh Thúc Kháng cùng My Sanh, Tập Xuyên, Thai Sơn, Nghĩa Bình được ở ngoài, làm xâu việc theo các sở; sau vì có tù trốn trại nên các ông đều phải vào ở khám. Khổ nhất là các ông phải ăn ở chung đụng với tù thường phạm và làm nhiều xâu việc nặng nề.

Ít lâu sau, các tù quốc sự được đưa ra làm việc ở Cô Ông (tục gọi là Cỏ Ống). Tại đây, mỗi người phải làm ở các sở khác nhau nên rất ít khi gặp nhau. Huỳnh Thúc Kháng lúc thì làm ở sở ruộng, lúc sở vô tuyến điện đài, khi thì sở ghế mây, nếm trải nhiều công việc nặng nhọc,

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.865.

từ gánh cát, vác đá, làm ruộng, thợ nề,... Cảnh sống cực nhọc này được Huỳnh Thúc Kháng thể hiện qua nhiều bài thơ, trong đó có bài:

"Côn Đảo mười năm khổ chưa xong,
Lại mang mền chiếu đến Cô Ông.
Dốc cao sớm dậy rề khiêng đá,
Bãi biển trưa nằm hứng gió đông.
Công việc nặng nề ngày bận rộn,
Bạn bè rơi rắc chạy lung tung.
Khác nơi mà cảnh chung cay đắng,
Ngựa dưới tay xe, hạc nhốt lồng"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Thời gian ở nhà tù Côn Đảo, có nhiều sự biến gây ấn tượng mạnh mẽ đối với Huỳnh Thúc Kháng và các tù quốc sự. Đó là việc tù nhân ở khám tù chung thân giết cai ngục Ora (năm 1909), nổi dậy chống đối (năm 1918) và người bồi bắn chết chúa đảo Audoand (năm 1919). Suy nghĩ về những sự biến trên, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng, nguyên do là chế độ cai trị tù "rất là nghiêm khắc, động một chút gì là phạt rất nặng, mà nhất là đối với bọn tù chung thân thì kẻ hầm, người xiềng, không mấy người khỏi"[2].

Hơn một năm làm các xâu việc nặng, năm 1919, Huỳnh Thúc Kháng lại được đưa về làm thư ký phòng

---

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.889-890, 915.

giấy của chúa ngục. Công việc chính của ông là biên chép công văn thư trát, các sổ trốn, sổ phạt của tù. Nhờ đó, Huỳnh Thúc Kháng tích lũy được thêm kiến thức về các việc thơ từ, phiên dịch và lối văn hành chính công sở.

Vào làm việc ở phòng giấy trên được hơn nửa năm, Huỳnh Thúc Kháng xin từ chức, vì biết công văn của Chính phủ Nam triều ở Trung Kỳ gửi ra đảo có khoản dành cho quốc sự phạm Trung Kỳ: thời hạn giảm án 13 năm chỉ bắt đầu tính từ năm được giảm, còn những năm trước ở tù đều không kể. Ông cùng anh em tù quốc sự nhất loạt làm đơn nhờ quan Tham biện đề nghị quan Toàn quyền và Khâm sứ Trung Kỳ bãi bỏ điều khoản vô lý trên của Chính phủ Nam triều ở Trung Kỳ.

Từ đó, Huỳnh Thúc Kháng được chuyển sang làm sở ghế mây, rồi sở đồi mồi - sở tù cuối cùng trong những ngày ông bị đày ải ở Côn Đảo.

Tháng Hai năm 1921, Huỳnh Thúc Kháng được trả tự do, sau 13 năm bị thực dân, đế quốc đọa đày trong ngục tù tăm tối, khủng khiếp. Vậy là, kẻ thù chẳng những không thể khuất phục nổi Huỳnh Thúc Kháng và những người tù quốc sự, mà ngược lại, chính ông và những nhà khoa bảng đang bị đày đọa, giam giữ nơi đây vẫn giữ vững cốt cách cũng như ý chí đấu tranh của mình bằng nhiều hoạt động thiết thực, thể hiện tinh thần lạc quan, tràn đầy niềm tin tưởng vào tiền đồ tươi sáng ngày mai.

Trước khi bước chân xuống tàu về đất liền, Huỳnh Thúc Kháng bùi ngùi, cầm tay các bạn tù ở lại mà đọc

bài thơ lưu biệt với hai câu kết thể hiện chí khí can trường và tinh thần phấn đấu hết mình cho đất nước:

"Rút cục máu lòng cần chỗ dốc,
Sử xanh núi biếc rưới cùng nơi"[1].

(*Thi tù tùng thoại*)

Mười ba năm lưu đày, từ nhà lao Hội An đến ngục tù Côn Đảo, Huỳnh Thúc Kháng vẫn một lòng kiên trung lập trường, lý tưởng của mình, giữ vững khí phách, tinh thần của người chí sĩ duy tân. Mười ba năm tù đày với bao cực khổ, gian nan, ông vẫn ra sức học hỏi, bổ sung nhiều tri thức để chuẩn bị hành trang cho một giai đoạn hoạt động mới hữu hiệu hơn.

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, *Sđd*, tr.943.

Chương 3

TRÊN CƯƠNG VỊ VIỆN TRƯỞNG VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ VÀ CHỦ NHIỆM BÁO *TIẾNG DÂN* (1921 - 1943)

1. Những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng sau khi ra tù

Năm 1921, sau 13 năm giam cầm khổ sai, nhà tù thực dân đã không khuất phục được ý chí yêu nước quật cường của Huỳnh Thúc Kháng, chúng đã buộc phải trả tự do cho ông. Được ra tù lần này cùng với Huỳnh Thúc Kháng còn có 3 người khác là Ngô Đức Kế, Đặng Nguyên Cẩn và Trần Kỳ Phong, đều là những người đã phải chịu án tù chung thân về sau được giảm án xuống còn 13 năm khổ sai. Việc Huỳnh Thúc Kháng được ra tù và trở về quê hương làm cho mọi người bất ngờ và hết sức vui mừng bởi không ai nghĩ Huỳnh Thúc Kháng có thể được tha sớm như vậy. Diễn tả tâm trạng đó, Huỳnh Thúc Kháng viết: "Mười ba năm cách biệt, nay đường đột bước về, người nhà trông thấy, phát hoảng

như nằm chiêm bao; kẻ nghe nói sững sờ! Bài thi của Đỗ Thiếu Lăng đến nhà, không ngờ đã tỏ rõ được cảnh tình của mình lúc này"[1].

Lo sợ tầm ảnh hưởng của Huỳnh Thúc Kháng đối với dân chúng ở quê hương, thực dân Pháp cho mật thám theo dõi mọi hành động của ông. Tình cảnh này được Huỳnh Thúc Kháng diễn tả: "Ba chữ "Huỳnh Thúc Kháng" thành ra vật đáng sợ của xã hội, kẻ thấy bóng sinh nghi, nghe tiếng lánh xa; kẻ gần cũng đều như vậy. Tức như thân bằng ngày trước thường qua lại, cũng sinh ky; quan lại thường lấy chữ "tình nghi" hống hách, tôi nghe đáng chán"[2]. Chính quyền thực dân còn dùng nhiều biện pháp khác nhau như đe nẹt, ép buộc, mua chuộc,... nhằm làm thui chột ý chí của Huỳnh Thúc Kháng, nhưng tất cả những hành động của chúng không làm ông run sợ.

Tại quê nhà, những năm tháng sau khi ra tù, để có tiền sinh sống, lại tránh được cảnh bị mật thám theo dõi gây phiền phức, Huỳnh Thúc Kháng mở tiệm chế tác đồ trang sức từ đồi mồi, là công việc ông đã học được trong những năm bị cầm tù ngoài Côn Lôn. Huỳnh Thúc Kháng đem các sản phẩm của mình ra Hội An bán cho khách Tây với thái độ mạnh dạn, tự nhiên.

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.55.

Công việc đó vừa giúp ông có thu nhập, vừa tạo điều kiện giao tiếp, nâng cao trình độ sử dụng tiếng Pháp mà ông đã tranh thủ học trong tù. Đó cũng là cách mà Huỳnh Thúc Kháng dùng để che mắt bọn mật thám Pháp. Điều này đã được Huỳnh Thúc Kháng khẳng định: "Quan lại thấy tôi có cử chỉ thái nhiên, không vẻ khúm núm, lại thường nói chuyện với người Tây, biết không thể lấy hư danh dọa được, nên thái độ khéo léo của họ ngày trước không thò ra được nữa"[1].

Năm 1923, nhằm tìm cách quản lý và lợi dụng Huỳnh Thúc Kháng, Khải Định đã khôi phục hàm Tiến sĩ Hàn lâm viện Biên tu; Khâm sứ Paxkiê (Pasquier) cho người mời Huỳnh Thúc Kháng ra Kinh đô Huế tham gia vào việc biên soạn bộ *Hán - Việt tự điển*, nhưng đều bị Huỳnh Thúc Kháng từ chối. Trả lời Khâm sứ Paxkiê, Huỳnh Thúc Kháng viết: "Tôi chỉ có một cái tội là đậu Tiến sĩ mà không đi làm quan cho nên mới bị tù. Trước đã thế huống chi bây giờ, xin ngài miễn nói đến việc ấy". Bọn thực dân cũng nhiều lần dùng vàng bạc, chức tước, bổng lộc dụ dỗ Huỳnh Thúc Kháng nhưng luôn bị ông khước từ. Để lôi kéo bằng được Huỳnh Thúc Kháng, Paxkiê đã trực tiếp sắp xếp một chức quan trong Viện Bác cổ Huế, nhưng ông đã từ chối thẳng thừng và trả lời:

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.56.

"*Tôi là quốc dân Việt Nam, đã thăm dò rõ việc dân, nên phải nói rõ, còn việc làm quan chẳng phải là điều sở nguyện*"[1].

Trở về quê hương vào đúng thời kỳ nạn đói và dịch bệnh diễn ra trong hạt. Cả huyện Tiên Phước tiều tụy quá chừng; các làng lân cận nhiều người cảm thời chứng, các danh y đều không làm gì nổi, với tấm lòng thương dân, thông cảm với nỗi khổ của dân, Huỳnh Thúc Kháng với vốn kiến thức về sách thuốc đã đọc được trước đây, đã tìm mọi cách kê đơn, bốc thuốc cứu chữa cho nhiều dân lành qua cơn bạo bệnh. Công việc bốc thuốc chữa bệnh của Huỳnh Thúc Kháng ngày càng nổi tiếng. Tiếng lành đồn xa, danh tiếng truyền đi khắp nơi, nhiều người bệnh tìm đến Huỳnh Thúc Kháng mong ông cứu giúp. Không nề hà, Huỳnh Thúc Kháng mải mê công việc chăm lo sức khỏe cho nhân dân, quên cả thời gian, không gian và mọi thứ bên ngoài. Huỳnh Thúc Kháng chia sẻ: "Trải mấy năm quanh quẩn trong vùng cô tịch, vui với cỏ cây, như quên cả ngoài thế giới có gì"[2].

Nhiều người dân trong làng, ngoài tổng thấy Huỳnh Thúc Kháng đã được khôi phục hàm Tiến sĩ ngỏ ý chúc mừng và khuyên ông nên hợp tác với thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn, ra làm quan, hưởng bổng lộc. Cảm ơn mọi người, Huỳnh Thúc Kháng dồn tâm lực, trí lực vào việc chữa bệnh cho nhân dân, không màng gì tới quan tước, bổng lộc. Đây là quãng thời gian Huỳnh Thúc Kháng

---

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.57, 58.

thực sự không quan tâm tới thế sự ra sao, "không muốn ngó ra khỏi cửa"[1] nhưng trong lòng vẫn đau đáu với nền độc lập, bình quyền của dân tộc.

Trong thời gian ở Thạnh Bình cùng với vợ và hai con gái, cuộc sống của Huỳnh Thúc Kháng không náo động, ồn ào như những thời kỳ trước. Năm 1924, thương chồng, bà Huỳnh Thúc Kháng mới "cưới" cho ông thêm vợ hai để "có con nối dõi". Trong tự truyện, Huỳnh Thúc Kháng ghi rõ: "Năm nay (1924 - *T.G*) nội tử cưới thứ thất cho tôi"[2]. Cả hai người vợ của ông đều ở Tiên Phước thỉnh thoảng mới ra Huế[3].

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr. 58.

2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr. 59.

Người vợ thứ hai của Huỳnh Thúc Kháng tên là Hồ Thị Chưởng, người cùng làng với ông. Từ năm 1926, Huỳnh Thúc Kháng ra sống ở Huế, làm nghị viên và Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo *Tiếng Dân*.

3. Năm 1933, bà Hồ Thị Chưởng ra Huế thăm ông, đúng lúc ông vào Đà Nẵng, bà bị bệnh tả và mất ở Huế vào khoảng tháng 10 cùng năm, phần mộ bà nằm tại Ngự Bình (Huế), nhưng nay đã thất lạc vì chiến tranh. Bà Hồ Thị Chưởng không có với ông người con nào cả. Từ đó, bà Nguyễn Thị Sắt (vợ cả) thỉnh thoảng ra Huế thăm ông, nhưng vẫn sống và làm nông tại Tiên Phước đến khi qua đời. Trước đó, năm 1927, khi đang đảm nhận vai trò là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ thì con gái của ông là Huỳnh Thị Thu Cúc đột ngột qua đời. Ba năm sau, tháng 12-1930, người con gái đầu lòng là Huỳnh Thị Xuân Lan cũng mất. Việc đó làm ông hết sức đau buồn.

Năm 1924, sau ba năm ra tù, Huỳnh Thúc Kháng trở về quê hương cũng là giai đoạn ở Việt Nam có những biến động lớn trong phong trào yêu nước. Những sự kiện liên quan đến Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh làm cho đời sống chính trị trong nước thêm sôi động. Hai bài diễn thuyết của Tây Hồ Phan Châu Trinh ở Nam Kỳ sau khi ông về nước là *Luân lý Đông Tây* và *Quân trị, dân trị chủ nghĩa* đã có ảnh hưởng mạnh đến thanh niên trong nước và ít nhiều cũng tác động tới Huỳnh Thúc Kháng. Ông viết: "Năm này có Tây Hồ về nước, hơn nữa, Tây Hồ là cái đinh trước mắt của quan lại, vả lúc ở Pháp Tây Hồ có gởi cho Hoàng đế Khải Định một bức thư, được thiếu niên Tây học hoan nghênh. Tôi là bạn thân thiết của Tây Hồ cũng bị đám quan lại để ý, nên ngày Tây Hồ về nước, có tiếng đồn vang rằng lần này Tây Hồ sẽ truyền bá chủ nghĩa Xích Nga, trước gởi thư cho các đồng chí trong nước, làm tam kỳ hợp nhất; tại Trung Kỳ gửi thư cho tôi. Tỉnh Tòa Liêm phóng truyền cho Công sứ tỉnh gọi tôi ra tỉnh hỏi về việc ấy, tôi nói là tin đồn không căn cứ, thành ra vô sự"[1]. Thời gian này, Phan Bội Châu cũng bị thực dân đưa về giam lỏng tại Huế. Huỳnh Thúc Kháng rất muốn gặp Phan Bội Châu. Trong một lần tâm sự, ông viết: "Từ ngày ở đảo về mấy năm, nằm im ngắm thời cuộc, chỉ giữ thái độ

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.58-59.

trầm mặc, đến nay gió mây đổi sắc, dư luận phân vân, muốn xét rõ chân tướng việc ấy như thế nào"[1]. Huỳnh Thúc Kháng đã thu xếp ra Kinh đô Huế gặp Sào Nam Phan Bội Châu, cuộc gặp gỡ mà cả hai đã trông đợi từ lâu. Được gặp lại Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng vui mừng khôn xiết và không giấu được nỗi xúc động bởi "cách biệt nhau hai mươi năm, nay thấy nhau như trong giấc mộng"[2]. Mặc dù rất quý mến và đồng cảm với nhau nhưng để tránh phiền lụy cho cả hai nên Huỳnh Thúc Kháng và Phan Bội Châu đều chỉ gặp nhau khi nào thấy thật cần thiết.

Năm 1925, khi ở Huế, Huỳnh Thúc Kháng còn nhận được "thánh chỉ" bổ nhiệm vào Cổ học viện làm chức quan, thánh chỉ đó đã trở về làng từ trước, nhưng ông lại một lần nữa từ chối. Với một thái độ khảng khái, Huỳnh Thúc Kháng trả lời: "*Tôi bây giờ ở vào chức gì? Tôi không muốn làm quan, thử đội mũ vào ngó sao cho được? Huống lâu nay tôi chưa từng vào ra quan trường, rõ việc ấy ở ngoài sự mộng tưởng của tôi!*"[3]. Rõ ràng, quan tước và bổng lộc của triều đình Huế và thực dân Pháp lúc này đối với Huỳnh Thúc Kháng không còn ý nghĩa gì nữa. Ông cho rằng: "*Chỉ vì 60đ bạc lương, đem cán bút cùn mơ mộng cảnh hoa tàn còn trổ lại, nhìn lại*

1, 2, 3. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.59-60, 60.

trên mười ba năm tù đày sống thừa, hai mái tóc rối bù, há dám lò đầu ra khỏi núi!"[1]. Trước thái độ kiên quyết từ chối nhận chức quan của Huỳnh Thúc Kháng, triều đình Huế cũng như chính quyền thực dân hiểu rằng không thể đem quan chức ra mà dùng làm "mồi nhử" với Huỳnh Thúc Kháng được.

Tháng 6-1925, cụ Phan Châu Trinh được Nguyễn An Ninh đưa về nước. Tàu cập cảng Sài Gòn được đồng bào chào đón nồng nhiệt. Cụ Phan sống với gia đình Nguyễn An Ninh ở Hóc Môn, Gia Định. Mặc dù sức khỏe yếu, nhưng cụ vẫn hăng say diễn thuyết những đề tài mà mình tâm đắc tại Sài Gòn. Rồi Cụ lâm bệnh nặng, có khả năng không qua được. Đúng lúc đó, Cụ Huỳnh vào thăm. Cụ Phan không ngồi dậy được nữa. Hai cụ chỉ nhìn nhau cười và nói với nhau những lời vĩnh quyết: "*Hai ta được thấy nhau trên trần gian này một khoảng ngắn ngủi cũng đủ rồi; can trường bình sinh đã soi rọi nhau, không cần bàn nhiều!*"[2].

Ngày 24-3-1926 Nguyễn An Ninh bị bắt. Lúc 21 giờ 30 đêm ngày 24-3-1926, tại khách sạn Chiêu Nam Lầu, số 54 đường Pellerin, Sài Gòn, lãnh tụ của phong trào Duy tân, Tây Hồ Phan Châu Trinh đã qua đời ở tuổi 54 bên cạnh những người thân yêu của cụ, trong đó có cụ

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.60, 61.

Huỳnh Thúc Kháng, người bạn tri kỷ của Phan Châu Trinh. Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng đã khóc người bạn tri kỷ của mình bằng đôi câu đối:

"Trấp niên cách diện, trùng ngộ tài sổ tập điểm chung, khả liên bệnh cốt chỉ sàng, đắc cố nhân lai do nhất tiếu.

Cử quốc giai cừu, đáo để vô nhị tam chánh kiến, tối thị di chương mãn cập, đôi hàn đăng tụng độc tam than".

(Dịch: Cách mặt hai mươi năm, lại gặp ông mấy tiếng đồng hồ, than ôi, bệnh đã liệt giường, người cũ trông nhau còn mĩm miệng.

Mối thù chung cả nước, cho đến chết không hề thay đổi chánh kiến; ngán nổi thơ lưu đầy tráp, đèn khuya ôn lại biết cùng ai).

Ban tổ chức Lễ tang Phan Châu Trinh do Phan Văn Trường làm trưởng ban quyết định lùi đám tang đến Chủ nhật, ngày 4-4-1926 để rộng dài thời gian cho đồng bào ai cũng đến viếng Cụ. Quan tài Cụ được quàn tại nhà Huỳnh Đình Điển, số 54, đầu đường Pellerin. Trong những ngày đó, hàng nghìn người nối đuôi nhau đến viếng linh cửu Cụ. Ngày đưa tang, mười bốn vạn dân Sài Gòn tiễn đưa Cụ về nơi an nghỉ cuối cùng. Trong lịch sử Việt Nam cận đại không có một đám tang nào to như vậy. Sự ra đi của nhà ái quốc Phan Châu Trinh cũng là ngày gieo mầm cách mạng[1]. Sau khi

1. Trung tâm Nghiên cứu quốc học: *Nguyễn An Ninh: Qua những hồi ức của những người thân*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2009, tr.182.

Phan Châu Trinh mất, nhiều hoạt động yêu nước, noi gương nhà chí yêu nước họ Phan diễn ra khắp cả nước.

Chính Mính Viên Huỳnh Thúc Kháng trong Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để năm 1943 đã đánh giá công lao của người bạn tri kỷ trong lịch sử Việt Nam:

"Nhà ái quốc thứ hai (cụ Tây Hồ) ở trong màn đen che phủ mấy lớp, một tay xé toang, khiến cho chính phủ "bù nhìn" dưới máy giựt của người Pháp, hoàn toàn mất cả tín nhiệm của quốc dân, dầu cho sơn thếp tô điểm, tuyên truyền, vùa đợ thế nào, vặn cả tủy óc nhà văn minh cùng tay thợ nhà khoa học, xé vai vá vạt lấp bên này vỡ bên kia không hàn kín cái màn bị xé rách trên, đến nay không sao kéo lại tròn tín nhiệm của quốc dân một vài phần trong muôn phần, trừ một bọn chỉ trung thành với miếng cơm tấm áo"[1].

Sau đám tang của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng ở lại trong Nam một thời gian để tìm hiểu tình cảnh của nhân dân, ông "đi chơi rong khắp Lục tỉnh, trải 20 ngày, Bạc Liêu, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Rạch Giá đều có đi qua. Sau ngày ở Nam về, lại ra Kinh chơi hơn cả tuần"[2]. Để tưởng nhớ và giúp nhân dân hiểu sâu sắc hơn cuộc đời, sự nghiệp và chí khí cách mạng của Tây Hồ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng đã viết sách

---

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.110-111, 61.

Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử. Đây là cuốn biên niên khá chi tiết và đầy đủ về cuộc đời Phan Châu Trinh từ khi ông chào đời, thi đỗ Phó bảng, tham gia phong trào Duy tân, đến khi bị thực dân Pháp bỏ tù, rồi được tha bổng, sang Pháp sinh sống và cả những năm tháng cuối đời nhưng vẫn giữ vững khí tiết của bậc quân tử.

Sau khi Phan Châu Trinh mất đi, trước cảnh đất nước và dân tộc vẫn đắm chìm trong đêm dài nô lệ, Huỳnh Thúc Kháng nhận thấy lúc này không thể ngồi yên ở ẩn được, mà phải nhập thế, tìm lại nguồn cảm hứng trước việc nước, việc dân mà những năm tháng tuổi trẻ ông đã nhiệt thành.

Những năm sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918), thực dân Pháp đề ra những chính sách khai thác thuộc địa mới[1]. Chúng vừa tăng cường hoạt động khai thác triệt để nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên và sức lực từ các nước thuộc địa, vừa tiến hành đàn áp phong trào yêu nước, đồng thời dùng những chính sách chính trị mị dân, ru ngủ quần chúng nhân dân bằng những cải cách nhỏ giọt về chính trị, thay đổi một vài tổ chức và cơ cấu hành chính để mong xoa dịu sự bất bình của nhân dân ta và lừa dối những người

1. Chính sách khai thác thuộc địa mới do Bộ trưởng thuộc địa Anbe Xarô (Albert Sarraut), vốn là Toàn quyền Đông Dương hai lần, chỉ đạo biên soạn, được Quốc hội Pháp thông qua ngày 12-4-1921, lịch sử gọi đây là cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai.

nhẹ dạ, cả tin vào chủ trương mở rộng khai hóa của nước Pháp, không ngoài mục đích củng cố quyền lực. Thực dân Pháp ban bố một số giải pháp nới lỏng về chính trị, trong đó có việc cải tổ Hội đồng Tư vấn bản xứ Trung Kỳ (Hội đồng Tư phóng) là một tổ chức hoạt động trên danh nghĩa đặt bên cạnh triều đình nhà Nguyễn ở Huế thành Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ gọi tắt là Viện Dân biểu Trung Kỳ[1] và sắp xếp một cuộc tuyển cử hạn chế ở Trung Kỳ để bầu ra các nghị viên cho Viện.

Huỳnh Thúc Kháng thời trẻ cùng với Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp đã có tư tưởng yêu nước theo đường lối cải lương và luôn chủ trương đấu tranh hợp pháp với thực dân, muốn lợi dụng nền văn minh Pháp để khai mở cho dân Việt. Vì vậy, nhận thấy đây là một cơ hội tốt để tiến hành hoạt động chống Pháp công khai, lại thêm được sự động viên của nhiều nhân sĩ, trí thức cùng các nhà tư sản dân tộc đương thời, Huỳnh Thúc Kháng đã đứng ra ứng cử tại ba hạt là Tam Kỳ, Thăng Bình,

---

1. Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ (Chambre des Resprésentants du Peuple de L'Annam), tiền thân là Hội đồng tư vấn bản xứ Trung Kỳ (Chambre consultative Indigène l'Annam), do thực dân Pháp đặt ra làm nhiệm vụ tổ chức tư vấn về các vấn đề kinh tế, tài chính, xã hội. Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ được thành lập theo Nghị định ngày 24-2-1926 của Toàn quyền Đông Dương. Ông Huỳnh Thúc Kháng là Viện trưởng đầu tiên của Viện Nhân dân đại biểu Trung Kỳ (nhiệm kỳ 4 năm). Trụ sở của Viện nằm trên đường Jules Ferry (nay là Văn phòng Đại học Huế - số 3 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế).

Tiên Phước của tỉnh Quảng Nam. Tiểu sử và cuộc đời đấu tranh can trường của Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định uy tín của ông trước nhân dân, người dân tin tưởng ông sẽ là người đại diện tốt nhất để nói lên yêu cầu, mong muốn, nguyện vọng của dân trước những chính sách của Pháp và triều đình nhà Nguyễn. Vì vậy, Huỳnh Thúc Kháng đã nhận được sự yêu mến cao, được bầu với chiến thắng áp đảo tại nơi ứng cử (620/640 phiếu cử tri). Về cuộc bầu cử, sau này Huỳnh Thúc Kháng đã viết lại: "Hiện diện cử tri có trên sáu trăm bốn chục người, tôi được trên sáu trăm hai chục phiếu. Ngày khai mạc nghị trường, tôi lại bị các đại biểu cử làm Nghị trưởng"[1]. Con đường chính trường của Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ bắt đầu từ đây.

2. Trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ

Viện Dân biểu Trung Kỳ (Chambre des Représentants du Peuple de l'Annam) là cơ quan tư vấn cho chính quyền Pháp ở Trung Kỳ về các vấn đề kinh tế, tài chính, xã hội, được thành lập theo Nghị định ngày 24-2-1926 của Toàn quyền Đông Dương Varen (Alexandre Varenne). Tiền thân

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.62.

của Viện là Hội đồng Tư vấn bản xứ Trung Kỳ (Chambre consultative Indigène l'Annam).

Ủy viên của Viện Dân biểu được gọi là "nghị viên", trong bộ máy của Viện tổng cộng có 33 người. Đứng đầu là Viện trưởng. Thành phần cử tri khá hạn chế, vì phải thuộc ít nhất một trong sáu diện được quy định sau đây:

- Công chức;
- Sinh viên hoàn tất đại học;
- Cai tổng;
- Đại biểu của hội đồng kỳ hào hàng xã do Viện Cơ mật tuyển chọn;
- Quan lại;
- Thương gia đóng ngạch thuế cao.

Nhiệm vụ của Viện Dân biểu là góp ý với chính phủ về các vấn đề liên quan đến dân chúng bản xứ. Quan trọng hơn, Chính phủ Bảo hộ phải tham khảo Viện Dân biểu về ngân sách, thuế khóa và các công trình công cộng ở Trung Kỳ. Dù không hy vọng nhiều vào cơ quan dân biểu này của thực dân Pháp, nhưng những người đã từng trăn trở với vận mệnh đất nước coi đó như là một diễn đàn công khai có thể bảo vệ lợi ích của nhân dân, chí ít, cũng vạch trần sự lừa bịp của chúng trước dư luận.

Trong Diễn văn đọc tại buổi tiệc trà ở Tam Kỳ, ngày 10-7-1926, sau khi trúng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng đã bày tỏ: "Năm 1920, đặt ra cuộc tư vấn, năm ngoái tuyên bố Hiệp ước mới, năm nay lại đổi tư vấn ra làm Nhân dân đại biểu, mới mẻ thay giữa đất Trung Kỳ mà nay có bốn chữ "Nhân dân đại biểu"

xuất hiện ra, nay chưa nói nội dung thế nào, chưa nói hiệu quả thế nào, mà chỉ trông thấy bốn chữ danh nghĩa đường đường quang minh chính đại, thì đã sinh lòng tin cậy"[1]. Huỳnh Thúc Kháng xác định trách nhiệm của mình trước cử tri và nhân dân Trung Kỳ: "Cái gánh anh em giao cho tôi, đã chất nặng lên vai tôi rồi, chưa biết sức có theo được như lòng tôi không? Anh em đồng cử có đều như lòng tôi không? Nhà nước có chừa cho tôi chỗ cụ cựa, đặng khỏi mất cái lòng tín nhiệm của anh em không? Tôi chưa dám nói trước..."[2]. Huỳnh Thúc Kháng cảnh báo: "Họa may cái chính thể này, nên một bài thuốc hay, bắt đầu chữa bệnh cho nòi giống mình, đừng để thành ra bánh vẽ, mà làm cho nhà nước bảo hộ mang tiếng, vậy thì tốt lắm"[3].

Mùa đông năm 1926, Khâm sứ Trung Kỳ Paxkiê được điều ra Hà Nội làm Toàn quyền Đông Dương. Tháng 11-1926, thay Paxkiê làm Khâm sứ Trung Kỳ, Đơloa (D'Elloy) với quan điểm bảo thủ, theo trường phái thực dân, đã có nhiều lời mạt sát chửi mắng các nghị viên của Viện Dân biểu. Trong "tự truyện", Huỳnh Thúc Kháng kể lại rằng "lấy tư cách Nghị trưởng, họp với trên bốn chục dân biểu, đồng thanh phản kháng, vạch

---

1. Trích "Bài diễn văn đáp lại các anh em đọc tại tiệc trà ở Tam Kỳ ngày 10-7-1926 sau khi trúng cử Nhân dân đại biểu", in trong *Mấy bài diễn văn của ông Huỳnh Thúc Kháng*, Huỳnh Khâm xuất bản, Chân Phương ấn quán, Hà Nội, 1926.

2, 3. *Mấy bài diễn văn của ông Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.5.

từng đoạn trong thông tư, biện bác, và đăng trên các báo Nam Bắc, dư luận ồn lên, truyền thành vụ "*Đơloa - Huỳnh Thúc Kháng*"[1].

Tờ phản kháng gửi đi vào tháng 2-1927. Không bao lâu sau đó, Đơloa về Pháp. Toàn quyền Paxkiê[2] phải tìm cách xoa dịu sự bất bình của Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Năm 1927, trong kỳ Đại hội thứ hai của Viện Dân biểu Trung Kỳ, Viện trưởng Huỳnh Thúc Kháng và các nghị viên đã đặt ra vấn đề chính quyền của người Việt Nam ở Trung Kỳ có một hiến pháp riêng, cũng có nghĩa là thêm hoạt động độc lập và rộng quyền tự trị hơn. Toàn quyền Đông Dương Varen[3] trả lời trong bài diễn văn rằng ông sẵn lòng đề cử điều ấy cho Nam triều. Khâm sứ Trung Kỳ Phrie (Friès) cũng có hỏi ý kiến viện về vấn đề này trong một bức thư mang số hiệu 990A đề ngày 15-11-1927. Tuy nhiên, chính quyền thực dân Pháp sau đó gác lại vấn đề này, không nhắc tới nữa.

Năm 1928, tại Đại hội thường niên, Huỳnh Thúc Kháng đọc diễn văn vạch trần những luận điệu lừa bịp

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.62-63.

2. Nhậm chức Toàn quyền ngày 26-12-1928 đến ngày 15-1-1934.

3. Nhậm chức Toàn quyền ngày 18-11-1925 đến ngày 22-8-1928. Trong thời gian làm Toàn quyền, Varen có về Pháp một số lần, chức Toàn quyền do người khác tạm nắm, trong đó có Paxkiê tạm thay từ tháng 10-1926 đến tháng 5-1927.

của thực dân và đưa ra một số yêu sách. Tên Khâm sứ Giabui (Jabouille) đã đáp từ bằng những lời lẽ hăm dọa, mạt sát Huỳnh Thúc Kháng. Huỳnh Thúc Kháng đã hiên ngang đối chất với hắn. Hành động và bài diễn văn của Huỳnh Thúc Kháng đã gây tiếng vang lớn trên chính trường Việt Nam. Đây là lần đầu tiên, một người Việt Nam đại biểu cho nhân dân trong nước dám phản kháng công khai chính sách thực dân, khiến cho thực dân vừa khiếp sợ Huỳnh Thúc Kháng, vừa lo âu với dư luận.

Sóng gió bắt đầu nổi lên từ việc Khâm sứ Trung Kỳ tự ý thay đổi ba lần ngày họp và càng mạnh lên trong ngày khai mạc 1-10-1928, Khâm sứ thay đổi trình tự phát biểu. Nếu như các kỳ họp trước, Khâm sứ đọc diễn văn khai mạc như chỉ đạo cho hội nghị bàn thảo, thì lần này, Khâm sứ quyết định Viện trưởng Huỳnh Thúc Kháng đọc diễn văn trước, rồi mới đến Khâm sứ như là sự phủ định diễn văn của Viện trưởng.

Tại Đại hội, Huỳnh Thúc Kháng đã có một bài diễn văn gây tiếng vang lớn. Trong đó, nội dung chính của bài diễn văn bế mạc đã chỉ trích gắt gao chính sách của Chính phủ Pháp thi hành tại Trung Kỳ, cho là bất hợp tình thế, khiến nhân dân thêm ác cảm, buộc phải cải cách, như tài chánh, học chánh, hình luật cùng hiến pháp, hòa ước các việc, cụ thể như sau:

Một là học giới bó buộc: Mắt có thấy thì đi mới khỏi lạc, tai có tỏ thì nghe mới khỏi lầm, người có học thì sau mới biết điều phải trái. Biết cách làm ăn mới mong sống còn

trên cõi đời được. Dân An Nam là một dân tộc sẵn có văn hoá đã mấy trăm đời, ai cũng công nhận sự học là sự cần thiết xem như tính mệnh, tài sản, không có không sống được. Huống trong thời đại tranh khôn cạnh khéo như ngày nay mà không có sự học thì còn nói đến chuyện gì nữa! Xứ Trung Kỳ bây giờ học cũ đã bỏ hẳn, mà học mới trăm phần chưa được một, trường công không đủ dùng, mà trường tư thì không có, gia dĩ chương trình hạn chế, quy luật ngăn ngừa, dân thì lấy sự học làm sinh mệnh, mà quan xem sự học như một sự thù nghịch (trường công thì nghị định thay đổi, trường tư thì xin phép lãnh bằng, khai báo lôi thôi, gần đây vì sự lập trường học mà bị lũy cũng thường thấy luôn). Hiện nay, những lớp học trò lở dở, không vào trường được mà thành ra một lớp thất nghiệp, còn những anh em chực học cũng đành úp mặt vào tường, ngày xanh ngơ ngáo, cha thấy con mà đau lòng, tuổi trẻ bơ vơ, anh em trông mà nóng ruột, tình cảm rất là thê thảm. Nhà nước một nói rằng khai hóa, hai nói rằng hợp tác, mà về đường học không chịu châm chước thế nào cho thỏa hiệp, thì ức vạn thiếu niên An Nam, sẽ thành ra một bọn thất nghiệp. Nhóm bao nhiêu người vô nghiệp mà lại mong dìu dắt lên đường tấn hóa, thật là một điều dân gian không sao tin được, đem đứa đui đi đường thì người dân cũng nhọc sức, bảo người điếc nghe hát thì hát hay cũng thành uổng công. Cái dốt là cái họa của người An Nam mà cũng có thể phương hại đến chính sách hợp tác của nước Pháp.

Vậy thì về đường học giới có nên thi hành cách cưỡng bách giáo dục và nhân dân tự do lập trường không?

Hai là tài nguyên kiệt quệ: Nước có nguồn thì mới múc khỏi cạn, cây có gốc thì trái mới được thường. Tài nguyên trong một xứ sinh sản có ít mà tiêu phí nhiều, thì tự nhiên ngày thấy khốn đốn. Xứ Trung Kỳ đất hẹp dân nghèo, khai thông chậm trễ, công nghệ không có gì là nội hóa, thương mại thì quyền ở ngoại thương như tơ, đường, chè, quế... người Hoa chở đi xứ nọ xứ kia cái giá cao thấp tự người khách định, người Nam vì không đi đâu được, nên người khách ép uổng thế nào cũng phải chịu.

Phần nhiều nhân dân trong xứ chết sống chỉ nhờ nghề nông, lại bị thủy hạn không năm nào không có, ruộng đất, vật sản chỉ có ngần ấy mà ngạch thuế mỗi năm mỗi gia, tuy tự nhà nước đã lấy sự gia thuế làm cái phương pháp lý tài, quan lại nhân đó mà lập công, hào cường nhân đó mà nhiệm chi. Mỗi năm đến kỳ thuế, trong nhân gian chạy sấp chạy ngửa, trống mõ om sòm gôm cùm hò hét, tình cảnh rất là rắc rối. Đó là chưa kể cái lệ phụ thu, lạm bổ của bọn quan lại gian hào, mồ hôi nước mắt cứ cào trong dân gian đã đến đáy. Tiền chưa lên đến kho nhà nước mà rớt đường rớt sá đã lọt vào túi tham đâu đâu, rút cuộc lại thì chỉ quy oan cho nhà nước. Tát ao bắt cá, được cá vẫn dễ mà ngày sau thành ra ao khô, đốn cây hái trái, được trái vẫn nhiều, mà mùa sau thành ra cái vườn bỏ. Nhà nước một nói rằng

nhân từ, hai nói rằng khoan đại mà về đường tài chính không trù cách gì cho ra sự gia thuế được, thì cái nạn nghèo khốn của người An Nam cũng không phải là cái lợi lâu dài của nước Pháp.

Ba là hình luật phiền lụy: Thuốc trị bệnh điên mà dùng trị người thường, thì thần kinh phải đến rung chuyển, hầm lùa thú dữ mà đào giữa đường cái thì hành khách không khỏi sỉa chân, hình luật nước nhà đặt ra là cốt để trị người có tội (như đạo kiếp, loạn tặc) để giữ gìn trật tự duy trì cuộc an trong xứ. Như người không tội mà bị hình, hoặc bị vu oan chưa tra xét cho đích thực mà đã bị bắt giam, thì sao cho khỏi điều oan khuất? Mà những người trọn đời lương thiện cũng không biết đường mà tránh. Hiện xứ Trung Kỳ mấy năm gần đây, bị cái phong triều bề ngoài kích thích mà cái không khí bề trong có hơi lộn xộn, nhà nước vì cuộc trị an, phải thi hành cái hình luật nghiêm nhặt (báo sách bị cấm, bị bắt, dân gian thì bị xét nhà xét cửa, cho đến diễn thuyết làm trường học cũng bị lụy). Những người làm quấy mà bị tội đã đành mà những kẻ oan lụy cũng không ít, gia dĩ tội danh không được rõ ràng, chứng tỏ không có xác thực (ở Trung Kỳ) bắt tội đã không tuyên án cho người bị tội biết, lại không được cái lẽ nữa, thật là một điều rất lạ, những bọn sinh thủ đoạn ám muội, một tờ đầu cáo, tra xét đến năm bảy nhà, hai chữ "tình nghi" hãm hại biết bao nhiêu kẻ, tự nhà nước tin theo những lời thêu dệt, cho là phản kháng, cho là

phiến loạn, không trị không được, mà biết đâu ở trong vòng chuyện ít mà xít ra nhiều, sự nhỏ mà gây ra lớn làm cho dân ngu cùng bọn thiếu niên sỉa vào lưới tội mà không biết và cũng không tránh được, thảm hại biết là chừng nào. Trẻ con té giếng khách qua đường cũng phải đau lòng, kẻ bệnh đau rên, thầy thuốc cũng không nằm yên gối. Nhà nước một nói rằng nhân đạo, hai nói rằng công lý, mà dân An Nam có cái cảnh tượng khủng hoảng như vậy, tưởng cũng phương hại đến danh dự nước Pháp?

Vậy thì về phần hình luật, không nên thi hành những điều chúng tôi đã yêu cầu trong hai kỳ hội trước sao? (Xin thi hành luật Nam Bắc Kỳ).

Với hành động của Huỳnh Thúc Kháng, đây là lần đầu tiên trong lịch sử chính trị nước nhà có một tuyên bố công khai trực diện đòi hỏi kẻ thống trị phải áp dụng nguyên tắc luật pháp vào đường lối cai trị trong nước, nhất là phải có cơ sở nhất định phân chia trách nhiệm, quy định quyền hạn của kẻ cai trị cũng như người bị trị. Ấy là phải thiết lập một bản hiến pháp hẳn hoi. Bản hiến pháp cho Nam triều dựa trên cơ sở thực hành đúng chế độ bảo hộ, đòi quyền dân tộc tự quyết, tam kỳ hợp nhất để từ đó xây dựng quốc gia có chủ quyền thực sự, lập hiến pháp, quy định quyền hành chính của Nam triều, quyền kiểm soát của chính phủ về quyền lập pháp của Viện. Trong cuộc đấu tranh này, Viện Dân biểu Trung Kỳ đã đứng về phía nhân dân, xuất phát từ

quyền lợi của dân chúng để nói lên sự thống khổ, sự phiền lụy của họ khi sống trong bầu không khí ngột ngạt của luật pháp thời trung cổ kết hợp với luật pháp thực dân. Qua đó, nêu lên sự cần thiết phải có một bộ luật mới để dân chúng bớt "khổ đau" và "oan trái", cho phù hợp với "nền chính hiến mới" ở Trung Kỳ. Bản thỉnh cầu do Viện Dân biểu Trung Kỳ gửi chính quyền bảo hộ ghi rõ: "Nền chính hiến trong nước đã theo trình độ dân trí mà sửa sang, thời nền pháp luật trong nước cũng phải theo trình độ dân trí và chính hiến mà thay đổi... Nền pháp luật không châm chước cổ kim mà cải chính cho thích thời nghị, hợp công lý, thời chẳng những thiệt hại đến chính hiến trong nước nữa".

Với tư cách là Viện trưởng, Huỳnh Thúc Kháng đã có những chính kiến quyết liệt, thay mặt Viện Dân biểu Trung Kỳ đấu tranh trực tiếp với chính quyền thực dân Pháp ở giai đoạn này, đòi thay đổi luật pháp ở Trung Kỳ và đòi quyền lập pháp, lập hiến cho Viện Dân biểu. Huỳnh Thúc Kháng khẳng định: "Chúng tôi sở dĩ nói đến vấn đề hiến pháp là vì thấy rõ trong xứ Trung Kỳ này phụ thuộc dưới quyền bảo hộ gần nửa thế kỷ nay, mà chánh thể trong xứ, quyền hạn không rõ ràng, trách nhiệm không đi đảm thụ, trăm điều rắc rối bởi đó mà ra... Quốc thị đã mơ màng thì nhân dân không biết đường nào xu hướng, đó là cái lẽ tự nhiên. Bởi vậy cho cuộc trị an trong xứ được lâu dài cùng các dây liên lạc giữa người Pháp, cùng người Nam bền chặt thì cần nhất

phải có một cơ thể chánh trị, chia bộ phận mà có trách nhiệm, định quyền hạn mà có quy thức, để chỉnh đốn việc lợi ích chung trong xứ. Đó là một điều cốt yếu tức là hiến pháp vậy"[1].

Huỳnh Thúc Kháng không che giấu tâm trạng hổ thẹn và buồn trong diễn văn của mình khi thấy rằng những chữ "Nhân dân đại biểu" mà chưa làm được gì, thậm chí chỉ là một quan trường: "Chúng tôi đã từng nghe những câu trong dân gian phê bình Viện chúng tôi: "Tên là nhân dân đại biểu mà thật là một quan trường mới". Chúng tôi ở vào địa vị dở dang bỡ ngỡ này, đối với chính phủ đã không làm được gì và đối với nhân dân cũng không thể cầm hai chữ đại biểu suông mà đáp lại cái lòng mong mỏi của họ, đêm nằm tự nghĩ cứ thẹn lại buồn..."[2].

Ông cũng phản bác mạnh mẽ quan điểm "dân An Nam chưa có trình độ lập hiến" của chính quyền thuộc địa với lập luận: "Chúng tôi vẫn công nhận nhân dân xứ này chưa được toàn thể hiểu cái chính thể mới có, song xin thưa rằng: Đường có đi mà sau tới nơi, người có học mà sau mới biết chữ".

Tuy nhiên, những kiến nghị xác đáng, những lời nói thẳng, nói thật về thực tế đời sống của nhân dân cũng như cách cai trị của chính quyền thực dân tại An Nam

---

1, 2. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc, Sđd,* tr. 82, 78.

của Huỳnh Thúc Kháng chẳng những không hề được đếm xỉa đến, trái lại còn bị phản kháng. Khâm sứ Trung Kỳ Giabui phản đối quyết liệt, thẳng thừng phê bình thái độ của Huỳnh Thúc Kháng: "bản chức quyết phản kháng lại một cách kịch liệt những điều công kích của ông nghị trưởng", và thẳng thắn cự tuyệt những đề nghị của Viện Dân biểu Trung Kỳ với thái độ hống hách và trắng trợn: "Các ông tưởng rằng Viện Nhân dân đại biểu ở đây in như Hạ viện bên Tây do phổ thông đầu phiếu mà ra, tưởng rằng (Viện Dân biểu) không những được quyền giám sát Chính phủ mà thôi, mà lại dự được cả quyền thống trị và quyền hành chính nhà nước bảo hộ nữa. Nghĩ như vậy thiệt trái hẳn với sự thực, trái với ý tưởng sáng lập ra Viện này, mà cũng nên nói hẳn cho rõ là sai hẳn đến cái tình thế hiện thời nữa"[1].

Tiếp đó, quyền Khâm sứ Giabui đăng đàn công kích Huỳnh Thúc Kháng thuộc "đám người không toại chí", "nóng nảy" và thái độ của Viện "cũng tiêm nhiễm cái ảnh hưởng ấy nên chỉ đối với chính phủ Nam triều hay là chính phủ bảo hộ, Viện này ra mặt phản kháng, khi nào cũng công kích, khi nào cũng hoài nghi cái ý tưởng hay của bảo hộ cho đến nỗi quên hẳn cái phạm vi chức vụ theo thể lệ đã đặt cái Viện này ra..."[2].

---

1. Trung Kỳ Nhân dân đại biểu Viện: *Biên bản Hội đồng năm 1927*, Nxb. Đắc Lộc, Huế, 1926, tr.16.

2. Báo *Tiếng Dân,* số 120, ngày 10-10-1928.

Mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa ấy cuối cùng đã dẫn tới đỉnh điểm. Chiều ngày 2-10-1928, Huỳnh Thúc Kháng đưa đơn từ chức nghị viên và nghị trưởng và 8 giờ sáng ngày hôm sau, Lê Văn Huân, Hoàng Đức Trạch, Lương Quý Di cũng đưa đơn từ chức nghị viện. Sự hợp tác với Pháp của ông với mong muốn được "đề huề" đến đây chấm dứt. Huỳnh Thúc Kháng giờ đã hiểu cái bài "cộng tác", "đề huề" mà chính quyền thực dân đưa ra chẳng qua chỉ là cái bánh vẽ mà chúng đã dùng để lừa ông và nhân dân Việt Nam. Điều đó thật chẳng có gì lạ vì có bao giờ một dân tộc bị trị, nô lệ lại có thể "đề huề" cùng kẻ cai trị, ông chủ nô đâu!

Quá trình tham gia chính trường của Huỳnh Thúc Kháng với tư cách nghị viên, Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ kết thúc bằng sự kiện ấy chính là một bài học quý cho những người sau này còn tin tưởng ở thiện chí của thực dân mà tỏ thái độ ngay từ đầu con đường cộng tác ấy. Điều đó được Huỳnh Thúc Kháng ghi lại trong "Mấy lời tâm sự" gởi cho quần chúng, nhân dân: "... Lịch sử dân biểu của tôi, kể từ ngày tháng 7 năm 1926 đắc cử ở Trung Kỳ diễn thuyết một lần đầu tiên; đến ngày tháng 10 năm 1928 có bài diễn văn cuối cùng"[1]. Từ đó, Huỳnh Thúc Kháng không còn mảy may

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.66.

tin tưởng nơi thiện chí của thực dân mà chỉ lo "xây ổ kén giam tằm" để ngắm nhìn, phân tích, phê phán cuộc đời mong giáo dục quần chúng đã bị quá nhiều đau khổ và bất công[1]. Hành động từ chức của Huỳnh Thúc Kháng đã thể hiện tinh thần cương trực và khảng khái của một sĩ phu yêu nước, không chấp nhận làm tay sai cho thực dân Pháp. Thái độ dứt khoát từ chức của Huỳnh Thúc Kháng là một thái độ sáng suốt, hợp thời, thể hiện lập trường chính trị của Huỳnh Thúc Kháng chứ không đơn thuần vì danh dự cá nhân. Rời Viện Dân biểu Trung Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng chuyên tâm vào viết báo và quản lý tờ *Tiếng Dân.* Huỳnh Thúc Kháng tâm sự: "Từ đó, tờ báo *TIẾNG DÂN* là nơi tôi co mình giữa chợ đông, ngoài ra không có gì đáng nói. Há chẳng phải duyên văn tự bút thiệt đối với tôi, có chỗ không thể rời được chăng?"[2].

3. Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân*

Ý định thành lập một tờ báo nói lên ý nguyện của nhân dân ở Trung Kỳ đã được hai nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng và Phan Bội Châu nung nấu từ sớm. Sau khi bị thực dân Pháp bắt giữ ở Quảng Châu và đem về

---

1. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng - Con người và thơ văn, Sđd,* tr.172.

2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.66.

an trí tại Huế, Phan Bội Châu đã xin phép nhà cầm quyền cho xuất bản một tờ báo ở Kinh đô Huế nhưng ý định đó của ông đã bị chính quyền thực dân gạt bỏ.

Sau khi Huỳnh Thúc Kháng trúng cử Viện Dân biểu, Phan Bội Châu đã trao đổi với Huỳnh Thúc Kháng và cả hai thống nhất cao ý chí cho sự ra đời một tờ báo tại Trung Bộ. Huỳnh Thúc Kháng lúc này dù là một chính trị phạm đã được tha bổng, nhưng sau khi trở thành Viện trưởng đã có vị thế chính trị nhất định nên việc đứng ra làm chủ báo hoàn toàn có thể được. Huỳnh Thúc Kháng đã bàn với một số bạn bè đặt tên cho tờ báo. Vào thời điểm này, ngôn ngữ Việt Nam còn mang nặng ảnh hưởng chữ Hán. Chọn mãi và được bạn bè góp ý, ban đầu định đặt tên báo là *Trung Thanh,* vừa có nghĩa là tiếng nói ngay thẳng (trung thực) vừa hàm nghĩa tiếng nói của miền Trung, mà vẫn là tên "chữ". Cuối cùng nghĩ đến hai chữ *Dân Thanh* (Tiếng nói của dân), Huỳnh Thúc Kháng đến hỏi ý kiến Phan Bội Châu và nhận được câu trả lời: "Đã là báo quốc ngữ thì để tên *Tiếng Dân* không rõ hơn sao"[1]. Thế là tên chính thức của tờ báo ra đời, vừa bình dị, vừa diễn đạt đúng ý nguyện của những người sáng lập là cơ quan phản ánh tiếng nói của nhân dân, bênh vực quyền lợi chính đáng của nhân dân.

---

1. *Ý kiến ông Huỳnh Thúc Kháng đối với thời cuộc,* Nxb. Tiếng Dân, Huế, 1945, tr.12.

Năm 1926 trước khi báo *Tiếng Dân* ra đời, "Huỳnh Thúc Kháng đã trao đổi với Phan Bội Châu ba điều tâm nguyện phải làm bằng được:

1) Quyết mở tờ báo đầu tiên cho xứ Trung Kỳ, giữa kinh đô nước Việt Nam, dầu ra được 5, 7 số mà chết cũng vui lòng;

2) Theo thuyết chính danh của Khổng Tử, làm đúng như tên *Tiếng Dân*, thà chết, quyết không để cho cái gì lay chuyển hay lôi kéo đi đường khác;

3) Giữ cái tinh thần phương Đông "quốc hữu" cùng nuôi đốm lửa nhiệt thành ái quốc của các nhà tiên thời trong đống tro tàn, không để đứt mất"[1].

Trên cơ sở thống nhất với Phan Bội Châu, ngày 8-10-1926, Huỳnh Thúc Kháng chính thức làm đơn gửi Toàn quyền Paxkiê (nguyên là Khâm sứ Trung Kỳ), xin được phép xuất bản một tờ báo bằng chữ quốc ngữ với tên *Tiếng Dân*, đặt trụ sở tại Tourane (Đà Nẵng). Mục đích nhằm sử dụng cơ quan ngôn luận này để phổ biến những tư tưởng ôn hòa về đường lối cứu nước và hướng dẫn dân chúng tiến bộ trong trật tự và hòa bình. Về khuôn khổ, giống như những báo quốc ngữ đang lưu hành ở Đông Dương. Về phương diện pháp lý, sẽ tuân theo luật lệ hiện hành.

---

1. *Ý kiến ông Huỳnh Thúc Kháng đối với thời cuộc, Sđd*, tr.22-23.

Chương trình báo *Tiếng Dân* gồm 16 điều, trong đó một số điều cơ bản ghi rõ như sau:

Điều 1: Báo sẽ ra hai lần một tuần, vào các ngày thứ Tư và thứ Bảy.

Điều 3: Lý tưởng phục vụ lợi ích quốc gia Annammít, sẽ không phục vụ chủ nghĩa cộng sản, và tôn trọng giới lãnh đạo Đông Dương.

Điều 4: Bài vở chọn đăng theo 4 nguyên tắc:

a. Khiến chính quyền biết được nguyện vọng của dân.

b. Đưa ra ánh sáng quyền lợi chung của dân chúng và những điều tệ hại khiến họ bị phiền nhiễu.

c. Giúp chính quyền thực hiện tất cả các kế hoạch chính trị cởi mở.

d. Tiếp tay vào việc giáo dục đạo đức, tri thức, chính trị và kinh tế cho dân Annammít.

Điều 14: Góc mặt, trên đầu trang nhất báo sẽ dùng để trích đăng những tư tưởng hay cách ngôn từ tác phẩm của các triết gia kim cổ.

Điều 16: Tất cả những điều trên có thể cải đổi, sau khi đã được sự chấp thuận của chính quyền.

Ngày 9-10-1926, Huỳnh Thúc Kháng viết thư cho Khâm sứ Đơloa, nhờ chuyển cho Toàn quyền đơn xin ra báo ngày 8-10, đồng thời đề nghị Đơloa ủng hộ cho việc ra báo. Trước ý định của Huỳnh Thúc Kháng, Toàn quyền Paxkiê đã tổ chức phiên họp của Viện Cơ mật ngày 13-10-1926 để bàn về vấn đề này. Trong cuộc họp này, Paxkiê nói Phan Bội Châu từng xin ra báo, nhưng

đã được khuyên nên rút đơn. Nay Huỳnh Thúc Kháng cũng xin ra báo, đề nghị Viện Cơ mật cho biết ý kiến. Thượng thư Hồ Đắc Trung (Bộ Lễ và Học) và Tổng lý Nội các Nguyễn Hữu Bài đều đồng ý, nhưng đặt ra điều kiện phải kiểm soát và kiểm duyệt chặt chẽ về mặt nội dung của tờ báo.

Để củng cố lòng tin cho Toàn quyền Paxkiê, ngày 14-10-1926, Huỳnh Thúc Kháng lại nhờ Khâm sứ Đơloa chuyển tiếp một bức thư cho Paxkiê, bổ sung thêm thông tin trong đơn xin ra báo ngày 8-10-1926 đã gửi trước đó, trong thư nói rõ đích thân Huỳnh Thúc Kháng sẽ là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút của báo *Tiếng Dân.*

Toàn quyền Paxkiê không có lý do gì từ chối vì điều lệ báo không có điểm nào ảnh hưởng tới chính sách cai trị của Pháp ở Đông Dương nên đã đồng ý cho lập tòa báo. Ngày 6-11-1926, Toàn quyền Paxkiê đã gửi thư cho Khâm sứ Đơloa, chấp thuận đề nghị ngày 18-10-1926 của Khâm sứ Đơloa: đồng ý trên nguyên tắc cho Huỳnh Thúc Kháng xuất bản một tờ báo. Tuy nhiên, chỉ có quyết định cuối cùng sau khi nhận được đầy đủ thông tin cần thiết.

Được sự đồng ý nhưng có điều kiện của Toàn quyền Paxkiê, ngày 12-11-1926, Khâm sứ Đơloa đã thông tin lại cho Huỳnh Thúc Kháng biết là đã chấp thuận trên nguyên tắc việc ra báo *Tiếng Dân*. Tuy nhiên, ông ta muốn biết thêm chi tiết về ban biên tập, tòa soạn cũng như tài chính.

Trước yêu cầu đó, Huỳnh Thúc Kháng đã nhờ Đốc lý Đà Nẵng chuyển thư lại cho Khâm sứ Đơloa, nêu rõ thêm chi tiết về tòa soạn và trị sự của báo *Tiếng Dân*. Huỳnh Thúc Kháng khẳng định báo có nhà in riêng, về tài chính sẽ lập một công ty vô danh. Nhân sự của tòa báo có Đào Duy Anh, Trần Đình Phiên (trị sự), một thư ký kế toán và một thư ký phụ trách văn thư. Sau khi nhận được thư, Khâm sứ Đơloa đã đồng ý, nhưng với điều kiện tòa soạn phải đặt ở Huế chứ không được đặt ở Đà Nẵng. Do việc đặt địa điểm tòa báo đã được định hình từ trước nên sau khi nhận được thư, Huỳnh Thúc Kháng cảm thấy không hài lòng và có trao đổi lại với Khâm sứ Đơloa, nhấn mạnh việc đã chọn Đà Nẵng, nếu rời tòa soạn báo ra Huế phí tổn di chuyển quá nặng, trong khi công ty còn thiếu thốn. Ngoài ra, Đà Nẵng là thành phố thương mại, còn Huế là một trung tâm văn hóa, nơi có nhiều trào lưu tư tưởng và chính kiến dị biệt, chắc chắn có những tư tưởng không phù hợp với chủ trương ôn hòa và mục tiêu giáo huấn đám đông của *Tiếng Dân*. Thực chất, bản thân Huỳnh Thúc Kháng cũng là người vốn không ưa những nơi náo nhiệt và thích làm việc trong cảnh thanh tịnh, nên ông muốn đặt tòa soạn báo *Tiếng Dân* ở Đà Nẵng hơn là ở Huế. Hơn nữa, trong khi đa phần dân trí người Việt khi đó thấp, Huỳnh Thúc Kháng muốn *Tiếng Dân* ít bị ảnh hưởng vì những áp lực chính trị đa tạp như ở Huế.

Trong quá trình hoàn thiện các thủ tục theo yêu cầu của chính quyền Pháp, ngày 11-1-1927, từ Đà Nẵng, Huỳnh Thúc Kháng viết thư cho Đơloa về vấn đề tòa soạn và tài chính của *Tiếng Dân,* vẫn khẳng định mong muốn tòa soạn báo được đặt ở Đà Nẵng và ông sẽ là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút, phụ tá biên tập là Đào Duy Anh, một cựu giáo viên, quản trị tòa soạn giao cho Trần Đình Phiên, thương gia ở Phan Thiết. Về tài chính, sẽ lập một công ty cổ phần thay vì công ty vô danh như bức thư trước đó đã nêu. Từ đó, Huỳnh Thúc Kháng yêu cầu Khâm sứ Đơloa ban hành nghị định càng sớm càng tốt.

Để cho việc tờ báo ra đời được nhanh chóng, Huỳnh Thúc Kháng còn xin gặp trực tiếp Toàn quyền Paxkiê trình bày thông tin chi tiết về những nội dung trong khi lập tòa báo.

Ngày 12-2-1927, Toàn quyền Paxkiê đã ký Nghị định cho phép Huỳnh Thúc Kháng, Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ ra báo *Tiếng Dân*, mỗi tuần 2 kỳ:

"Điều 1... (căn cứ vào các sắc lệnh về báo chí và quyền hạn cho phép)

Điều 2. Mỗi số báo phải nộp các bài một bản chữ quốc ngữ và một bản dịch ra tiếng Pháp cho phủ Khâm sứ Trung Kỳ ít nhất hai ngày trước khi công bố"[1].

Nhận được Nghị định trên, với một tâm trạng mừng vui đan xen lo lắng, Huỳnh Thúc Kháng viết: "Đó là sự

---

1. Công báo Đông Pháp (J.O.I.F) năm 1927, tr.662 (tiếng Pháp).

vui mừng, sự buồn tủi và sự chờ đợi ấp ủ trong lòng hàng triệu đồng bào. Dân là đầu mối của nước. *Tiếng Dân* đi sát với những vấn đề trong nước. Nếu Chính phủ biết rõ những nguyện vọng sâu xa của dân thì cần gì đối xử bất công với *Tiếng Dân* như đã từng đối xử với vài tờ báo đã ra mắt gần đây và đã bị đóng cửa. Tờ báo này thật xứng đáng để mang tên là *Tiếng Dân*, vì trong thực tế, phải nhờ đến báo chí thì "*Tiếng Dân*" mới bộc lộ ra được"[1].

Tuy đồng ý cho báo *Tiếng Dân* được thành lập nhưng chính quyền Pháp vẫn luôn tìm mọi cách kiểm soát, kiểm duyệt gắt gao đối với tòa báo. Ngày 16-2-1927, Khâm sứ Đơloa đã chỉ thị Sở Mật thám phải luôn luôn theo dõi kỹ từng hoạt động của báo *Tiếng Dân*, phải lưu trữ và theo dõi thường xuyên nhất cử nhất động của tòa báo. Thậm chí, ngày 19-3-1927, Xônhi (Léonard Sogny), Chánh Sở Mật thám Trung Kỳ, đệ trình kế hoạch kiểm soát tờ *Tiếng Dân* lên Toàn quyền Đông Dương, kế hoạch chỉ rõ:

1. Một ban kiểm soát dưới quyền Bùi Văn Cung, công dân Pháp, thông dịch viên giao kèo của Sở Liêm phóng; Đoàn Nẫm, thư ký đoàn đại biểu Pháp tại Bộ Lại; và Đặng Thái Vận, "nho" tại Sở Mật thám.

---

1. Dẫn theo Lưu Anh Rô: "Cụ Huỳnh Thúc Kháng và báo *Tiếng Dân* qua báo cáo mật thám Pháp", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.255.

2. Không được xúc phạm chủ quyền Pháp và chế độ thiết lập tại An Nam.

3. Phải nạp hai bản vỗ cho Sở Mật thám với bản dịch Pháp ngữ. Sau khi kiểm duyệt, một bản sẽ trả lại cho Chủ nhiệm báo, do đích thân Xônhi (Sogny) ký, với con dấu. Nếu Xônhi vắng mặt, cần chữ ký của Đuyxô (Dussaut), cảnh sát đặc biệt. Sẽ có câu "Visa pour publication" (cho phép xuất bản).

4. Báo ấn hành phải nạp hai bản: tại Kho lưu trữ Tòa Khâm sứ, và Kho lưu trữ cảnh sát. Xônhi sẽ liên lạc trực tiếp với Huỳnh Thúc Kháng. Khâm sứ Đơloa cũng thông báo cho Huỳnh Thúc Kháng biết mỗi số báo phải nộp 2 bản cho văn phòng Tòa Khâm sứ. Hai ngày trước khi in, phải nộp cho Sở Mật thám Huế hai bản vỗ với bản dịch đầy đủ qua Pháp ngữ.

Trước thái độ gay gắt của chính quyền Pháp, để tránh phiền phức đồng thời nhận thấy mục đích chính là việc cho ra đời tòa báo đã thực hiện được, ngày 13-4-1927, Huỳnh Thúc Kháng đã thông báo lại cho Khâm sứ Đơloa chấp nhận chuyển tòa soạn báo ra Kinh đô Huế.

Về mặt chủ trương giấy tờ đã được chính quyền thực dân đồng ý. Tuy nhiên, để báo *Tiếng Dân* hoạt động cần phải có nền tảng vật chất, tài chính phục vụ cho việc mua sắm máy móc, in ấn, trả lương cho ban biên tập và trả nhuận bút cho người viết bài, đội ngũ nhân lực tham gia vào biên soạn tờ báo... Tất cả những điều đó

cũng đặt ra nhiều thách thức cho Huỳnh Thúc Kháng và các đồng nghiệp. Để có tài chính cho việc ra tờ báo, Huỳnh Thúc Kháng thấy phải thành lập một công ty cổ phần gọi là "Công ty Huỳnh Thúc Kháng", các thành viên khởi thảo điều lệ của công ty và tiến hành việc tuyên truyền cùng huy động vốn. Nhưng điều hành một tờ báo phải như thế nào, không một ai trong những người sáng lập có kinh nghiệm về nghề nghiệp, vì vậy Huỳnh Thúc Kháng đã cử Đào Duy Anh đi Sài Gòn tìm hiểu công việc làm báo, nhất là cách tổ chức bộ biên tập.

Từ lúc báo mới manh nha có ý định thành lập, suốt một năm trời, từ mùa hè năm 1926 đến mùa hè năm 1927, thông tin đó đã thu hút sự quan tâm của tất cả các phần tử tiến bộ ở các tỉnh Trung Kỳ. Tại Đà Nẵng, nhà Nguyễn Xương Thái là nơi Huỳnh Thúc Kháng ở, không ngày nào là không có thanh niên và các nhân sĩ ở Đà Nẵng lui tới thăm hỏi và trao đổi ý kiến xung quanh vấn đề ra báo, mọi người đều háo hức mong chờ. Đồng bào đêm ngày chờ đợi sự ra đời của tờ báo để thực sự có "tờ báo của mình" mà đọc. Ở mỗi tỉnh có những người tự nguyện tuyên truyền cho báo *Tiếng Dân* và kêu gọi góp cổ phần để thành lập Công ty Huỳnh Thúc Kháng. Dự định số tiền khởi điểm cần đến khoảng 10.000 đồng, đến tháng 2-1927 Công ty đã thu góp được một số cổ phần trên 30.000 đồng (mỗi cổ phần 20 đồng). Đã có tài chính nhưng kinh nghiệm làm báo với mọi người hầu như không có, Huỳnh Thúc Kháng lại đứng lên

gánh trách nhiệm này, "Các việc tiến hành, tuy đa số cổ đông có lòng tốt, nhưng về quy luật báo giới đối với Pháp đình, đối với chính phủ, những việc quan hệ về giao thiệp, thủ tục như thế nào, cùng việc in và phát hành báo, đều mù tịt cả, cho nên ủy tất cả cho tôi. Tôi vì nghĩa vụ không thể chối từ, dõng dạc gánh lấy"[1].

Nhóm sáng lập công ty cũng là nhóm chủ chốt của tờ báo gồm năm người: Huỳnh Thúc Kháng là linh hồn của tờ báo; Trần Hoành, tức Cửu Lai, hiệu Phúc Bình, là một bạn tù ở Côn Đảo với Huỳnh Thúc Kháng, nhận ra giúp ông làm quản đốc nhà in. Trần Hoành là chiến sĩ của phong trào Đông du, đã ba lần vượt ngục (một lần ở nhà lao Nghệ An, hai lần ở Côn Đảo), đều bị bắt lại và được trả tự do một lần với Huỳnh Thúc Kháng; Trần Đình Phiên là một nhà nho từng tham gia phong trào Duy tân ở Phan Thiết khoảng trước năm 1908, là sáng lập viên Hội Liên thành, đã thôi việc để ra Huế giúp Huỳnh Thúc Kháng quản lý nhà in và tòa báo; Nguyễn Xương Thái, vốn là thư ký Sở Thương chính Đà Nẵng, cũng bỏ việc để ra giúp Huỳnh Thúc Kháng trong việc văn thư; Đào Duy Anh, giúp Huỳnh Thúc Kháng trong việc tổ chức bộ biên tập.

Trong năm người sáng lập công ty, thì không ai có đồng nào để góp cổ phần. Thế là những người có nhiều

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.63-64.

cổ phần, trong đó phần lớn là những người đã tham gia công việc kinh doanh ở Phan Thiết, đã cho năm người này mượn cổ phần của họ để có điều kiện hợp pháp mà đứng chân sáng lập viên.

Lúc này, ở Trung Kỳ chưa có một nhà in nào có thể in được một tờ báo khổ to như *Tiếng Dân* (58 x 42cm). Vì vậy, mùa hè năm 1927, Huỳnh Thúc Kháng cùng với các ông Nguyễn Xương Thái và Đào Duy Anh ra Hà Nội để mua nhà in. Được bạn bè ở Đà Nẵng cho mượn một chiếc xe ô tô, ba người lên đường ra Bắc, qua mỗi tỉnh đều ghé lại ở mấy ngày để tiếp xúc với những người hâm mộ và vận động ủng hộ tờ báo. Đến đâu Huỳnh Thúc Kháng và những người đi cùng cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Có những người ở xa tận đầu tỉnh hay cuối tỉnh, thậm chí ở sát miền thượng du, cũng lặn lội tìm về tỉnh lỵ để ra mắt ông. Đây cũng là một dịp tuyên truyền cho tờ báo sắp ra đời, tên tuổi của Huỳnh Thúc Kháng vốn đã được đồng bào biết đến, thì nay lại càng có dịp đi sâu vào mọi miền.

Đến Hà Nội, đoàn ở lại hai tuần. Trong thời gian đó, mọi việc giao dịch mua nhà in và thuê công nhân, đều có những người nhiệt tình ở Hà Nội tự nguyện đứng ra lo liệu. Lúc bấy giờ, ông Mai Du Lân, chủ nhiệm báo *Thực nghiệp* tại Hà Nội, có nhã ý nhường lại cho Huỳnh Thúc Kháng một máy in còn mới và Nhà in Nghiêm Hàm cũng ở Hà Nội ủng hộ bằng cách đưa thợ nhà in vào Huế trợ lực. Huỳnh Thúc Kháng và hai người cùng đi chỉ có việc

ngồi nhà tiếp khách. Đây cũng là dịp để Huỳnh Thúc Kháng tiếp xúc với các danh sĩ Bắc Hà, mở rộng quan hệ xã hội sau này. Mua nhà in xong, ba người về thẳng Huế để bắt tay vào công việc ra báo.

Trở về Huế, lại thêm một vấn đề khó khăn đặt ra cho năm người sáng lập. Trong năm người không có ai là người gốc Huế và cũng không có bà con thân thuộc gì ở đây. Trừ Trần Đình Phiên là anh ruột Trần Đình Nam, một bác sĩ có sự nghiệp ở Huế và còn độc thân, nên có thể về tá túc tại nhà ông em, còn những người khác thì chưa biết tìm nhà trọ ở đâu. Lúc đó ở Huế có ông Trần Kiêm Trình là một nhân sĩ có danh vọng và đức độ, trước kia có tham gia Hội đồng tư vấn hàng tỉnh, đã cho năm người đến ở nhờ nhà mình hàng mấy tháng trời, rồi lo đi thuê nhà cho mỗi người.

Cùng giúp Trần Kiêm Trình còn có người cháu gọi bằng cậu là Phạm Đăng Nghiệp (1891 - 1972), vốn là cháu gọi Thái hậu Từ Dũ (mẹ vua Tự Đức) bằng bà cô. Cho nên, thuở nhỏ ông đã được tập ấm cho vào cung học tập cùng các ông hoàng, rồi tốt nghiệp trường Quốc Tử giám nhưng không ra làm quan, mãi đến năm 1939 mới được một danh hiệu là Hàn lâm viện Cung phụng. Sau này, Phạm Đăng Nghiệp trở thành phó quản lý tờ báo và Công ty Huỳnh Thúc Kháng.

Ở Huế, ngoài Trần Kiêm Trình và Phạm Đăng Nghiệp, còn nhiều nhân sĩ trí thức khác nhiệt tình ủng hộ bí mật hoặc công khai, chỉ mong cho tờ báo nhanh chóng

ra mắt. Trong tình hình chính trị lúc bấy giờ, công khai ủng hộ một tờ báo của dân, do một người cựu chính trị phạm chủ trương, bất chấp sự nghi kỵ của nhà cầm quyền phản động, là một thái độ dũng cảm hiếm có.

Tháng 6-1927, sau khi Huỳnh Thúc Kháng mua được toàn bộ nhà in Nghiêm Hàm và một phần nhà in Mai Du Lân đem về Huế, cùng với thuê mấy người thợ vào lắp ráp, hướng dẫn sử dụng và bảo quản, sửa chữa do Trần Cửu Cai lo liệu cả. Tháng 7-1927, máy đặt xong, chạy thử tốt, tại đường Đông Ba, nhà số 123 (nay là nhà số 193 đường Huỳnh Thúc Kháng). Mọi khâu cho sự ra đời của một tờ báo đã chuẩn bị xong.

Ngày 13 tháng 6 năm Đinh Mão - thứ tư, ngày 10-8-1927 (trên đầu trang 1, báo đề như thế), *Tiếng Dân* ra số 1. Tờ báo *Tiếng Dân* là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở Huế và cả Trung Kỳ mới được xuất bản. Đồng thời, cũng là tờ báo xuất bản công khai, hợp pháp đầu tiên ở Huế nói riêng và Trung Kỳ nói chung. Dòng đầu trang nhất đề ngày âm lịch và dương lịch ra số báo, giá mỗi số; hai chữ *Tiếng Dân* chân phương, đậm nét, khỏe khoắn, dưới là hai chữ nôm *Tiếng Dân*. Báo ra đúng mỗi tuần hai kỳ: thứ Tư và thứ Bảy.

Về hình thức tờ báo: Giống như nhiều tờ báo trang đương thời, cách đánh số trang khác hẳn chúng ta ngày nay. Đặt tờ báo xuống bàn, có chữ *Tiếng Dân* là trang 1, cứ thế lật sấp xuống là trang 2; mở 2 trang giữa ra, bên trái là trang giữa 3, bên phải là trang 4. Nếu so với

những tờ báo ngày nay, trang 1 *Tiếng Dân* tương ứng với trang 4; trang 2 tương ứng với trang 1; trang 3 tương ứng với trang 2; trang 4 tương ứng với trang 3. Về sau, báo ra thêm phụ trương dài hai trang và ngắn nửa 2 trang. Đầu trang 1 và cuối trang 4 có dấu tòa soạn và chữ ký của Chủ nhiệm Huỳnh Thúc Kháng trước khi nộp lưu chiểu cho Thư viện Quốc gia Hà Nội và Thư viện Quốc gia Pháp ở Pari, theo Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 31-1-1922. Trên báo *Tiếng Dân,* không ghi số lượng bản in của mỗi số báo như nhiều tờ báo khác, cho nên ngày nay chúng ta không biết rõ số lượng xuất bản[1]. *Tiếng Dân* được phát hành rộng rãi trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh miền Trung có nhiều gia đình còn giữ được đủ bộ sưu tập báo *Tiếng Dân*, đóng lại và coi như vật quý trong nhà cho đến những năm chiến tranh chống thực dân Pháp, rồi chống đế quốc Mỹ mới bị thiêu hủy. Trang 1, trên đầu đặt ngang với chữ *Tiếng Dân* in chữ nghiêng, to đóng khung trang trọng, là những danh ngôn của người trên thế giới và tổ tiên ta phù hợp với tôn chỉ, mục đích của báo và hướng vào chủ đề tư tưởng, chính trị của các bài đăng trong cùng số hạng khoảng thời gian đó; trang 2,

---

1. Hiện nay, chỉ sưu tầm được hai văn bản gốc, một văn bản gửi trình Tòa Khâm sứ và một bản gửi nộp lưu chiểu hợp pháp báo *Tiếng Dân* đề ngày 19-12-1942, có dấu và chữ ký của Huỳnh Thúc Kháng, cho biết số lượng in của số 1733 là 1.280 bản.

có một số bài tiểu thuyết, truyện dịch đăng nhiều kỳ và quảng cáo; trang 3 là những bài về tư tưởng, văn hóa, khoa học, còn non một nửa là quảng cáo; trang 4 đăng tin trong nước và quốc tế.

Về nội dung chính của tờ báo *Tiếng Dân*, ngày 10-8-1927 trong *Lời phi lộ số 1*, Huỳnh Thúc Kháng viết: "Theo tâm lý chân chánh của quốc dân mà phô bày trên tờ giấy, cốt giữ gìn cái đạo đức sẵn có của ông bà mà dung hợp với học thuyết tư tưởng mới, để mở mang đường tri thức... đối với đồng bào xin là vị thuốc đắng, đối với chính phủ xin làm người bạn ngay"[1]. Trước hết, tờ báo quyết giữ vững thuần phong mỹ tục, đề cao tính nhân văn sâu rộng của Hán học và lên án Tống Nho với tư tưởng lạc hậu cổ hủ, bản thân Huỳnh Thúc Kháng tôn trọng sự học, đề cao lối học đông, tây, kim, cổ. Báo *Tiếng Dân* với điều kiện của mình đã giới thiệu nhiều học thuyết của Âu - Mỹ để mở mang kiến thức quốc dân ở nhiều lĩnh vực: triết học, kinh tế tài chính, khoa học kỹ thuật... Tờ báo cũng đấu tranh cho công lý bằng cách tố cáo nạn tham ô của bọn quan lại đương thời, luôn bênh vực quyền sống cho người dân lương thiện, từ những việc ở thành thị cho đến những việc ở nông thôn, ở các vùng quê cho đến triều đình đều được ngòi bút *Tiếng Dân* chú ý tới.

Bước vào những ngày hoạt động đầu tiên, báo *Tiếng Dân* gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là khó khăn do sự

1. Báo *Tiếng Dân*, số 1, ngày 10-8-1927.

quấy rầy của chế độ kiểm duyệt thuộc địa. Các bài trong báo đều phải được dịch toàn bộ sang tiếng Pháp và nộp cho Sở Liêm phóng trước 48 tiếng đồng hồ để kiểm duyệt. Trước sự cản trở ấy, Huỳnh Thúc Kháng vẫn kiên trì giữ vững lập trường của mình một cách can đảm. Đối mặt với sự áp đặt của chính quyền, nhưng Huỳnh Thúc Kháng không mảy may cảm thấy lo sợ, hay chịu sự chi phối trong việc điều hành về nội dung của tờ *Tiếng Dân*, ông đã bất chấp sự kiểm duyệt của mật thám Pháp và "bất tuân thượng lệnh" của chúng. Bởi với ông, cái quyền của người làm báo, nhất là chủ nhiệm báo là: "Nếu không có quyền nói tất cả những điều mình muốn nói, thì ít ra cũng giữ cái quyền không nói những điều người ta ép buộc nói"[1].

Năm 1929, Tòa Khâm sứ Trung Kỳ đề nghị báo *Tiếng Dân* đăng nguyên văn một bản tin của Tòa Khâm sứ, nhưng Huỳnh Thúc Kháng đã từ chối. Khâm sứ Trung Kỳ đã gọi điện dọa sẽ đóng cửa tòa soạn báo, Huỳnh Thúc Kháng trả lời: "*Tôi nghĩ, việc cho đăng hay không đăng một bài gì lên mặt báo là quyền của chủ nhiệm báo; cũng như cho xuất bản hay đóng cửa một tòa soạn báo là quyền của chính phủ. Nay quan lớn cất cái quyền ấy của tôi đi, thì chẳng khác nào quan lớn đã*

---

1. Dẫn theo Trần Nam Tiến: "Tìm hiểu hoạt động của cụ Huỳnh Thúc Kháng ở Viện Dân biểu Trung Kỳ (1926 - 1928)", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.159.

đóng cửa tờ báo ***Tiếng Dân*** *rồi vậy. Mà tôi cũng không trông gì hơn, vì dưới quyền ngôn luận quá chật hẹp, tôi thấy cái nhiệm vụ của tôi đối với dân quá nặng nề*"[1]. Ông đã nhiều lần lên tiếng đấu tranh đòi quyền tự do ngôn luận cho nhân dân dưới quyền bảo hộ của thực dân Pháp: "*Ôi ngôn luận tự do! Đến bao giờ tự do ngôn luận mới thực là xuất hiện*"[2].

Không chỉ nói lên tiếng nói của dân, báo *Tiếng Dân* còn lên án những tội ác, tệ nạn, cửa quyền, hách dịch của bọn quan lại. Cụ thể, vào những năm 1929 - 1930, Tổng đốc Quảng Nam nổi tiếng tham ô và vô cớ bắt giam hai ông Nguyễn Hòe và Phạm Cự Hải, nhằm trả thù vặt và khảo của, sau nhiều lần báo *Tiếng Dân* lên tiếng can thiệp không kết quả, Huỳnh Thúc Kháng đã cho điều tra sự việc kỹ càng rồi gửi hồ sơ sang Hội Nhân quyền ở Pari nhờ can thiệp với Chính phủ Pháp; và sau khi Pôn Râynô (Paul Reynaud), Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp sang thăm Đông Dương ghé Huế, Huỳnh Thúc Kháng liền gặp trực tiếp và nêu rõ: "Tôi không có ý bênh vực cá nhân hai người ấy, song quan lớn sang khảo sát tình hình Đông Dương, tôi xin nêu tất cả chứng cớ một vụ oan khiên trong hàng trăm nghìn vụ khác để quan lớn biết

---

1, 2. Dẫn theo Đỗ Thị Hà: "Huỳnh Thúc Kháng với tờ báo *Tiếng Dân*, tiếng nói của nhân dân Trung Kỳ", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.219.

thêm tình trạng nhân dân Việt Nam dưới quyền bảo hộ của nước Pháp".

Tháng 3-1930, Hạ viện Pháp họp, có bàn về những biến động ở Bắc Kỳ do Việt Nam Quốc dân Đảng khởi xướng. A.Varen, nguyên Toàn quyền Đông Dương đọc một bài diễn văn quan trọng đề cập trực tiếp vào những vấn đề chính trị ở Đông Dương. *Tiếng Dân* đăng bài: "*Thời đại mới có thể dùng chánh sách cũ được không?*"[1]. Tác giả bài báo không đồng tình với Varen về ý kiến: người Pháp sang, quan lại bớt tệ nhũng lạm. Chính là ngược lại. Varen còn nói Viện Dân biểu và Đại hội đồng kinh tế tài chính là những "công to" và "tiến bộ" bị tác giả bác bỏ, vì nguyện vọng của nhân dân khi đề đạt lên Toàn quyền Đông Dương đều không mang lại hiệu quả.

Ngày 13-12-1930, Toàn quyền Rôbanh (Robin) vào Nam tiễn Toàn quyền Paxkiê về Pháp và ông có đi kinh lý mấy nơi ở Trung Kỳ. Ở đây, Rôbanh đã tiếp Huỳnh Thúc Kháng với tư cách một nhà báo. Nội dung cuộc tọa đàm này được công bố trên báo *Đông phương*, số 320, ngày 26-12-1930. Trong cuộc tọa đàm đó, Huỳnh Thúc Kháng đã hỏi ý kiến của Rôbanh đối với thời cuộc biến động và cách khôi phục nền trị an trong xứ, được trả lời về chính sách đàn áp cộng sản của giới cầm quyền thực dân. Huỳnh Thúc Kháng nói tiếp: "Về phong trào cộng sản ở ngoài nước tràn vào, nhà nước đã có phương thế

---

1. Báo *Tiếng Dân,* số 275, ngày 23-4-1930.

đối phó, tôi không nói đến" và trình bày tình cảnh nông thôn, nông dân sống cực khổ, trẻ em không được đi học. "Nguyên nhân biến lạo ngày nay, cái khổ của sự sống chiếm một phần lớn, xin chính phủ lưu ý chỗ cần thiết trước mắt mà làm thế nào cho dân gian được hưởng chút thú trong sự sống, còn cải cách là việc lâu dài"[1]. Đồng thời, Huỳnh Thúc Kháng cũng lưu ý rằng, "sự sống một dân tộc, không những cần sống về xu xác mà cũng cần sống về tinh thần. Xin chánh phủ hãy lưu tâm về đường tư tưởng và xu hướng của nhân dân mà sắp đặt cho phù hợp với thời thế và dân nguyện thì cuộc trị an mới vững bền được lâu dài"[2].

Cũng tại cuộc tọa đàm đó, Rôbanh hỏi ý kiến Huỳnh Thúc Kháng về quan lại bản xứ. Huỳnh Thúc Kháng đã trả lời Rôbanh: "Đối với quan trường, tôi không có ý tuyệt đối mạt sát như một số đông người đã tưởng lầm. Vì tôi nhận rõ rằng trong một xứ mà cách giáo dục chưa hoàn thiện, đường tuyển cử chưa nghiêm minh, gia dĩ không có một cái cơ quan nào giám đốc, kiểm soát thì làm sao mà có quan lại tốt được... Nói quan lại hiện tại là tham nhũng, cho đem một đám khác thay vào, cũng chưa chắc là người khá, bởi thế nên nói đến quan lại, tôi chủ trương mặt pháp trị, nghĩa là phải vạch một cái quy tắc cho nghiêm chánh phân minh, hễ người nào thanh liêm cần cẩn, lo làm hết phận sự mà được lòng dân yêu mến thì

1, 2. Báo *Đông Phương,* số 320, ngày 26-12-1930.

được thăng bổ, người tham lam ươn hèn, lạm dụng quyền thế để tiện việc riêng mình, bóc lột của dân mà mua oan cho nhà nước, thì người ấy phải truất"[1]. Với tư cách là chủ nhiệm tờ báo *Tiếng Dân*, Huỳnh Thúc Kháng đã thẳng thắn nói lên quan điểm của mình về quan lại bản xứ và đó cũng là quan điểm chung của báo *Tiếng Dân*, toát lên mấy ý cơ bản:

"a) Cải cách xã hội là việc lâu dài (không phải cách mạng xã hội).

b) Chủ yếu là đời sống khổ sở mà quần chúng làm "biến loạn", muốn trị an thì phải làm cho dân có "chút thú trong sự sống" do chính phủ ban ơn (không phải do nhân dân đấu tranh để giành lấy).

c) Xin chính phủ lưu tâm đề ra chính sách hợp thời thế và dân nguyện để cho trị an bền vững lâu dài (nói cách khác là chủ nghĩa thực dân tự thay đổi bản chất, trở nên nhân đạo hóa, văn minh hóa).

d) Muốn xây dựng sự thông cảm lẫn nhau giữa chính phủ và nhân dân, phải thay đổi cách quản lý quan lại, tẩy uế những phần tử tham nhũng..."[2].

Tháng 10-1931, Chính phủ Pháp cử Bộ trưởng Bộ Thuộc địa P. Rây nô (Paul Raynaud) sang Đông Dương với "sứ mệnh nghiên cứu" tình hình Đông Dương. Nhiều nhân sĩ, trí thức và lao động gửi thư đến P. Rây nô, cung

---

1, 2. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân*, Nxb. Đà Nẵng, 1992, tr.125, 126.

cấp những tình hình thực tế cụ thể và đề ra yêu sách với Chính phủ Pháp. Nhân danh chủ bút báo *Tiếng Dân,* Huỳnh Thúc Kháng viết thư gửi đến P.Râynô khẳng định trách nhiệm của mình đối với báo *Tiếng Dân*, luôn luôn đứng về phía dân chúng, làm cái loa cho các nguyện vọng của họ trước chính phủ. Trong thư, Huỳnh Thúc Kháng tỏ rõ quan điểm không đồng tình với sự kiểm duyệt báo của các nhà chức trách. Sự kiểm duyệt hà khắc của thực dân đối với báo *Tiếng Dân* cũng đã làm ảnh hưởng nhiều đến nội dung báo, nhưng không vì vậy mà Huỳnh Thúc Kháng cảm thấy nản lòng, chùn bước, báo vẫn ra đều đặn, các số bị đục, bị cắt vì có đụng chạm đến chính quyền đều lưu giữ lại bài gốc; những ngày kỷ niệm về Phan Châu Trinh, báo *Tiếng Dân* vẫn dám đăng lại những dòng tít lớn ôn lại công lao của nhà chí sĩ... Trong bối cảnh chính trị của miền Trung, tư thế ấy hẳn không dễ chút nào.

Ngày 24-10-1931, để làm sáng tỏ tình hình ở Đông Dương, nhà báo, nữ văn sĩ A.Viôlít (Andrée Viollis) đi cùng chuyến tàu từ Pháp sang Đông Dương với P.Râynô, khi ngang qua Huế, A.Viôlít đã gặp Huỳnh Thúc Kháng với tư cách là chủ nhiệm tờ báo *Tiếng Dân*[1]. Nội dung cuộc

---

1. Cuộc phỏng vấn của A.Viôlít với Huỳnh Thúc Kháng được tường thuật đăng trên báo *Tiếng Dân,* số 441, ngày 2-12-1931. Về ngày hai bên gặp nhau, *Tiếng Dân* viết là 24-11-1931, nhưng trong cuốn *Đông Dương kêu cứu* của A.Viôlít, tái bản năm 1949 ở Pháp, tr.127 viết cuộc tiếp xúc diễn ra ở tòa soạn báo ngày 23-11-1931. Ở đây xin viết theo *Tiếng Dân.*

hội đàm được đăng trên báo *Tiếng Dân*[1]. Mở đầu, A.Viôlít hỏi thăm việc làm báo, sau đó đi vào đàm đạo với Huỳnh Thúc Kháng những vấn đề chính trị mà nội dung của nó xoay quanh nguyên nhân những biến động chính trị gần đây. Cuộc trao đổi đã đem lại những hiểu biết thiết thực cho cả hai phía.

A.Viôlít hỏi Huỳnh Thúc Kháng: "Nghe ông nói trước có làm dân biểu, sao lại từ chức? Có lẽ ông không có lòng hợp tác với chính phủ sao?

Huỳnh Thúc Kháng trả lời: Nếu không có lòng hợp tác thì tôi ra ứng cử dân biểu làm gì? Tôi làm dân biểu trên 2 năm, đã 3 kỳ hội đồng, cùng anh em trong Viện đem những tình hình và dân ý mà bày tỏ cùng chính phủ. Song vì một cái Viện vừa mới lập, chính phủ chưa có lòng tin, mà đối với tôi, không sao mà tiêu mất mối nghi ngại. Kỳ hội thứ ba, vì bài diễn văn có xung đột đôi chút, buộc tôi phải từ chức, nào phải là không có lòng hợp tác đâu!

Viôlít hỏi tiếp: qua những cuộc biểu tình gần đây, người Việt Nam có lẽ xu hướng chủ nghĩa cộng sản của Lênin sao?

Huỳnh Thúc Kháng trả lời: nói cho thực tình, người Việt Nam chúng tôi phần nhiều chẳng rõ chủ nghĩa cộng sản là gì...

Viôlít hỏi về việc dư luận phàn nàn tệ tham nhũng của quan lại bản xứ, Huỳnh Thúc Kháng nói: quyền ở

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số 441, ngày 2-12-1931.

trong tay người Pháp thì trách nhiệm trừng thanh lại trị cũng tại người Pháp. Đối với quan lại mà quyền hạn phân minh, thưởng phạt nghiêm minh, lại có cơ quan giám đốc hẳn hoi, không có cái ý dung túng và dùng người theo ý riêng, thì cái tệ tham nhũng cũng trừ lẫn được.

Viôlít hỏi về quan hệ giữa người Nam và người Pháp ngày nay so với hai mươi năm trước khác nhau thế nào?

Huỳnh Thúc Kháng đáp: cái hố ngăn trở làm cho người Nam người Pháp cách xa nhau vẫn không giảm bớt bao nhiêu. Trước kia, sĩ phu Việt Nam ghét và họ sợ người Pháp, nên muốn tránh xa. Mươi năm lại đây, do ảnh hưởng của châu Âu, có người muốn gần người Pháp, nhưng người Pháp lại không muốn gặp, vì: những người học thức, không hay a dua, hay nói thẳng thì không mang tiếng là phản đối và tình nghi. Những người Pháp coi là thân cận, phần nhiều là vì danh tước, bổng lộc và lợi riêng"[1].

Năm 1932, sau 10 năm thực dân Pháp đào tạo Vĩnh Thụy thành một tay sai tận tụy trung thành cho chúng đã trở về nước với tên gọi là "Vua Bảo Đại về nước", "Vua Bảo Đại hồi loan". Nhân sự kiện này, báo *Tiếng Dân* đã có trên chục bài bình luận, tin tức đề cập đến vấn đề này. Bài đầu tiên được đăng trên báo *Tiếng Dân* với nhan đề

---

1. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd*, tr.131-133.

"Một giờ tiếp chuyện cùng một nhà viết báo Pháp"[1], tường thuật cuộc đàm thoại giữa Huỳnh Thúc Kháng và Tử tước Đờ Lapôramét ngày 18-6-1932.

"Đờ Lapôramét hỏi Huỳnh Thúc Kháng: Bảo Đại về nước, ảnh hưởng trong xứ thế nào?

Huỳnh Thúc Kháng trả lời: Đức Bảo Đại là một vị đế vương thiếu niên du học trên 10 năm mà thầy dạy là nước Pháp. Vậy sau khi mang cái học văn minh về, tất có đại đoạn thi thiết thế nào mới thỏa lòng nguyện vọng của quốc dân và khôi phục oai tín mấy triều trước. Mà cuộc thi thiết ấy, trách nhiệm người Pháp rất quan trọng, vì quyền chỉ đạo là ở chánh phủ bảo hộ, nên đức vua làm được việc tốt thì ai cũng quy công cho người Pháp, trái lại không làm việc gì cho hợp với dân nguyện, thì cái lỗi ấy người Pháp cũng không để cho ai kia. Những câu trả lời của Huỳnh Thúc Kháng ngụ ý: Vua là bù nhìn, làm theo Pháp chỉ đạo, nhưng lại nói "oai tín của mấy triều trước" là không đúng"[2].

Theo Huỳnh Thúc Kháng: "Nhà vua muốn cho nhân dân biết oai đức cần phải thực hiện trước: một là tha thuế; hai là giảm hình, ấy là cái ân điển quan yếu mà mấy đức vua thường ban hành trong lúc đăng quang"[3]. Huỳnh Thúc Kháng nói thêm: "tha thuế cho tất cả thì

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số 498, ngày 25-6-1932.

2, 3. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd*, tr.134-135, 135.

lúc này không thể thi hành được, nhưng trọng tâm là khoản bách phân phụ thu và trọng điểm nơi thiên tai. Về giảm hình thì đại xá cho tù chính trị, trừ tội hình sự. Đấy là những việc đầu tiên trước khi nói đến cải cách"[1].

Năm 1933, thực dân Pháp đặt một nhà đày lớn, giam cầm khoảng 500 tù chính trị và tù thường phạm án nặng thuộc các địa hạt Trung Kỳ tại Buôn Ma Thuột. Tù chính trị ở đây là những người hoạt động trong Đảng Tân Việt, Hội Thanh niên cách mạng và Đảng Cộng sản. Khác với các nhà tù lớn ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, ở Buôn Ma Thuột không có đảng viên Việt Nam Quốc dân Đảng, hầu hết tù chính trị ở đều có xu hướng về chủ nghĩa cộng sản, vì vậy ở tù, không có đấu tranh về tư tưởng và lý luận giữa chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa Tam dân như các nhà tù lớn ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, chỉ có thảo luận về hình thức tổ chức và phương hướng đấu tranh trong nội bộ những người cùng lý tưởng. Tù chính trị ở Buôn Ma Thuột đã viết bài bí mật gửi đăng báo xuất bản công khai, hợp pháp như báo *Tiếng Dân* và một số tờ báo khác ở trong nước và nước ngoài, tố cáo chế độ tù đày trước dư luận xã hội[2]. Việc báo *Tiếng Dân* chủ trương đăng những bài báo của tù cộng sản này, bút danh khác nhau những tên của họ

1. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd,* tr.135.

2. Theo một số tù chính trị ở Buôn Ma Thuột thời kỳ này cho biết: những bài báo này chủ yếu do Phan Đăng Lưu viết.

trong bài, chứng tỏ không phải chỉ là cảm tính mà đồng tình với họ tố cáo và đấu tranh chống chế độ tù đày dã man, vô nhân đạo của đế quốc.

Năm 1935, trên báo *Tiếng Dân,* lần đầu tiên Huỳnh Thúc Kháng nói tương đối cụ thể về thuyết lập hiến của mình qua bài: "*Nhân đọc bài: "Ý kiến của tôi về chính trị" của ông Nguyễn Văn Vĩnh mà xét nghiệm về xu thế của tâm lý người Nam đối với chánh sách cai trị xứ này*"[1]. Huỳnh Thúc Kháng viết: "Thú thực thuyết lập hiến của tôi đơn giản lắm, chỉ căn cứ vào tờ hòa ước năm 1884 cùng tờ hiệp ước tháng 11-1925 (hiệp ước trước đã cũ không thích hợp) chỉ nói sắp đặt một cơ quan chính trị, chia bộ phận nghị pháp, hành pháp và tư pháp cho có quyền hạn, có trách nhiệm. Chủ quyền vẫn là bảo hộ. Vua quan ta đứng vào bộ phận hành chính mà mở rộng quyền hạn Viện Dân biểu thành một cơ quan nghị pháp cho hẳn hoi... Thuyết lập hiến của tôi chỉ thế, nói đơn giản, tức là cái hiến pháp đặc biệt của nước ta, không phiền phức tỉ mỉ như thuyết ông Quỳnh, mà cũng không cao xa như cách lập hiến ở các nước, nhân dân đặt lấy pháp luật mà ông Vĩnh dẫn trong bài"[2]. Thuyết "lập hiến" của Huỳnh Thúc Kháng bị quan khâm sứ Giabui đáp trả lại. Rồi Bảo Đại ban

---

1. Báo *Tiếng Dân,* số 812, ngày 20-7-1935.
2. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd*, tr.153.

hành dụ thủ tiêu hiệp ước tháng 11-1925. Viện Dân biểu cũng rút hẹp quyền hạn, từ thuộc quyền Tòa khâm chuyển sang dưới quyền Bộ Lại. "Thế là cái căn cứ để làm nền cho thuyết lập hiến của tôi đã trống không rồi, nên đã mấy năm nay tôi không nhắc lại nữa"[1]. Một mô hình hiến pháp theo phác đồ của Huỳnh Thúc Kháng, thực chất không phải là một hiến pháp theo đúng nghĩa của nó. Đề ra từ những năm 1926 - 1927, đến đây Huỳnh Thúc Kháng tự nhận là đã bị phá sản từ gốc, không còn nhắc đến trong sinh hoạt chính trị và bàn luận trên báo nữa.

Bước vào thời kỳ vận động dân chủ (1936 - 1939), tình hình kinh tế - chính trị - xã hội trên thế giới và trong nước có nhiều biến động đã tác động đến hoạt động của báo *Tiếng Dân*. Trên thế giới, một mặt trận dân chủ chống chủ nghĩa phát xít lan rộng đến hầu khắp các nước, đi sâu vào quần chúng đông đảo, tranh thủ được bộ phận tư sản cấp tiến và nhiều chính khách tư sản tham gia. Liên Xô ra sức xây lực lượng về mọi mặt, ký những hiệp ước tay đôi với các nước đế quốc và phát xít để ngăn chặn chiến tranh. Tranh thủ những điều kiện thuận lợi và chuyển biến tích cực của phong trào dân chủ trên thế giới, nhân dân Việt Nam bước vào thời kỳ đấu tranh mới.

---

1. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân*, *Sđd*, tr.153.

Sau một thời gian sang thăm nhân dân Việt Nam và có cuộc nói chuyện với Huỳnh Thúc Kháng ở Huế vào năm 1931, nhà báo, nữ văn sĩ A.Viôlít đã viết rất nhiều bài báo ủng hộ và ca ngợi các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Dương. Ngày 25-7-1936, báo *Tiếng Dân* đã dịch đăng bài của bà, nhan đề "Lắng tai nghe một người đàn bà Pháp kêu gào cho xứ Đông Dương". A.Viôlít viết: "Trong bài này, tôi muốn nói riêng về Đông Dương mà số phận xứ ấy làm cho lòng tôi riêng phải nghĩ tới. Có phải vì xứ ấy làm cho lòng tôi riêng phải nghĩ tới. Có phải vì xứ ấy thi hành một cái quyền tuyệt đối? Có phải rằng sau những thời kỳ oanh liệt buổi đầu, nay lọt vào Đông Dương hạng người doanh nghiệp không có lương tâm chỉ lo làm giàu bằng đủ mọi cách, nhất là cách bóc lột nhân dân bản xứ không còn gì làm liêm sỉ nữa... Sự thật thì bầu không khí ở xứ ấy khó thở lắm, và hai mươi triệu dân Đông Dương hiền lành, thông minh đã hưởng được của ông cha một nền văn minh cổ, một nền nghệ thuật tốt đẹp, một nền học vấn thâm thúy thì số phận dân tộc ấy lại bị ruồng bỏ hơn hết, bị bạc đãi hơn hết trong những dân tộc người sống dưới sự che chở của nước Pháp". Báo *Tiếng Dân* đăng bản dịch của A.Viôlít là tiếp nhận sự đồng tình tích cực của dư luận tiến bộ Pháp, hòa vào cuộc đấu tranh chung của báo chí và quần chúng trong nước đòi tự do, dân chủ.

Ngày 14-9-1936, Huỳnh Thúc Kháng với tư cách chủ nhiệm báo *Tiếng Dân* có bức thư trả lời cho Ban thường trực dân nguyện Trung Kỳ, công bố lên báo *Tiếng Dân*[1], được dịch nguyên văn ra Pháp văn đăng ở trang 3. Huỳnh Thúc Kháng phê bình trưng cầu ý kiến mới hiểu rõ ý nguyện chung của nhân dân "thì ba năm qua, các ngài dân biểu làm những chuyện gì? Đó là một điều khiến cho dân chúng hoài nghi". Huỳnh Thúc Kháng nhắc lại tình trạng xứ Trung Kỳ và những yêu cầu đã phơi bày trên báo *Tiếng Dân* về thực trạng đời sống bị áp bức, bóc lột tàn nhẫn của nhân dân. Bất cứ người Pháp nào đòi đến dân nguyện Trung Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng đều nói như thế. Theo Huỳnh Thúc Kháng, đây là vấn đề căn bản nhất - mọi vấn đề khác đều là phụ, hay nói một cách khác, nếu không giải quyết điểm căn bản này thì điều gì cũng khó mang lại hiệu quả trên đất Trung Kỳ: "Ấy là theo tình thế xứ Trung Kỳ do bảo hộ, do thuộc địa", chính thế lờ mờ, xin cho Trung Kỳ có một chính phủ, có trách nhiệm "Ông coi việc giải quyết xong bước đầu này, sau mới nói chuyện "tam kỳ hiệp nhất", "Nam Bắc nhất gia" ví như đường xe hỏa Đông Dương hiện đương sắp sửa khánh thành, phải trải qua bao nhiêu công phu" cầu sông, hầm núi trên khoảng đường Trung Kỳ rồi mới thông suốt Nam Bắc được "không thế, trên khoảng đường

1. Báo *Tiếng Dân,* số 960, ngày 15-9-1936.

ngăn bờ đón dậu, cái hầm "chia rẽ" không khi nào lắp bằng". Tóm lại, Huỳnh Thúc Kháng đặt những vấn đề của Trung Kỳ tách ra khỏi Nam, Bắc để giải quyết trước và cải tổ cơ cấu của bộ máy cai trị làm điểm trung tâm, bao gồm: Chính phủ giữ quyền nội trị là Nam triều, làm việc trong những quy định của hiến pháp; những người đóng thuế được đi bầu; có Thượng viện và Hạ viện; Khâm sứ ở vị trí "bảo hộ". Những nội dung do Huỳnh Thúc Kháng đặt ra không hẳn là vấn đề chính trị cơ bản của Trung Kỳ. Yêu cầu cơ bản của Trung Kỳ nói riêng và cả Bắc Kỳ, Nam Kỳ nói chung là độc lập dân tộc và tự do dân chủ cho nhân dân. Yêu cầu trước mắt của Trung Kỳ cũng như của Bắc Kỳ và Nam Kỳ là đòi cải cách dân chủ, thực hiện các quyền tự do cơ bản và cấp bách nhất cho các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp và đẳng cấp, không phân biệt dân tộc và tôn giáo.

Ngày 13-9-1936, báo *Tiếng Dân* cho biết tiểu ban tạm thời họp ở số 21, phố Trung Bộ, Huế[1]. Tiểu ban cử Phạm Văn Quảng làm Chủ tịch, Nguyễn Quý Hương là báo cáo viên. Báo cáo viên có nhiệm vụ tập hợp tất cả các tờ trình của những người được phân công dự thảo sẽ trình bày vào ngày 16-9 về các vấn đề: chính thể và dân quyền, học vụ, y tế, báo giới, thể thao, nông dân, lao động, tài chính, kinh tế, quan lại.

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số 961, ngày 17-9-1936.

Ngày 15-9-1936, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa M. Mutê ký một bức điện gửi Toàn quyền Đông Dương, có đoạn viết: "Tôi được tin rằng có sự xôn xao về việc vận động tổ chức các ủy ban ở các địa phương để thảo nguyện vọng của nhân dân đưa lên phái bộ điều tra. Về phái bộ điều tra, cho đến nay Thượng nghị viện chưa chuẩn y, mà cũng chưa thảo luận", ra lệnh cấm mọi hoạt động của cuộc vận động Đại hội Đông Dương cũng như phải kết thúc cuộc thảo luận về thỉnh cầu để gửi cho Ủy ban điều tra.

Ngày 20-9-1936, Nguyễn Quý Hương trình bày bản dự thảo tổng hợp được đăng toàn văn trên báo *Tiếng Dân*[1]. Dự thảo này được sửa chữa đôi chút thành *Những bản thỉnh cầu của Viện Dân biểu Trung Kỳ* duyệt y ngày 25-9-1936 để gửi cho Bộ Thuộc địa Pháp và được Nhà in Phúc Long (Huế) in thành sách. Bản thỉnh cầu đã nói lên khát vọng của đông đảo nhân dân và bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Tháng 3-1937, để cổ vũ cho phong trào dân sinh, dân chủ do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo cũng như chuẩn bị dư luận để đón Gôđa, tại Huế nhiều tờ báo trong cả nước đã mở một "hội nghị báo chí bằng tiếng An Nam". Hội nghị báo chí trên đã xác định rõ mục tiêu cần phải đấu tranh mạnh mẽ hơn nữa vấn đề dân sinh, dân chủ cho nhân dân khắp ba kỳ. Một chiến dịch cao điểm tuyên truyền của báo chí đã được khởi xướng. Và, để "điểm mặt" những báo có tư tưởng cộng sản và chống đối

1. Báo *Tiếng Dân*, số 963, ngày 26-9-1936.

trong thời gian này, báo cáo của mật thám Pháp cho hay: "Việc tuyên truyền cách mạng bằng các báo tiếng An Nam trong tháng này đã lên tới độ rộng và mức độ hung hăng đáng ngại"; "Ở Trung Kỳ, các báo Sao Mai, Tiếng Dân và Tràng An vẫn tiếp tục chiến dịch của mình chống chế độ nhà lao và chính quyền địa phương. Họ đã đăng nhiều bài có khuynh hướng Mácxít rõ rệt"[1]. Từ công tác theo dõi, kiểm duyệt báo chí hằng ngày đối với báo *Tiếng Dân* - tờ báo có số phát hành và ảnh hưởng sâu rộng khắp các tỉnh Trung Kỳ, mật thám Pháp đã khẳng định, xu hướng cộng sản của tờ báo này: "Ở Trung Kỳ, không có tờ báo nào của Đảng Cộng sản Đông Dương xuất bản, công tác tuyên truyền của Đảng được tờ *Tiếng Dân* ở Huế dù có ý đồ hay không ủng hộ"[2].

Năm 1938, việc tranh chấp quần đảo Hoàng Sa, giữa Pháp và Nhật hết sức gay gắt. Tháng 10-1938, Nhật đánh chiếm Quảng Châu, thủ phủ tỉnh Quảng Đông. Tháng 2-1939, chúng chiếm đảo Hải Nam của Trung Quốc và tháng 3-1939, chúng chiếm quần đảo Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam đặt dưới quyền cai trị của Pháp. Từ ngày 12-7-1938, báo *Tiếng Dân* bắt đầu đăng một loạt bài về quần đảo Hoàng Sa của tác giả Sử Bình Tử tức Huỳnh Thúc Kháng.

---

1. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương về các hoạt động cộng sản tháng 3-1937. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

2. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương về tình hình tháng 11 và tháng 12-1937. Tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

Trong các bài viết của mình, Huỳnh Thúc Kháng đề cập đến việc tranh chấp quần đảo Hoàng Sa giữa Pháp và Nhật trở nên nghiêm trọng trên trường quốc tế. Huỳnh Thúc Kháng khẳng định: "đảo ấy là phần sở hữu của nước Nam ta, vì chính người Nam đã chiếm trước hết và đã kinh dinh các công cuộc ở đảo ấy"[1].

Huỳnh Thúc Kháng viết: "... Nơi phủ Quảng Ngãi, huyện Bình Sơn, làng An Bình gần biển, ngoài biển có nhiều hòn đảo, trong đó có đảo Hoàng Sa dài ước 30 dặm. Rồi kể vật sản: yến sào, chim biển, ốc taive, xà cừ, đồi mồi, hải sâm... Sử chép truyện chúa Nguyễn có đặt đội Hoàng Sa 70 suất thay phiên ra đảo lấy hải vật, đi ba ngày đêm đến đảo, mỗi năm tháng 3 đi, tháng 8 về; lại có chép sao biên bản của Thuyên Đức Hậu là cai quản đội Hoàng Sa ấy, kể rõ mỗi năm nhặt được thiếc mấy cân, vàng mấy hốt, đồi mồi, yến sào mấy cân, lại có khi nhặt được đồng khí, súng tiền... (những thứ có lẽ là đồ vật của những chiếc tàu chìm đây đó). Đến giá trị nhất là tờ công văn của quan Chánh Đường quan huyện Văn Xương, phủ Huỳnh Châu (Trung Hoa) gởi sang chúa Nguyễn ở Thuận Hóa, khi hộ tống hai tên trong đội Hoàng Sa bị phiêu bạt sang đây; trong "Thuận Hóa" công văn có chép: Năm Càn Long thứ 19 (1754 triều Hiến Võ năm thứ 17) tên quân đội Cát Vàng, người làng An Bình, huyện Chương Mỹ, phủ Quang Ngãi, nước An Nam, ngày tháng 7 đi ra

1. Dẫn theo Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd*, tr.201.

Vạn Lý Trường Sa tìm nhặt các hải vật, tám tên lên bờ tìm nhặt để hai tên lại giữ thuyền, rủi bị trận bão, đứt dây neo, thuyền trôi dạt vào bãi biển Tàu, viên huyện Văn Xương cho thuyền về xứ, chúa truyền Nguyễn Thuận Hóa cai bạ Thức Lượng Hầu làm thư phúc đáp. Đọc đoạn đại lược chép trên, thấy công trước tác của cụ Lê Quý Đôn thật không phụ cái tiếng "tài cao học rộng" và sách *Phủ biên tạp lục* giá trị đáng quý là dường nào!... Trong nước có bản sách quý hóa như vậy mà chỉ có bản chép bằng tay, tam sao thất bản, rồi gác vào xó kín, không đem ấn hành và công bố sách độc, sách dạy. Đến ngày nay nhân dịp có việc mới nhắc đến (!) để mong góp chút ánh sáng nhỏ nhoi truyền đến người đọc. Như thế trách nào dân không ngu. Rõ thẹn với hai chữ "văn hiến" biết bao"[1].

Giữa năm 1938, thực dân Pháp đưa ra dự án tăng thuế và tìm cách ép Viện Dân biểu Trung Kỳ phải thông qua. Trước tình hình đó, báo chí ở Trung Kỳ đã đưa tin và làm cho tình hình thêm sôi sục. Báo *Tiếng Dân* và báo *Sông Hương,* những tờ báo quan trọng nhất của Trung Kỳ, cũng không để lỡ dịp đăng một số bài có dụng ý. Một báo cáo của mật thám Đông Dương vào tháng 12-1938 cũng cho hay: "Báo *Tiếng Dân* và báo *Sông Hương*, hai tờ báo lớn ở Trung Kỳ, cũng

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số 1284, ngày 23-7-1938, lưu tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia Việt Nam.

không tránh khỏi đăng một số bài báo có xu hướng không tốt"[1].

Với tính cách cẩn thận, nghiêm túc và thẳng thắn, Huỳnh Thúc Kháng khi đưa tin, viết bài rất trung thực, phản ánh khách quan đúng sự việc. Tin nào sai sót về nghiệp vụ báo chí, Huỳnh Thúc Kháng sẵn sàng cho chỉnh sửa và đính chính, tin nào đã được điều tra kỹ lưỡng, xác đáng thì dù nhà cầm quyền có bắt ép không được đăng Huỳnh Thúc Kháng vẫn nhất quyết đăng. Một số dữ liệu từ các báo cáo mật thám lúc bấy giờ có viết: "Theo Cv số 219-s ngày 7-3-1935 tôi có lưu ý ngài về một cột báo *Tiếng Dân* số 770 ngày 25-2-1935 trong mục "Quảng Nam" nhan đề "Sự lo lắng của dân chúng về việc nộp thuế năm 1935". Bài này đã được sửa lại nhờ có sự đồng ý của ngài, trong số 775 của báo ấy, đã có ảnh hưởng tốt, ảnh hưởng của các báo không to lớn lắm trong quảng đại dân chúng An Nam nhưng rất có hiệu lực đối với khán giả, họ là những độc giả chính"[2].

Nghiên cứu các báo cáo mật thám tại Quảng Nam, Huế và của mật thám Trung Kỳ, đều thấy người Pháp theo dõi Huỳnh Thúc Kháng và báo *Tiếng Dân* rất sát sao. Từ việc ông tiếp chuyện Toàn quyền Đông Dương, đến khi về thăm quê tại Tiên Phước, diễn thuyết ở Tam Kỳ, ghé Hội An, hay dự các hội nghị báo chí... đều được đề cập trong các báo cáo của mật thám Trung Kỳ. Ví như

1, 2. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương, tháng 1-1937.

sự kiện "Các nhà báo cách mạng ở Trung Kỳ cùng họp nhau ở Huế, ngày 15-1, ở trụ sở ban biên tập báo *Nhành Lúa* để chuẩn bị thành lập một nghiệp đoàn báo chí. Nhưng không thành, vì các chủ nhiệm báo *Tiếng Dân, Sông Hương* (Huế) và *Tràng An* không đồng ý" cũng được đề cập. Việc đi lại nhiều tại Quảng Nam của Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ còn đáng quan ngại với thực dân Pháp hơn khi vì sợ "phong trào cộng sản có thể phát triển ở Quảng Nam vì tỉnh này có những điều kiện chính trị, xã hội và kinh tế giống như tỉnh Quảng Ngãi lân cận, nơi đã xảy ra những sự biến nghiêm trọng mà chúng tôi sẽ nói đến sau đây. Cả hai tỉnh ấy, năm 1908, là nơi đã diễn ra cuộc nổi dậy hòa bình, thường gọi là "cuộc nổi dậy của những người cắt tóc ngắn". Cuộc nổi dậy này không phải là không có những điểm giống như những cuộc biểu tình hiện nay của Nông hội đỏ, tức là cũng được huy động nhanh chóng, cũng có một sự tuân thủ thụ động của đông đảo quần chúng đối với những người chỉ huy nằm phân tán ở trong bóng tối. Cả hai tỉnh đều có nhiều thế hệ những sĩ phu có nhiều tham vọng và cơ bản vẫn là những người quốc gia chủ nghĩa có thể so sánh với Phan Châu Trinh rất nổi tiếng trong những năm gần đây. Chủ nghĩa quốc gia ở đây cũng như ở Vinh và Hà Tĩnh đáng lẽ ra đã có thể mở đường cho công tác tuyên truyền bônsêvích"[1].

---

1. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương, tháng 1-1937.

Năm 1939, Huỳnh Thúc Kháng xuất bản cuốn *Thi tù tùng thoại*. Đây là một tác phẩm ghi chép văn chương - hay có thể gọi là một sưu tầm văn học - về một thời điểm trong văn học Việt Nam. Đây là tác phẩm khởi sắc nhất trong phần trước tác văn học của ông. Cuốn sách được chia theo từng kỳ đăng trên báo *Tiếng Dân* từ số 1106 đến 1196. Tác phẩm này gồm nhiều bài thơ, ghi chép và suy ngẫm ông viết bằng chữ Hán ở Côn Đảo, khi được trả tự do sách bị tịch thu và đốt, sau về Huế ông chép lại theo trí nhớ và dịch ra tiếng Việt, trong đó có nhiều tài liệu liên quan đến hoàn cảnh xã hội, diễn tiến các phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX. Đồng thời cũng thấy được tư tưởng, tình cảm của các nhà yêu nước, cách mạng Việt Nam; nhất là phong trào Đông du, phong trào Duy tân.

Bước sang đầu những năm 40 thế kỷ XX, tình hình chính trị thế giới và trong nước có rất nhiều phức tạp. Báo *Tiếng Dân* có nhiều bài phản ánh tình hình này như: "*Không lúc nào cuộc thế quốc tế khẩn trương bằng lúc này. Âu Châu đi lần tới cuộc chiến tranh*"[1], "*Cuộc chiến tranh Đức - Ba Lan diễn thành trận thế giới đại chiến chăng*"[2], "*Cuộc cải tạo nước Pháp ảnh hưởng đến xứ ta như thế nào?*"[3], "*Nước Pháp mới và Đông Dương mới*"[4]...

1. Báo *Tiếng Dân*, số 1395, ngày 31-8-1939.
2. Báo *Tiếng Dân,* số 1402, ngày 16-9-1939.
3. Báo *Tiếng Dân*, số 1503, ngày 7-8-1940.
4. Báo *Tiếng Dân,* số 15241, ngày 19-10-1940.

Ngay từ khi ra đời, báo *Tiếng Dân* vẫn duy trì tôn chỉ cải cách, không xu phụ nhà cầm quyền, giữ tiếng nói độc lập. Nhưng từ khi phát xít Nhật vào Đông Dương năm 1940, rồi năm 1943 lại mở tòa lãnh sự đầu tiên tại Huế, thì thực dân Pháp thấy lo ngại, không muốn để một tờ báo đối lập với chính quyền lên tiếng chỉ trích nhà nước. Mặt khác, cuối năm 1942, thực dân Pháp biết Huỳnh Thúc Kháng có mối quan hệ với Cường Để khi nhận được một bức thư ký tên Cường Để gửi từ Nhật về với danh nghĩa Hội trưởng Việt Nam Quang Phục hội. Bức thư đại ý nói tình hình đang biến chuyển có lợi cho nước ta và Việt Nam Quang Phục hội, mong những nhà ái quốc lão thành như ông chuẩn bị sẵn sàng để đón tiếp đội quân cách mạng sắp trở về giải phóng đất nước. Lo ngại Kỳ Ngoại hầu Cường Để muốn lôi kéo Huỳnh Thúc Kháng giúp đỡ quân Nhật gây khó khăn cho Pháp, nên người Pháp ra lệnh đình bản tờ báo ngày 24-4-1943.

Trước sự kiện này, Huỳnh Thúc Kháng làm bài thơ *Tiếng Dân bị đình bản ngày 24-4-1943*:

"Cuộc thế chung quanh biển hóa cồn,
Báo nay đình bản chuyện con con.
Miệng vàng buộc chặt ba vòng sắt,
Lòng đỏ chôn sâu một tấc son".

Với mong muốn ban đầu chỉ cần báo được xuất bản, "dầu ra được 5, 7 số mà chết cũng vui lòng", nhưng báo *Tiếng Dân* đã tồn tại được 16 năm ròng, ra được 1.766 số (có ba năm ra mỗi tuần ba số, rồi lại trở về định kỳ

một tuần hai số như buổi đầu; có những số có phụ trương; số đặc biệt kỷ niệm ra 6 trang) vượt xa điều mong muốn khiêm tốn ban đầu gấp trên dưới 300 lần. Khi mới ra đời, *Tiếng Dân* là một trong 16 tờ báo tiếng Việt trong cả nước. Báo chí Trung Kỳ lúc đông nhất lên đến 12 tờ, như năm 1937. Được vài năm điểm mặt thấy tàn lụi dần, cho đến đầu năm 1943, chỉ còn ba tờ. Báo *Tiếng Dân* bị cấm xuất bản thì chỉ còn hai tờ[1].

Tiếng Dân là tờ báo bị đặt dưới một chế độ kiểm soát, kiểm duyệt đặc biệt khắt khe không áp dụng đối với một tờ báo quốc ngữ nào trong Nam hay ngoài Bắc thời kỳ bấy giờ: "Mỗi số báo phải nộp các bài một bản chữ quốc ngữ và một bản dịch ra tiếng Pháp cho Phủ Khâm sứ Trung Kỳ ít nhất 2 ngày trước khi công bố"[2], Đào Duy Anh là trợ thủ đắc lực của Huỳnh Thúc Kháng trong việc dịch các bài viết sang tiếng Pháp để đưa đi kiểm duyệt. Có những bài báo mà Huỳnh Thúc Kháng biết rằng đưa đi kiểm duyệt sẽ bị cắt bỏ, tuy nhiên với tâm huyết của người làm báo, Huỳnh Thúc Kháng vẫn đưa đi kiểm duyệt, bởi mục đích của ông "không phải là để biết liệu chúng có thể được xuất bản hay không. Mà chúng được Sở Kiểm duyệt đọc và trình lên nhà chức trách"[3]. Một trong những điều đặc biệt

---

1. Xem Nguyễn Thành: *Lịch sử báo Tiếng Dân, Sđd,* tr.249.

2. Báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 12-2-1927.

3. Nguyễn Thế Anh: "Một trường hợp trường tồn của tinh thần Nho giáo ở Việt Nam vào thế kỷ XX: Huỳnh Thúc Kháng và tờ báo Tiếng Dân", tạp chí *Nghiên cứu Huế*, tập 4-2002, tr.26.

của Huỳnh Thúc Kháng mà sau này trở thành kinh nghiệm của người làm báo đó là những đoạn mà bị cơ quan kiểm duyệt cắt bỏ thì Huỳnh Thúc Kháng bỏ trống, để người đọc hiểu là cơ quan kiểm duyệt cắt bỏ chứ không phải Huỳnh Thúc Kháng chỉnh sửa.

Tiếng Dân không phải là tờ báo có xu hướng quan điểm chính trị phục tùng đường lối của chủ nghĩa thực dân Pháp và cũng không có xu hướng cách mạng, không phải là cơ quan ngôn luận của một lực lượng chính trị "chống chính quyền". Báo *Tiếng Dân* "chống" không nhằm lật đổ chính quyền như một số tờ báo cách mạng khác, mà là phê phán, phản đối những việc tạm gọi là "quá đáng", gây nhiều thiệt hại cho quyền lợi vật chất và tinh thần của nhân dân, yêu cầu thay đổi chính sách, cải cách chế độ chính trị trong giới hạn nhất định của trật tự hiện hành bằng phương pháp ôn hòa. Nhưng ý muốn chủ quan đó vấp phải một thực tế khách quan: "Công cuộc thực dân không phải là một hoạt động khai hóa. Nó là một hành động bạo lực, có liên quan đến bạo lực"[1]. Nghĩa là muốn lật đổ chủ nghĩa thực dân Pháp không còn con đường nào khác là phải tiến hành cách mạng bạo lực. Ngay từ đầu, báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng đã trung thành với tâm nguyện "nói tiếng nói của dân", đòi các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí.

---

1. A. Xarô: *Vinh và nhục thuộc địa*, Nxb. Sagitaire, Pari, 1931, tr.107-108.

Huỳnh Thúc Kháng viết: "Vì rằng ta không có quyền tự do nói những điều nên nói, mà ta lại có quyền tự do không nói những cái không nên nói"[1].

Tiếng Dân là tờ báo tiếng Việt do một tù chính trị từ cõi chết trở về đứng tên làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, là một trường hợp đặc biệt và duy nhất ở Việt Nam trong thời kỳ thực dân Pháp thống trị. Sắc lệnh và nghị định của thực dân Pháp quy định: Muốn xuất bản báo bằng các thứ chữ ngoài chữ Pháp, phải xin phép Toàn quyền Pháp. Người đứng tên xin phép phải có một số điều kiện, trong đó, trước hết phải là không can án chính trị và không dính líu vào hoạt động chính trị chống chính quyền thực dân bao giờ. Trường hợp Huỳnh Thúc Kháng với báo *Tiếng Dân* là một ngoại lệ, không phải do chính sách báo chí thay đổi hay một đặc ân nào, mà là một thủ đoạn mị dân của Toàn quyền Pháp muốn lợi dụng uy tín và chức danh Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ để tuyên truyền những nội dung có lợi cho chúng.

Tiếng Dân là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở Trung Kỳ và cũng là tờ báo tồn tại lâu nhất khi đó. *Tiếng Dân* đã thực sự hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là tiếng nói của nhân dân, nêu lên những nguyện vọng bức bách, những yêu cầu thiết thực của người dân nơi đáy cùng xã hội. Những bài viết trên báo là tấm lòng yêu thương, tâm huyết

1. Báo *Tiếng Dân,* số 175, ngày 1-5-1929.

của người làm báo, là những dòng mực nhiệt thành xuất phát từ bầu nhiệt huyết của người viết, người chủ trương nhắm tới một đối tượng chính yếu: *nhân dân*. Nó là một cơ quan ngôn luận nặng hơn là thông tin; độc giả đọc tờ báo không phải đơn thuần chỉ đọc những dòng chữ mà còn đọc nơi tâm hồn, nhân cách của người chủ trương, người viết qua những bài bình luận... Có thể nói, *Tiếng Dân* đã trở thành một cơ quan giáo dục nhằm đào tạo những con người biết thương nước yêu nòi, biết căm thù quân cướp nước và bè lũ bán nước, biết thương yêu và đùm bọc nhau trong lúc hoạn nạn[1].

1. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng: Con người và thơ văn, Sđd,* tr.176.

Chương 4

TỪ CHÍ SĨ YÊU NƯỚC ĐẾN NHÀ LÃNH ĐẠO NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1943 - 1947)

1. Những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng sau khi báo *Tiếng Dân* bị đình bản đến trước khi giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong nội các Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Ngày 28-4-1943, sau 16 năm tồn tại (1927 - 1943), báo *Tiếng Dân* bị đình bản theo nghị định của Toàn quyền Đông Dương Đờcu (Decoux). Sau bao nhiêu năm muốn ôn hòa với Pháp, dựa vào việc mở rộng dân chủ để cải tổ triều đình phong kiến, "trị người xấu, dùng người tốt" cải cách chế độ quan lại, hô hào mở trường học, lập hội buôn để "khai hóa quốc dân", đưa nước nhà đến giàu mạnh và thoát khỏi sự bảo hộ của đế quốc, nhưng tất cả đã thành ảo tưởng. Tất cả đều vô hiệu. Trở về cuộc sống bế tắc cô quạnh, Huỳnh Thúc Kháng cũng lâm vào tình cảnh giống như "Ông già Bến Ngự" mà thôi. Hai nhà lão thành yêu nước vẫn chưa hết ưu thời mẫn thế,

nhưng các cụ đã bị thời đại vượt qua. Nếu như Phan Bội Châu nói lên tâm trạng của mình:

... Những tưởng anh em đầy bốn biển,
Nào ngờ trăng gió nhốt ba gian!
Sống xác thừa mà chết cũng xương tan,
Câu tâm sự gởi chim ngàn cá biển...

thì Huỳnh Thúc Kháng cũng viết những dòng không kém phần cảm động: "Trên mười mấy năm nay, ở giữa chỗ trời gai đất gốc, đầy mặt bụi đen, một trường say ngủ, lưa có hai lão bạc đầu, có đôi bạn khỏi lẻ loi, sớm chiều cùng qua lại nhau, mỗi lần nhắc lại chuyện cũ là mơ tưởng đến xứ Bồng Lai, tấm thân khi nào cũng lẩn quẩn bên trưởng giả.

Bởi ngày nay mà nhớ lại ngày xưa, hai bạn già cùng nhau suy nghĩ, không có gì mó tay vào được, trừ ra có một việc là: trong đám tro tàn giữ gìn một đóm lửa "nhiệt thành ái quốc" của đồng bào, mong kéo dài ra, có một ngày thổi cho cháy lại..."[1]. Lúc này đã gần 70 tuổi, đã trải qua bao thất bại đắng cay trong bước đường cứu nước nhưng Huỳnh Thúc Kháng vẫn không ngả lòng, vẫn mong có một ngày thổi cháy lại đóm lửa "nhiệt tình ái quốc" còn âm ỉ trong lòng.

Sau khi xâm lược Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, phát xít Nhật tìm mọi cách tuyên truyền

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.76-77.

lừa bịp, tạo nên phong trào "thân Nhật, phục Nhật, sợ Nhật", gây tâm lý "thay thầy đổi chủ" trong những người đã và đang phục vụ đắc lực cho Pháp ở Đông Dương. Chúng cho người tập hợp những phần tử trí thức, viên chức, nhân sĩ bất mãn phần nào với thực dân Pháp hoặc những tên có nợ máu với cách mạng, những tên tay sai gián điệp cũ của Pháp, và giúp bọn nó lập ra những đảng thân Nhật, như Đại Việt dân chính, Đại Việt quốc gia liên minh, Việt Nam ái quốc, Phục quốc, v.v.. Bọn Nhật còn lợi dụng cả những phần tử Tơrốtkít với tổ chức "Việt Nam xã hội cách mạng" của bọn tay sai, lợi dụng các giáo phái có xu hướng chống Pháp ở Nam Kỳ như Cao Đài, Hòa Hảo... Các đảng phái này sau đó thống nhất lại thành một tổ chức thân Nhật, gọi là "Việt Nam phục quốc đồng minh hội" do Cường Để đứng đầu và sửa soạn lập Chính phủ bù nhìn làm tay sai cho Nhật. Nhật cùng tay sai ra sức tuyên truyền cho thuyết "Đại Đông Á", "Đồng văn đồng chủng", chương trình "Khu thịnh vượng chung".

Phát xít Nhật lấn dần Pháp, buộc Pháp ký kết hết điều ước này đến hiệp ước khác, nhằm biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng. Đặc biệt là việc thiết lập một chính quyền tay sai bản xứ, muốn tìm những người có uy tín đứng ra đảm đương việc đó. Cho nên, nhiều lần chúng cho bọn chính khách đến gặp Huỳnh Thúc Kháng mua chuộc, dụ dỗ cụ. Một hôm, tên giám đốc chi nhánh *Đồng minh xã* ở Sài Gòn nhân đi công tác ở Huế đến thăm Huỳnh Thúc Kháng, hỏi một câu khá bất ngờ:

"Từ khi Pháp sang cai trị xứ này, người Việt Nam luôn luôn nổi dậy chống lại. Chúng tôi thấy các ông đã dám chống với Pháp ngay trong những thời kỳ Pháp còn mạnh. Thế thì tại sao bây giờ Pháp đã thất thế, các ông không nhân cơ hội này để tự giải phóng?".

Huỳnh Thúc Kháng cười và đáp lại:

"Xưa Pháp tuy mạnh nhưng chỉ có một mình Pháp. Bây giờ Pháp yếu nhưng lại có Đại Nhật Bản giúp sức phòng thủ chung"[1].

Dụ dỗ trực tiếp không được, bọn Nhật bèn dùng chiêu bài *Việt Nam phục quốc quân,* tức bọn người sống lưu vong ở Nhật được chúng nuôi dưỡng lâu nay với danh nghĩa của Cường Để, nguyên Hội trưởng Việt Nam Quang Phục hội thời Phan Bội Châu để viết thư về nước khuyên Huỳnh Thúc Kháng ra cộng tác với Hoàng quân để chấn hưng Đại Đông Á của người châu Á.

Cuối năm 1942, Huỳnh Thúc Kháng nhận được một bức thư viết từ Đông Kinh (Tôkyô) đề ngày 15-6-1942, ký tên Cường Để[2] gửi về với danh nghĩa Hội trưởng Việt Nam Quang Phục hội. Bức thư đại ý nói tình hình đang chuyển biến có lợi cho nước ta và Việt Nam Quang Phục hội,

---

1. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.26.

2. Theo Tôn Quang Phiệt, Vương Đình Quang, Nguyễn Q. Thắng, Chương Thâu cho biết, bức thư này thật ra không phải của Cường Để mà là của một bọn thân Nhật mạo tên Cường Để theo sự chỉ dẫn của Nhật.

mong những nhà ái quốc lão thành như ông chuẩn bị sẵn sàng để đón tiếp đội quân cách mạng sắp trở về giải phóng đất nước[1].

Nhận được thư, Huỳnh Thúc Kháng đã suy nghĩ và dành thời gian một tuần nhanh chóng viết thư trả lời trong hoàn cảnh "Tuổi già việc bận, cảnh nhộn người ồn"[2]. "Lấy làm cảm động và vừa hổ thẹn"[3], Huỳnh Thúc Kháng "tự xét tuổi già tài kém, không lấy gì đáp lại... trước hết định giữ thái độ tịnh mặc"[4]. Nhưng không muốn trả lời chậm, sợ "phiền lòng trông đợi" của một "khối lòng ái quốc của Trưởng giả, khẳng khái kích phát một cách nồng nàn"[5], Huỳnh Thúc Kháng cầm bút viết "những điều trong đáy lòng muốn nói... một bầu máu nóng rưới ra mực đậm ngàn dòng"[6], với suy nghĩ "dầu bất tài cũng là một trái lớn còn sót sau mùa đông, đối với nước Tổ cùng chung một dây quan hệ, huống gặp khoảng thời cơ "ngàn đời một thuở" này mà quên lãng cái nghĩa vụ một phần tử "kẻ thất phu có trách nhiệm" cùng "bạn bè với đồng bào""[7]. Huỳnh Thúc Kháng có niềm tin những gì viết trong thư "không phải không có điều bổ ích chút đỉnh", nếu "dung thứ chỗ nói cuồng nói quấy mà chọn lặt lấy những điều có thể chọn lặt được, tôi lấy làm minh cảm vô cùng"[8].

---

1. Xem Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.27.

2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ* (*Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd*, tr.73, 75, 77, 78, 79.

Ngày 5-2-1943, Huỳnh Thúc Kháng trả lời bằng một bức thư dài tỏ vẻ lạc quan trước tình hình mới, đồng thời kể ra bao nhiêu chính sách thâm độc của giặc Pháp từ trước đã tạo nên trong con người Việt Nam tư cách làm tôi tớ hơn làm chủ. Ông sợ rằng dân ta chưa có trình độ một dân tộc độc lập như các dân tộc văn minh khác, nhưng vẫn hoan nghênh mọi hoạt động của những nhà cách mạng ở nước ngoài đang kế tục chí hướng của Phan Bội Châu nhằm đón lấy thời cơ để khôi phục đất nước. Tuy nhiên, Huỳnh Thúc Kháng cũng nhẹ nhàng chê trách Cường Để thiếu hiểu biết hoàn cảnh trong nước cũng như âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp: "Xem đi xem lại trong thơ của Trưởng giả, hình như cách biệt nước nhà đã nhiều năm, đối với tình hình trong nước, không khỏi có chỗ ngăn lấp; hơn nữa bọn kia (người Pháp) sở trường cái ngón "thả mù tuôn mây", trăm cách che giấu sự thật, cái chân tướng ở trong không sao tỏ ra ngoài được"[1]. Bức thư viết bằng chữ Hán để ngỏ, bí mật gửi tới lãnh sự Nhật Kaoamô nhờ chuyển cho Cường Để, có đoạn:

"Tôi một người dân Nam Việt, không phải cây đá, lòng nào giữ cái thái độ trầm mặc, dầu không như ngựa già nằm chuồng hý lên một tiếng, há lại không vì chỗ

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.80.

đau khổ của đồng bào một chết một sống, ngấc đầu lên kêu dài một hơi dài sao?

Song tôi sở dĩ trù trì thận trọng là vì từng đọc cận sử Nippon, phàm việc ngoại giao và quân sự, trước việc đã dự trù hẳn hoi, điều tra khảo sát, trăm việc không hở một điều gì. Nay đối với tình thế nước Việt Nam chúng tôi hẳn đã thấu hiểu mười phần, xấp mấy điều biết của người nước chúng tôi. Vả lại tôi để lòng xét kỹ thái độ các nhà đại gia ngoại giao, quân nhân và chính trị Nippon về chính sách đối với Đông Dương, trong thời kỳ chiến cuộc kéo dài này, hình như còn giữa cái ý kiến "duy trì hiện trạng", ý kiến tôi e không hợp thời, và hoặc giả có chỗ phòng ngại đến những quy trình đã dự định, nên tôi phải trịnh trọng không dám bày tỏ một cách đường đột"[1].

Nội dung đoạn viết trong thư nêu trên cho thấy qua kinh nghiệm thực tế từ thời Phan Bội Châu bị Nhật trục xuất năm 1909, qua chính sách thôn tính của chính sách Đại Đông Á đối với các nước Đông Nam Á vừa mới rồi và cả đối với "Đông Dương đất thuộc địa Pháp, Hoàng quân Nippon cũng đã chiếm các yếu điểm, chận họng đè lưng"[2], thì làm sao mà có thể hợp tác với chúng được. Những dòng thư cho thấy lập trường chính trị của Huỳnh Thúc Kháng đã khác những năm 30

1, 2. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr. 88-89, 88.

trước đây. Thực tế đã chứng tỏ cho Huỳnh Thúc Kháng rõ là không thể nào tin được kẻ đi xâm lược. Pháp đã vậy, Nhật lại càng nhiều dã tâm hơn. Nhất là khi "Thời cơ vừa mới xoay thì Cụ Sào Nam bệnh già qua đời mà tôi thành lẻ loi chiếc bóng, trong cảnh mồ côi lại càng mồ côi thêm, một tiếng khóc dài gần đứt hơi thở, nghĩ rằng trong đời không còn kẻ tri âm, muốn đập nát đàn cầm đã mấy lần (1939, 40, 41)"[1].

Trong hai năm 1943 - 1944, phát xít Nhật và thực dân Pháp vừa câu kết vừa chuẩn bị lật nhau để độc chiếm miếng mồi Đông Dương. Những phần tử quá ỷ lại vào Nhật và quá sốt ruột đến hỏi Huỳnh Thúc Kháng lý do vì sao tình hình không có gì biến chuyển và quân cách mạng của Cường Để không kéo về? Huỳnh Thúc Kháng trả lời: "Dục tốc bất đạt" (muốn mau chóng thì không đến nơi) và vẫn tin vào một biến chuyển sắp tới.

Trong lúc đó, tình hình chiến sự trên các mặt trận từ Âu sang Á thay đổi theo chiều hướng thuận lợi cho Đồng minh. Phe Đức, Ý, Nhật bị phản công dữ dội, thất bại nặng nề. Theo chân Anh, Mỹ đổ bộ lên đất Pháp đánh đuổi quân xâm lược Đức, tướng Đờ Gôn (De Gaulle) dựa vào quân du kích Pháp trở về cầm quyền, lật đổ Pêtanh. Trước tình hình mới, bọn Pháp ở Đông Dương

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.77.

tỏ ra không còn sợ Nhật như trước nữa, bắt đầu lên mặt. Chúng đóng cửa một số trường học tiếng Nhật, bắt giam một số người Việt Nam thân Nhật. Trần Trọng Kim và nhiều người khác chạy trốn sang Xingapo. Về quân sự, Toàn quyền Đờcu chuẩn bị đón tiếp một cuộc đổ bộ của quân đội Đồng minh, theo đó chuẩn bị kế hoạch khôi phục lại địa vị thống trị cũ ở Đông Dương. Tất cả âm mưu và hành động đó của Pháp đều không qua tai mắt của Nhật. Tuy vậy, Nhật chưa dám quyết đoán truất ngay quyền của Pháp ở Đông Dương, vì chúng biết quân Pháp thế nào cũng chống trả quyết liệt và cuộc xung đột xảy ra lúc này rõ ràng còn bất lợi cho chúng. Vì thế cả Pháp lẫn Nhật đều cố nén mâu thuẫn, cầm cự, giữ miếng nhau, đi đến hòa hoãn một lần nữa. Thế nhưng, như Đảng ta nhận định: "Sự hòa hoãn này có khác chi một cái nhọt bọc, chứa chất bên trong biết bao nhiêu vi trùng và máu mủ, chỉ chờ dịp chín mõm là vỡ tung ra"[1].

Đứng trước tình hình đó, bọn quân phiệt Nhật thấy không thể trì hoãn được, phải hành động ngay để cứu lấy mình. Tối ngày 9-3-1945, Nhật chính thức hất cẳng Pháp, chiếm toàn bộ Đông Dương. Trong cuộc đảo chính này, không có một người Việt Nam yêu nước nào tham gia và

---

1. Trường Chinh: "Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ", báo *Cờ Giải phóng*, số 7, ngày 28-9-1944, in trong *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, t.1, tr.294.

cũng không thấy Việt Nam Quang phục hội của Cường Để về để góp phần xây dựng "chính quyền độc lập" của "đế quốc An Nam" do Nhật trao cho.

Sau đảo chính Pháp, Nhật tuyên bố "trao trả độc lập" cho Việt Nam. Để chuẩn bị cho sự ra đời của nội các mới, Bảo Đại cho Đổng lý Ngự tiền văn phòng Phạm Khắc Hòe hai lần đến mời Huỳnh Thúc Kháng vào gặp nhà vua để bàn việc nước, tuy nhiên đều bị Huỳnh Thúc Kháng từ chối. Lần thứ nhất, chiều ngày 15-3-1945, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Bất thành vô vật. Nhật chẳng thành thật với Bảo Đại đâu! Bảo Đại chẳng làm được chi đâu!"[1]. Lần thứ hai, ngày 17-3-1945, Huỳnh Thúc Kháng cũng từ chối[2] và trả lời thẳng thắn rằng:

---

1. Dẫn theo Phạm Khắc Hòe: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1987, tr.21.

2. Hồi ký của Phạm Khắc Hòe kể lại rằng ngày 17-3-1945, khi vào gặp nhà vua, Bảo Đại đưa cho ông một tờ giấy và nói "ông theo ý như đây và thảo một đạo dụ". Nội dung tờ giấy đại ý viết rằng, "từ nay trẫm sẽ tự cầm quyền và chế độ chính trị sẽ căn cứ vào khẩu hiệu "dân vi quý"". Sau đó, Phạm Khắc Hòe thảo ra đạo dụ, gọi là đạo dụ "dân vi quý" với nội dung 4 điểm và đưa đến ngay cho Huỳnh Thúc Kháng. Xem xong đạo dụ, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Nếu vua Bảo Đại quyết tâm thực hiện những điều trong Dụ này thì tôi sẵn sàng góp ý kiến qua ông hoặc qua một người khác được vua cử ra liên lạc với tôi. Còn bệ kiến bệ kiếc thì tôi chịu thôi. Trước hết phải được lòng dân. Mà muốn được lòng dân thì giản đơn nhất là vua hạ lệnh tha thuế năm nay cho dân". Khi Phạm Khắc Hòe nói: "Cụ có ý kiến chi nữa xin cho luôn", Huỳnh Thúc Kháng đáp: ""Dục tốc bất đạt", trước hết hãy chỉ làm một việc tha thuế thử xem sao đã" (Phạm Khắc Hòe: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, Sđd*, tr.23-24).

"Ta thấy người Nhật không chút gì là thực tâm với người Việt Nam chúng ta. Điều này ngài ở trong chính quyền càng nhận thấy rõ hơn phải không? Như thế dù ai có tài giỏi cho mấy đi nữa cũng chưa chắc làm nên việc, trừ phi mình có thực lực vững vàng. Riêng đối với nhà vua, tôi thành thật khuyên ngài thoái vị mà giao quyền cho nhân dân. Hiện trên thế giới ngày nay chế độ quân chủ đã lỗi thời. Riêng ở Việt Nam chúng ta, trong con mắt dân chúng lại càng không nên duy trì lắm. Ngài giao quyền lại cho dân, may ra sẽ có những vị anh hùng trong đồng quê núi thẳm xuất đầu lộ diện làm nên việc cũng chưa biết chừng. Và như thế riêng phần ngài cũng tự tỏ mình là người thức thời vậy"[1].

Những ngày sau khi Nhật đảo chính Pháp, nhà Huỳnh Thúc Kháng khi nào cũng chật ních các hạng người đến thăm và hỏi ý kiến, bao gồm đồng bào các giới, các nhóm chính trị thuộc phái này hoặc phái khác, những chính khách và sĩ quan Nhật. Hầu hết muốn Huỳnh Thúc Kháng trở lại hoạt động, hoặc ít nữa tái bản tờ *Tiếng Dân*. Huỳnh Thúc Kháng vẫn từ chối. Bất đắc dĩ và đến sau khi nội các Trần Trọng Kim[2] thành lập, Huỳnh Thúc Kháng mới viết "Bức thư trả lời chung",

1. Dẫn theo Chương Thâu: *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc)*, Nxb. Đà Nẵng, 1989, tr.29-30.

2. Đạo dụ thành lập Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời ngày 17-4-1945.

trong đó nêu ra mấy lý do để chối từ việc tái bản báo *Tiếng Dân* và tỏ thái độ hết sức dè dặt đối với tình hình mới. Dưới tiểu mục "*Ý kiến tôi đối với tiếng gọi Việt Nam độc lập*", Huỳnh Thúc Kháng viết:

"Lá cờ "Việt Nam độc lập" như cây nêu cao, viết chữ lớn ở nơi xa tít, mà chính nơi trước cửa, nơi bắt đầu ra đi, còn là trảng cát mênh mông, rừng chồi rậm rạp, chưa rõ đường lối, chưa phân phương hướng, cũng chưa nhận thấy trên con đường phải trải qua nhiều giai đoạn, mà giai đoạn đầu tiên bằng, dốc, khó, dễ ra sao"[1]. Và Huỳnh Thúc Kháng khuyên đồng bào: "Đừng tưởng rằng quốc gia độc lập cũng như đời Lê Trang Tôn đánh đổ triều ngụy Mạc dựng lại cơ nghiệp triều Lê, Gia Long đuổi Tây Sơn lập nên trung hưng nhất thống, cùng nhà Trần diệt quân Hồ Nguyên, Quang Trung đuổi quân Thanh, đánh đuổi kẻ thù rồi là xong việc, nền tự chủ nội trị tự tay mình muốn làm sao thì làm"[2].

2. Trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quyền Chủ tịch nước

Cách mạng Tháng Tám thành công làm nức lòng mọi người. Nhà chí sĩ yêu nước lão thành Huỳnh Thúc Kháng lúc bấy giờ trong tâm trạng chờ đợi đã không

---

1, 2. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.29.

khỏi ngạc nhiên đến ngỡ ngàng. Thành phố Huế, nơi bấy lâu đối với cụ là "ổ kén giam tằm" cũng bừng bừng khí thế ngút trời của hàng vạn quần chúng cách mạng rầm rập tiến về hoàng cung chào mừng cách mạng thắng lợi, đã lật đổ chế độ phong kiến từng ngự trị trên đất nước ta hàng nghìn năm. Chính quyền cách mạng thành lập, Bảo Đại đã thoái vị. Trên kỳ đài trước Ngọ môn, lá cờ quẻ ly thân Nhật bị hạ xuống nhường chỗ cho lá cờ đỏ sao vàng phấp phới tung bay.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, trước cuộc mít tinh lớn của hàng vạn nhân dân đủ các tầng lớp ở Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong con mắt Huỳnh Thúc Kháng, một nền độc lập thật sự do nhân dân đấu tranh mà giành được khác hẳn thứ độc lập giả hiệu mà trước đây bọn Nhật rêu rao. Tuy nhiên, lúc đầu vì chưa hiểu rõ chính sách của Việt Minh, Huỳnh Thúc Kháng có những băn khoăn, lo lắng đối với những hoạt động của mình trước đây. Nhưng với chủ trương đúng đắn của Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên, Huỳnh Thúc Kháng dần dần yên tâm trở lại hòa mình với cuộc sống vui chung của dân tộc. Trước sự kiện lịch sử vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám, Huỳnh Thúc Kháng đã nói lên sự sảng khoái vô biên của lòng mình:

"Sướng ôi là sướng! Thoát thân nô mà làm chủ nhân ông. Vui thật là vui! Đổi quyền vua mà làm dân quốc mới"[1].

Ngày 29-10-1945, nhân kỷ niệm lần thứ 5 ngày mất của Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng tổ chức ngày giỗ với một nghi thức trọng thể trong một bầu không khí khác những năm trước. Nhắc lại cuộc đời, sự nghiệp cứu nước của Phan Bội Châu với các bạn bè, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Ất Dậu trước đến Ất Dậu này thật khác xa. Trước là kinh thành thất thủ, là mất nước; nay là cách mạng, là giải phóng. Cái hoài bão của hai cụ đến đây rõ là được thực hiện. Cụ Sào Nam thì dân tộc chủ nghĩa. Cụ Tây Hồ thì dân chủ chủ nghĩa. Đời tôi đến đây được thấy cái kết quả mà bình sinh hai cụ mong ước, như thế là được rồi"[2]. Khi trả lời phỏng vấn của Nguyễn Bá Khoản - thành viên trong đoàn thanh tra của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công tác tại Huế cuối năm 1945, Huỳnh Thúc Kháng đã khẳng định: "Hiện nay nước nhà chỉ có một đường, không có ngã thứ hai, đó là từ dân chủ cộng hòa đi lên con đường "xã hội khoa học hóa". Ủng hộ Chính phủ lâm thời như lời Đồng minh đã tuyên bố về "dân tộc tự chủ". Con đường lịch sử theo

---

1. Dẫn theo Chương Thâu: "Về mối quan hệ giữa cụ Huỳnh Thúc Kháng và Chủ tịch Hồ Chí Minh", in trong Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng,* Nxb. Đà Nẵng, 1993, tr.276.

2. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.30.

Mã Khắc Tư không khi nào đi ngược trở lại "quả nhiên Việt Minh ra đời như lòng tôi đã cầu nguyện"[1]. Từ đây, Huỳnh Thúc Kháng không còn thấy mình lẻ loi, bi quan như trước nữa. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã truyền sang cho cụ một luồng sinh khí mới. Và với tầm nhìn thấu đạt tình thế về chính trị, quân sự, ngoại giao, cụ Huỳnh đã có những nhận xét tinh tường và dự cảm chính xác về thể chế dân chủ cộng hòa.

Hòa chung với niềm vui của dân tộc, mùa xuân Bính Tuất năm đó, hưởng cái tết độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam sau gần một thế kỷ mất nước, Huỳnh Thúc Kháng làm đôi câu đối:

"Trẻ lại với xuân, nước tổ bốn nghìn năm lịch sử;

Đứng lên làm chủ, quyền người hai chục triệu tâm sinh"[2].

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề ra sáu nhiệm vụ cấp bách, trong đó có nhiệm vụ xây dựng tổ chức nhà nước, tổ chức tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu để bầu Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội sẽ lập ra Chính phủ chính thức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

---

1. Dẫn theo Ngô Văn Minh: "Những hoạt động chính trị của Huỳnh Thúc Kháng từ năm 1904 đến năm 1947", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.299. Xem thêm Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập, Sđd*, tr. 480-481.

2. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.180.

Ngày 1-1-1946, để thực hiện mục đích thống nhất dân tộc bên trong và xúc tiến ngoại giao bên ngoài, Chính phủ lâm thời cải tổ thành Chính phủ liên hiệp lâm thời.

Đầu năm 1946, Huỳnh Thúc Kháng nhận được điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh mời ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ[1]. Lúc đó trời mưa lạnh, Huỳnh Thúc Kháng điện trả lời: "Thời tiết xấu tôi chưa đi được và không

---

1. Xung quanh sự kiện này, về thời gian, người gửi điện và người nhận điện, còn có những ý kiến khác nhau: Theo ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung trong bài "Sự góp sức của Huỳnh Thúc Kháng cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong thời khắc hiểm nghèo" (1945 - 1946), trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd*, tr.360 thì Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần nhân danh Chính phủ lâm thời mời cụ ra làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Theo TS. Nguyễn Thị Hải Yến trong bài viết "Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Những dấu ấn còn mãi với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa", trong *Sđd*, tr.340 thì cuối năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh điện cho Ủy ban nhân dân lâm thời Trung Bộ mời cụ Huỳnh Thúc Kháng ra Hà Nội. Theo Chương Thâu: "Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện mời cụ Huỳnh tham gia Chính phủ" (Chương Thâu (Biên soạn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc)*, Nxb. Đà Nẵng, 1980, tr.33). Trong sách của nhiều tác giả: *Bác Hồ cầu hiền tài*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2007, tr.38 viết: "Đầu năm 1946 khi đang ở Huế, cụ nhận được điện Bác Hồ gửi mời ra nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ". Tác giả Vương Đình Quang trong *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, tr.31 viết: "Nhà chí sĩ lão thành Huỳnh Thúc Kháng được mời ra Hà Nội để tham dự chính quyền". Trong bài "Cụ Huỳnh Thúc Kháng tham chính", in trong cuốn *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.378, tác giả Đỗ Ánh cho rằng, "đây là một tồn nghi lịch sử" và dẫn ý kiến hai lần Bác Hồ đánh điện mời, sau đó Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn cử người tới mời.

thể nhận chức Bộ trưởng. Trước sau tôi cũng ra gặp Cụ"[1]. Ngày hôm sau, Huỳnh Thúc Kháng lại nhận được bức điện thứ hai do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần và Võ Nguyên Giáp ký với nội dung "chúng tôi khẩn khoản mời cụ ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ"[2]. Sau khi nhận được điện, Huỳnh Thúc Kháng bàn bạc với một vài người ở Huế, quyết định đánh điện trả lời với nội dung: "Tôi vừa nhận được điện thứ hai. Tôi chuẩn bị trời tối sẽ lên đường"[3]. Trước khi lên đường, Huỳnh Thúc Kháng tuyên bố: "Tôi chỉ muốn ra gặp Cụ Hồ[4] để bày tỏ một vài ý kiến, còn việc gì khác thì tôi không thể nhận"[5].

1, 2, 3. Dẫn theo Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội* (tập hồi ký do tác giả tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh), hồ sơ H 25 c15/52, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

4. Huỳnh Thúc Kháng từ lâu vốn nghe tiếng và khâm phục Nguyễn Ái Quốc. Nhưng sau cách mạng thành công, ông thấy Chủ tịch Chính phủ lâm thời không phải Nguyễn Ái Quốc mà là Hồ Chí Minh. Người ta quả quyết với ông rằng Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc nhưng ông chưa tin. Nhân dịp này ông muốn gặp cho biết Hồ Chí Minh có phải thật là Nguyễn Ái Quốc.

5. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.31 (Theo Vương Đình Quang, "trong hai ngày liền, đại biểu Ủy ban hành chính Trung Bộ đến trao cho cụ Huỳnh hai bức điện khẩn mời cụ ra Hà Nội, dưới ký tên Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần" (Vương Đình Quang: *Hồi ký về Cụ Phan và cụ Huỳnh* (tái bản lần hai), Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997, tr.59). Còn theo Song Xuyên Nguyễn Xương Thái, bức điện thứ hai, có chữ ký của Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Võ Nguyên Giáp (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.179)). Theo Võ Nguyên Giáp: "Khi chúng tôi cử người tới mời, lúc đầu cụ tỏ ra ngần ngại. Một phần vì cụ thấy

Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã diễn ra thắng lợi trong toàn quốc, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt về thể chế dân chủ của nước Việt Nam mới.

Sau thắng lợi của tổng tuyển cử, tình hình nước ta tiếp tục có những diễn biến phức tạp. Ở miền Nam, chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tiếp tục lan rộng. Ở miền Bắc, các phần tử phản động trong Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc) và Việt Nam Cách mạng đồng minh hội (Việt Cách) đòi giải tán Chính phủ liên hiệp lâm thời vừa mới thành lập ngày 1-1-1946 và phải thành lập ngay Chính phủ liên hiệp quốc gia chính thức, mặc dù chưa triệu tập được Quốc hội.

Ngày 21-2-1946, tại phiên họp của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo sẽ tổ chức Chính phủ có 10 bộ, với bốn đảng phái tham gia, mỗi đảng giữ hai bộ. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng sẽ do hai vị thuộc phái trung lập giữ; đồng thời sẽ lập Ủy viên kháng chiến hội và Đoàn cố vấn.

Trước tình hình khó khăn, phức tạp do Việt Quốc và Việt Cách gây ra nhằm phân chia các ghế trong Chính phủ,

---

mình tuổi đã quá cao. Một phần vì cụ chưa hiểu những người lãnh đạo mới "thuộc lớp trẻ" này ra sao. Đến lúc nghe nói Hồ Chủ tịch chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, cụ nói quyết định ra Hà Nội. Cụ muốn biết nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc mà cụ đã nghe tiếng từ lâu là người như thế nào" (Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Tổng tập hồi ký*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2006, tr.220).

Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng đến việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, trong đó phải có được những vị không thuộc một đảng phái nào nắm giữ Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ. Để đáp ứng yêu cầu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy không ai đủ tư cách hơn cụ Huỳnh Thúc Kháng, nhà chí sĩ lão thành không đảng phái và có nhiều uy tín.

Ngày 24-2-1946 (tức ngày 23 tháng Giêng âm lịch), Ủy ban Hành chính Trung Bộ cho xe qua toà soạn báo *Tiếng Dân* đón Huỳnh Thúc Kháng ra Hà Nội[1]. Khoảng 20 giờ cùng ngày, xe đến Hà Nội, vào thẳng Phủ Chủ tịch. Lúc đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vắng, Hoàng Hữu Nam[2], Thứ trưởng Bộ Nội vụ và vài anh em khác ra tiếp cụ Huỳnh. Tối hôm đó, sau khi dùng cơm và trò chuyện vui vẻ, Huỳnh Thúc Kháng ngủ trong phòng của Chủ tịch Hồ Chí Minh[3].

---

1. Có hai nhân viên săn sóc việc đi đường, trong đó có Nguyễn Xương Thái, người Quảng Nam, một cộng tác viên quan trọng của Huỳnh Thúc Kháng ở tòa soạn báo *Tiếng Dân,* Tổng thư ký Huỳnh Thúc Kháng công ty.

2. Tức Phan Bôi (1911 - 1947), quê làng Bảo An, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

3. Dẫn theo Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh, gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày kế tiếp", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.181.

Sau nhiều lần thương lượng, ngày 25-2-1946, Hội nghị liên tịch giữa Việt Minh, Đảng Dân chủ, Việt Quốc và Việt Cách đã thống nhất đề nghị với Quốc hội việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến chính thức gồm 10 bộ. Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ để các vị không thuộc một đảng phái nào nắm giữ; Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính, Bộ Giáo dục và Bộ Tư pháp do Việt Minh và Đảng Dân chủ nắm giữ; Bộ Ngoại giao, Bộ Kinh tế, Bộ Xã hội và Bộ Canh nông do Việt Quốc và Việt Cách nắm giữ. Để tỏ rõ tính chất thống nhất quốc gia của Chính phủ liên hiệp, Bộ Giao thông công chính và Bộ Canh nông sẽ dành cho các đại biểu Nam Bộ. Thành lập Ủy viên kháng chiến hội để chuyên lo công việc kháng chiến. Thành lập Quốc gia cố vấn đoàn gồm có các vị có đạo đức và kinh nghiệm quản lý do Cố vấn tối cao Vĩnh Thụy làm trưởng đoàn để góp ý cho Chính phủ.

Sáng ngày 25-2-1946, Huỳnh Thúc Kháng gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vừa trông thấy Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Chí Minh bỏ gậy, mũ, ôm choàng lấy Huỳnh Thúc Kháng và hai người đều khóc.

Câu nói đầu tiên[1] của Hồ Chí Minh: "Tôi tưởng đã

---

1. Có tài liệu viết: Sáng sớm hôm sau, Bác Hồ đi công tác về, bỏ gậy, bỏ mũ, Bác ôm choàng lấy cụ Huỳnh, Bác nói: "Khi hôm được tin cụ ra, song không về được, sáng nay, trước khi về đây, tôi có nói cho ông Bảo Đại và cụ Hải Thần biết" (Minh Hương: "Chủ tịch Hồ Chí Minh với cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong *Bác Hồ cầu hiền tài, Sđd*, tr.38).

bỏ thây ở nước ngoài vì mấy chục năm trời, gặp không biết bao nhiêu là gian nan nguy hiểm"[1].

Cụ Huỳnh vừa khóc vừa nói: "Khi còn ở Côn Lôn, tôi cũng tưởng không có ngày phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, vì án chung thân, nay gặp Cụ, tôi hả lắm"[2].

Sau đó, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Chí Minh và Nguyễn Xương Thái cùng dùng điểm tâm sáng. Sau bữa sáng, Hoàng Hữu Nam sắp xếp cho Huỳnh Thúc Kháng nghỉ ở phòng số 4 Bắc Bộ Phủ.

Cuộc gặp gỡ giữa Huỳnh Thúc Kháng và Hồ Chí Minh như "cuộc hẹn của lịch sử", một thứ "duyên kỳ ngộ" tương hợp giữa hai nhân cách lớn, cuộc gặp gỡ của hai con người cùng chung một chí hướng, chung một tâm hồn cao đẹp. Vô cùng mãn nguyện sau khi gặp được người tri kỷ, Huỳnh Thúc Kháng làm bài thơ *Thất thập tự thọ* (Bảy mươi tuổi tự cười) bằng chữ Hán và tự dịch:

"Nghĩ ta, ta cũng nực cười,
Nhà nhà ba cõi, người người bốn phương.
Hỏi đến nước, đến làng, đến họ,
Có hay không? Không có? Có không?

1, 2. Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày kế tiếp", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.181.

Bảy tuần đầu bạc như bông.

Được người tri kỷ thôi xong đã già"[1].

Người tri kỷ Huỳnh Thúc Kháng nói tới ở đây chính là Hồ Chí Minh.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, Nguyễn Hải Thần đến thăm Huỳnh Thúc Kháng và mời cụ về phòng ở của mình, sau đó về nhà riêng để trò chuyện. Tại nhà riêng của Nguyễn Hải Thần có mặt Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh và vài ba người khác đã chờ sẵn, Huỳnh Thúc Kháng mở đầu câu chuyện:

"Được tin Cụ Hồ Chí Minh, cụ và anh em đây thỏa thuận thành lập Chính phủ liên hiệp, tôi hết sức hoan nghênh. Trong Nam, đồng bào mình đang kháng chiến, biết đâu không có ý đồ bất chính, như xưa kia. Ngoài ngõ, trộm cướp đang rình rập, nếu trong nhà anh em bất hòa, xâu xé nhau, thì thật là họa lớn cho dân tộc. Bên trong, chúng ta phải đoàn kết để đề phòng"[2].

---

1. Chương Thâu: "Về mối quan hệ giữa cụ Huỳnh Thúc Kháng và Chủ tịch Hồ Chí Minh", in trong Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.277.

2. Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.191.

Nguyễn Hải Thần trả lời:

"Quân Tàu sang đây lần này có mục đích giải giáp quân đội Nhật, xong việc họ rút lui, chứ không có ý gì khác. Chẳng những vậy, họ còn có thể giúp chúng ta được nhiều việc. Chính phủ bây giờ là Chính phủ Việt Minh. Quốc hội bây giờ là Quốc hội Việt Minh. Việt Minh là cộng sản. Cụ ra đây mời cụ nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ để chia bớt quyền hành của Việt Minh"[1].

Sau khi nghe mọi người trong phòng moi móc, xuyên tạc, bắt bẻ những việc làm của Chính phủ lâm thời, Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Nước nhà độc lập mà trong nước phái nọ đả kích phái kia thật là một điều bất hạnh. Tôi không ở về phái nào, chỉ muốn thấy anh em ngồi chung lại với nhau, hai bên cùng châm chước, sửa đổi đường lối của nhau cho thích hợp. Tôi chưa được nói chuyện với Cụ Hồ, nhưng Cụ đã đề ra việc thành lập Chính phủ liên hiệp, tất nhiên Cụ có ý muốn dung hòa"[2].

Nguyễn Tường Tam nói:

"Muốn dung hòa, trước hết phải đổi lá quốc kỳ, phải thả tất cả những người chống đối bị bắt giam lâu nay"[3].

1, 2, 3. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.192.

Nguyễn Hải Thần cố tranh thủ Huỳnh Thúc Kháng:

"Cụ ra đây nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ sẽ dùng uy danh của cụ để dung hòa hai bên"[1].

Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Tôi được điện tín của hai cụ, vội vã ra đây nghe lời dạy bảo, chứ không có ý nhận ghế Bộ trưởng. Lúc này là lúc mọi người tùy khả năng của mình mà góp phần xây dựng đất nước, nhưng tôi tuổi già sức yếu, không dám đảm đương một gánh quá nặng, đứng ngoài biết được điều gì xin bày tỏ điều ấy với quý cụ và anh em"[2].

Nói rõ ý định của mình xong, Huỳnh Thúc Kháng hỏi sang những việc riêng tư và tin tức về những người trong phong trào Đông du. Sau đó, Nguyễn Hải Thần mời Huỳnh Thúc Kháng đi dự tiệc tại nhà ông Hương Ký. Trong bữa tiệc có thêm đông đủ những người của Việt Cách và Việt Quốc. Họ công kích Việt Minh. Nghe những lời đó, sau một hồi yên lặng, Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Tôi rất đau lòng nghe những lời phe này đả kích phe kia, không biết rồi Chính phủ liên hiệp có thành lập được không, và nếu thành lập được thì làm thế nào mà làm việc cho có hiệu quả được? Tôi chưa có chức vụ gì,

---

1, 2. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.193.

mà có lẽ cũng không dám nhận một chức vụ gì trong Chính phủ. Tôi chỉ theo sự hiểu biết của mình mà mong anh em dẹp bỏ những điều nhỏ nhặt gây nên xích mích, để đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết"[1].

Cuối bữa tiệc, Nguyễn Hải Thần cố mời Huỳnh Thúc Kháng dọn đến ở một biệt thự sang trọng, có người hầu hạ. Huỳnh Thúc Kháng từ chối và nói:

"Tôi bây giờ là khách của Chính phủ, ở nhà của Chính phủ là hợp lý lắm rồi, hơn nữa căn phòng tôi trọ hiện nay là quá sang trọng đối với tôi, anh em miễn lo việc đó"[2].

Tiệc tan, trên đường về Bắc Bộ Phủ, Huỳnh Thúc Kháng nói với Nguyễn Xương Thái:

"Làm cách mạng sướng thật! Thấy bàn đèn, thấy mụ vợ Tàu trẻ, tự nhiên hết tin tưởng"[3].

Chiều cùng ngày, Bảo Đại đến thăm Huỳnh Thúc Kháng và sau đó các nhà báo đến thăm. Một nhà báo phỏng vấn Huỳnh Thúc Kháng về công việc hiện thời, Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

"Tôi mới ra, chưa biết được các việc mới, còn việc cũ của tôi thì anh em đọc báo *Tiếng Dân* đã biết hết rồi.

1, 2, 3. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.193-194, 193-194, 194.

Bây giờ chưa có việc gì mới lạ để nói với anh em. Thôi thì ta nói chuyện thường vậy"[1].

Trong thời gian này, bọn Việt Nam quốc dân đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh hội thường lui tới làm phiền Huỳnh Thúc Kháng. Chúng muốn lôi kéo cụ sang hàng ngũ của chúng, tìm mọi cách phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. Thậm chí chúng bảo Huỳnh Thúc Kháng là bù nhìn để cho Việt Minh lợi dụng. Những lần như vậy, Huỳnh Thúc Kháng nói thẳng: "Trong tình hình này, nếu quốc dân cần một người bù nhìn như tôi mà có lợi thì tôi cứ làm bù nhìn cũng được chứ sao"[2].

Chiều hôm đó, trao đổi với Huỳnh Thúc Kháng về việc thành lập Chính phủ, Hồ Chí Minh nói: "Việc mời cụ ra nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ là ý kiến chung của tất cả anh em các đảng phái, chứ không phải của riêng cụ Nguyễn Hải Thần và tôi. Vì cụ ở lại trong nước,

---

1. Dẫn theo Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày tiếp theo", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.182.

2. Vương Đình Quang: *Hồi ký về cụ Phan và cụ Huỳnh* (tái bản lần thứ hai), *Sđd,* tr.61.

cụ hiểu rõ được trình độ tiến bộ của ba kỳ. Đồng thời đồng bào ba kỳ đều tín nhiệm cụ"[1].

Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

"Tôi ra đây là cốt gặp hai cụ (cụ Hồ và cụ Nguyễn) chớ lúc này là lúc cần tăng gia sản xuất, mà tôi không cầm cày, cầm cuốc được, lại cần phải kháng chiến, mà tôi lại không mang súng nổi. Hai cụ nên kiếm người trẻ, thạo việc để trao nhiệm vụ thì hơn. Vả lại công việc của *Tiếng Dân* đương hoạt động, anh em nhân viên và thợ thuyền cũng khá đông, không làm được việc lớn, chớ cũng nuôi được mấy chục gia đình có việc làm"[2].

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói:

"Chúng tôi đã nghĩ kỹ, không còn ai xứng đáng hơn cụ. Người lanh lợi, tài giỏi không thiếu, nhưng lại thiếu người có uy tín đối với quốc dân đồng bào cả ba kỳ. Trên con đường tranh đấu giành độc lập, cụ đã đi được 99 dặm, chỉ còn một dặm nữa, xin cụ đừng thoái thác. Cụ vui lòng giúp tôi"[3].

1, 2. Dẫn theo Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày tiếp theo", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.182-183, 183.

3. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.196.

Huỳnh Thúc Kháng chưa trả lời, Hồ Chí Minh lại nói: "Chính phủ có mười bộ, đã có 9 người nhận 9 bộ rồi. Nay xin cụ nhận Bộ Nội vụ để Chính phủ ra mắt đồng bào gấp, vì Pháp đã đổ bộ ở Nam Kỳ"[1].

Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Tôi thấy ở các nước văn minh có khi cũng không đủ người thì ông Thủ tướng kiêm đỡ một thời gian ngắn rồi tìm người khác thay thế sau, hoặc để ông Bộ trưởng nào đó kiêm đỡ hai bộ"[2].

Hồ Chí Minh nói: "Cụ vui lòng giúp cụ Nguyễn và tôi, bây giờ tôi có việc phải đi. Chúng ta sẽ gặp lại"[3].

Sáng hôm sau, Hồ Chí Minh gặp riêng Nguyễn Xương Thái và nói: "Chú thưa với cụ Huỳnh, khi xưa làm quan là hưởng đỉnh chung. Bây giờ chúng ta làm việc cho dân cho nước, gọi là công bộc. Chú cũng nói cho cụ biết hiện bên Tàu còn trọng những người hay chữ, mà bọn Lư Hán còn đóng ở đây, chúng biết trong Chính phủ ta có vị tiến sĩ văn chương, chúng cũng trọng. Cụ Huỳnh đã hy sinh nhiều, xin cụ hy sinh thêm, nay mai sẽ có liên tịch hội nghị, các đảng phái sẽ mời cụ"[4].

1, 2, 3. Minh Hương: "Chủ tịch Hồ Chí Minh với cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong *Bác Hồ cầu người hiền tài, Sđd,* tr.39.

4. Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày kế tiếp", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.184.

Tối hôm đó, Nguyễn Xương Thái trao đổi với Huỳnh Thúc Kháng lời căn dặn của Hồ Chủ tịch. Nghe xong Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Từ bữa ra đây đến nay, thấy công việc quá nhiều và thương Cụ Hồ quá vất vả và đành rằng mình vẫn một lòng với hai cụ. Nếu hai cụ muốn tôi ra Hà Nội ít tuần, về Huế ít tuần, thì tôi cũng sẵn sàng. Chứ nhận Bộ trưởng thì *Tiếng Dân* sẽ ra sao?"[1].

Khi Huỳnh Thúc Kháng và Nguyễn Xương Thái đang bàn bạc thì Hồ Chí Minh và Hoàng Hữu Nam đến. Mọi người tiếp tục trao đổi câu chuyện xung quanh việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Huỳnh Thúc Kháng nói: "Tôi tự xét và lấy lòng thành trình bày với Cụ như trên, nhưng nếu Cụ thấy ba chữ Huỳnh Thúc Kháng còn có chỗ dùng với Tổ quốc, đối với quốc dân đồng bào, thôi thì xin hiến cho Cụ dùng"[2].

Mấy ngày sau, trong hội nghị liên tịch họp ở Bộ Lao động có đủ các nhân vật, các chính đảng. Tiếp đón

---

1. Dẫn theo Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày kế tiếp", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.184.

2. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.197.

Huỳnh Thúc Kháng trong không khí vui vẻ, Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần nói đến việc thành lập Chính phủ và đề nghị Huỳnh Thúc Kháng nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ là hợp lý. Huỳnh Thúc Kháng nói lại những ý kiến đã trao đổi với Hồ Chí Minh hôm trước và tuyên bố xin tạm nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ một thời gian. Cả hội nghị vỗ tay hoan nghênh.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội họp tại Nhà hát Lớn thành phố Hà Nội. Nhân danh Chủ tịch Chính phủ liên hiệp lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh long trọng tuyên bố khai mạc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa I, đồng thời báo cáo về việc thành lập Chính phủ kháng chiến. Người nói: "Chính phủ này ra mắt gồm có các đại biểu các đảng phái và các anh em không đảng phái, trước đây đã thương lượng và thỏa thuận với nhau, vì vậy sự tổ chức mới được nhanh chóng như thế.

Bây giờ tôi xin giới thiệu những Bộ trưởng cử ra, đều là những người có tuổi tác, có danh vọng, đạo đức, một mặt có thể giúp ý kiến cho Chính phủ, một mặt có thể điều khiển quốc dân. Lại có thêm một Ủy ban kháng chiến"[1]. Khi đọc tên từng người của Chính phủ để ra mắt Quốc hội, Hồ Chí Minh nói: "Bộ Nội vụ: Một người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết: cụ Huỳnh Thúc Kháng"[2].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.220, 221.

Ngày 4-3-1946, Huỳnh Thúc Kháng dự phiên họp đầu tiên của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến bàn về các vấn đề nguyên tắc họp của Hội đồng Chính phủ; tuyên ngôn của Chính phủ liên hiệp kháng chiến; chính sách đối với Pháp; quyền hạn của Bộ Quốc phòng và Ủy ban kháng chiến.

Sau ngày 6-3-1946, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng, ông Đặng Việt Châu được cử giữ chức Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ thay ông Hoàng Hữu Nam nhận nhiệm vụ mới làm đặc phái viên của Quân ủy hội.

Ngày 22-3-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đề nghị Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh bổ nhiệm ông Hoàng Minh Giám giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ; bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Dương giữ chức Giám đốc Việt Nam Công an vụ; bổ nhiệm ông Phạm Khắc Hòe, cựu Đổng lý văn phòng Hoàng đế Bảo Đại giữ chức Đổng lý văn phòng Bộ Nội vụ. Tiếp theo, ngày 26-3-1946, Huỳnh Thúc Kháng đã ký ban hành Nghị định cử ông Vũ Quý Mão làm Giám đốc Nha Pháp chế và hành chính, và ngày 27-3-1946 cử bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng làm Giám đốc Nha Thông tin - tuyên truyền Trung ương và các cơ quan phụ thuộc.

Từ đầu năm 1946, quan hệ của Chính phủ Tưởng Giới Thạch và Chính phủ Pháp với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục diễn ra khá phức tạp.

Quân đội của Chính phủ Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc từ vĩ tuyến 16 với danh nghĩa Đồng minh giải giáp vũ khí quân đội phát xít Nhật, nhưng nuôi dưỡng âm mưu lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh. Song, Chính phủ Tưởng Giới Thạch đang lâm vào tình cảnh khó khăn ngay trên đất Trung Quốc do phải đối phó với Quân giải phóng Trung Quốc. Vì vậy, họ muốn thương lượng với Pháp bằng cách rút quân của họ về Trung Quốc đổi lấy một số quyền lợi ở Đông Dương để Pháp đưa quân ra Bắc Việt Nam thay thế quân đội của Tưởng Giới Thạch.

Đối với Chính phủ Pháp, do thất bại trong chiến lược đánh nhanh thắng nhanh ở miền Nam Việt Nam nên có những thủ đoạn chính trị, ngoại giao và tiến hành đàm phán với Chính phủ Tưởng Giới Thạch. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Trung - Pháp đã được ký kết với nội dung cơ bản là Chính phủ Tưởng Giới Thạch đồng ý rút quân đội về nước và để quân đội Pháp thay thế quân đội Tưởng ở miền Bắc dưới danh nghĩa Đồng minh giải giáp quân đội Nhật; đồng thời Chính phủ Tưởng Giới Thạch được hưởng một số quyền lợi về kinh tế ở Trung Quốc và Đông Dương.

Trước tình hình khó khăn và cấp bách trên, Đảng ta chọn giải pháp vừa tiếp tục kháng chiến ở miền Nam, chuẩn bị lực lượng sẵn sàng đối phó với tình thế xung đột quân sự lớn có thể xảy ra, đồng thời vừa tiếp tục đàm phán với Pháp.

Thực hiện chủ trương đó, sáng ngày 6-3-1946, Hội đồng Chính phủ đã họp phiên đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Với cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Huỳnh Thúc Kháng dự phiên họp này. Hội nghị đã quyết định ký bản Hiệp định sơ bộ với đại diện Chính phủ Pháp. Huỳnh Thúc Kháng cùng tất cả các vị có mặt tại phiên họp đã cùng ký vào một biên bản đặc biệt.

Chiều ngày 6-3-1946, lễ ký Hiệp định sơ bộ đã được tiến hành tại nhà số 38 phố Lý Thái Tổ, Hà Nội.

Sau ngày Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Pháp, Trung Quốc tuyên bố sẽ bắt đầu rút quân từ ngày 15-3-1946. Một hôm, Hồ Chí Minh nói với Huỳnh Thúc Kháng: "Lư Hán sắp về nước mà bên Tàu họ còn trọng câu đối, trướng lắm, cụ nghĩ cho bốn chữ để Chính phủ thêu bức trướng tặng Lư Hán"[1]. Huỳnh Thúc Kháng ứng khẩu đọc ngay bốn chữ: "Bắc phương chi cường!". Hồ Chí Minh khen: "Hay, hay lắm!"[2].

Trước khi phái đoàn quân sự Trung Quốc do Tổng tư lệnh Lư Hán dẫn đầu rời Hà Nội về nước, Chính phủ ta mở tiệc chiêu đãi trọng thể. Trong bữa tiệc, Lư Hán nói với Hồ Chí Minh nhờ xin cụ Huỳnh một bài thơ kỷ niệm. Khi Hồ Chí Minh đề nghị, Huỳnh Thúc Kháng

---

1, 2. Trần Đương (Biên soạn): *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức,* Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2005, tr.53.

đồng ý rồi tự tay làm ngay một bài thơ chữ Hán đưa cho Lư Hán[1].

Trong tháng đầu tiên, trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Huỳnh Thúc Kháng đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc tham mưu cho Chính phủ ban hành các văn bản quan trọng liên quan đến việc bảo đảm quyền tự do cá nhân, quyền con người, quản lý công chức, công vụ. Ngày 2-4-1946, Huỳnh Thúc Kháng ký ban hành Thông tư số 12-NV/CC "Về bảo đảm quyền tự do cá nhân" gửi Chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ. Một ngày sau khi ban hành Thông tư số 12-NV/CC, theo đề nghị của Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 42, ngày 3-4-1946 ấn định thủ tục truy tố các khinh tội hay trọng tội phạm

---

1. Theo Nguyễn Xương Thái, người trực tiếp đưa bút, mực, giấy cho Huỳnh Thúc Kháng viết bài thơ thì câu chuyện như sau: Trong lúc đương ăn, Lư Hán nói với Cụ Hồ, nhờ xin cụ Huỳnh tiến sĩ văn chương một bài thơ kỷ niệm. Cụ Hồ nói lại, cụ Huỳnh đồng ý, bảo tôi đem bút lông, mực xạ, giấy trắng xuống phòng khách ăn. Cụ Huỳnh liền viết bài thơ đưa qua Cụ Hồ, ngồi ngay với Lư Hán, sát cụ Huỳnh. Cụ Hồ đọc rồi đưa qua Lư Hán. Ông này khen hay quá và nhờ Cụ Hồ xin thêm một bài nữa. Cụ Hồ nói lại, cụ Huỳnh liền viết. Bài thơ này cũng đưa qua Cụ Hồ trước. Cụ Hồ đưa lại Lư Hán. Lư Hán lần này đưa cả hai bài thơ cho Tiêu Văn, phụ tá của Lư Hán, ngồi đối diện với cụ Huỳnh. Tiêu Văn cũng khen hay quá và nói với Lư Hán xin thêm bài thứ ba. Cụ Huỳnh có sẵn thơ trong đầu, liền viết bài thứ ba (Xem: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.188. Sách *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức* và hồi ký của Lâm Quang Thự cũng viết như vậy).

nhân là bộ trưởng, thứ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh và đại biểu Quốc hội[1].

Thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Pháp, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã cử đoàn đại biểu đi dự Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Sáng 16-4-1946, trước khi đoàn lên đường, cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã gặp gỡ đoàn và có chỉ thị cụ thể về các nội dung và nguyên tắc đàm phán.

Trong thời gian diễn ra Hội nghị trù bị ở Đà Lạt, thực dân Pháp tiếp tục bộc lộ dã tâm tái chiếm nước ta. Nhằm tăng cường sức mạnh lực lượng bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, thực hiện Sắc lệnh số 23, ngày 21-2-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc thống nhất các Sở Cảnh sát với các Sở Liêm phóng toàn quốc thành một cơ quan, đặt tên là "Việt Nam Công an vụ", quy định cách tổ chức và nhiệm vụ của Việt Nam Công an vụ, ngày 18-4-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng ra Nghị định số 121/NĐ về việc tổ chức bộ máy Việt Nam Công an vụ. Nghị định quy định Việt Nam Công an vụ gồm có 3 cấp: Công an Trung ương, Công an kỳ, Công an tỉnh. Ở Trung ương gọi là Nha Công an Việt Nam; ở ba miền Bắc, Trung, Nam gọi là Sở Công an; ở tỉnh gọi là Ty Công an. Nghị định cũng

1. Xem Lê Vĩnh Tân: "Hoạt động và cống hiến của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ", in trong Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.37.

quy định rõ nhiệm vụ của từng cấp công an. Căn cứ vào nhiệm vụ của mình, lực lượng Công an trong cả nước tiếp tục đẩy mạnh việc đấu tranh trấn áp bọn phản động tay sai của thực dân Pháp. Tình hình ngày càng cấp bách và nghiêm trọng. Bọn phản động Quốc dân đảng câu kết chặt chẽ với thực dân Pháp khiêu khích, chống phá cách mạng ngày càng ráo riết và trắng trợn. Trước tình hình đó, lực lượng Công an phải được tăng cường về tổ chức và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Ngày 25-4-1946, Bộ Nội vụ gửi Thông tư số 1264 đến Chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Bộ, Trung Bộ về việc xác định rõ tòa án là một cơ quan biệt lập với các cơ quan hành chính, trực thuộc Bộ Tư pháp, do đó không đặt dưới quyền của các cơ quan hành chính[1].

Để giúp việc thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 13-5-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký ban hành Nghị định số 145 về tổ chức hệ thống thông tin tuyên truyền trong toàn quốc, đặt nền móng, cơ sở đầu tiên của ngành thông tin tuyên truyền của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khoảng một tháng sau ngày Huỳnh Thúc Kháng nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, một nhà báo Pháp đến xin phỏng vấn. Dưới đây là nội dung cuộc phỏng vấn. Nhà báo hỏi:

---

1. Xem Lê Vĩnh Tân: "Hoạt động và cống hiến của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ", in trong Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam, Sđd*, tr. 32.

"- Ông Bộ trưởng có biết Chủ tịch Hồ Chí Minh là ai không?

- Tôi không hiểu câu hỏi của ông.

- Ông Bộ trưởng có biết Chủ tịch Hồ Chí Minh trước kia là ai không?

- Chủ tịch Hồ Chí Minh trước kia là một nhà ái quốc, mấy mươi năm bôn ba hải ngoại để tìm đường cứu nước. Từ tháng Tám 1945 Cụ Hồ là vị lãnh tụ thiên tài được toàn dân Việt Nam ngưỡng mộ, Cụ là anh hùng của dân tộc Việt Nam.

- Nếu xảy ra chiến tranh giữa Pháp và Việt Nam, ông Bộ trưởng có tin rằng Việt Nam sẽ thắng không?

- Chắc chắn thắng. Từ sau cuộc Cách mạng Tháng Tám do Hồ Chủ tịch lãnh đạo, dân tộc Việt Nam đã đổi khác nhiều so với trước kia. Nếu xảy ra một cuộc chiến tranh như ông nói, dân tộc Việt Nam đã giác ngộ sẽ chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để bảo vệ Tổ quốc. Ông còn muốn biết gì hơn thì xin mời qua gặp ông Thứ trưởng Hoàng Minh Giám.

- Tôi vừa ở phòng ông Thứ trưởng sang đây. Ông Thứ trưởng cũng nói như ông Bộ trưởng vậy thôi.

- Chẳng những ông Thứ trưởng và tôi trả lời câu hỏi của ông như thế, mà ông ra đường thử hỏi bất cứ người Việt Nam nào, họ cũng sẽ trả lời ông như thế"[1].

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.198-199.

Thực hiện thỏa thuận giữa Việt Nam và Pháp, Hội nghị trù bị Đà Lạt diễn ra từ ngày 19-4 đến ngày 11-5-1946. Qua 22 ngày đấu tranh căng thẳng, Hội nghị trù bị Đà Lạt không đạt được một thỏa thuận nào. Ngày 12-5-1946, đoàn Việt Nam về Hà Nội.

Sáng ngày 16-4-1946, tất cả các đại biểu và cố vấn trong đoàn đi dự Hội nghị trù bị ở Đà Lạt về đều có mặt đông đủ tại Phủ Chủ tịch. Ở đây, Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng và các bộ trưởng cũng đều có mặt.

Sau khi nghe trưởng đoàn và phó trưởng đoàn báo cáo diễn biến hội nghị và thái độ ngoan cố của phái đoàn Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Thay mặt Chính phủ tôi hoan nghênh anh em đã đoàn kết nhất trí giữ vững lập trường, quan điểm của ta trước những thủ đoạn xảo quyệt, gian dối của đối phương. Như vậy là cuộc hội nghị trù bị đã làm cho ta thấy được sâu sắc hơn, cụ thể hơn dã tâm và tham vọng điên cuồng của thực dân Pháp, đồng thời cũng làm cho chúng thấy rõ ý chí sắt đá của nhân dân ta trong cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất cho Tổ quốc. Chúng ta muốn có hòa bình để xây dựng đất nước, đem lại hạnh phúc cho nhân dân, nhưng chỉ có thể chấp nhận hòa bình trong công bằng và danh dự"[1].

---

1. Dẫn theo Phạm Khắc Hòe: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, *Sđd,* tr.208-209.

Sau lời phát biểu của Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Tôi hoàn toàn nhất trí với những nhận xét của Hồ Chủ tịch. Tôi chỉ xin nhấn mạnh rằng Hội nghị trù bị Đà Lạt làm cho tôi càng thấm thía hơn một điều mà Hồ Chủ tịch đã nói từ trước là: trong đấu tranh chính nghĩa đòi độc lập, thống nhất cho đất nước, ngoại giao nhất thiết phải dựa trên lực lượng của nhân dân. Nhân dân ta phải tỏ rõ có thực lực, thì mới làm cho thực dân ngoan cố mở mắt ra"[1].

Trong thời gian này, nhiều vấn đề nội trị được đặt ra một cách cấp bách. Để đảm bảo quyền lập hội theo quy định trong Hiến pháp năm 1946, với tư cách Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Huỳnh Thúc Kháng đã đề nghị ký Sắc lệnh số 52, ngày 22-4-1946 quy định thể thức xin lập hội[2].

Để giúp việc thông tin tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ngày 13-5-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký ban hành Nghị định số 145 về tổ chức hệ thống thông tin tuyên truyền trong toàn quốc, đặt nền móng cho ngành thông tin tuyên truyền của nước ta.

---

1. Dẫn theo Phạm Khắc Hòe: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc*, *Sđd,* tr.209.

2. Xem Lê Vĩnh Tân: "Hoạt động và cống hiến của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ", *Sđd,* tr. 38.

Sau Hội nghị trù bị ở Đà Lạt, Chính phủ tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đàm phán tiếp theo ở Pari. Ngày 22-5-1946, Hội đồng Chính phủ họp thảo luận nhiều vấn đề, trong đó có quyết định lập một Ủy ban nghiên cứu đặc biệt các vấn đề sẽ đàm phán ở Pari. Huỳnh Thúc Kháng là một trong sáu người[1] được giới thiệu trong Ủy ban này.

Từ sau khi ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946, tình hình đất nước vẫn gặp không ít khó khăn. Một trong những vấn đề đặt ra cần tập trung giải quyết là lập Mặt trận dân tộc trong tình hình mới. Trong những văn kiện, chỉ thị của Đảng giai đoạn này đều nêu rõ cuộc cách mạng dân tộc giải phóng Đông Dương chưa hoàn thành, mục đích vẫn là giải phóng Tổ quốc, thống nhất dân tộc, củng cố chế độ cộng hòa dân chủ; kẻ thù cụ thể trước mắt vẫn là bọn phản động Pháp. Vì vậy, Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược nói chung phải đổi thành Mặt trận dân tộc thống nhất chống bọn phản động Pháp để giành độc lập hoàn toàn. Do chủ trương hòa hoãn với Pháp nên khẩu hiệu tuyên truyền, cổ động và các hình thức tổ chức tranh đấu phải thay đổi cho phù hợp tình hình mới. "Khẩu hiệu "Kháng chiến" phải thay bằng khẩu hiệu "Kiến quốc", khẩu hiệu "Chống thực dân Pháp xâm lược" phải nhường chỗ cho khẩu hiệu "Liên hiệp bình đẳng với nước Pháp mới"

---

1. Sáu người gồm: Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Tường Tam, Phan Anh, Võ Nguyên Giáp, Vũ Hồng Khanh.

và "Hai dân tộc Việt - Pháp liên hiệp chống lại bọn phản động Pháp""[1]. Nhu cầu khách quan đặt ra là phải củng cố, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất với những hình thức tổ chức, tập hợp lực lượng mới thích hợp. Hình thức tổ chức mặt trận mới theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được lấy tên là *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (gọi tắt là Liên Việt).

Để chuẩn bị cho chủ trương mới này, một ban vận động thành lập Hội được đề xuất gồm 27 vị[2], trong đó có Huỳnh Thúc Kháng thay mặt cho giới chí sĩ yêu nước. Cơ cấu thành phần Ban Vận động cho thấy hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất mới sẽ thể hiện rõ nét tính chất liên minh, liên hiệp, đại diện của tất cả các tổ chức, đảng phái[3].

Mục đích của Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam là đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết quốc dân, đoàn kết nhân dân, đoàn kết đảng phái, tóm lại là đại

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 50-51.

2. Đại biểu của Việt Minh gồm: Hồ Chí Minh, Nguyễn Lương Bằng, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Dương Đức Hiền, Cù Huy Cận. Giới yêu nước gồm: Huỳnh Thúc Kháng, nhà tư sản theo đạo Thiên Chúa có Ngô Tử Hạ, các trí thức Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Luyện, Phan Anh, cựu Thượng thư Bùi Bằng Đoàn. Đại biểu Việt Nam quốc dân đảng có Chu Bá Phượng, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long, Vũ Hồng Khanh...

3. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, quyển I (1930 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.392-393.

đoàn kết toàn dân tộc chống thực dân phản động Pháp, giành độc lập hoàn toàn.

Ngày 29-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt, tuyên bố chính thức thành lập tại Hà Nội. Hội cử Hồ Chí Minh làm Hội trưởng danh dự, Huỳnh Thúc Kháng làm Hội trưởng và Tôn Đức Thắng là Phó Hội trưởng[1]. Trong dịp trả lời một nhà báo nước ngoài ngày 16-7-1947, Hồ Chí Minh nói: "Hội Liên hiệp quốc dân là do những người lão thành có danh vọng đạo đức như cụ Huỳnh Thúc Kháng, cụ Bùi Bằng Đoàn, v.v., và những người yêu nước không có đảng phái đứng ra tổ chức.

Hội đó đã thực hiện sự đại đoàn kết của toàn dân gồm tất cả các từng lớp đảng phái tôn giáo và dân tộc trong nước Việt Nam. Tinh thần của Hội đó là yêu nước, chương trình là quyết tranh đấu cho Tổ quốc được thống nhất độc lập và dân chủ, phú cường"[2].

Nhân sự kiện trọng đại này, Tổng Bí thư Trường Chinh có bài viết *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời,* đăng trên báo *Sự thật*, số 30, ngày 1-6-1946. Sau khi khẳng định việc *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra đời* là "một hiện tượng chính trị quan trọng", "một tin mừng của dân tộc Việt Nam", bài viết nêu rõ: "Nó là một khối kết hợp các đảng, các phái và các tầng lớp

---

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, quyển I (1930 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.395.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.5, tr.200.

nhân dân vô đảng vô phái cùng chung một mục đích: vì nước. Đó là mặt trận thống nhất của toàn dân...

Độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường, muốn thực hiện những khẩu hiệu hết sức hợp thời ấy, toàn dân phải đúc thành một khối. Bao nhiêu thành kiến giai cấp, bao nhiêu phân tranh đảng phái, bao nhiêu đố kỵ về tôn giáo và nòi giống phải hất ra khỏi con đường tiến triển của dân tộc Việt Nam.

Từ nay quốc dân Việt Nam đã liên hiệp, không phải chỉ liên hiệp ở trong Chính phủ, mà còn liên hiệp ở quảng đại quần chúng nhân dân...

Thống nhất dân tộc là một vũ khí sắc bén chống lại kẻ thù của dân tộc... Lúc này bí quyết của sự thành công ở chỗ tinh thần đoàn kết. Cuộc đại đoàn kết ngày nay sẽ mang lại tự do chắc chắn cho dân tộc và có ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của các thế hệ Việt Nam sau này.

Tất cả mọi người Việt Nam xứng đáng với danh hiệu ấy phải là hội viên dũng cảm của Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam"[1].

Tiếp theo sau Hội nghị trù bị Đà Lạt, phái đoàn Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đi Pari để đàm phán chính thức và Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đi thăm Pháp với danh nghĩa là thượng khách của Chính phủ Pháp.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.69-71.

Ngày 29-5-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 82/SL cử Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng sẽ thay Người ký những công văn thường ngày và chủ tọa Hội đồng Chính phủ.

Trước đó, khoảng 2 tháng sau khi nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, ngày 3-5-1946, Huỳnh Thúc Kháng đã đề nghị Chính phủ ra Sắc lệnh số 58/SL quy định về tổ chức và chức năng của Bộ Nội vụ[1].

Để thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Chính phủ liên hiệp kháng chiến về công tác pháp chế hành chính, ngày 31-5-1946, Bộ Nội vụ đã ban hành Nghị định số 174 về tổ chức của Nha Pháp chính. Theo quy định của Nghị định, tổ chức của Nha Pháp chính gồm có Ban Công văn, Ty Pháp chế và Ty Hành chính. Chức năng, nhiệm vụ chính của các tổ chức này là giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ liên hiệp kháng chiến quản lý hành chính nhà nước, quản lý công tác công văn, giấy tờ, công tác pháp chế, thẩm định về tính hợp pháp của các văn bản do Bộ, ngành và Chính phủ ban hành.

Ngày 31-5-1946, trước khi cùng phái đoàn Việt Nam sang Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh tin cậy giao phó chức Quyền Chủ tịch nước cho Huỳnh Thúc Kháng với

---

1. Theo đó, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Nội vụ gồm có: một văn phòng, đứng đầu là Đổng lý Văn phòng; Nha Thanh tra và 5 nha chuyên trách là Nha Công chức và kế toán, Nha Pháp chính, Nha Thông tin, Nha Dân tộc thiểu số, mỗi nha có một giám đốc phụ trách.

lời căn dặn: "Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy ở cụ cùng với anh em giải quyết cho. Mong cụ "dĩ bất biến ứng vạn biến""[1]. Hồ Chí Minh đồng thời cũng dặn Võ Nguyên Giáp và Trường Chinh: "Các chú ở nhà phải làm sao mà Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Trung ương làm việc gì cũng phải bàn bạc, thuyết phục, không có cái gì được ép buộc. Phải làm sao cho cụ đồng tình để cùng làm việc"[2].

Trên cương vị mới được Hồ Chủ tịch giao phó, Huỳnh Thúc Kháng bắt tay vào điều hành bộ máy nhà nước, chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Chính phủ, giải quyết kịp thời những vấn đề nội trị, ngoại giao, thẳng thắn vạch mặt chân tướng của các đảng phái phản động đi ngược lại lợi ích của dân tộc. Ngày 8-6-1946, trên

---

1. Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên,* Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001, tr.248. Theo Cù Huy Cận: "Tôi còn nhớ rất rõ trước hôm lên đường đi Pháp, Cụ Hồ có nói với tôi: "Tối hôm nay chú ở lại với tôi để nói chuyện với cụ Huỳnh". Khi hai cụ ngồi bàn việc thì tôi được ngồi dự. Hôm đó, bên ấm trà nóng, cụ Huỳnh nói với Cụ Hồ rằng: "Cụ đi vắng, ở nhà có nhiều việc khó khăn, bất trắc xảy ra thì làm thế nào?". Cụ Hồ nói ngay một câu: "Dĩ bất biến ứng vạn biến". Câu nói này bây giờ toàn dân ta biết là ở cái đêm đó mà ra" (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.55).

2. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.36.

cương vị Quyền Chủ tịch nước, Huỳnh Thúc Kháng đã ra Sắc lệnh số 100/SL, cử đồng chí Lê Giản giữ chức Quyền Giám đốc Việt Nam Công an vụ thay ông Nguyễn Dương xin từ chức.

Tháng 6-1946, trên cương vị Quyền Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, tham gia phiên họp Hội đồng Chính phủ, khi thấy đại biểu đảng phái phản động trong Chính phủ cố tình phá rối, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, gây khó khăn cho chính quyền cách mạng, Huỳnh Thúc Kháng đã thẳng tay vạch mặt và cực lực phản đối. Cụ nói:

"Thưa các ngài, tôi nói ngay, tôi dám chê quý ngài dòm gần mà không dòm xa, thấy cái nhỏ mà không thấy cái lớn, biết bộ phận mà không biết toàn thể. Tôi dám chắc tình trạng này mà kéo dài ra nữa thì dân Việt Nam chúng ta trở lại làm nô lệ, mà đảng của quý ngài cũng lại làm đảng lưu vong"[1].

Thời gian này, bọn phản động Quốc dân đảng dựa vào thế lực của Pháp, tổ chức lực lượng vũ trang, ráo riết hoạt động phá hoại cách mạng. Cuối tháng 6-1946, Nha Công an, qua nguồn tin của cơ sở, phát hiện được âm mưu của thực dân Pháp câu kết với bọn phản động Quốc dân đảng đang chuẩn bị thực hiện một âm mưu phản loạn nhưng chưa rõ cụ thể chúng định làm gì. Đặc biệt

---

1. Dẫn theo Ngô Văn Minh: "Những hoạt động chính trị của Huỳnh Thúc Kháng từ năm 1904 đến năm 1947", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd,* tr.301-302.

hai cơ sở hoạt động trong trụ sở số 132 Đuyvinhô[1] cung cấp tin về bọn Quốc dân đảng khẩn trương in tài liệu, truyền đơn phản động. Lê Giản, Giám đốc Nha Công an Việt Nam đã nhiều lần trực tiếp xin ý kiến Trung ương cho quét hết tất cả các trụ sở của bọn Quốc dân đảng ở Hà Nội để chặn âm mưu của chúng. Tổng Bí thư Trường Chinh chỉ đạo phải kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, việc làm đó là đúng nhưng phải có đủ chứng cứ. Việc đấu tranh chống phản cách mạng lúc này làm đúng hay sai có quan hệ đến sự tồn vong của chính quyền cách mạng nên phải tiến hành thật khẩn trương nhưng hết sức thận trọng.

Ngày 11-7-1946, Nha Công an tổ chức cuộc họp khẩn, quyết định phải đột nhập trụ sở số 132 Đuyvinhô để lấy tài liệu, truyền đơn phản động.

Đúng 2 giờ 30 phút sáng 12-7-1946, một tiểu đội gồm trinh sát và cảnh sát xung phong đột nhập trụ sở số 132 Đuyvinhô. Toàn bộ bọn phản động ở đây đã bị bắt gọn. Các loại tài liệu phản động bị tịch thu. Đặc biệt ta thu được một bản tài liệu do chính Trương Tú Anh viết về "Kế hoạch đảo chính Chính phủ Hồ Chí Minh"[2].

---

1. Nay là phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội. Theo Trung tướng Phạm Tâm Long là số 125.

2. Theo kế hoạch này thì đến ngày 14-7-1946, quân Pháp điều binh qua Bắc Bộ phủ, bọn Quốc dân đảng sẽ ném lựu đạn vào tốp lính da đen, tạo lý do cho quân đội Pháp đánh chiếm các cơ quan đầu não của Nhà nước ta. Phái đoàn Chính phủ ta ở Phôngtennơblô sẽ bị bắt. Bọn phản động Việt Nam sẽ lập chính phủ bù nhìn tay sai.

Tại trụ sở Trung ương Quốc dân đảng ở phố Đỗ Hữu Vị[1], công an còn tìm được nhiều xác người và cả những tử thi của binh lính Pháp. Trong số tài liệu ta thu giữ được có một bản kế hoạch ám sát và bắt cóc. Theo đó, từ ngày 10-7 đến 17-7-1946, bọn Quốc dân đảng sẽ tiến hành một đợt ám sát các sĩ quan, binh lính Pháp và bắt cóc phụ nữ, trẻ em Pháp tại Hà Nội để đòi tiền chuộc và tạo ra những rắc rối giữa ta và Pháp.

Trước bằng chứng rõ ràng, Trung ương và Chính phủ quyết định cho lực lượng Công an phối hợp với các lực lượng vũ trang khác tiến công truy quét bọn phản cách mạng tại tất cả các trụ sở của chúng ở Hà Nội[2]. Đồng chí Võ Nguyên Giáp kể lại: "Khi chúng tôi có chứng cớ báo cho cụ Huỳnh rằng ở phố Ôn Như Hầu đang in truyền đơn phản động và có vấn đề bắt cóc, hối lộ, tống tiền, thủ tiêu... thì với tinh thần khảng khái của người yêu nước, chuộng công lý, cụ cầm batoong đập xuống đất một cái và

---

1. Nay là phố Cửa Bắc, Hà Nội.

2. Theo Cù Huy Cận, nguyên Thứ trưởng Bộ Nội vụ thời Huỳnh Thúc Kháng làm Bộ trưởng thì "khi chúng ta đã nắm chắc tình hình đến báo cáo với cụ Huỳnh thì cụ rất phẫn nộ. Cụ nói: "Đưa tôi đến đấy xem". Cụ Huỳnh đã đến tận nơi, xem tận mắt cái hắc điếm và những hơi thối xác người bốc lên. Hết sức phẫn nộ, cụ hét lên: "Phải diệt nội loạn!". Đó chính là chỉ thị của Quyền Chủ tịch nước để chúng ta giải quyết vụ Ôn Như Hầu" (Cù Huy Cận: "Nhớ lại những kỷ niệm về cụ Huỳnh Thúc Kháng", trong sách Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.56-57).

nói dằn từng tiếng: "Phải diệt chúng nó, bọn này là bọn phản quốc". Thế là cụ tán thành xử lý vụ án ở phố Ôn Như Hầu"[1]. Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Quyền Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký lệnh cho Công an và tự vệ Thủ đô phải thi hành phép nước, đưa vụ này ra ánh sáng và diệt trừ bọn phản động.

Nha Công an tiến hành khám xét trụ sở Quốc dân đảng ở nhà số 7 phố Ôn Như Hầu[2]. Tại đây, ta bắt gọn Phan Kích Nam và đồng bọn, cứu thoát những người bị bắt cóc, thu nhiều tài liệu phản quốc, dụng cụ làm bạc giả, dụng cụ tra tấn, thuốc mê[3].

Tiếp đó, Thường vụ Trung ương Đảng và Quân ủy Trung ương quyết định phải tiêu diệt bọn Quốc dân đảng ở Vĩnh Phú, Yên Bái, Lào Cai và cụ Huỳnh đồng ý. Như thế, trong lúc Hồ Chí Minh đi vắng, ở nhà dưới sự lãnh đạo của Đảng thống nhất với sự điều hành của Chính phủ mà người lãnh đạo cao nhất là Huỳnh Thúc Kháng, đã giải quyết được mối đoàn kết chung, kiên quyết tiêu diệt bọn phản động, không chỉ vụ án ở phố Ôn Như Hầu mà

---

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.36-37.

2. Nay là phố Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội.

3. Xem: *Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam (1945 - 1954)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1996, tr.102-104.

tiêu diệt toàn bộ quân đội của Việt Quốc, Việt Cách từ Vĩnh Yên cho đến Yên Bái, Lào Cai. Đến khi Chủ tịch Hồ Chí Minh về thì mọi việc đã được giải quyết.

Sau khi triệt phá tổ chức phản động ở nhà số 7 phố Ôn Như Hầu, ta tổ chức triển lãm vạch trần những âm mưu hoạt động phản quốc của bọn Quốc dân đảng. Hàng vạn đồng bào Thủ đô, các cơ quan báo chí nước ngoài đã tới xem, thấy rõ tội ác dã man của bọn tự xưng là "cách mạng quốc gia", "cách mạng hải ngoại". Vài ngày sau, mấy người trong Việt Nam Quốc dân đảng kéo tới Bắc Bộ phủ xin gặp cụ Quyền Chủ tịch để thanh minh cho "đường lối cách mạng" của đảng mình. Khi cán bộ vào báo cáo, Huỳnh Thúc Kháng hỏi ngay: "Chúng nó đâu?". Khi thấy những người của Việt Nam Quốc dân Đảng, Huỳnh Thúc Kháng chỉ gậy vào mặt quát to: "Đồ kẻ cướp! Đồ vô lại! Quốc gia dân tộc gì chúng mày!"[1].

Đảm trách nhiệm vụ mới do Hội đồng Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh giao phó, Huỳnh Thúc Kháng đã giải quyết mọi công việc theo phương châm "lấy cái không thay đổi để ứng phó với mọi sự thay đổi". Một trong những cái "bất biến" lớn nhất, quan trọng nhất trong giai đoạn này là sức mạnh của khối đại đoàn kết

---

1. Hồ sơ Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội* (Tập Hồi ký của tác giả tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh), đơn vị bảo quản số H25C15/52, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

toàn dân tộc. Trước âm mưu chia rẽ của bọn phản động và sự chia rẽ trong nội bộ, sức mạnh của tinh thần đoàn kết cần phải được củng cố, tăng cường hơn bao giờ hết, vì nó là bí quyết của sự thành công. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề, ngày 15-7-1946, Huỳnh Thúc Kháng tổ chức cuộc họp báo tại Hà Nội nhằm khẳng định lập trường, nguyên tắc đoàn kết với các tổ chức, đảng phái. Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng chỉ rõ:

"1. Sự đoàn kết là cần nhưng đoàn kết là cốt hợp lực lượng để kiến thiết, để ủng hộ ngoại giao, nói chung là để xây dựng nền dân chủ cộng hòa, nhưng không thể vin vào hai chữ *đoàn kết* mà làm những việc phi pháp.

2. Đối với Việt Nam Quốc dân Đảng thì tôi thiết tưởng những anh em đảng viên chân chính Việt Nam Quốc dân Đảng sẽ theo truyền thống nhà chí sĩ Nguyễn Thái Học, nghĩa là vì quốc vì dân.

Chính phủ và riêng tôi bao giờ cũng bảo đảm sự tự do hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng trong vòng pháp luật"[1].

Những quan điểm và hành động kiên quyết của Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Quyền Chủ tịch nước phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng

---

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, quyển I (1930 - 1954)*, *Sđd,* tr.513-514.

được đòi hỏi của cách mạng trong tình hình khó khăn lúc bấy giờ. Mấy ngày sau vụ Ôn Như Hầu, Tổng Bí thư Trường Chinh có bài viết với nhan đề *Nhân mấy vụ xét bắt mới đây,* đăng báo *Sự thật,* số 45, ngày 19-7-1946. Bài báo chỉ rõ: "Trong Việt Nam Quốc dân đảng có nhiều phần tử phức tạp từng tham gia vào những việc phản quốc và làm tay sai cho địch, đó chỉ là bọn lưu manh côn đồ đội lốt đảng phái chính trị để làm những việc phản nước, hại dân. Việc khám bắt đã có tác dụng lột mặt nạ bọn phản động bên trong, tay sai của bọn phản động bên ngoài, nó có ý nghĩa tẩy uế Mặt trận dân tộc thống nhất, giúp cho các đảng phái thực hiện khẩu hiệu đoàn kết một cách thiết thực"[1].

Cùng với việc trấn áp, dẹp yên các vụ phản loạn, với cương vị đứng đầu Bộ Nội vụ, Huỳnh Thúc Kháng đã tham mưu đề xuất về thủ tục thiết lập các đơn vị hành chính, về tổ chức bộ máy, cách thức làm việc và quyền ra quyết định của các Ủy ban hành chính. Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã thay mặt Chủ tịch Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 126, ngày 14-7-1946, ấn định thủ tục thiết lập các đơn vị hành chính hoặc sửa đổi các đơn vị ấy.

---

1. Chương trình viết tiểu sử các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước: *Trường Chinh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.279.

Thay mặt Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đã ký Sắc lệnh số 161, ngày 23-8-1946 ấn định thể lệ phục chức các công chức đã bị bãi chức hay cách chức vì lý do chính trị.

Ngày 9-9-1946, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng đã ký ban hành Nghị định số 359 về việc thành lập Nha Dân tộc thiểu số. Nghị định quy định Nha Dân tộc thiểu số có nhiệm vụ "nghiên cứu và giải quyết mọi vấn đề liên quan tới các dân tộc thiểu số trên nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc sống trên đất Việt Nam".

Ngày 26-9-1946, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đã ký ban hành Thông tư số 247-NC/PC gửi các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ và thành phố Hà Nội "hướng dẫn việc ra các quyết nghị sao cho không trái với thẩm quyền của các cấp chính quyền và không trái với pháp luật, sắc lệnh và quy định hiện hành".

Hơn bốn tháng trên cương vị Quyền Chủ tịch nước, xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng và chính sách chung đã quyết định cùng với sự tin cậy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng cùng Chính phủ nỗ lực xây dựng chế độ dân chủ cộng hòa, đồng thời tích cực chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến toàn quốc khi tình thế bắt buộc. Về việc tiếp tục xây dựng bộ máy chính quyền, xây dựng quân đội quốc gia và lực lượng Công an Việt Nam, xây dựng nền kinh tế tài chính độc lập, phát triển giáo dục văn hóa, v.v.. Chính phủ dưới sự

điều hành của Huỳnh Thúc Kháng đã ban hành nhiều thông tư, sắc lệnh[1].

Đang thời điểm gay cấn, có tin con tàu đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn Việt Nam từ Pháp về nước

---

1. Theo Nguyễn Thành: "Cụ Huỳnh Thúc Kháng trong Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa", in trong *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.210 thì nhân danh Bộ trưởng, ký 66 văn bản các nghị định, thông tư của Bộ và liên bộ; với danh nghĩa Quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh đã ký 117 sắc lệnh, điều khiển bộ máy Chính phủ hoạt động. Theo tác giả Đỗ Ảnh: "Cụ Huỳnh Thúc Kháng tham chính" in trong *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd*, tr.384, thì trong 4 tháng 21 ngày, ở trách nhiệm mới, cụ đã ký 103 sắc lệnh thuộc các lĩnh vực của tất cả các cơ quan tham mưu của Chính phủ để điều chỉnh bộ máy chính quyền, nhân sự, chính sách và cả hoạt động tác chiến, điều động cán bộ quân sự. Theo Ngô Văn Minh: "Những hoạt động chính trị của Huỳnh Thúc kháng từ 1904 đến 1947" in trong *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.303, thì với cương vị mới cụ đã ký tất cả 112 sắc lệnh, lần đầu tiên ngày 4-6-1946 lần cuối cùng vào ngày 26-7-1946. Trong thời gian sau Sắc lệnh số 90, ngày 30-5-1946 đến trước Sắc lệnh số 203, ngày 7-11-1946, Chính phủ do Huỳnh Thúc Kháng đứng đầu đã lần lượt ban hành các sắc lệnh như: Tổ chức Bộ Quốc gia Giáo dục theo Sắc lệnh số 119/SL, ngày 9-7-1946; Sắc lệnh số 125/SL, ngày 19-7-1946 về việc lập Hải quân Việt Nam; ngày 28-6-1946, liên Bộ Nội vụ và Bộ Canh nông đã ban hành Thông tư về sự cần thiết bảo vệ rừng; Sắc lệnh số 154/SL, ngày 13-8-1946 về việc quyết định mở rộng việc phát hành giấy bạc Việt Nam ra vùng Bắc Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở ra (tiếp theo Sắc lệnh số 186/SL, ngày 31-1-1946 của Chính phủ quyết định in và phát hành giấy bạc Việt Nam ở Nam Trung Bộ từ vĩ tuyến 16 trở vào); Sắc lệnh số 146/SL, ngày 10-8-1946 về việc đặt những nguyên tắc cơ bản của nền giáo dục mới; Sắc lệnh số 197/SL, ngày 11-10-1946 quyết định mở thêm Ban Pháp lý tại Trường Đại học Việt Nam; v.v..

đã cập bến Hải Phòng. Ngày 20-10-1946, đồng chí Võ Nguyên Giáp - đại diện Chính phủ liên hiệp kháng chiến xuống Hải Phòng đón Người. Sau một ngày thăm đồng bào Hải Phòng, vào lúc 10 giờ ngày 21-10-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn lên chuyến tàu hỏa đặc biệt và đến 15 giờ 15 phút về tới ga Hà Nội. Cụ Quyền Chủ tịch Huỳnh Thúc Kháng dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội, Chính phủ và các đoàn thể đến sân ga đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thay mặt nhân dân cả nước, đồng bào Thủ đô vui mừng đón Người an toàn, mạnh khỏe trở về. Sau này nhớ lại buổi chiều hôm đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp viết: "Cả nước đang trào lên một niềm vui. Niềm vui đó cũng rạng rỡ trên khuôn mặt của Người. Người đã bình an, mạnh khỏe trở về! Có bàn tay chèo lái của Người, con thuyền Tổ quốc sẽ vững vàng lướt tới bất chấp mọi phong ba"[1].

Ngày 23-10-1946, Hồ Chí Minh ra *Lời tuyên bố với quốc dân sau khi đi Pháp về*, trong đó có đoạn: "Trong lúc tôi đi vắng, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của cụ Huỳnh quyền Chủ tịch, sự săn sóc giúp đỡ của Quốc hội, sự ra sức gánh vác của Chính phủ, sự đồng tâm hợp lực của quốc dân, mà giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ"[2].

Từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946, Quốc hội đã họp kỳ thứ hai tại Thủ đô Hà Nội. Các đại biểu Quốc hội đã

---

1. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.504.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.467.

chất vấn Ban Thường trực và Chính phủ nhiều vấn đề thuộc lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, tài chính, nội vụ. Huỳnh Thúc Kháng cùng nhiều vị Bộ trưởng đã trả lời nhiều câu hỏi do các đại biểu Quốc hội nêu ra. Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ đã trả lời một số vấn đề lớn. Về việc lập Chính phủ mới, Quốc hội quyết nghị tán thành chính sách chung của Chính phủ; nhận sự từ chức của Chính phủ và ủy nhiệm cho Hồ Chí Minh đứng ra lập Chính phủ mới theo nguyên tắc đoàn kết và tập hợp nhân tài không phân biệt đảng phái.

Cũng tại kỳ họp Quốc hội lần thứ hai (tháng 11-1946), sau khi ông Cù Huy Cận - Thứ trưởng Bộ Nội vụ, trả lời các câu hỏi chất vấn của đại biểu Quốc hội về việc bắt giam và truy tố mấy đại biểu của Việt Nam Quốc dân đảng đã trực tiếp hay gián tiếp tham gia vào vụ bắt cóc tống tiền ở phố Ôn Như Hầu, cụ Huỳnh đã phát biểu: "Pháp luật là pháp luật chung... những kẻ bắt cóc, tống tiền, ám sát thì phải đem ra pháp luật nghiêm trị. Và mười điều trong Quốc lệnh mà Cụ Hồ và cụ Nguyễn (Hải Thần) đã cùng ký có nói đến những trường hợp này, nay tôi chỉ theo đó mà thi hành. Đây không phải là vấn đề đảng phái. Việc khám xét vừa rồi là việc phải làm để bảo vệ trị an..."[1].

---

1. Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng, người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.467.

Ngày 3-11-1946, Chính phủ mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu ra trình diện trước Quốc hội. Chính phủ gồm 15 Bộ. Hồ Chí Minh là Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao. Huỳnh Thúc Kháng tiếp tục giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ[1].

Sau khi Chính phủ mới được Quốc hội nhất trí thông qua, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố trước Quốc hội:

"Kết quả là, có những vị có tài năng nhận lời tham gia Chính phủ như: Cụ Huỳnh, vì tuổi già sức yếu mà cố từ, nhưng vì tôi lấy đại nghĩa mà lưu cụ, cụ cũng gắng ở lại... Chính phủ này tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới"[2].

Trong thời gian này, sau khi buộc phải ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, thực dân Pháp tìm cách phá hoại, tích cực chuẩn bị chiến tranh nhằm chiếm toàn bộ nước ta một lần nữa. Từ giữa tháng 11-1946 trở đi, tình hình trong Nam, ngoài Bắc trở nên hết sức căng thẳng. Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp tập trung quân tiến công các căn cứ, các cơ sở cách mạng, đánh chiếm các vùng tự do còn lại của ta. Ở miền Bắc, ngày 20-11-1946, quân đội Pháp nổ súng đánh chiếm các vị trí xung yếu ở Hải Phòng. Tại Hà Nội, từ đầu tháng 12-1946, thực dân Pháp liên tiếp gây ra những cuộc

---

1. Xem Ban Chỉ đạo biên soạn lịch sử Chính phủ: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.1, tr.149.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.4, tr.481.

xung đột vũ trang, gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu giao quyền kiểm soát Thủ đô cho quân đội của chúng.

Cuộc kháng chiến có khả năng lan ra cả nước. Một trong những nhiệm vụ quan trọng và cần thiết lúc này là phải đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ Chính phủ, tích cực tham gia kháng chiến. Nhận thấy uy tín và đức độ của Huỳnh Thúc Kháng, khoảng hạ tuần tháng 11-1946[1], Hồ Chí Minh cử Huỳnh Thúc Kháng[2] thay mặt Chính phủ đi kinh lý các tỉnh Trung Bộ[3].

Chấp hành sự điều động của Chính phủ và ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng rời Hà Nội. Đi đến đâu, Huỳnh Thúc Kháng cũng được cán bộ

---

1. Về thời gian Huỳnh Thúc Kháng rời Hà Nội còn nhiều ý kiến khác nhau.

2. Cùng đi có Tôn Quang Phiệt, Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội, thay mặt Quốc hội.

3. Trong thời gian từ cuối năm 1946 đến khi qua đời, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng vẫn tiếp tục quan tâm chỉ đạo việc tổ chức, củng cố chính quyền, phục vụ nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc. Ngày 28-12-1946, Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Thông lệnh số 6/NV-CT *Về tổ chức chính quyền trong thời kỳ đặc biệt.* Ngày 31-12-1946, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, được sự đồng ý của Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 5/SL *Về việc thành lập Ủy ban tản cư và di cư.* Ngày 15-3-1947, Bộ Nội vụ đã tham mưu cho Chính phủ lập và công bố "kế hoạch chấn chỉnh và củng cố Ủy ban hành chính địa phương" (Lê Vĩnh Tân: "Hoạt động và cống hiến của cụ Huỳnh Thúc Kháng trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ", in trong Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam, Sđd*, tr.33-34).

lãnh đạo địa phương đón tiếp và tổ chức mít tinh để cụ có điều kiện nói chuyện với nhân dân, giải thích đường lối kháng chiến và kiến quốc của Trung ương Đảng, vận động mọi người tích cực chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống xâm lược. Đặc biệt, Huỳnh Thúc Kháng luôn ca ngợi đạo đức và tài năng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khuyên mọi người triệt để thi hành mệnh lệnh của Người.

Tại Quảng Bình, Huỳnh Thúc Kháng có bài nói chuyện với cán bộ và nhân dân địa phương thể hiện quyết tâm kháng chiến đến cùng, giữ vững nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc:

"Đánh! Đánh! Già trẻ, gái trai, lương giáo, lao động, trí thức! Chúng ta phải đồng lòng đứng lên, đứng mạnh lên mà đánh đuổi bọn thực dân, rửa hận cho tiên linh của chúng ta đã bị chúng nó bắn, đã bị chúng nó chém! Chúng ta đánh đủ mọi mặt: đánh về quân sự, về chính trị, về kinh tế, về văn hóa. Chúng ta đánh bằng súng đạn, bằng dao gậy, bằng rựa mác, bằng mọi thứ khí giới có sẵn trong tay. Chúng ta không sợ máy bay, tàu lặn của chúng nó. Đồ bỏ! Đồ bỏ cả trước sự đồng tâm của chúng ta, của toàn dân chúng ta, của cả một dân tộc trên hai mươi triệu người. Toàn dân kháng chiến! Toàn diện kháng chiến! Xin bà con hãy đồng lòng!"[1].

Một buổi tối, một toán thanh niên xin gặp Huỳnh Thúc Kháng. Một người trong số họ tự xưng là đại diện cho thanh niên vùng, hỏi Huỳnh Thúc Kháng:

---

1. Dẫn theo Chương Thâu: *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc), Sđd*, tr.37-38.

"Lúc chiều, cụ hô hào nhân dân đánh Pháp. Không biết cụ có nghĩ rằng Hiệp định sơ bộ mà Hồ Chủ tịch ký với Pháp, đã làm cho cuộc chiến tranh gay go thêm chăng?

Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

- Lấy một nước nhỏ bé mới giành lại độc lập như Việt Nam ta chọi với một cường quốc, cố nhiên là gay go. Hiệp định ký với nước ngoài phải được Hội đồng Chính phủ chuẩn y. Trong Hội đồng ấy có tôi. Anh em quan tâm đến việc nước như thế tôi rất khâm phục nhưng có một điều nên biết là: Dầu ký, dầu không, quân Pháp cũng đổ bộ lên đất ta theo quyết định của Đồng minh chiến thắng. Đánh Pháp tức là khai chiến với Đồng minh, hiện giờ chúng ta có đủ sức làm việc ấy chưa? Anh em yên trí, Hội đồng Chính phủ không bán nước! Nói cho hết lẽ thì dông dài lắm, tôi xin tuyên bố vắn tắt với anh em rằng đó chẳng qua là một nước cờ của Hồ Chủ tịch với cả Pháp lẫn Tưởng Giới Thạch. Hồ Chủ tịch là tay cao cờ. Tôi chắc chắn và anh em cứ đinh ninh rồi đây thế nào rồi cũng thắng thế"[1].

Tại Huế, khi nói chuyện với cán bộ và nhân dân địa phương, Huỳnh Thúc Kháng vạch rõ bản chất tầm thường và bán nước của Nguyễn Hải Thần. Huỳnh Thúc Kháng

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd*, tr.201-202; Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội*, *Sđd*, tr.27 (Theo Lâm Quang Thự, hai cuộc phỏng vấn cụ Huỳnh tại Đồng Hới và Quảng Ngãi tường thuật theo hồi ký của ông Lê Nhiếp, thư ký riêng của cụ Huỳnh, viết ngày 20-12-1975 gửi cho).

cũng dành thời gian đến thăm nhà riêng Hoàng Đức Trạch, Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Thừa Thiên, một người đã cộng tác nhiều năm ở báo *Tiếng Dân,* cũng được bầu vào Viện Dân biểu Trung Kỳ. Trong cuộc trò chuyện với Hoàng Đức Trạch, Huỳnh Thúc Kháng say sưa nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Giỏi, giỏi thật! Chính trị, ngoại giao, kinh tế, cả quân sự, gồm đủ! Cụ Hồ thật là giỏi đủ mặt! Một điều lạ nữa là Cụ thấy trước mọi việc và thấy rất xa, như có cặp mắt của nhà tiên tri. Rõ ràng là khi ký Hiệp định sơ bộ, Cụ đã đẩy được một lần hai cái hiểm họa là quân đội Tàu đói khát, thâm độc và bọn phản động tay sai của chúng, đồng thời lại phân tán được lực lượng của quân Pháp trước khi khai chiến. Điều này Hồ Chủ tịch thấy trước mà bây giờ chúng ta mới thấy. Ký Tạm ước 14-9 với Bộ trưởng hải ngoại Pháp lại là một đòn chính trị thật cao, đặt nước Việt Nam lên ngang hàng với nước Pháp trên trường quốc tế"[1].

Hoàng Đức Trạch lại hỏi về Nguyễn Hải Thần, Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

"Tầm thường lắm! Lớp người Đông du khi cụ Sào Nam bị bắt, không còn nghĩ tới việc nước nữa, mà chỉ lo an thân, chực làm lá bài cho ngoại bang khi nào họ cần tới. Ông Hải Thần cũng như ông Cường Để tiêu biểu

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.202-203.

cho lớp người đó"[1]. Hôm đó, Huỳnh Thúc Kháng còn kể cho Hoàng Đức Trạch biết nhiều chuyện về Nguyễn Hải Thần, một con người "thấp kém đến bậc nào!"[2].

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.203.

2. Huỳnh Thúc Kháng kể câu chuyện mà cụ cho là buồn cười: Trong thời gian tôi làm Quyền Chủ tịch Chính phủ, một hôm ông Hương Ký, nhà chụp hình triệu phú ở Hà Nội, đến trao cho tôi một bức thư của ông Hải Thần. Mở thư ra đọc, thấy ông Hải Thần nêu ra ba vấn đề phải giải quyết: 1- Phó Chủ tịch Chính phủ phải được ngang quyền với Chủ tịch; 2- Phải 50 năm nữa mới được thi hành chủ nghĩa cộng sản; 3- Gửi ngay cho ông ta 10 nghìn đồng tiền lương. Xem qua bức thư thấy quá ngớ ngẩn, tôi bèn nói với ông Hương Ký: "Theo lối làm việc tập thể lãnh đạo, tôi sẽ đưa thư này ra trình Hội đồng Chính phủ, rồi sẽ trả lời sau. Nay tôi nói riêng với ông: Thời xưa dưới chế độ quân chủ, đứa con nít lên ba mà lên ngôi vua thì lập tức có quyền sinh, quyền sát. Thời này, trong chế độ dân chủ, quyền hành do uy tín mà có. Chủ tịch Chính phủ phải có uy tín mới trị nước được. Hồ Chủ tịch đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám đạp đổ chế độ quân chủ từ mấy nghìn năm, khôi phục độc lập cho Tổ quốc, công lao rất to, uy tín đối với nhân dân rất cao, tất nhiên quyền hành của Người phải lớn, không ai có thể ngang được. Cụ nhà ta, bước chậm, đi sau, mới được đưa lên chức Phó Chủ tịch đã bỏ nhà đi, uy tín đâu còn nữa mà đòi quyền hành. Về vấn đề thứ hai, vấn đề chủ nghĩa cộng sản, cụ lo làm chi xa quá vậy! Năm mươi mấy nữa, biết cụ và tôi có còn sống nữa không? Việc đời, cái gì phải đến sẽ đến. Cụ và tôi làm sao ngăn được. Vấn đề thứ ba, vấn đề tiền lương, mười nghìn đồng đối với ngân sách quốc gia thì chẳng là bao, nhưng đối với công của cụ, chỉ mất vài ba giờ ra trình diện Quốc hội, mà đòi tới mười nghìn thì e quá nhiều, trong khi các bộ trưởng làm việc cả tháng mà lương chỉ có 200 đồng thôi (Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.203-204).

Khoảng cuối tháng 11-1946, Huỳnh Thúc Kháng về đến quê hương Quảng Nam. Tại đây, sau khi làm việc với Ủy ban hành chính thành phố Đà Nẵng và Ủy ban hành chính tỉnh Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng đi về các huyện Đại Lộc, Quế Sơn và một số địa phương khác trong tỉnh thăm hỏi đồng bào. Thăm và nói chuyện với đồng bào giáo dân và các linh mục nhà thờ Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, Huỳnh Thúc Kháng kêu gọi đoàn kết giáo lương. Gặp Tôn Quang Phiệt ở huyện Quế Sơn đến chào từ biệt để ra Hà Nội, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Tôi chắc chắn không gặp lại Hồ Chủ tịch. Ông về Hà Nội báo cáo với Cụ công việc chúng mình đã làm từ hôm rời Hà Nội đến nay và nói riêng giúp tôi. Tôi gửi lời chào cảm mến Hồ Chủ tịch và xin chúc Cụ sống lâu để lãnh đạo cuộc chiến tranh cho đến ngày thắng lợi như Cụ đã lãnh đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công"[1].

Ở Quảng Nam lúc bấy giờ có tình trạng một số thân hào chưa giác ngộ, thường gây khó khăn cho địa phương, họ chỉ trích cán bộ, ngăn cản con cháu tham gia các đoàn thể, chính quyền. Phần đông trong họ là học trò hoặc tự coi như học trò cũ của Huỳnh Thúc Kháng. Biết được tình hình đó, một hôm Huỳnh Thúc Kháng cho mời tất cả về

---

1. Dẫn theo Phan Xuân Quang: "Chuyến kinh lý miền Trung của cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.411.

tập trung ở tỉnh để nói chuyện. Sau khi giải thích đường lối của Chính phủ, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Mặt trận Việt Minh và khuyên mọi người đoàn kết, ủng hộ chính quyền dân chủ nhân dân, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Hôm nay lấy danh nghĩa là một người thầy, một người bạn cũ có nhiều kinh nghiệm ở đời, tôi nói chuyện với các chú. Nếu các chú không nghe lời tôi, sau này các chú đừng trách, tôi sẽ lấy danh nghĩa là đại diện Chính phủ Trung ương mà thẳng tay trừng trị"[1].

Một lần khác, có người hỏi về Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng nói: "Ông Hồ không phải như nhiều người khác mượn hai tiếng "*cách mạng*" để rồi làm giàu hoặc làm quan to. Ông Hồ không đồng xu dính túi. Nói bằng cấp, thì ông Hồ không là tiến sĩ, phó bảng gì cả. Nhưng nói tri thức và sự nghiệp cách mạng thì hiểu biết của ông Hồ rất xa rất rộng, chẳng những việc trong nước mà cả việc thế giới"[2].

Trong thời gian ở Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng về thăm quê hương Tiên Phước, nghỉ tại nhà riêng ở làng Thạnh Bình. Một hôm, Huỳnh Thúc Kháng đến thăm cơ quan Huyện ủy, cũng là nơi làm việc của Ủy ban Mặt trận Việt Minh huyện. Nói chuyện với cán bộ

---

1. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.34.

2. Phan Xuân Quang: "Chuyến kinh lý miền Trung của cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.412.

của cơ quan Huyện ủy, Huỳnh Thúc Kháng chỉ ra những khó khăn, lạc hậu của Tiên Phước do vùng bán sơn địa, xa các đô thị, giao thông liên lạc kém, nhưng người dân Tiên Phước nói chung thuần khiết, có lòng yêu nước, khi được giáo dục, phát động sẽ tiến nhanh. Từ lòng kính trọng Phan Châu Trinh với sự cố gắng học tập, giao thiệp rộng nên có kiến thức, Huỳnh Thúc Kháng tâm sự với lớp trẻ thanh niên: "Các anh, các chị còn trẻ, đội ngũ cách mạng trẻ bây giờ rất tốt, rất giỏi, khả năng dồi dào. Anh Võ Nguyên Giáp khi ở Huế, có quan hệ với báo *Tiếng Dân* của tôi. Lúc đó, anh là "*Bạch diện thư sinh*", nhưng bây giờ là một cán bộ rất giỏi, rất giỏi (Cụ nhắc hai lần "*rất giỏi*"), có tri thức của một người lãnh đạo cách mạng. Tôi làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, nhưng chỉ bàn đường lối chung, công tác lớn, còn mọi việc đều do anh Hoàng Hữu Nam... đảm trách giải quyết. Thanh niên bây giờ giỏi lắm. Trên có Cụ Hồ, Cụ Hồ rất vĩ đại, dưới có một đội ngũ cách mạng tài năng, nhất định sẽ đưa dân tộc ta đến toàn thắng. Toàn dân đoàn kết, đại đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Cụ Hồ thì con thuyền cách mạng Việt Nam sẽ nhất định đến bến vinh quang, nước ta sẽ hoàn toàn độc lập, tự do"[1].

Tại Quảng Nam, Huỳnh Thúc Kháng nghe tin ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc*

---

1. Phan Xuân Quang: "Chuyến kinh lý miền Trung của cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.414.

kháng chiến. Hưởng ứng Lời kêu gọi đó, ngày 1-1-1947, với danh nghĩa Hội trưởng Hội Liên Việt, Huỳnh Thúc Kháng viết bức thư dài bằng chữ Hán với nhan đề *Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư* (Thư gởi đồng bào toàn quốc kháng chiến) do chính cụ dịch, trong đó nhấn mạnh: "Lúc bấy giờ có một người mà quốc dân đồng bào ta vốn đã tín ái; đó là nhà ái quốc chí sĩ Hồ Chí Minh tiên sinh, là một nhà cách mạng lão thành dày kinh nghiệm. Từng trải năm châu, nhìn thấu thời cuộc. Nắm vững tình hình, tính suy sau trước"[1].

Đầu tháng 4-1947, tiếp tục cuộc hành trình[2], Huỳnh Thúc Kháng vào đến Quảng Ngãi. Vừa tới nơi, ổn định chỗ ăn ở[3], Huỳnh Thúc Kháng bắt đầu lâm bệnh. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh đề nghị cụ nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng, chưa nên tiếp khách vội. Nhưng một hôm, có năm, sáu thân hào, nhân sĩ đến thăm, Huỳnh Thúc Kháng khăn áo

---

1. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng - Con người và thơ văn (1876 - 1947)*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr.550.

2. Theo Phan Xuân Quang, Nguyễn Xuân Trung thì Huỳnh Thúc Kháng nhận được điện của Phạm Văn Đồng mời cụ vào Quảng Ngãi.

3. Theo Phan Xuân Quang, Huỳnh Thúc Kháng ở nhà ông Nguyễn Tương ở thôn Phú Bình, huyện Nghĩa Hành. Từ tháng 12-1946, một cơ quan đại diện của Trung ương chỉ đạo cuộc kháng chiến, cũng là trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ đã được thiết lập. Nhà ông Nguyễn Tương là nơi ở của Huỳnh Thúc Kháng. Nhà ông Ngô Đồng là nơi làm việc của Phạm Văn Đồng và Nguyễn Duy Trinh.

chỉnh tề, tiếp chuyện vui vẻ như bình thường. Một cụ già hỏi: "Tôi thuở nay nghe biết tên nhiều nhà cách mạng hoạt động ở trong nước cũng như ở ngoài nước, nhưng chưa từng nghe tiếng ông Hồ Chí Minh. Vậy ông Hồ Chí Minh là ai?". Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

"Ông Hồ Chí Minh là con cụ Phó bảng Sắc ở Nghệ An, xuýt xoát lớp ông và tôi. Ông Hồ hoạt động chính trị ở nhiều nước: Âu, Á, Phi và hoạt động bí mật, cố nhiên là phải thay đổi tên họ luôn luôn để tránh mạng lưới mật thám quốc tế. Nhưng cái tên làm chấn động thế giới là Nguyễn Ái Quốc, chắc ông biết, nhiều người biết"[1].

Trả lời một vị nhân sĩ hỏi về gia sản và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng nói:

"Gia sản của ông Hồ thì không có gì, nhưng sự nghiệp của ông thì rất lớn. Ở ngoài Bắc thường gọi Cụ Hồ là "Cha già dân tộc", thật rất đúng. Xưa nay, nước ta không thiếu anh hùng, nhưng những anh hùng thuở trước, khi kêu gọi chống ngoại xâm, thường chỉ nhấn mạnh một việc, là cầm gươm súng giết giặc, đuổi giặc. Người anh hùng của dân tộc ta ngày nay là Hồ Chủ tịch thì cùng một lúc kêu gọi làm ba việc: chống giặc ngoại, chống giặc đói, chống giặc dốt. Ba việc nghe ra như rời rạc, không ăn khớp với nhau, nhưng thực sự gộp chung lại là một: đó là việc kháng chiến cứu quốc, mà mọi người dân, già, trẻ, gái, trai, cho đến các cháu nhi đồng,

1. Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội, Sđd,* tr.29.

đều góp sức vào để thực hiện với quyết tâm dời non lấp biển của dân tộc. Nghĩ ra được ba việc đó và phát động toàn dân thực hiện ba việc đó thành một phong trào sôi nổi rầm rộ trong toàn quốc, thật là giỏi, giỏi lắm!"[1].

Huỳnh Thúc Kháng nói say sưa nhưng có người[2] tỏ vẻ không tin và nói rằng: "Cụ nói vậy, chúng tôi nghe vậy". Huỳnh Thúc Kháng xẵng giọng đáp ngay:

"Ông tưởng tôi tâng bốc ông Hồ. Tôi xưa nay chưa biết nịnh ai. Sự thật thế nào thì tôi nói vậy. Ông còn trẻ, ông muốn biết Hồ Chủ tịch là người thế nào thì nên ra Bắc mà xin gặp Người. Hồ Chủ tịch không phải như vua ngày xưa đâu. Ai xin gặp, Cụ cũng cho gặp. Ông nên đi, đi để biết, ông sẽ thấy là tôi nói đúng. Lịch sử sau này sẽ phải gọi Hồ Chủ tịch là một ông thánh!"[3].

Nghe Huỳnh Thúc Kháng nói xong, người này hỏi tiếp: "Xin cụ cho biết kháng chiến này sẽ thắng bại thế nào và còn kéo dài bao lâu?". Huỳnh Thúc Kháng trả lời:

"Nói cuộc kháng chiến hiện nay đến bao giờ kết thúc thì không thể khẳng định được. Đã bảo là trường kỳ kháng chiến thì 5 năm, 10 năm, 20 năm biết đâu. Có một điều phải đoán chắc là chúng ta sẽ thắng. Trước kia các

---

1, 3. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.207.

2. Đó là nhà thầu khoán Võ Đình Thụy, người trẻ tuổi có vẻ tân học.

nhà cách mạng chỉ dựa vào tầng lớp trí thức, tư sản, ít để ý đến đại đa số quần chúng nhân dân, tức là công nhân, nông dân, cho nên thất bại. Nay thì khác. Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến. Đừng nói đâu xa, chỉ trong nhà trọ của tôi đây, ngày nào vợ chồng, con cái cũng tham dự thảo luận kháng chiến, săn sóc hũ gạo kháng chiến và theo học bình dân học vụ. Một nhà vậy, trăm nhà vậy, hàng ngàn nhà vậy, hàng triệu nhà vậy... Sức thực dân có máy bay, tàu lặn, có bao nhiêu bom đạn đi nữa cũng thua. Trên có sự lãnh đạo của Hồ Chủ tịch cùng những nhân vật tài ba lỗi lạc như ông Phạm Văn Đồng mà các ông đã biết; nhiều lắm và đủ cả người ở ba kỳ Trung, Nam, Bắc mà các ông ít ra cũng nghe tiếng, dưới sự đoàn kết nhất trí của toàn dân, thì các ông cứ tin tôi đi, mình sẽ đánh đuổi thực dân, rửa nhục cho Tổ quốc"[1].

Bệnh tình ngày càng nặng, sức khỏe yếu dần. Ngày 14-4-1947[2], trên giường bệnh, Huỳnh Thúc Kháng đọc cho thư ký riêng của mình ghi Lời vĩnh quyết gửi Hồ Chí Minh: "Gởi Chủ tịch Hồ Chí Minh! Tôi bệnh nặng chắc không qua khỏi. Bốn mươi năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước đã độc lập, chế độ dân chủ đã thực

---

1. Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội, Sđd,* tr.30.

2. Theo Phan Xuân Quang thì đó là ngày 19-4-1947 (xem Phan Xuân Quang: "Chuyến kinh lý miền Trung của cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd,* tr.416).

hiện, thế là tôi chết hả. Chỉ tiếc không được gặp cụ lần cuối cùng. Chúc Cụ sống lâu để dìu dắt quốc dân lên đường vinh quang, hạnh phúc. Chào vĩnh quyết. Quảng Ngãi ngày 14-4-1947"[1].

Ngày 19-4-1947, Huỳnh Thúc Kháng cũng có thư "Gởi anh em binh sĩ! Anh em là những vị anh hùng vô danh của đất nước. Mong anh em hăng hái hơn nữa, nhất định không để cho dân tộc ta bị tròng vào ách thực dân một lần nữa. Chào vĩnh quyết"[2]. Cùng ngày, Huỳnh Thúc Kháng cũng có thư gửi anh em các đảng phái, tôn giáo: "Cùng anh em các đảng phái, tôn giáo! Chủ nghĩa gì cũng chẳng nên trò, nếu còn là dân nô lệ. Mong anh em thực hiện đại đoàn kết chung quanh Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng xuất chúng. Tôn giáo cũng vậy. Người ta nói tôn giáo không có quốc giới. Tôi cũng tin như vậy. Hơn nữa, tôi tin sau này rồi cái gì cũng không có quốc giới. Nhưng ngày ấy còn xa!"[3].

Huỳnh Thúc Kháng trút hơi thở cuối cùng vào ngày 21-4-1947 tại nhà ông Nguyễn Tương, thôn Phú Bình, xã Hành Phong, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Theo tâm nguyện của Huỳnh Thúc Kháng[4], chính quyền

---

1, 2, 3. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng - Con người và thơ văn (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.427, 427, 428.

4. Khi về Tiên Phước, cán bộ và nhân dân địa phương thường xuyên đến thăm. Huỳnh Thúc Kháng dặn người thân là cụ chết ở đâu thì an táng ở đó.

và nhân dân địa phương đã an táng cụ trên đỉnh núi Thiên Ấn. Cụ Huỳnh mất là một điều thiệt thòi lớn cho dân tộc và Tổ quốc. Đọc Điếu văn tại tang lễ cụ Huỳnh Thúc Kháng, đồng chí Phạm Văn Đồng là đại diện (phái viên) của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung Bộ, đánh giá cao cống hiến của cụ Huỳnh Thúc Kháng: "Đời người như đời cụ sao mà đầy đủ đến thế, vẹn toàn đến thế, tốt đẹp đến thế... Cụ Huỳnh là cha già chí thân, tượng trưng cho một dân tộc... Suốt đời cụ, thủy chung là một khúc ca hùng tráng, hùng tráng đến ngày cuối cùng, chống gậy đi kháng chiến"[1]. Điếu văn kết thúc bằng hai câu đối:

"Làm nghệ sĩ không vinh, tù Côn Lôn không nhục, khí tiết côi Tùng trơ một gốc.

Lãnh Bộ trưởng trọn tài, quyền Chủ tịch trọn đức, tinh anh sao Vĩ chiếu ngàn thu"[2].

Ngày 29-4-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào toàn quốc báo tin cụ Huỳnh Thúc Kháng qua đời và tổ chức quốc tang cho cụ. Bức thư đã nói rõ thân thế, sự nghiệp và cống hiến to lớn của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Huỳnh Thúc Kháng: "Vị chiến sĩ lão tiền bối

---

1. Dẫn theo Phạm Ngọc Sinh: "Chất Quảng Nam trong con người cụ Huỳnh", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr. 39-40.

2. Donghuongtienphuoc.com; quangngai.gov.vn.

Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân vừa tạ thế... Cụ Huỳnh là một người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao. Vì lòng yêu nước mà trước đây cụ bị bọn thực dân làm tội, đầy ra Côn Đảo. Mười mấy năm trường gian nan cực khổ. Nhưng lòng son dạ sắt, yêu nước thương nòi của cụ Huỳnh, chẳng những không sờn lại thêm kiên quyết.

Cụ Huỳnh là người giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gan.

Cả cuộc đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả cuộc đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập.

Đến ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, Chính phủ ta mời cụ ra. Tuy đã hơn 71 tuổi, nhưng cụ vẫn hăng hái nhận lời. Cụ nói: "Trong lúc phục hưng dân tộc, xây dựng nước nhà thì bất kỳ già, trẻ, trai, gái ai cũng phải ra sức phụng sự Tổ quốc...".

"Cụ Huỳnh tuy tạ thế nhưng cái chí vì nước, vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng 20 triệu đồng bào chúng ta"[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước: "Chúng ta thương tiếc cụ Huỳnh vô cùng. Nhưng

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.143.

chúng ta không nên thương tiếc bằng cách than khóc rầu rĩ. Chúng ta thương tiếc cụ bằng cách: càng đoàn kết chặt chẽ, càng hăng hái kháng chiến; bằng cách: theo gương dũng cảm, nối chí quật cường của cụ; bằng cách: hoàn thành sự nghiệp cứu nước, cứu dân mà cụ đã ra sức đeo đuổi suốt đời"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.143.

Chương 5

TẤM GƯƠNG SÁNG NGỜI CHO CÁC THẾ HỆ HÔM NAY VÀ MAI SAU

1. Từ một tấm lòng yêu nước, thương dân thật sự tất yếu sẽ đến với tư tưởng cách mạng chân chính

Xuất thân trong một gia đình Nho học nghèo, gốc nông dân, được đào luyện nơi "cửa Khổng sân Trình" với một nền giáo dục rèn đúc những phẩm chất đạo đức quý giá, Huỳnh Thúc Kháng học giỏi, đỗ cao nhưng không ra làm quan.

Từ đầu thế kỷ XX, sau thất bại của các phong trào vũ trang chống Pháp dưới ngọn cờ Cần vương do các văn thân sĩ phu lãnh đạo, một trào lưu tư tưởng và hành động mới đã xuất hiện trong phong trào yêu nước trên cả nước. Đó là phong trào Duy tân, hướng tới những tư tưởng mới mà hạt nhân là tư tưởng dân chủ của phương Tây. Quảng Nam - Đà Nẵng, quê hương của Huỳnh Thúc Kháng, là nơi chứng kiến cuộc tiếp xúc đầu tiên với "văn minh" tư bản chủ nghĩa, nên tuy còn rải rác đó đây biểu hiện của tư tưởng và hành động bạo lực, nhưng không khí và tiếng gọi

"Duy tân" chứa đựng những giá trị mới theo tinh thần dân chủ tư sản đã dần thay thế cho phương thức vũ trang bạo động.

Những trào lưu tư tưởng thế giới qua các tác phẩm tân thư, tân văn theo con đường Trung Hoa, Nhật Bản vào Việt Nam là cơ sở đầu tiên, quan trọng nhất cho sự lựa chọn phương thức khác trong sự nghiệp giải phóng dân tộc của Huỳnh Thúc Kháng. Trong *Thư trả lời Kỳ Ngoại hầu Cường Để*, khi đề cập đến thời kỳ lịch sử 1900 - 1920, Huỳnh Thúc Kháng nói rõ: "Địa ngục mấy tầng, ngọn triều Âu tràn vào ở bốn mặt, đồng nội mịt mù, đêm dài vằng vặc, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quần chúng thoạt tỉnh dậy: sau cuộc Trung Nhật chiến tranh (1894), "Canh Tý liên binh" (1900) người Trung Hoa đã dịch các học thuyết Đông Tây, sách báo của danh nhân như Khương Hữu Vi, Lương Khải Siêu, tạp chí của phái cách mạng Tôn Dật Tiên, lần lần lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư tưởng quốc gia cùng lòng đau đớn với nòi giống, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buồng tối bỗng chợt thấy tia ánh sáng lọt vào, những học thuyết mới "cạnh tranh sinh tồn", "nhân quyền tự do", gần chiếm cả cái chủ đích (trong tài liệu in là "chủ tịch" - *T.G*) môn học khoa cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ đùng, có sức kích thích mạnh nhất, thấu vào tâm não người Việt Nam ta là "trận chiến tranh 1904"

(Nhật Bản thắng Nga)"[1]. Những tác phẩm mới bước đầu giúp Huỳnh Thúc Kháng nhận ra sự lỗi thời, hủ bại của nền giáo dục khoa cử Tống Nho, thấy rõ nó không còn phù hợp với sự vận động và phát triển của xã hội; hơn thế, chính hệ tư tưởng này đang là trở lực lớn trên con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Tuy chữ "dân quyền" ở xứ ta do Phan Châu Trinh hô hào trước nhất nhưng chính Huỳnh Thúc Kháng là người biết dung hòa cái mới với cái cũ, cái xưa và cái nay một cách chân thành, tự tin, không tự ti, tự tôn theo tinh thần dân tộc. Xuất thân từ khoa bảng, được rèn đúc trong lò khoa cử, nhưng Huỳnh Thúc Kháng lại chuộng thực tế theo kiểu người phương Tây, gắn cái học thực tế của phương Tây với cái học truyền thống của Việt Nam.

Huỳnh Thúc Kháng sớm chọn một phương thức khác cho sự nghiệp giải phóng dân tộc còn do sự tác động mạnh mẽ xuất phát từ nhận thức thực tiễn thất bại của các phong trào vũ trang bạo động đương thời. Cụ viết: "Tấn kịch "Cần vương" diễn một độ khá lâu rồi hạ màn. Các ông Tôn Thất Thuyết, Đề Soạn chạy sang nước Tàu, bị an trí ở Triều Châu. Ông Tán Thuật cũng sang Tàu, vua Hàm Nghi bị bọn tranh hồ dâng công cho

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để), Sđd,* tr.106-107.

quân Pháp, theo tìm dõi riết, bắt được, vua bị đày sang Phi châu. Sau nhiều trận quét rừng dẩy cỏ, nghĩa đảng 10 phần, rời rã đến 7, 8, vua cũ bị đày đi xứ khác, ý nghĩa trung quân không chỗ nương dựa. Hơn nữa, cái Triều đình con con dưới quyền bảo hộ người Pháp, lại diễn lại dàn trò "thái bình múa hát" ngày xưa... Bạn sĩ phu cùng một đôi người thức giả cũng nhận rằng đại cuộc đã hỏng rồi, không kéo lại được, non sông y cũ, thành quách khác xưa, duy có rưới giọt lệ "lúa tươi bắp tốt"... khi qua lại trông cảnh đô thành cũ, và than thở cho việc nước không làm gì được nữa, trừ ra ôm mối đau đớn ấy đến trọn đời"[1].

Vào thập niên đầu thế kỷ XX, ở một thời điểm đầy biến động ở Việt Nam và phương Đông, một bước chuyển mang tính chất bản lề không chỉ đối với lịch sử nước ta mà trên quy mô cả thế giới. Trên phạm vi cả nước nói chung, ở miền Trung nói riêng, có hai phương thức hành động (cũng có thể hiểu là đường lối cứu nước hay tư tưởng chính trị) thực hiện mục tiêu giành độc lập cho đất nước khác nhau: Một là, xuất dương học tập và tranh thủ ngoại viện để giải phóng đất nước bằng vũ lực, do Phan Bội Châu làm đại biểu. Hai là, truyền bá,

---

1. Huỳnh Thúc Kháng (Anh Minh dịch): *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để)*, *Sđd,* tr.105-106.

thực hiện cải cách dân chủ ôn hòa "bất bạo động", "bất vọng ngoại" và "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" do Phan Châu Trinh làm đại biểu.

Hướng theo những chính kiến và phương thức hành động của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng lại tiến hành một cuộc vận động cứu nước bất bạo động và chủ trương vận động những cải cách trong khuôn khổ vẫn tồn tại chế độ thuộc địa. Ông muốn mở đường phục hưng dân tộc bằng khai thông dân trí, cổ động tân học, đả phá khoa cử, kêu gọi thương gia, thân hào, lập hội thương, hội công, hội nông, mặc âu phục, cắt tóc ngắn. Ông kiên trì cuộc vận động đòi những cải cách dân chủ, không tán đồng những hoạt động bất hợp pháp, bạo lực của những người cách mạng.

Trong những năm đầu của thế kỷ XX, Huỳnh Thúc Kháng cùng Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp đi vào các tỉnh phía Nam chuẩn bị thực hiện mục đích cứu nước bằng phương thức Duy tân. Sau khi qua các tỉnh Bình Định, Khánh Hòa, Phan Thiết, Huỳnh Thúc Kháng cùng Trần Quý Cáp trở về Quảng Nam trực tiếp lãnh đạo công cuộc Duy tân ở Quảng Nam và các tỉnh lân cận.

Từ cuộc vận động Duy tân dấy lên từ Quảng Nam đã dẫn đến một hệ quả tất yếu là phong trào chống đi phu, chống nộp thuế năm 1908, mà những người chủ trương như Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp không hề dự kiến. Phong trào Duy tân đi vào lịch sử Việt Nam không những tạo cho lịch sử nước nhà một gương mặt

mới, một mẫu người mới, mà còn gây nên một tiếng vang lớn khiến toàn bộ chính sách thực dân phải lay động từ gốc rễ. Biến cố năm 1908 đã làm cho thực dân Pháp không còn có một cái nhìn hời hợt, cũng như đánh giá thấp giá trị dân tộc Việt Nam mà nước Pháp hơn một lần chứng kiến.

Nhân vụ xin sưu năm 1908, Huỳnh Thúc Kháng bị đày ra Côn Đảo. Sau khi ra tù[1], bị quản thúc ở quê nhà, thực dân Pháp và chính phủ Nam triều mua chuộc khôi phục hàm Tiến sĩ Hàn lâm viện Biên tu, mời ra làm việc tại Bác cổ viện (Huế), nhưng Huỳnh Thúc Kháng một mực từ chối, ở lại quê nhà đọc sách, làm báo.

Năm 1925, lịch sử đất nước chứng kiến những biến động quan trọng: Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt ở Thượng Hải (Trung Quốc) đưa về Huế giam lỏng, làm dấy lên một phong trào yêu nước rầm rộ chưa từng thấy đòi ân xá cho cụ. Sau khi được ân xá, cụ bị giam lỏng ở Huế. Phan Châu Trinh từ Pháp về nước, mở hai cuộc diễn thuyết lớn về chủ đề "Luân lý Đông Tây" và "Quân trị, dân trị chủ nghĩa". Năm 1926, cụ mất tại Sài Gòn, cả nước tổ chức lễ truy điệu, tiếp theo là làn sóng đấu tranh của các tầng lớp nhân dân diễn ra ở nhiều địa phương. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Ái Quốc có mặt ở Trung Quốc, sáng lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên,* đào tạo cán bộ cách mạng, truyền bá tư tưởng

1. Huỳnh Thúc Kháng bị tù ở Côn Đảo 13 năm (1908 - 1921).

về *Đường cách mệnh* vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở trong nước, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trước những sự kiện dẫn đến những biến động của đất nước, Huỳnh Thúc Kháng suy nghĩ nhiều về con đường và biện pháp cứu nước của những người đồng chí của mình và kết cục của họ. Với một tầm nhìn Âu - Á, xuất phát từ thực tế các phong trào ở Việt Nam, Huỳnh Thúc Kháng suy tính đến phương thức cứu nước mới "tương phản nhi tương thành", khả năng phối hợp, dung hòa giữa chủ thuyết dân quyền của Phan Châu Trinh với tư tưởng bạo động, xuất dương của Phan Bội Châu. Tư tưởng và phương thức hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng là hy vọng vào những hoạt động công khai trong khuôn khổ luật pháp của chế độ thuộc địa, tiếp tục hoạt động, đấu tranh trong điều kiện và hoàn cảnh mới nhằm giành quyền dân chủ cho các tầng lớp nhân dân. Suy nghĩ của Huỳnh Thúc Kháng nhận được sự đồng tình ủng hộ, hưởng ứng nhiệt thành của nhiều nhân sĩ và tư sản dân tộc miền Trung. Họ cho rằng, nhà chí sĩ yêu nước có tư tưởng ôn hòa Huỳnh Thúc Kháng là người xứng đáng nhất đại diện cho họ trong việc dùng nghị trường đấu tranh hợp pháp công khai đòi quyền lợi với Pháp. Vốn có tư tưởng yêu nước cải lương, Huỳnh Thúc Kháng thuận theo ý kiến của anh em, đồng ý ra ứng cử ở huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Sự kiện Huỳnh Thúc Kháng đắc cử nghị viện, làm Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ[1], đánh dấu một thời kỳ chuyển biến mới về nhận thức tư tưởng chính trị và hành động của ông. Huỳnh Thúc Kháng "đề ra chủ trương lập nên thể chế quân chủ lập hiến, trên có bảo hộ. Như thế là không chủ trương chống đế quốc, nhưng phản phong cũng hạn chế"[2]. Về phương thức, Huỳnh Thúc Kháng quan niệm "dân là gốc" nhưng dân là ai thì không rõ, thậm chí mơ hồ vì "chữ dân gồm cả người nước Nam, vua quan cũng không đứng ra ngoài được". Thái độ của Huỳnh Thúc Kháng đối với hoạt động cộng sản khá "phức tạp". Một mặt, ông cho rằng chủ nghĩa cộng sản không áp dụng được ở nước ta, ông phản đối "cái nạn truyền đơn", "cái họa cộng sản bằng giấy". Nhưng mặt khác, ông không đối lập, không công kích những chủ trương và hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Theo đồng chí Võ Nguyên Giáp, người cùng làm báo *Tiếng Dân* với Huỳnh Thúc Kháng kể lại: "Dù tư tưởng khác nhau nhưng biết chúng tôi là những người cộng sản có lần cụ nói với tôi rằng: "Cậu là một thanh niên thông minh, yêu nước, nhưng các cậu chưa

1. Từ tháng 7-1926 đến tháng 10-1928.

2. Võ Nguyên Giáp: "Lược ghi bài nói chuyện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp" (với giảng viên, học viên Trường Nguyễn Ái Quốc III ngày 9-9-1992), trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.11.

từng trải cho nên chưa hiểu rằng chủ nghĩa Bônsêvích thì không hợp với nước ta""[1]. Thế rồi, "tôi viết những bài về chủ nghĩa Mác - Lênin cụ cũng để đăng và từ đó viết những bài quyết liệt chống thực dân Pháp thì cụ cũng để đăng"[2]. Cũng theo đồng chí Võ Nguyên Giáp, có nhiều bài báo tố cáo chế độ thực dân bị kiểm duyệt cắt bỏ, tin tức bị xóa, với chính kiến của mình, Huỳnh Thúc Kháng khảng khái nói rằng "bị kiểm duyệt, ta không lấy bài khác thay vào mà cứ để trang báo trắng"[3]. Huỳnh Thúc Kháng tuy không trực diện phê phán học thuyết cộng sản nhưng tỏ ra không tán thành phương thức cách mạng bằng bạo lực đang diễn ra ở nhiều địa phương trên cả nước. Giữa Huỳnh Thúc Kháng và phong trào quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương còn một khoảng cách lớn. Tuy nhiên, trước sau Huỳnh Thúc Kháng vẫn là một người yêu nước, và chính vì lòng yêu nước chân thành mà cụ vẫn giúp những người cộng sản hoạt động.

---

1. Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.34.

2, 3. Võ Nguyên Giáp: "Lược ghi bài nói chuyện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp" (với giảng viên, học viên Trường Nguyễn Ái Quốc III ngày 9-9-1992), trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.15.

Một điều rất đáng chú ý là thực dân Pháp muốn dùng Viện Dân biểu như một phương tiện, một cái vỏ hình thức chứa đựng nội dung dân chủ giả hiệu và thông qua những chủ trương, chính sách của chúng để lừa bịp nhân dân. Còn Huỳnh Thúc Kháng, trên cương vị Viện trưởng, lại muốn dùng nghị viện như là một cơ sở hợp pháp để thực hiện những cải cách vì dân vì nước. Trong các kỳ đại hội của Viện, Huỳnh Thúc Kháng nêu ra những nguyện vọng của nhân dân trước chính phủ bảo hộ. Các chương trình của Viện Dân biểu do Huỳnh Thúc Kháng đưa ra nhằm đòi ban bố một hiến pháp dựa trên cơ sở thực hành đúng chế độ bảo hộ, đòi quyền dân tộc tự quyết, lập hiến pháp, quy định quyền hành chính của Nam triều, quyền kiểm soát của Chính phủ và quyền lập pháp của Viện. Nhưng qua các kỳ họp, Huỳnh Thúc Kháng đã sớm nhận ra cái mặt nạ, trò hề lừa bịp, phỉnh nịnh của chính phủ. Đến đại hội thường niên của Viện[1], bất bình trước thái độ trịch thượng, thô bạo, lộng quyền của Giabui (Jabouille) và quan lại người Việt, Huỳnh Thúc Kháng phản ứng gay gắt và xin từ chức[2], tiếp tục trở về với sự nghiệp báo chí *Tiếng Dân* mà ông đã sáng lập hơn một năm trước đó.

---

1. Ngày 1-10-1928.

2. Huỳnh Thúc Kháng từ chức Viện trưởng Viện Dân biểu ngày 2-10-1928.

Trong thời gian khoảng 16 năm làm báo *Tiếng Dân*[1], Huỳnh Thúc Kháng viết các bài giới thiệu, nghiên cứu, dịch thuật về các danh nhân lịch sử, với ý muốn "sử dụng báo *Tiếng Dân* làm nơi nuôi đốm lửa nhiệt thành ái quốc của các nhà tiên thời trong đống tro tàn không để đứt mất"[2]. Nhưng, "đáng tiếc là tinh thần ái quốc đang sống động phát huy trong cuộc đấu tranh diễn ra hàng ngày khi cao khi thấp, nơi mạnh, nơi yếu, hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa đế quốc Pháp và tay sai, lại không được phản ánh như một sự nối tiếp lịch sử ở trình độ ngày càng cao, dù là dưới hình thức kín đáo, tinh tế trong điều kiện và khả năng của một tờ báo xuất bản hợp pháp có thể làm được"[3]. *Tiếng Dân* nhưng vì không xác định rõ dân là ai nên tiếng nói của người dân trên mặt báo dưới quyền chủ nhiệm kiêm chủ bút Huỳnh Thúc Kháng khi trầm khi bổng, lúc lên cao, lúc xuống thấp. Mặt khác, vì chưa tìm ra lối thoát thật sự, hướng đi đúng đắn và cũng chưa thật sự tin vào hai chữ "cách mạng" nên báo *Tiếng Dân* đã bị kẻ thù lợi dụng làm cái loa chống cộng sản, đồng thời tán tụng chính sách khai hóa thực dân, không đem lại lợi ích gì cho nhân dân.

---

1. Báo *Tiếng Dân* tồn tại từ ngày 10-8-1927 đến ngày 28-4-1943.

2, 3. Nguyễn Thành: "Tìm hiểu tư tưởng chính trị Huỳnh Thúc Kháng", in trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.252, 253.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, tư tưởng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng thông qua những quan điểm về Chính phủ Pháp, nhất là khi Pêtanh lên làm Thủ tướng, vẫn còn những hạn chế nhất định khi cụ cổ vũ cho tư tưởng và hành động của Pêtanh. Nhìn chung, ở giai đoạn đầu đến khi Nhật đảo chính Pháp, Huỳnh Thúc Kháng không có ý muốn người Pháp bỏ Việt Nam mà về. Ông cho rằng, dầu người Việt Nam có muốn người Pháp bỏ Việt Nam về cũng không khi nào đạt được. Trong quan hệ quốc tế lúc bấy giờ, việc đó chỉ là một ảo tưởng, tức là sai lầm.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là trong một thời gian dài gần một phần tư thế kỷ từ lúc ra tù đến khi Nhật đảo chính Pháp, mặc dù không tán đồng những hoạt động bất hợp pháp, bạo lực của những người cộng sản, nhưng Huỳnh Thúc Kháng không ra làm quan, sống cuộc đời thanh bạch, không màng danh lợi, giàu có, không chịu khuất phục trước cường quyền, kiên trì cuộc vận động đòi những cải cách dân chủ. Huỳnh Thúc Kháng trở thành chí sĩ tiêu biểu của khuynh hướng cải lương tư sản dân chủ ở Việt Nam. Nhưng do tầm nhìn chính trị còn hạn hẹp, cụ chưa thể cảm ứng được những biến động chính trị sôi nổi, dồn dập diễn ra trong nước, hạn chế trong khả năng hòa nhập đối với dòng chủ lưu cách mạng của những người cộng sản, nên không có phương hướng rõ ràng.

Những hạn chế của Huỳnh Thúc Kháng không tách rời khỏi tiến trình phát triển của lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam nói chung, trong quá trình xác định đường lối và phương thức cứu nước của thế hệ những nhà yêu nước, cách mạng cùng thời mà tiêu biểu là những gương mặt lớn đại diện cho những khuynh hướng và sự lựa chọn khác nhau như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

Phan Bội Châu với lòng yêu nước nhiệt thành, xác định nhất thiết phải đánh đổ thực dân Pháp, từ chỗ dựa vào quân chủ đến xây dựng nước cộng hòa dân quốc Việt Nam (tôn chỉ của Hội Việt Nam quang phục). Phan Bội Châu biết đến Cách mạng Tháng Mười, gửi gắm lòng tin và hy vọng vào đó, nhưng vẫn bế tắc, không tìm thấy lối ra.

Phan Châu Trinh được coi là "Nam Quốc dân quyền tiên tổ chức", dấy lên một phong trào đưa tư tưởng dân quyền, dân chủ vào quần chúng nhằm chống lại bọn phong kiến, mở ra con đường đi đến tự lực, tự cường, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, giải quyết dân sinh, đưa đất nước đến phồn thịnh. Xuất phát từ bản lĩnh yêu nước rất kiên cường "ba tấc lưỡi, mà gươm, mà súng" ông có thái độ quyết liệt với kẻ thù, khẳng định "phải kêu gọi quốc dân nổi dậy, đồng hiệp lực, tranh đấu kịch liệt với vua ác quan nhơ để nhổ rễ lấp nguồn của quân chủ chuyên chế, quét sạch nó đi". Nhưng Phan Châu Trinh

lại cho rằng "bạo động là chết" (bạo động tắc tử), "nhờ vào nước ngoài là ngu" (vọng ngoại giả ngu).

Một khuynh hướng khác của lớp trẻ lúc bấy giờ mà người đại diện là Nguyễn Thái Học với tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng cũng thể hiện rõ sự bế tắc với cách hành xử "không thành công cũng thành nhân".

Rõ ràng là cả Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thái Học và Huỳnh Thúc Kháng đều chưa nhận thức rõ vấn đề cơ bản nhất được đặt ra của nước Việt Nam thuộc địa, nửa phong kiến dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp lúc bấy giờ là phải giải quyết bằng được yêu cầu cấp bách trước mắt của nhân dân Việt Nam là giành lại độc lập dân tộc, đồng thời thực hiện quyền tự do, dân chủ cho nhân dân. Kẻ thù cụ thể, trực tiếp của toàn thể dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược và bọn tay sai của chúng.

Nguyễn Ái Quốc, năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp đã gửi tới Hội nghị Vécxây (Versailles) bản yêu sách 8 điểm đòi các quyền tự do, dân chủ và cải cách nền pháp lý ở Đông Dương. Nhưng rồi chính Người đã viết: "Sau một thời gian nghiên cứu và theo dõi, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxơn" chỉ là một trò bịp lớn"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.441.

Điều thú vị là trong suốt chặng đường, đặc biệt đến cuối đời, cả Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đều ghi nhận và đánh giá cao con đường của Nguyễn Ái Quốc và đã đặt chân vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội. Từ năm 1924, lúc ở Trung Quốc, Phan Bội Châu muốn gặp trực tiếp Nguyễn Ái Quốc để trao đổi về đường lối và tổ chức cách mạng của mình, nhưng chỉ gặp được gián tiếp qua Hồ Tùng Mậu. Phan Bội Châu nhờ Nguyễn Ái Quốc sửa đổi tôn chỉ, chương trình tổ chức Việt Nam quang phục hội. Cụ viết truyện Phạm Hồng Thái, viết về chủ nghĩa xã hội với quan điểm làm cách mạng bây giờ là phải làm cách mạng xã hội và phải dựa vào giai cấp công nhân và nông dân. Như vậy cuối cùng, Phan Bội Châu cũng đi con đường xã hội chủ nghĩa.

Điều căn bản nhất của Phan Châu Trinh là một nhà yêu nước biết đặt lợi ích của dân tộc lên trên chính kiến cá nhân. Tuy chưa phân biệt rõ giữa phương pháp "ngọa ngoại chiêu hiền, đãi thời đột nội" theo cách nghĩ của cụ với cách thức "xem các nước họ làm thế nào rồi trở về giúp đồng bào" của Nguyễn Ái Quốc, nhưng cụ tự nhận ra sự bế tắc trong đường lối cứu nước của mình, không mặc cảm về tuổi tác, chân thành hy vọng và tin tưởng sự nghiệp giải phóng đất nước đã thuộc vào một thế hệ khác, một học thuyết chính trị khác, đó là chủ nghĩa Lênin mà Nguyễn Ái Quốc đã "tôn thờ". Đến cuối đời, qua bức thư ngày 18-2-1922 cho thấy Phan Châu Trinh thừa nhận và trông cậy vào con đường của

Nguyễn Ái Quốc: "Từ xưa tới nay, tôi cứ cho cái phương pháp của tôi có nhiều sự hay hơn nhiều cái dở... Tôi tự ví tôi ngày nay như con ngựa đã hết nước kiệu già pha nước tế... Bây giờ thân tôi tựa chim lồng cá chậu, vả lại cây già thì gió dễ lay, người già thì trí lẫn, cảnh tôi như hoa sắp tàn... Còn anh như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông, nhưng mà anh chẳng nghe lời tôi, anh cứ quanh quẩn bên này thời làm sao mà tài năng anh thi thố được? Bởi vậy tôi thành tâm mong mỏi anh thay đổi cái phương pháp cũ kỹ kia đi, để mà mưu đồ đại sự, tôi cầu chúc anh thành công và hy vọng bọn mình cùng thấy mặt nhau ở quê hương xứ sở"[1].

Khi báo *Tiếng Dân* bị đóng cửa[2] cũng là lúc Nguyễn Ái Quốc sau hơn ba mươi năm hoạt động ở nước ngoài về nước được hơn hai năm[3], đang tích cực, ráo riết chuẩn bị cho công cuộc giải phóng, giành chính quyền về tay nhân dân. Lúc này, Huỳnh Thúc Kháng tập trung vào hoạt động của Công ty cổ phần và nhà in, không quan tâm nhiều đến chính trị. Đến ngày 9-3-1945, Nhật làm cuộc đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương, tuyên bố nước Việt Nam độc lập, dựng lên chính

---

1. Huỳnh Lý: *Phan Châu Trinh - thân thế và sự nghiệp,* Nxb. Đà Nẵng, 1993, tr.227-230.

2. Ngày 28-4-1943.

3. Nguyễn Ái Quốc về nước ngày 28-1-1941.

phủ Trần Trọng Kim. Trên nền tảng là lòng yêu nước chân thành, với một bề dày hoạt động hơn 40 năm, đi khắp đất nước, trải nghiệm trong vòng cương tỏa của chính quyền thực dân, sống ở địa ngục trần gian, tham gia chính trường, hoạt động báo chí, đặc biệt có cơ hội tiếp xúc với một số chiến sĩ cộng sản, hòa trong không khí hoạt động công khai của Đảng Cộng sản trên lĩnh vực báo chí và nghị trường những năm 1936 - 1939, Huỳnh Thúc Kháng dần dần có nhiều chuyển biến về nhận thức theo hướng tích cực, hòa vào dòng chảy của cách mạng dưới ngọn cờ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Bước đầu nhận ra đâu là thật, đâu là giả, giữ thái độ bình tĩnh, Huỳnh Thúc Kháng không nhận lời mời của người Nhật và Chính phủ đương thời ra tổ chức nội các. Cụ hoan nghênh chế độ chính trị "dân vi quý" của Bảo Đại, nhưng nói rõ là trước hết phải được lòng dân. Cụ coi cái nền độc lập do phát xít Nhật dựng lên chỉ là "độc lập bánh vẽ", "độc lập tiếng gọi"; rằng "Nhật chẳng thành thật với Bảo Đại đâu"; "ta thấy người Nhật không chút gì là thực tâm với người Việt Nam chúng ta". Huỳnh Thúc Kháng đã mường tượng sự kiện ngày 9-3 "mở chương đầu cho bộ sử Việt Nam độc lập", và đó là "cái ngày đặc biệt ghi trong bộ sử Việt Nam mở màn".

Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương mở đầu từ những năm 1930 - 1931, chứng tỏ sức mạnh công nông giữa trận tiền, mỗi ngày một bùng lên dưới lá cờ đại

đoàn kết của Mặt trận Việt Minh. Từ sau sự kiện ngày 9-3-1945, những khẩu hiệu: "Đánh đuổi phát xít Nhật!", "Đả đảo Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim!", "Việt Minh muôn năm!" hô vang trên khắp các địa bàn từ thành thị đến nông thôn, dẫn đến thắng lợi của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền trên phạm vi cả nước, đánh đổ chế độ phát xít và cả chế độ quân chủ, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với những mục tiêu gần gũi với Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 và chủ nghĩa Tam dân của Tôn Dật Tiên: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc!

Tại Huế, Huỳnh Thúc Kháng không thể không chịu tác động của không khí sục sôi, rầm rộ từ cuộc mít tinh của nhân dân tổ chức[1] để hoan nghênh phái đoàn Chính phủ cách mạng lâm thời từ Hà Nội vào nhận sự thoái vị của Bảo Đại. Hai mươi mốt phát súng lệnh vang lên chào Quốc kỳ mới của Tổ quốc, hòa lẫn trong tiếng hô vang những khẩu hiệu: "Việt Nam độc lập muôn năm!", "Việt Nam Dân chủ Cộng hòa muôn năm!". Và rồi người công dân Vĩnh Thụy được nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc - lãnh tụ Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời mời ra làm Tối cao cố vấn cho Chính phủ. Những sự kiện đó ùa vào con người Huỳnh Thúc Kháng làm cụ

1. Cuộc mít tinh ở Huế ngày 28-8-1945.

phấn chấn, xốn xang, lâng lâng, dâng trào một niềm vui khôn xiết, khó tả.

So với thế hệ cùng thời như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng có được cái may mắn hơn là được chứng kiến sự ra đời của nước Việt Nam mới với chính thể dân chủ cộng hòa. Một sự tác động mạnh mẽ nữa là Huỳnh Thúc Kháng biết được Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, con Nguyễn Sinh Sắc, người bạn đỗ Phó bảng đồng khoa.

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, để thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời Huỳnh Thúc Kháng ra làm việc trong chế độ mới, giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Với lời mời thành tâm từ một nhân cách lớn, một bậc đại nhân, đại trí, đại dũng, cùng một đường lối chính trị vì đại nghĩa dân tộc, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau cuộc gặp ngắn ngủi, Huỳnh Thúc Kháng đã hoàn toàn bị thuyết phục ở lại cộng tác với Chính phủ Hồ Chí Minh. Trong thời gian tham chính ở những cương vị quan trọng trong chế độ mới[1], bằng chính uy tín và tài năng của mình, với sự cộng lực của các chiến sĩ cộng sản và những người cách mạng, trong một tình thế hiểm nghèo phải đối phó với các loại giặc ngoại xâm, nội xâm,

---

1. Giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ từ ngày 2-3-1946 đến ngày 21-4-1947 (1 năm 50 ngày) và Quyền Chủ tịch nước từ ngày 31-5-1946 đến ngày 21-9-1946 (113 ngày).

giặc dốt, giặc đói, có thể nói là "ngàn cân treo sợi tóc" của một chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời sau thắng lợi của cách mạng, Huỳnh Thúc Kháng đã gánh vác và cống hiến thực sự cho chế độ mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, đập tan âm mưu chia rẽ, phá hoại, đảo chính của các thế lực thù địch, bảo vệ được thành quả cách mạng, giữ vững chính quyền. Đó là thời đoạn lịch sử thăng hoa nhất, vinh quang nhất của Huỳnh Thúc Kháng.

Khi Huỳnh Thúc Kháng nhận lời tham gia Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giới thiệu đó là một "người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết"[1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng là một người "lãnh đạo sáng suốt... giải quyết được nhiều việc khó khăn, công việc kiến thiết cũng tiến bộ"[2]. Khi nghe tin cụ Huỳnh qua đời trong khi đi làm nhiệm vụ thanh tra ở miền Trung, trong bức thư gửi toàn thể đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tôn vinh Huỳnh Thúc Kháng như một tấm gương cao quý.

Không chỉ tham gia Chính phủ, Huỳnh Thúc Kháng còn trở thành hạt nhân đoàn kết dân tộc khi đảm nhận vai trò Chủ tịch Mặt trận Liên Việt, thực hiện mục tiêu đoàn kết toàn dân kháng chiến kiến quốc, bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám và giữ vững nền độc lập dân tộc.

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.221, 467.

Muốn nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về bài học và tấm gương của Huỳnh Thúc Kháng phải đặt tư tưởng và hoạt động của cụ trong bối cảnh lịch sử dân tộc và thời đại những năm đầu thế kỷ XX đến khi Cách mạng Tháng Tám thành công, gắn với đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, cũng như các gương mặt lớn của lịch sử dân tộc như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Theo quan điểm của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, "Cụ Phan Bội Châu như Bác Hồ đã nói là thiên sứ đi thức tỉnh đồng bào và đã tán thành Nguyễn Ái Quốc để đi đến chủ nghĩa xã hội. Cụ Phan Châu Trinh đến lúc vận nước lâm nguy thì thấy rằng vận mệnh nước nhà lúc này ra sao là do Nguyễn Ái Quốc. Huỳnh Thúc Kháng thì không những có chuyển biến về tư tưởng, mà do yêu nước thương dân, thực sự muốn mang hạnh phúc, tự do đến cho mọi người, cuối cùng cũng đi đến cộng tác với Hồ Chí Minh. Như vậy, con đường chủ nghĩa yêu nước chân chính, yêu nước thương dân mang lại tự do độc lập thống nhất cho dân tộc, cho thời đại, hạnh phúc cho nhân dân thì ở nước Việt Nam quy luật là đi đến với chủ nghĩa xã hội"[1]. Đánh giá một cách công bằng hơn, Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết:

---

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.38.

"Huỳnh Thúc Kháng là một chí sĩ đáng cho ta cảm phục, có đi theo con đường cải lương, nhưng cuối cùng hợp tác với Đảng Cộng sản"[1].

Cuộc đời và sự nghiệp Huỳnh Thúc Kháng từ chủ nghĩa dân tộc cải lương đến chủ nghĩa dân tộc cách mạng cho thấy "mối quan hệ biện chứng có tính chất kế thừa giữa các phong trào và khuynh hướng yêu nước ở đầu thế kỷ XX với phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo...

Chính cụ Huỳnh Thúc Kháng là nhân vật tiêu biểu nhất tạo được cái "gạch nối" lịch sử gắn kết phong trào yêu nước của thế hệ các chiến sĩ Duy tân với phong trào cách mạng, đặc biệt là với Cương lĩnh chính trị của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh thể hiện một cách cụ thể trong Cương lĩnh của Việt Minh (1941) vào thời điểm những cơ hội lịch sử cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam xuất hiện khi Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ (1939 - 1945)"[2].

---

1. Võ Nguyên Giáp: "Lược ghi bài nói chuyện của Đại tướng Võ Nguyên Giáp" (với giảng viên, học viên Trường Nguyễn Ái Quốc III ngày 9-9-1992), in trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.17.

2. Dương Trung Quốc: "Công tác nghiên cứu khoa học về thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.14-16.

Nhìn nhận một cách thấu đáo, khách quan con đường cứu nước của Huỳnh Thúc Kháng, chúng ta phải thấy được cụ có những đóng góp tích cực gì cho cách mạng và những hạn chế như thế nào. Phân tích một cách khoa học những hạn chế của Huỳnh Thúc Kháng như đã nêu ở trên chính là sự khẳng định những giá trị của cụ. Bởi vì, điều quan trọng nhất là từ sự "vận động nội tại của chủ nghĩa yêu nước được hình thành trong một quá trình tiệm tiến, đến khi được nhân tố khách quan tác động đã gây nên đột biến từ cải lương chuyển sang cách mạng"[1]. Cuối cùng, Huỳnh Thúc Kháng đã thừa nhận con đường cách mạng của Nguyễn Ái Quốc là đúng đắn, đi đến cộng tác và cống hiến hết mình cho nhà nước cách mạng, tình nguyện sẽ làm việc suốt đời trong Chính phủ Hồ Chí Minh. Điều đó hoàn toàn phù hợp với lôgíc biện chứng và quy luật vận động của tư tưởng trong con người Huỳnh Thúc Kháng.

Khi lâm bệnh nặng, biết không qua khỏi, *Lời vĩnh quyết* Huỳnh Thúc Kháng để lại thể hiện niềm vui sướng hả hê khi thấy nước độc lập, chế độ dân chủ đã được thực hiện và với một tình cảm trong sáng, lạc quan, cụ đặt niềm tin tưởng tuyệt đối vào Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ

---

1. Xem Nguyễn Thành: "Tìm hiểu tư tưởng chính trị Huỳnh Thúc Kháng", in trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.259.

dìu dắt quốc dân lên đường hạnh phúc. Đó là "biểu hiện cho sự kế thừa biện chứng của tinh thần yêu nước Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử vô cùng gian khổ và vẻ vang, để lại nhiều bài học sâu sắc cho ngày nay.

... Nguyên lý về một lòng yêu nước chân chính tất yếu sẽ đến với những tư tưởng cách mạng chân chính, mà mối quan hệ giữa cụ Huỳnh Thúc Kháng và Hồ Chí Minh là biểu hiện, sẽ là một bài học to lớn để chúng ta hội tụ nhân tâm, mở rộng đại đoàn kết dân tộc hướng tới tương lai, phát triển của Tổ quốc Việt Nam"[1].

Bài học Huỳnh Thúc Kháng là từ lúc chào đời cho đến khi nhắm mắt xuôi tay, về với thế giới bên kia, con tim vẫn dạt dào niềm tin về một dân tộc tự do, dân chủ, hạnh phúc, phú cường; luôn luôn nuôi dưỡng bầu nhiệt huyết, hằng ngày, suốt đời, đau cái đau của dân tộc, lo cái lo của dân tộc, nghĩ cái nghĩ của dân tộc, đồng hành cùng dân tộc để đạt bằng được ước mơ xây đắp một xã hội tốt đẹp, lành mạnh. Trên chặng đường cách mạng đầy chông gai, phải gặp và chấp nhận không ít thất bại, đắng cay, thậm chí có lúc sai lầm và thụt lùi, nhưng Huỳnh Thúc Kháng cho ta một bài học quý giá về triết lý hành động không ngừng nghỉ; phải xuất phát từ thực tế,

---

1. Dương Trung Quốc: "Công tác nghiên cứu khoa học về thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947)*, *Sđd,* tr.20-21.

tôn trọng luật nhân quả, có bản lĩnh trong nhận thức và hành động và điều cốt yếu là "mỗi người một giọt máu đào, một tấm lòng son, vốn giầu máu nóng, càng bền lòng tin"[1] như cụ viết trong *Kính cáo đồng bào phụ lão kháng chiến thư*.

Xét trong bối cảnh lịch sử từ những năm 20 của thế kỷ XX đến những năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám thành công, có thể nói Huỳnh Thúc Kháng như một con người "toàn diện". Cụ được coi là người đại diện cho thế hệ tiền bối của phong trào yêu nước. Sự nghiệp chính trị của Huỳnh Thúc Kháng, từ một yếu nhân của phong trào Duy tân đến lúc trở thành một yếu nhân của Nhà nước cách mạng Việt Nam đã tạo nên "một "phong cách" lãnh đạo quyết đoán, bản lĩnh, trí tuệ và rất gần gũi với nhân dân"[2]. Con người ấy đã sống rất lâu, rất sâu, bền chặt trong tâm khảm của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: "Cụ Huỳnh tạ thế nhưng chí khí vì nước vì nòi của cụ vẫn luôn luôn sống mạnh mẽ trong lòng hai mươi triệu đồng bào chúng ta"[3].

---

1. Xem Chương Thâu (Biên soạn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc)*, Nxb. Đà Nẵng, 1989, tr.159-160.

2. Dương Trung Quốc: "Công tác nghiên cứu khoa học về thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.22.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.5, tr.143.

2. Tấm gương về đạo đức và xây đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Trong thư gửi đồng bào cả nước lúc cụ Huỳnh Thúc Kháng vừa tạ thế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Cụ Huỳnh là người mà "giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gai.

Cả đời cụ Huỳnh không cầu danh vị, không cầu lợi lộc, không thèm làm giàu, không thèm làm quan. Cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập"[1].

Huỳnh Thúc Kháng có khoảng hơn nửa thời gian trong cuộc đời 71 năm của mình (1876 - 1947) thể hiện tư chất của một chí sĩ yêu nước nổi tiếng. Ông chứng kiến sự thất bại của phong trào Cần vương cuối thế kỷ XIX, đón luồng gió mới duy tân đầu thế kỷ XX, đến không khí sục sôi của những ngày Cách mạng Tháng Tám và niềm vui trong độc lập, tự do. Sống xuyên qua hai thế kỷ với nhiều biến động chính trị - xã hội, từ chế độ thực dân, phong kiến sang chế độ dân chủ cộng hòa, Huỳnh Thúc Kháng trước sau luôn luôn thể hiện nhân cách của một chí sĩ cả đời chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập. Huỳnh Thúc Kháng hội tụ đủ nhân cách về đạo đức, trí tuệ, bản lĩnh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.5, tr.142.

Huỳnh Thúc Kháng say sưa luận bàn về nhân cách và cụ là một tấm gương sáng, thể hiện trọn vẹn suy nghĩ đó trong cuộc đời và sự nghiệp tranh đấu của mình. Cụ rất quan tâm đến nhân cách, tức là tư cách làm người. Theo Huỳnh Thúc Kháng có tư cách mới ra con người, không tư cách thì tuy mang cái lốt người mà kỳ thật không phải người. Con người đầu tiên sinh ra đều giống nhau, nhưng sau này cách nhau một vực một trời, có loại thì làm được anh hùng hào kiệt, tiếng thơm truyền đến muôn đời, người lại sa xuống cái ngu tiện dung phàm, giá trị không đáng nửa đồng kẽm, thậm chí có kẻ sống say chết ngủ, so với con vật không lấy gì làm khác, ấy chính vì có nhân cách hay không nhân cách mà chia rẽ ra. Có nhân cách cá nhân và nhân cách quốc gia xã hội. Huỳnh Thúc Kháng cho rằng, vũ khí để cứu mình là nhân cách, đó là những điều gì mà trau dồi đức tính, đào luyện tinh thần làm cho nhân cách tiến lên thì gắng sức mà làm; còn những điều gì giả dối gian tham, hại nhân ích kỷ, làm cho nhân cách đê hèn thì nhất định trừ khử. Có được như thế thì cá nhân mới có tư cách; có tư cách cá nhân rồi sau mới nói đến đoàn thể xã hội.

Huỳnh Thúc Kháng là con người sớm nhận ra bản chất hủ bại của chính quyền thực dân - phong kiến và sức mạnh lòng yêu nước của các tầng lớp nhân dân. Những con người như vậy, xưa cũng như nay, thật sự hiếm hoi, đặc biệt dưới chế độ thực dân - phong kiến thì đó là một nhân cách đáng nể phục. Bởi vì như Huỳnh Thúc Kháng

đã chỉ ra, cái tính di truyền của dân tộc ta, bên cạnh cái tốt thì cái xấu cũng không ít, một trong những cái xấu là học để làm quan. Huỳnh Thúc Kháng nhận thức rõ cái tính "đi học cốt để làm quan" theo kiểu cha truyền con nối. Đến mức, giặc đến bên chân mà người đi học trong nước vẫn ôm lấy cái hy vọng "làm quan" là chủ chốt. Ông thấy tận tâm can những con người có mục đích học để làm quan không phải vì "kinh bang tế thế" mà "cốt là mượn cái địa vị thế lực mà làm cái lợi riêng", vì thế nên làm quan mà ăn của dân, cho là cái quyền lợi tự nhiên mình được hưởng.

Cái tính di truyền của dân tộc là như vậy, nhưng Huỳnh Thúc Kháng là số ít hiếm có trong các chí sĩ yêu nước sau khi đậu Tiến sĩ không ra làm quan. Cụ đau cái đau của dân khi nước đã mất, cùng suy nghĩ với dân về trách nhiệm cứu nước. Sớm phát hiện ra không khí sục sôi của các tầng lớp nhân dân đứng lên chống triều đình phong kiến hủ bại, cụ Huỳnh nhanh chóng hòa vào không khí ấy một cách hết sức tự nhiên, thoải mái. Cụ kết bạn với những người cũng đỗ đạt cao và cùng chí hướng với mình như Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp..., cùng các nhà khoa bảng này tìm đường cứu nước, cứu dân, nhanh chóng tiếp cận cái mới, hòa vào không khí Duy tân và trở thành lãnh tụ của phong trào này.

Những ngày bị đày ra Côn Đảo (1908 - 1921) với án tù "xử tử phát Côn Lôn" biết bao nhục hình, Huỳnh Thúc Kháng vẫn rất lạc quan. Cụ coi đây là trường học

của thanh niên Việt Nam ở thế kỷ XX khi dân tộc đang đắm chìm trong đêm trường nô lệ và khổ nhục. Theo Cụ, khi đất nước trầm luân, dân tộc đau khổ thì làm trai không được sợ Côn Lôn, ngược lại phải nếm mùi cay đắng ở những môi trường đó thì mới rèn luyện ý chí một cách thiết thực. Tinh thần lạc quan của Huỳnh Thúc Kháng không chỉ ở chỗ nếm mùi cay đắng ở nhà tù là điều cần biết đối với thanh niên, không được sợ nhà tù, phải coi nhà tù là trường học, mà còn thể hiện ở chỗ làm thơ thể hiện chí khí của những người yêu nước bất chấp chế độ lao tù hà khắc của kẻ thù để động viên mình và động viên người khác; tự học tiếng Pháp để hiểu lịch sử và văn hóa Pháp đặng có thể phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Sau 13 năm bị tù đày, không những không nhụt chí khí chiến đấu, ngược lại Huỳnh Thúc Kháng vẫn tỏ rõ nhân cách của một sĩ phu tràn đầy nhiệt huyết yêu nước, hành động vì nước vì dân. Năm 1923, thực dân Pháp và chính phủ Nam triều cho khôi phục hàm Tiến sĩ Hàn lâm viện Biên tu, mời giữ một chức quan ở Viện Bác cổ Huế, Huỳnh Thúc Kháng đã nói thẳng với tên Khâm sứ Trung Kỳ Paxkiê: "Tôi chỉ có một cái tội là đậu Tiến sĩ mà không đi làm quan cho nên mới bị tù. Trước đã thế huống chi bây giờ, xin ngài miễn nói đến việc ấy"[1].

---

1. Chương Thâu (Biên soạn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc)*, *Sđd,* tr.17.

Với đức tính khảng khái, cương trực, thẳng thắn, không bao giờ chịu luồn cúi, nịnh hót theo kiểu "thấy xôi nói xôi ngọt, thấy thịt nói thịt bùi, theo gió bẻ buồm, gió chiều nào che chiếu đó", Huỳnh Thúc Kháng kiên quyết từ chối con đường quan trường nhưng lại suy nghĩ về các hoạt động mở rộng quyền dân chủ của người dân, bảo vệ quyền lợi của dân tộc, lên án đả kích những hành động ức hiếp, tham lam, độc đoán của bọn thống trị. Những ngày hoạt động trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ (7-1926 – 10-1928), Huỳnh Thúc Kháng đã đưa ra nhiều yêu sách có lợi cho nhân dân như đòi mở rộng quyền dân chủ; tự do mở trường học; giảm bớt các thứ thuế; bãi bỏ những hình luật hà khắc... Trong khi bọn thống trị muốn biến Viện Dân biểu thành cơ quan bù nhìn, bên ngoài khoác áo "dân chủ" để phục vụ cho mưu đồ áp bức, bóc lột nhân dân thì Huỳnh Thúc Kháng đã thể hiện bản lĩnh của một chí sĩ, không bị giật dây bởi kẻ thống trị. Tuy có tư tưởng cải lương yêu nước và chủ trương hoạt động hợp pháp nhưng đó là cải lương, hợp pháp mang sắc thái, diện mạo họ Huỳnh. Lời nói và hành động của cụ khác xa loại người cải lương như Bùi Quang Chiêu, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh. Cụ thẳng thắn đứng hẳn về phía nhân dân, vạch trần chính sách thâm độc và những luận điệu lừa dối của Pháp. Cụ đòi chính quyền phải trả lời cho dân những yêu sách và phải thực hiện những điều mà chính quyền đã hứa. Cụ tranh luận gay gắt với Khâm sứ Trung Kỳ về những nội dung đó.

Trong Diễn văn nhận chức Viện trưởng Viện Dân biểu, Huỳnh Thúc Kháng thẳng thắn nói rõ quan điểm: "Hai năm nay, Nhà nước không lấy lời yêu cầu của chúng tôi làm điều, chưa thì hành được chút gì để chứng cho nhân dân biết rằng một cơ quan mới của Nhà nước khác với chính thể chuyên chế ngày xưa. Bởi thế nhân dân ngả lòng tin cậy ở chúng tôi và nhân đó cũng không dám tin ở chính thể của Nhà nước"[1]. Những cảm nhận và phản kháng của Huỳnh Thúc Kháng và các vị dân biểu như vậy ông được Nguyễn Ái Quốc chia sẻ trong các bài viết về sự thống trị của đế quốc Pháp ở Đông Dương. Người viết: "Viện "Duma" An Nam (không phải do cuộc đầu phiếu phổ thông mà chỉ do các kỳ mục, địa chủ và thương dân bầu ra) không hề xoa dịu được người An Nam, mà còn đưa lại cho họ cơ hội để tỏ rõ tinh thần phản kháng của mình"[2].

Thực dân Pháp không những cự tuyệt những đề nghị của cụ Huỳnh mà chúng còn đe dọa, xúc phạm danh dự của cụ. Chúng tuyên bố một cách trắng trợn, "Viện Dân biểu không phải như Hạ Nghị viện bên Tây; không có quyền giám sát Chính phủ; không được dự vào quyền hành chính của Nhà nước bảo hộ"[3]. Chúng cho rằng suy

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 3-10-1928.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd,* t.2, tr.271.

3. Xem Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc, Sđd,* tr.28.

nghĩ và hành động của cụ Huỳnh là trái với sự thật, với tư tưởng sáng lập ra Viện này.

Với bản lĩnh và khí khái được đúc rèn trong thực tế, sau nhiều lần tranh luận với kẻ cầm quyền, Huỳnh Thúc Kháng viết đơn từ chức Viện trưởng, bước vào con đường hoạt động mới, cũng là công khai, hợp pháp, nhưng bằng báo chí. Mỗi lần đọc *Tiếng Dân*, chúng ta lại nhớ tới cụ Huỳnh bởi tờ báo tiếp tục thể hiện nhân cách của một trí thức Nho giáo yêu nước, trong vòng kìm kẹp, kiểm soát giữa Kinh đô Huế của kẻ thù mà vẫn thể hiện chính kiến một cách rõ ràng nói được tất cả những điều muốn nói và giữ cái quyền không nói những điều người ta ép buộc nói. "Cụ đã gây được một tiếng vang lớn có lợi cho cách mạng, đã thét "*Tiếng Dân giữa Kinh thành Huế*" (Trường Chinh) và đã chứng tỏ cái bản lĩnh của một người không chịu khuất phục bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào"[1]. Trong điều kiện lưỡi kéo kiểm duyệt gắt gao của thực dân, thật khó đòi hỏi một sĩ phu yêu nước như cụ Huỳnh có những hành động quyết liệt hơn những gì cụ đã làm. Chỉ riêng việc cụ tuyên bố "không nói những điều người ta ép buộc nói" đã là một nét nhân cách đáng nể trọng. Tuy *Tiếng Dân* không nói được những gì có tính chất quyết định, nhưng bản lĩnh dám tố cáo phần nào chính sách thống trị hà khắc của thực dân và phong kiến; dám nói và nói được

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc*, *Sđd,* tr.52.

tiếng nói của lòng dân, "giữ gìn được cái đạo đức sẵn có của ông bà,... mở mang đường trí thức"[1] cũng đáng để cho chúng ta suy ngẫm về một nhân cách văn hóa. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong con người Huỳnh Thúc Kháng là thành tâm ái quốc và lòng khát khao độc lập tự do. Đó là động lực, là mục đích sống của cụ Huỳnh; là điều mà lịch sử và dân tộc cần và ghi nhận ở một con người như Huỳnh Thúc Kháng. Đó chính là nền tảng vững chắc để trải qua những giai đoạn thăng trầm của lịch sử, tuy phải nếm trải những bước thử thách gian khổ, có lúc thụt lùi, nhưng cụ Huỳnh vẫn không ngã lòng, giữ được đốm lửa nhiệt tình ái quốc, mong kéo dài ra, có ngày thổi cháy lại.

Cần phải hiểu con người Huỳnh Thúc Kháng trước hết và bao giờ cũng vẫn là một nhà nho, một chân nho, túc nho với cả hai mặt hay dở của mình. Nói đến Nho giáo trước hết và cơ bản là nói đến một học thuyết về đạo đức. Được tắm gội từ cái nguồn Khổng học từ thuở bé, coi Khổng Tử là người thầy vĩ đại, nhưng Huỳnh Thúc Kháng đã từng phê phán Khổng giáo: về đạo đức, chỉ nói đến số ít mà bỏ số đông, toàn dạy những việc quá cao, không đại chúng. Về chính trị, chỉ chú trọng vua quan mà ít nói đến dân. Khổng giáo nặng tư tưởng trọng cổ, xưa hơn nay, ít sáng tạo... Nhưng đó là sự phê phán "chỉ chỗ vết của hòn ngọc". Cái cơ bản, Huỳnh Thúc Kháng

---

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc*, *Sđd,* tr.61.

đã thâu thái, tiếp nhận ở Khổng giáo một cơ sở rèn luyện tư cách đạo đức. Nhà nghiên cứu Vương Đình Quang, một người gần gũi với Huỳnh Thúc Kháng đã viết về tư cách Huỳnh Thúc Kháng như sau: "Khoa bảng xuất thân, không công danh thế này, cũng không công danh thế khác, lẽ ra cũng có ít nhiều đua đòi với thiên hạ. Nhưng không. Sống giữa đế đô, ông không hề bị ảnh hưởng bởi cái xã hội hào nhoáng xung quanh. Không những thờ ơ với khúc *Nam bình, Nam ai* đêm đêm vọng lên trên dòng sông Hương, ông rất xa lạ với những lối ăn chơi đài các của bọn phong kiến quý tộc. Ở cương vị chủ báo, nếu "bị" mời đi dự một bữa tiệc xã giao trọng thể, ông chỉ nhận lời khi không kiếm được người đại diện thay mình. Ông thích lối sống của ông hơn: giản dị, bình dân. Quần áo loàng xoàng đủ che thân là được. Chiếc mũ mang từ Côn Lôn về đã xài xạc nắng mưa, nhưng còn dùng được thì vẫn cứ dùng. Bữa cơm quanh năm hầu như chỉ muối vừng và rau muống luộc. "Người quân tử ăn chẳng cầu no", và cố nhiên cũng không cầu ngon. Tiết kiệm và giản dị cũng là đức tính của người nho sĩ chân chính... Dưới cái bề ngoài lạnh nhạt và khô khan, vẫn ẩn náu một tâm hồn dạt dào những vui, buồn, yêu, ghét thiết tha đến cao độ... Ông biết giận quân thù, biết ghét bọn phản quốc"[1].

---

1. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.39-40.

Bản chất con người Huỳnh Thúc Kháng là yêu nước, thương dân. Chỗ đứng của cụ là ở trong lòng dân. Vì vậy, khi Bảo Đại mời cụ cộng tác, cụ đã từ chối. Lời khước từ, cụ Huỳnh bộc lộ rõ nhân cách trí tuệ khi nhận rõ bản chất xâm lược của phát xít Nhật, sự lỗi thời của chế độ quân chủ và sức mạnh của nhân dân. Lòng yêu nước nhiệt thành và chỗ dựa của lòng dân đã giúp Huỳnh Thúc Kháng nhận dần ra con đường tất yếu của lịch sử và tương lai tươi sáng của dân tộc. Phải thật sự là con người đau đáu khát vọng độc lập, tự do thì khi nước nhà giành được độc lập, cụ Huỳnh mới nói lên được những lời tự đáy lòng: "Sướng ơi là sướng! Thoát thân nô lệ mà làm chủ nhân ông. Vui thật là vui! Đổi quyền vua mà làm dân quốc mới"[1]. Cũng phải thật sự là nhà yêu nước chân chính thì cụ Huỳnh mới nhanh chóng tự mình gạt bỏ được những suy nghĩ về quá khứ có phần làm ảnh hưởng đến đường lối đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản. Tâm lý mặc cảm thấy như mình có lỗi nhanh chóng bị vượt qua bởi niềm vui nước nhà độc lập và dân chủ và sự khát khao cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, cho chế độ mới.

---

1. Dẫn theo Trần Văn Đăng: "Huỳnh Thúc Kháng, tấm gương về một niềm tin vào xu thế tất yếu của cách mạng Việt Nam", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.25.

Khát khao cống hiến cho nước cho dân đã đưa cụ Huỳnh đến chỗ muốn gặp Cụ Hồ để bày tỏ một vài ý kiến chứ "không thể nhận chức Bộ trưởng". Đó là suy nghĩ của cụ Huỳnh khi nhận được điện của Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần mời ra Hà Nội nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Câu nói đầu tiên của Huỳnh Thúc Kháng khi gặp Cụ Hồ, "khi còn ở Côn Lôn, tôi cũng tưởng không có ngày phục vụ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, vì án chung thân, nay gặp Cụ, tôi hả lắm"[1], cho thấy cụ Huỳnh đã nuôi ý chí phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân từ rất sớm và đeo đuổi cái hoài bão đó suốt mấy chục năm ròng. Vì vậy, cái "hả" của cụ Huỳnh là cái "hả" của một người gặp được người tri kỷ, để rồi từ đây có điều kiện để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Với cụ Huỳnh, phục vụ Tổ quốc có thể bằng nhiều cách chứ không nhất thiết giữ cương vị Bộ trưởng hay chức vụ này nọ. Lòng dạ son sắt, yêu nước thương nòi nhưng cụ cũng ý thức được công việc kháng chiến, giữ nền độc lập dân tộc cần lớp trẻ, thạo việc. Cụ tự thấy những hạn chế của mình "tuổi già sức yếu" khi Tổ quốc đang cần những con người có khả năng thực hiện nhiệm vụ "kháng chiến, kiến quốc". Đúng là "tuổi lên bậc hiếm,

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.190.

người ra cổ"[1], nhưng đó là thái độ khiêm tốn của cụ Huỳnh, vì chính cụ nhận rõ "hai mắt chửa mù, tai chửa điếc"[2].

Trong cuộc gặp mặt đầu tiên với Nguyễn Hải Thần khi chưa nhận chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh nói rõ quan điểm của mình hoan nghênh việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Tuy nhiên theo cụ, cần phải hết sức cảnh giác khi mà "ngoài ngõ trộm cướp đang rình rập, nếu trong nhà anh em bất hòa, xâu xé nhau, thì thật là họa lớn cho dân tộc. Bên trong chúng ta phải đoàn kết để đề phòng"[3]. Cụ cho rằng, "nước nhà mới độc lập mà trong nước phái nọ đả kích phái kia thật là một điều bất hạnh"[4]. Không chỉ là tài năng, trí tuệ, Huỳnh Thúc Kháng còn kiên quyết không để phai nhạt uy tín đạo đức của mình, "không ở về phía nào, chỉ muốn thấy anh em ngồi chung lại với nhau, hai bên cùng châm chước, sửa đổi đường lối của nhau cho thích hợp"[5].

Nhóm Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, một mặt công kích Việt Minh, xuyên tạc, nói xấu những việc làm của Chính phủ lâm thời, một mặt khác, muốn tranh thủ, lôi kéo cụ Huỳnh, rằng "mời cụ nhận chức Bộ trưởng Nội vụ để chia bớt quyền hành

---

1, 2. Câu thơ của Huỳnh Thúc Kháng trong bài *Bảy mươi tuổi tự thọ*.

3, 4, 5. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd*, tr.191, 192.

của Việt Minh", "để dung hòa hai bên". Là con người từng trải, thật sự yêu nước, thương dân, tha thiết với nền độc lập của dân tộc, cụ Huỳnh đã trả lời thẳng thắn: "Tôi rất đau lòng nghe những lời phe này đả kích phe kia, không biết rồi Chính phủ liên hiệp có thành lập được không, và nếu thành lập được thì làm thế nào mà làm việc cho có hiệu quả được? Tôi chưa có chức vụ gì, mà có lẽ cũng không dám nhận một chức gì trong Chính phủ: tôi chỉ theo sự hiểu biết của mình mà xin anh em dẹp bỏ những điều nhỏ nhặt gây nên xích mích để đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết"[1]. Một điều cần nhấn mạnh ở đây là những người trong phái Việt Quốc và Việt Cách biết rất rõ uy danh của cụ Huỳnh nên dùng mọi cách để lôi kéo cụ, từ việc nhấn mạnh chức vụ Bộ trưởng đến việc chiêu đãi đại tiệc, mời dọn đến ở một biệt thự sang trọng, có người hầu hạ đàng hoàng và cuối cùng không quên để cho cụ thấy sập gụ, bàn đèn và bà vợ Tàu trẻ. Nhưng một con người như cụ Huỳnh, đã nếm đủ mùi cay đắng 13 năm ở trường học thiên nhiên Côn Lôn, "nghèo khổ không thể làm nản chí, oai vũ không thể làm sờn gai", "đọc" được nhân cách của từng hạng người, thì giờ đây "giàu sang cũng không thể làm xiêu lòng". Cụ Huỳnh đã

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.193-194.

từ chối tất cả với suy nghĩ giản đơn "là khách của Chính phủ, ở nhà của Chính phủ là hợp lý lắm rồi, hơn nữa căn phòng tôi trọ hiện nay là quá sang trọng đối với tôi"[1]. Cụ nói với thư ký của mình một cách chua chát, mỉa mai: "Làm cách mạng sướng thật! Thấy bàn đèn, thấy mụ vợ Tàu trẻ, tự nhiên hết tin tưởng"[2].

Điều đặc biệt là cũng nhờ nhân cách văn hóa, trí tuệ, đạo đức, cụ Huỳnh hiểu được người khác, hiểu được tấm lòng "chí công vô tư" của người tri kỷ là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Cụ tỏ ý cảm phục tấm lòng thành của Cụ Hồ, thấy công việc quá nhiều và thương Cụ Hồ quá vất vả. Cụ hiểu rằng trong tình thế khó khăn của đất nước, mọi người công dân đều phải chia vai gánh một phần trách nhiệm. Cụ tự thấy mình gần trọn một đời lo toan việc nước, mong ước được làm dân một nước độc lập. Lòng cụ muốn nhận trách nhiệm nhưng lại sợ không làm tròn. Đứng trước sự tồn vong của Tổ quốc và dân tộc, toàn bộ chất người Huỳnh Thúc Kháng bộc lộ một cách rõ nét. Cụ nhận rõ bổn phận của một công dân được sống trong độc lập. Cụ lấy lòng thành để nói lên tất cả những suy nghĩ, trăn trở của mình về việc nước. Và cụ đã làm cho người tri kỷ hiểu mình bằng việc

---

1, 2. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.194.

"hiến ba chữ Huỳnh Thúc Kháng cho Tổ quốc, cho quốc dân đồng bào". Cụ xác định chỗ đứng của mình trong lòng dân, trong lòng Tổ quốc.

Trong hoàn cảnh mới, với cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ, cụ Huỳnh đã thể hiện tư cách của một thành viên quan trọng trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến. Cụ nhiệt tình hăng hái và tận tụy phục vụ Tổ quốc. Cụ có một niềm tin chắc chắn, mãnh liệt vào sự lãnh đạo của lãnh tụ thiên tài Hồ Chí Minh và sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam. Với thực dân Pháp tái xâm lược nước ta, cụ thể hiện tinh thần phải đánh, đánh cho đến khi nào chúng ngã gục với tinh thần quyết chiến, quyết thắng. Với các đảng phái phản động trong nước, cố tình phá rối, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây khó khăn cho chính quyền cách mạng, cụ thẳng tay vạch mặt, cực lực phản đối và cương quyết nghiêm trị. Trên cương vị quyền Chủ tịch nước, khi những đảng phái Việt Quốc, Việt Cách hoành hành ở Thủ đô, quán triệt sâu sắc lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Dĩ bất biến ứng vạn biến", với tinh thần khảng khái của chí sĩ yêu nước, chuộng công lý, Huỳnh Thúc Kháng tuyên bố "phải diệt chúng nó, bọn này là bọn phản động", đồng ý chủ trương của Thường vụ và Quân ủy Trung ương tiêu diệt bọn Quốc dân Đảng ở phố Ôn Như Hầu và ở các địa bàn Vĩnh Yên, Yên Bái, Lào Cai.

Sau bao nhiêu năm trường lận đận, khi ba chữ "Huỳnh Thúc Kháng" đã có chỗ dùng đối với Tổ quốc, cụ Huỳnh đã

khiến các tầng lớp nhân dân, nhất là lớp trẻ phải "tâm phục, khẩu phục". Trong thời gian đi kinh lý miền Trung, tổ chức các cuộc nói chuyện với đồng bào, có người đặt vấn đề *Hiệp định sơ bộ* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Pháp đã làm cho cuộc chiến thêm gay go. Với tư cách là một thành viên trong Hội đồng Chính phủ, cụ Huỳnh tuyên bố rõ ràng: "Hội đồng Chính phủ (trong đó có tôi) không bán nước!"[1]. Khi ca ngợi Cụ Hồ là "bậc yêu nước đại chí sĩ; là nhà lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia; là vị anh hùng xuất chúng, vị anh hùng của dân tộc; là người thật là giỏi, giỏi lắm, lịch sử sau này sẽ phải gọi Hồ Chí Minh là một ông thánh", có người trẻ tuổi tỏ vẻ không tin, cụ đáp ngay: "Ông tưởng tôi tâng bốc ông Hồ? Tôi xưa nay chưa biết nịnh ai. Sự thật thế nào thì tôi nói vậy". Khi về đến quê hương Quảng Nam, nói về đường lối và chính sách kháng chiến của Chính phủ, một số thân sĩ trí thức có một số thắc mắc, thậm chí có người còn mơ tưởng Pháp trở lại, muốn làm tay sai chống kháng chiến, làm ảnh hưởng đến tư tưởng đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ Huỳnh nói: "Hôm nay lấy danh nghĩa là một người thầy, một

---

1. Dẫn theo Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, *Sđd,* tr.201.

người bạn cũ có nhiều kinh nghiệm ở đời, tôi nói chuyện với các chú. Nếu các chú không nghe lời tôi, sau này các chú đừng trách, tôi sẽ lấy danh nghĩa là đại diện Chính phủ Trung ương mà thẳng tay trừng trị"[1].

Những ngày cuối cùng trên giường bệnh, biết mình không qua khỏi, cụ chu đáo gửi điện chào vĩnh quyết anh em binh sĩ, anh em các đảng phái tôn giáo nói rõ quan điểm quyết không để dân tộc ta bị tròng vào ách thực dân một lần nữa, vì dân nô lệ thì sẽ không có gì hết. Trong bức điện gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, cụ nói "chết hả" vì 40 năm ôm ấp độc lập và dân chủ, nay nước độc lập, chế độ dân chủ đã thực hiện. Tuy nhiên, cụ vẫn tiếc, cụ nói "tiếc không được gặp Cụ Hồ lần cuối" là sự tiếc nuối không được kề vai sát cánh với người tri kỷ, tiếp tục cống hiến cho nước độc lập, phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, điều mà cụ ôm ấp từ lâu nhưng mới thực hiện được trong một thời gian rất ngắn.

Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng có điều kiện để suy ngẫm về nhân cách cụ Huỳnh, một người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sờn gai. Nhân cách đó sống mãi với thời gian và luôn tỏa sáng trong lòng nhân dân Việt Nam.

---

1. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng, Sđd,* tr.34.

Trong thời gian giữ trọng trách Quyền Chủ tịch nước, cụ Huỳnh đã góp phần cùng với Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh xây đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bài học và đóng góp về thực hành đại đoàn kết toàn dân tộc của cụ Huỳnh xuất phát từ tấm lòng yêu nước, thương dân thật sự; xuất phát từ việc đặt lợi ích chung của Tổ quốc, của nhân dân lên trên lợi ích nhóm, bộ phận, cá nhân.

Bài học đoàn kết của cụ Huỳnh cho thấy một tầm nhìn xa, trông rộng, giải quyết mối quan hệ "bên ngoài" và "bên trong", giữa nước nhà độc lập và hạnh phúc của nhân dân. Cụ cho rằng, "ngoài ngõ, trộm cướp đang rình rập, nếu trong nhà anh em bất hòa, xâu xé nhau, thì thật là họa lớn cho dân tộc. Bên trong, chúng ta phải đoàn kết để đề phòng"; rằng "nước nhà độc lập mà trong nước phái nọ đả kích phái kia thật là một điều bất hạnh". Với những đóng góp to lớn trong thời gian Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vắng, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng, một người yêu nước, không đảng phái, chuộng công lý để lại cho chúng ta một tấm gương thành công trong sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận.

3. Đóng góp của Huỳnh Thúc Kháng trên các lĩnh vực văn học và sử học

Huỳnh Thúc Kháng sinh ra không phải để làm thơ, văn hay viết sử. Mọi người biết đến cụ trước hết và cho

đến hôm nay cơ bản với tư cách là một nhân sĩ yêu nước tiến bộ đầu thế kỷ XX, trải qua gần 40 năm thăng trầm, cuối cùng đã đi theo và chấp nhận con đường cách mạng của những người cộng sản. Có thể vẫn còn những ý kiến khác nhau khi bàn đến sự nghiệp văn chương của Huỳnh Thúc Kháng, nhưng quan điểm chính thống đã khẳng định: "Cụ Huỳnh là một nhà thơ, nhà báo xuất sắc, nhà hoạt động chính trị, văn hóa nổi tiếng, nhà lãnh đạo mẫu mực của Nhà nước ta, di sản văn hóa tinh thần của cụ để lại cho chúng ta vô cùng to lớn"[1]. Công tác nghiên cứu khoa học về "Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng" trong một phần tư thế kỷ qua từ năm 1992 cho thấy một cách đánh giá đóng góp của Huỳnh Thúc Kháng "với tư cách một tác gia, tác giả của nhiều áng thơ văn. Những đánh giá, ghi nhận về một hiện tượng đặc biệt trên lĩnh vực hoạt động báo chí, mà từ *Tiếng Dân* do cụ sáng lập và trực tiếp là một cây bút nổi tiếng, trong đó, khẳng định tư tưởng, phong cách báo chí hiện đại của cụ đã tạo nên một hiện tượng có một không hai của lịch sử báo chí nước nhà. Đặc biệt, trong các bài viết của mình, Huỳnh Thúc Kháng để lại không

1. Trần Minh Cả: "Chí sĩ yêu nước nhiệt thành - quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd,* tr.11.

ít những tư liệu và quan điểm liên quan đến chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa"[1].

Đóng góp của Huỳnh Thúc Kháng đối với sự nghiệp chung của dân tộc bao gồm cả phần văn chương, một thứ văn chương phục vụ sự nghiệp chính trị, mặc dù cụ thường từ chối vai trò nhà văn của mình, thậm chí coi văn nghiệp là một sự bất đắc dĩ, bất lực, thất bại trước thời cuộc, chẳng bao giờ thèm quan tâm đến. Điều này được kiểm chứng qua những gì do chính Huỳnh Thúc Kháng nói ra thông qua các tác phẩm của cụ:

"Nhất ngữ tặng quân hoàn tự hối
Thi văn ngộ ngã quá bình sinh"[2].
(Một lời đưa bạn về riêng ngẫm,
Kiếp tớ thơ văn trót đã lầm).

Đánh giá đóng góp của một con người về hoạt động văn học không phải căn cứ vào chủ đích người đó có quan tâm đến việc mình có trở thành nhà văn, nhà báo hay nhà sử học hay không, mà phải căn cứ vào giá trị thực của những di sản đó trong một bối cảnh lịch sử cụ thể. Phan Bội Châu tự coi việc lập thân bằng văn chương là một cách lập thân thấp hèn ("lập thân tối hạ

---

1. Dương Trung Quốc: "Công tác nghiên cứu khoa học về "Thân thế và sự nghiệp Cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947), Sđd*, tr.14-15.

2. Dẫn theo Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc*, *Sđd,* tr.42.

thị văn chương"), nhưng sự nghiệp văn chương của Phan Bội Châu không kém gì sự nghiệp chính trị của cụ. Hồ Chí Minh chưa bao giờ nhận mình là nhà văn, nhà thơ, nhà báo, nhưng Người lại trở thành một nhà văn hóa kiệt xuất. Dùng ngòi bút làm đòn xoay chế độ bóc lột, diệt thù cứu nước, phò chính trừ tà như là một tất yếu trong đời sống văn học của một dân tộc trong hoàn cảnh bị kẻ thù xâm lược áp bức, bóc lột. Văn hóa nghệ thuật trở thành một mặt trận, người cầm bút là chiến sĩ trên mặt trận đó từ Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu đến những nhà cách mạng thời đại Hồ Chí Minh. Không đặt nặng vai trò của nhà văn, Huỳnh Thúc Kháng trên thực tế lại coi văn nghệ như một thứ vũ khí cứu khổ cứu nạn, giải phóng đời sống tinh thần của mấy chục triệu đồng bào. Mặt khác, tri thức cụ cung cấp cho xã hội và giới trí thức lúc bấy giờ có thể coi Huỳnh Thúc Kháng với tư cách một học giả nước Nam như chính cụ nói trong khi tranh luận với Phan Khôi.

Có một mâu thuẫn trong sự nghiệp văn học cũng như sự nghiệp chính trị của Huỳnh Thúc Kháng. Trong con người cụ, văn thơ luôn luôn có một sự đấu tranh giằng xé để cuối cùng đi về phía cách mạng. Sự nghiệp văn học, sử học của Huỳnh Thúc Kháng kéo dài liên tục trên chặng đường 44 năm từ bài viết đầu tiên (cùng Trần Quý Cáp) *Lương ngọc danh sơn phú* (1904 - 1905) đến những bài viết cuối cùng vào năm 1947 chào vĩnh quyết Chủ tịch Hồ Chí Minh và anh em binh sĩ. Ở chặng đường nào, trên

cương vị nào, dù mới chập chững bước vào con đường cứu nước, trong nhà tù, hoạt động nghị trường hay đứng đầu Nhà nước Dân chủ Cộng hòa, Huỳnh Thúc Kháng đều sáng tác thơ văn để bộc lộ tâm tư tình cảm, hoài bão phục vụ nhân dân và đất nước của mình, hoặc đả kích, tố cáo quân thù.

Đọc kỹ văn thơ của Huỳnh Thúc Kháng, có thể cảm nhận được khá rõ ý thức sáng tác của cụ, chứ không phải như cụ nói: "Không quan tâm đến sự nghiệp văn sĩ". Ngay từ bài viết đầu tiên *Lương ngọc danh sơn phú*, có ý nghĩa như bài thơ chính thức khai nghiệp văn chương, chúng ta dễ dàng nhận thấy tâm thế của một học giả cũ trên con đường canh tân. Trên đường thực hiện công cuộc duy tân "Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", bài *Lương ngọc danh sơn phú* ra đời như là một sự ngẫu nhiên, ngẫu hứng nhưng nó là sự ấp ủ, thôi thúc của một tấm lòng, chứa đựng nội dung tư tưởng sâu sắc bài xích nền cựu học truyền thống cùng chế độ khoa cử lỗi thời, đề xướng tân học.

Huỳnh Thúc Kháng có thể được coi là người đầu tiên làm cả một tập thơ trong tù[1] và đủ can đảm in

---

1. Tập *Thi tù tùng thoại* ra đời trong lao tù Côn Đảo (1908 - 1921), nhưng được bắt đầu đăng từng bài trên tờ *Tiếng Dân* từ số 1106, ngày 9-9-1937 đến số 1196, ngày 19-4-1938 gồm 86 kỳ. Đến tháng 10-1939, Nhà in Tiếng Dân xuất bản thành sách, dịch bản nguyên văn chữ Hán.

trên mặt báo để cho nhân dân đọc. Giá trị của *Thi tù tùng thoại (1908-1921)* được nhìn nhận ở nhiều mặt, nhưng trước hết và xuyên suốt là một sự hiểu biết tinh tường về thời cuộc, về văn hóa, xã hội, lịch sử, nhận thức về sự chuyển biến rõ rệt của thời đại. Điều này được khẳng định ngay trong *Lời nói đầu*: "Âu triều truyền sang, phong khí đổi mới, chế độ về thời đại chuyên chế bị trào lưu văn minh dội quét gần hết, trên sử tấn hóa mới của loài người, trong đám tù tội có cái tên gọi là "tù quốc sự" khác với hạng tù thường, không những xã hội không bài xích như ngày xưa, mà trong có hạng chí sĩ nhân nhân, trở được người đời tỏ lòng sùng bái và khen ngợi, từ đó mà thi tù mới truyền"[1]. Nội dung *Thi tù tùng thoại* phong phú, cả thơ ca và biên niên sử gồm thi làm trong cảnh ở tù và xen một ít được nghe trong lúc ở tù; thi của thi nhân ở tù, hoặc có quan hệ với lịch sử khoảng tù ấy. Vì vậy, *Thi tù tùng thoại* tuy nguyên văn chữ Hán dịch ra quốc ngữ, "mười phần không được năm sáu", "giới hạn trong phạm vi người và thi ở tù, tùy từng chuyện từng bài mà chép ra, không có thứ tự, không có kết cấu, chỉ biên đoạn một, nhưng "nhập lại có chuyện tù sử có đầu đuôi, không mất bản ý, là món tài liệu chân xác cho nhà làm sử"". Chuyện tù sử đó là viết về đời sống và những

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc, Sđd,* tr.227.

hoạt động mà lớp nho sĩ tù nhân đầu tiên có mặt ở Côn Đảo. Những người tù yêu nước đó đã biến hòn đảo hoang "địa ngục trần gian" thành "trường học thiên nhiên" rèn giũa tinh thần, chí khí và bản lĩnh của biết bao người yêu nước Việt Nam như bài *Đập đá* của Phan Châu Trinh (Cụ Tây Hồ) được Huỳnh Thúc Kháng nói đến trong *Thi tù tùng thoại*:

"Làm trai đứng giữa đất Côn Lôn,
Lừng lẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bảy đống,
Ra tay đập vỡ mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng càng bền dạ sắt son.
Những kẻ vá trời khi lỡ bước,
Gian nan chi kể chuyện con con".

Chính Huỳnh Thúc Kháng cũng nhắn gửi người bạn tù được may mắn tha về:

"Bà con có hỏi nhờ thưa hộ:
Lòng hãy còn son, tóc trổ huê".

Nhắc lại toàn tập *Thi tù tùng thoại*, Huỳnh Thúc Kháng viết:

"Ở tù mà dùng thi văn làm món di dưỡng tinh thần, không phòng hại gì mà sự bổ ích rất rõ ràng: Trong trường học thiên nhiên 13 năm (1908 - 1921) cả bọn đồng thời với tôi, cả thân sĩ cho đến người dân, kẻ chết không nói, người còn mà được tha về, vẫn giữ được tấm

lòng không thay đổi. Biết đâu không nhờ món nuôi tinh thần đằm thắm đó mà không tự biết. "Thi cùng mà sau mới hay" cái đó không dám chắc. Song thi văn có thể làm món nuôi tinh thần trong cảnh cùng thì chính tôi là một người đã nhờ món quà ấy mà nuôi tinh thần được sống sót đến ngày nay"[1].

Đánh giá tập *Thi tù tùng thoại*, Phan Sào Nam viết:

"Tiếp được bản "*Thi tù tùng thoại*", đọc đi đọc lại năm bảy lần, đọc suốt từ đầu tới cuối, bất giác óc vì sao mà lửa, mắt vì sao mà hoa, ruột vì sao mà thiên hồi bách chuyến, thốt nhớ đến hai chữ "*thi tù*" ở trong sách Hán văn... Than ôi! Cái nhà tù có công với làng thi thiệt là lớn lắm! Nhưng truyền vào nước ta, thời thi tù là việc hiếm có. Mở sử nước ta từ đời Trưng Vương cho đến triều Nguyễn, con nhà thơ ít khi phải vào tù; mà các người ở tù lại ít kẻ biết làm thi... Thế mới biết, thi mà tù, tù mà thi, là một việc rất hiếm. Chẳng dè sự hiếm có ở đời xưa mà lại náo nhiệt ở đời nay! Đàn thi ở đảo Côn Lôn vừa xây đâu trước đây 30 năm, mà các ông tù hay thơ, gót trước liền gót sau, trong một khoảng không dứt... Bội Châu nầy: phúc keo, phận mỏng, chạy chậm, bước chầy, vẫn trọc trèm làm thi tù, mà té ra không phúc phận gì được cùng mấy cụ tù Côn Lôn chia một

1. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc, Sđd,* tr.492.

ghế thi tù. Đài thi ở đảo Côn Lôn, Châu chỉ thành ra môn ngoại hán.

Ôi trời! Tiếc quá! Tiếc quá!"[1].

Di sản Huỳnh Thúc Kháng để lại cho thấy cụ là người sưu tầm kho tàng truyền thống, ghi chép, góp nhặt được nhiều tư liệu lịch sử thời kỳ cận đại một cách xác thực, không tô vẽ, góp phần vẽ lại bức tranh lịch sử cuộc đấu tranh cách mạng hào hùng đầu thế kỷ XX của nhân dân Việt Nam bằng thơ văn. Đồng thời, cụ cũng tích cực đưa ra những cái mới giúp hậu bản cho nền học vấn nước nhà trên phương diện nhận thức tư tưởng trong khuôn khổ cải lương của một nhà nho Duy tân. Trên báo *Tiếng Dân*[2], Huỳnh Thúc Kháng giới thiệu các học thuyết

---

1. Phan Sào Nam: "Bài đề hậu bản thi tù tùng thoại", in trong Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc, Sđd,* tr.494-495.

2. Lấy tư cách Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, Huỳnh Thúc Kháng đã xin được giấy phép xuất bản tờ báo *Tiếng Dân* mà ông vừa là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Ngày 10-8-1927, báo *Tiếng Dân* ra số đầu tiên. Ngày 28-4-1943, báo *Tiếng Dân* bị đình bản. Tổng cộng trong 16 năm tồn tại của báo *Tiếng Dân* (1927 - 1943), báo ra được 1.766 số. Bạn đọc chủ yếu là quần chúng nhân dân. Từ số đầu đến ngày 29-1-1936, báo ra mỗi tuần 2 kỳ (thứ 4 và thứ 7), 3 trang; từ ngày 1-2-1936 đến ngày 30-12-1939, mỗi tuần ra 3 kỳ (thứ 3, 5, 7), sau đó báo ra mỗi tuần hai kỳ như trước. Ngoài ra, báo còn có số Phụ trương nhân dịp Tết và ngày kỷ niệm.

như: Sinh tồn cạnh tranh, thuyết bình đẳng, thuyết tiến hóa, duy vật, duy tâm, biện chứng pháp... Điều đáng nói đến ở đây là trong khi giới thiệu các học thuyết, Huỳnh Thúc Kháng cho người đọc một cái nhìn khá mới mẻ khi đặt một số học thuyết trong sự vận động phát triển đi lên của xã hội Việt Nam gắn với hoàn cảnh và trình độ dân tộc ta lúc bấy giờ. Những quan điểm về học thuyết Nho giáo là một trong những minh chứng điển hình về cách nhìn nhận, đánh giá khách quan "đúng nói đúng, sai nói sai", phù hợp hay không còn phù hợp của Huỳnh Thúc Kháng. Đặt Khổng giáo trong bối cảnh thế giới mới, Huỳnh Thúc Kháng cho rằng, "thế giới ngày nay mà đem thuyết của cụ Khổng ra ứng phó thật không khác gì chèo thuyền nan mà đua với tàu thủy, cưỡi ngựa trạm mà chạy theo xe hơi". Ngay cả với Lương Khải Siêu, nhà tư tưởng Duy tân ở Trung Quốc, có ảnh hưởng lớn đến công cuộc Duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Huỳnh Thúc Kháng cũng có những nhận xét, đánh giá khá sòng phẳng khi cho rằng Lương Khải Siêu có một số ý kiến lạc hậu, thậm chí ấu trĩ.

Sáng tác của Huỳnh Thúc Kháng thời kỳ đầu chủ yếu bằng chữ Hán, từ những năm 1920 trở đi viết nhiều bằng quốc ngữ thể hiện trên nhiều mặt trận, đặc biệt là mặt trận báo chí. Đây là một giai đoạn sáng tác mới, sung sức, phản ánh tính chuyên nghiệp, có ý nghĩa và tác động lớn

đối với tiến trình hiện đại hóa văn học nước nhà. Trong lớp sĩ phu tiến bộ đầu thế kỷ XX, có thể Phan Bội Châu là người viết nhiều nhất. Nhưng nếu là những chí sĩ từng nếm trải "tù quốc sự" thì Huỳnh Thúc Kháng là gương mặt tiêu biểu, đủ can đảm và năng lực dùng ngòi bút xông pha giữ trận tiền. Khoảng hơn 20 năm từ sau khi ra tù đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, có thể coi là giai đoạn "thăng hoa" của Huỳnh Thúc Kháng trong văn nghiệp của mình, đặc biệt khi làm chủ nhiệm báo *Tiếng Dân*. 13 năm ở tù đã trui rèn một nguồn năng lượng văn hóa khiến Huỳnh Thúc Kháng thật sự trở thành một chiến sĩ văn hóa trên con đường đấu tranh cho lý tưởng dân tộc, dân chủ của mình.

Để đánh giá đúng ý nghĩa của báo *Tiếng Dân* không phải chỉ căn cứ vào tên gọi của tờ báo, mà một điều quan trọng là đặt tờ báo trong bối cảnh báo chí nước ta trong thời đoạn báo *Tiếng Dân* ra đời. Trong giai đoạn này, thực dân Pháp dùng nhiều âm mưu thủ đoạn xảo quyệt, trong đó nổi lên là công cuộc "chinh phục tinh thần" nhân dân ta. Theo đó, nhiều tờ báo được Pháp bảo hộ ra đời[1] trở thành công cụ đắc lực của thực dân Pháp trong việc thực thi chính sách nô dịch văn hóa của chúng. Đặt trong bối cảnh đó mới thấy việc xuất hiện

---

1. Như tờ *Đông Dương tạp chí* ra đời năm 1913; Tạp chí *Nam Phong*...

những tiếng nói như *Hữu Thanh* do Ngô Đức Kế làm chủ bút, *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng trong vòng giám sát, kiểm duyệt nghiêm ngặt của bọn thực dân thì mới thấy hết tầm vóc và ý nghĩa của nó.

Bằng ngòi bút sắc sảo, những bài viết của Huỳnh Thúc Kháng kịp thời phản ánh những vấn đề thời sự nóng bỏng liên quan đến đời sống của dân chúng như tệ nạn cường hào, chính sách thuế khóa, ruộng đất. Với lối văn bút chiến, Huỳnh Thúc Kháng đã tố cáo, vạch trần những thủ đoạn của những kẻ bôi nhọ văn hóa dân tộc, xuyên tạc lịch sử; tranh luận, tranh cãi xung quanh những đánh giá về Phan Bội Châu, Truyện Kiều (báo *Tiếng Dân*, số 317, ngày 17-9-1930)... Ngòi bút của Huỳnh Thúc Kháng cũng có những bài luận về triết học, đạo đức học, một số liên quan đến văn học... Tuy có phần nghiệt ngã, gay gắt nhưng cuối cùng Huỳnh Thúc Kháng đã đạt được mục đích đả kích, vạch mặt loại người giả nhân, giả nghĩa để phục vụ cho âm mưu của thực dân Pháp.

Tiếng Dân là một bước ngoặt trên con đường hoạt động yêu nước và sự nghiệp văn chương của Huỳnh Thúc Kháng, không chỉ thể hiện một cây bút viết kịp thời, dũng cảm, dẻo dai, sung sức ở nhiều thể loại, trên nhiều lĩnh vực, mà điều quan trọng hơn là giữa không khí sôi nổi của các cuộc tranh luận báo chí đương thời, một tờ báo đại diện cho tiếng nói của lòng dân (ít nhất là ở Trung Kỳ), góp phần mở mang tri thức, soi sáng

nhân tâm, củng cố niềm tin, tạo chỗ dựa vững chắc về mặt tinh thần cho quốc dân.

Ở một góc nhìn khác, có thể thấy *Tiếng Dân* đã phản ánh được tình yêu của Huỳnh Thúc Kháng đối với những người chân lấm tay bùn, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời. Một bức tranh khá chân thực, sinh động của nông thôn Việt Nam với những người nông dân áo tồi quần rách, quanh năm chịu phù thu lạm bổ, hạn, lụt, mất mùa vẫn phải đóng thuế dưới chế độ thực dân, phong kiến. Không dừng lại ở việc phản ánh thực trạng đau khổ của xã hội Việt Nam, nhất là nông thôn, thông cảm sâu sắc với quần chúng lao khổ, *Tiếng Dân* còn đấu tranh đòi giảm thuế, bênh vực nhân dân vì thực dân Pháp mà phải chịu sự khốc hại, tàn nhẫn, vô nhân đạo, cào quét đến bữa cơm, tấm áo, sự sống hằng ngày của dân chúng.

Đóng góp ở đỉnh cao về tư tưởng phải kể đến những sáng tác của Huỳnh Thúc Kháng thời kỳ sau Cách mạng Tháng Tám. Chúng ta dễ dàng nhận thấy bối cảnh mới, thời thế mới và sức sống mới của sự nghiệp văn học Huỳnh Thúc Kháng. Nếu dưới ách phát xít Pháp, Nhật, nhà yêu nước cải lương Huỳnh Thúc Kháng phải viết *Thi tù tùng thoại* trong hoàn cảnh lén lút, viết *Tiếng Dân* trong mối quan hệ gượng ép phải làm người bạn "ngay" của Pháp, khi cách mạng thành công, nhà yêu nước cách mạng họ Huỳnh đã được giải phóng. Tâm trạng

"sướng ơi là sướng" của Huỳnh Thúc Kháng được thổi vào *Thư kêu gọi đồng bào phụ lão kháng chiến.* Niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước nồng nàn, tha thiết với Tổ quốc non sông lần đầu tiên được thổi bùng trong một tác phẩm văn học. Lời kêu gọi toàn dân đồng tâm nhất trí không chia giai tầng, không phân đảng phái đứng lên tiêu diệt lũ giặc ngoan cố muốn tái chiếm nước ta, để cho dân tộc ta không bị tròng vào ách thực dân Pháp một lần nữa cùng với niềm tin vào sự lãnh đạo của Cụ Hồ đưa quốc dân tiến lên đường vinh quang hạnh phúc đã khẳng định phẩm chất của một chiến sĩ văn hóa mà cốt tủy tư tưởng là "làm chủ nhân ông, đổi quyền vua mà làm dân chủ mới, đồng lòng toàn dân, toàn diện kháng chiến".

Huỳnh Thúc Kháng còn có đóng góp lớn về mặt sử học qua việc sưu tập, công bố tư liệu lịch sử. Trong di sản của mình, Huỳnh Thúc Kháng để lại nhiều tác phẩm sử học có giá trị[1]. Trong quá trình hoạt động yêu nước, với mối

---

1. Như: *Cuộc cự sưu ở Trung Kỳ năm 1908; Cuộc khởi nghĩa Duy tân*; *Bức thư gởi Kỳ Ngoại hầu Cường Để*; *Bức thư trả lời chung*; *Bổ thêm vài dật sử về đoạn cận sử ba năm Cần Vương ở Quảng Nam*; *Một ít dật sử của cụ Sào Nam trong khoảng 20 năm ở ngoài*; *Một ít sử liệu nước nhà rất quý báu vào khoảng cận đại*... Cụ còn viết tác phẩm *Một ít dật sử trên đoạn sử Việt Nam cách mạng trong thời kỳ Pháp thuộc (1885-1945).* Tác phẩm đang viết dở dang thì cụ ra Hà Nội. Hiện nay, chưa tìm thấy tác phẩm.

liên hệ với nhiều nhân vật lịch sử, cụ cũng viết nhiều về các danh nhân lịch sử trong và ngoài nước, như: Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch, Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp, Phan Thanh Giản, Trương Vĩnh Ký, Tôn Dật Tiên, Lương Khải Siêu...

Đặc biệt, Huỳnh Thúc Kháng có những chứng cứ về chủ quyền lãnh thổ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Trên báo *Tiếng Dân,* cụ viết ba bài khảo cứu rất công phu. Những bài viết đó đi đến khẳng định: "nếu trên sân khấu quốc tế, nhận chủ quyền sở hữu về những ai chiếm trước và có tài liệu làm chứng cứ hẳn hoi, như luật điền thổ, khai tài khai nghiệp ở xứ ta, bằng theo bộ tịch và phân thư chúc từ của tiền nhân để lại, *tưởng không nước nào có tài liệu chứng cứ đầy đủ hơn nước ta*"[1].

Tóm lại, với một di sản văn học nhiều thể loại có ý nghĩa nhất định về mặt học thuật và lịch sử, Huỳnh Thúc Kháng xứng đáng được xem là một trong số ít nhà văn tiêu biểu nhất mấy chục năm đầu thế kỷ XX. Huỳnh Thúc Kháng cùng đội ngũ các chí sĩ duy tân đã kế thừa và phát triển dòng văn học yêu nước giai đoạn Cần vương, tạo nên nền văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỷ. Trên bước đường duy tân và đấu tranh

---

1. Báo *Tiếng Dân*, số 1234, ngày 23-7-1938.

chính trị, Huỳnh Thúc Kháng đã có những cống hiến như một trong nhà lãnh đạo phong trào. Trên lĩnh vực đấu tranh văn hóa, bầu máu nóng của chiến sĩ văn hóa Huỳnh Thúc Kháng được thôi thúc bởi những điều kiện khách quan của lịch sử dân tộc trong giai đoạn bản lề từ thủ cựu sang duy tân, từ ý thức hệ phong kiến chuyển sang chịu ảnh hưởng của ý thức hệ tư sản. Vì vậy, sự nghiệp văn nghệ của cụ vẫn in đậm những dấu ấn của một trí tuệ, một khí tiết, một khí phách, có phần sáng tạo. Đôi chỗ lập luận của Huỳnh Thúc Kháng rất sắc sảo, súc tích, độc đáo như một tuyên ngôn, ví như tôn chỉ của tờ báo *Tiếng Dân*: Nếu không có quyền nói thì ít ra cũng giữ được cái quyền không nói những điều người ta buộc nói; rằng ta không có quyền tự do nói những điều nên nói, mà ta lại có quyền tự do không nói những cái không nên nói. Đọc *Thư kêu gọi đồng bào phụ lão kháng chiến* hay những lời *Chào vĩnh quyết* ta bắt gặp tư tưởng yêu nước và cách mạng của cụ Huỳnh trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 hay trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* tháng 12-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mặc dù đã có nỗ lực rất lớn vượt qua những hạn chế lịch sử, "đứng mũi chịu sào" trước những sóng gió của thời cuộc và đòn roi của thực dân cướp nước và bè lũ bán nước, nhưng trong di sản văn học của Huỳnh Thúc Kháng - nếu lấy tư tưởng xuyên suốt của cải cách văn

hóa là dân tộc dân chủ nhằm tự cường dân tộc làm tiêu chí - thì vẫn bộc lộ những hạn chế nhất định về sự thiếu khách quan, còn bảo thủ, cực đoan trong tư tưởng của một nhà chí sĩ[1].

Những con người xuất thân nhà nho, theo học "cửa Khổng, sân Trình" luôn đề cao nhân cách và đạo đức như thế hệ Huỳnh Thúc Kháng, thiết tha với sự nghiệp duy tân là điều quý hiếm. Đặc điểm chính trị - xã hội những năm 1920-1930 là Đảng Cộng sản vừa ra đời, còn hoạt động bí mật trong vòng cương tỏa của đế quốc và phong kiến; các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến rồi tư sản lần lượt thất bại; đế quốc Pháp rồi phát xít Nhật bằng nhiều thủ đoạn nham hiểm đã ru ngủ và đánh lạc hướng được một số trí thức; trên văn đàn công khai, tư tưởng tư sản hướng theo một con đường khác, có chiều hướng nằm trong âm mưu thâm độc của địch. Hoạt động trong bối cảnh lịch sử đó, Huỳnh Thúc Kháng còn những hạn chế mặt này, mặt khác trong lĩnh vực văn học là điều có thể hiểu được và chấp nhận được. Điều quan trọng nhất là từ chuyển biến tư tưởng chính trị, cuối cùng cộng tác với Việt Minh, với Đảng Cộng sản, Huỳnh Thúc Kháng đồng thời cũng chuyển biến tư tưởng

---

1. Như một số bài viết xung quanh đánh giá kiệt tác *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

trong văn học. Đến cuối đời cụ còn dịch cuốn *Xã hội tư tưởng sử*[1] là sự đi đến với chủ nghĩa xã hội.

---

1. Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Huỳnh Thúc Kháng dịch cuốn *Xã hội tư tưởng sử* của Từ Dật Tiều. Sách gồm 7 chương: Chương 1: Nông nghiệp công trường; Chương 2: Tinh thần chủ nghĩa xã hội cận đại; Chương 3: Chủ nghĩa xã hội không tưởng; Chương 4: Các nhà xã hội không tưởng: Charles Fournier, Robert Owen và Saint Simon; Chương 5: Khái niệm về chủ nghĩa xã hội khoa học; Chương 6: Đời sống cùng trước tác của Karl Marx; Chương 7: Chủ nghĩa xã hội với trật tự xã hội. Huỳnh Thúc Kháng viết *Lời nói đầu*, tác giả có *Bài tựa*. Huỳnh Thúc Kháng viết về mục đích dịch: "Thiếu các món sách thiết thực với nhân sinh, nói cho rõ là xã hội học cùng sách tư tưởng xã hội, thật là một khuyết điểm rất lớn... Kẻ lược dịch bản sách *Xã hội tư tưởng sử* bản ý không chi khác hơn là muốn cho nguồn tư tưởng xã hội chóng phổ cập theo triều lưu chung cả dân tộc trên thế giới... Sách này dành cho số đông phổ thông quần chúng, không có thì giờ và công phu làm thang bước đầu mở đường chỉ lối... Độc giả muốn hiểu rõ nguồn gốc, tư tưởng xã hội khoa học cho đầy đủ cần phải nghiên cứu học thuyết Mác - Ăngghen cho đến nhà thực hành Lênin". Theo Nguyễn Q. Thắng, cuốn sách có ưu điểm là trích dẫn nhiều tác phẩm của Mác và Ăngghen để cho độc giả tiếp thu trực tiếp chủ nghĩa xã hội khoa học. Cảm tình của người dịch đối với Mác và Ăngghen là điều dễ nhận thấy khi chúng ta đọc qua lời nói đầu cùng toàn bộ bản dịch: "Mã Khắc Tư (Karl Marx) trọn đời tận tụy với chủ nghĩa vĩ đại, kiên quyết sáng suốt cho đến ngày chết mà không thôi. Ông có người bạn thiết là Ân Cách Nhĩ (Engel) cùng một định kiến, định lực như nhau, nối theo hoàn thành công việc trước tác dở dang của họ Mã... Mã Khắc Tư cùng Ân Cách Nhĩ (hai ông tổ của khoa học xã hội) là hai bạn thâm giao trọn đời khởi đầu từ tờ Đức Pháp niên báo, từ đó hai người trọn đời dâng mình cho chủ nghĩa xã hội" (Xem Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992, tr.87-88).

Tóm lại, Huỳnh Thúc Kháng là một trong những chí sĩ yêu nước tiêu biểu nhất của lịch sử cận hiện đại Việt Nam, là một trong những tấm gương sáng về tinh thần yêu nước, thương dân, suốt đời mong cho dân được tự do, hạnh phúc. Cụ nêu cao tinh thần đại đoàn kết vì lợi ích tối cao của dân tộc; là nhân vật kết nối được phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX của thế hệ các chiến sĩ duy tân với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là với vai trò lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Cuộc đời của cụ Huỳnh Thúc Kháng hết sức vẹn toàn, tốt đẹp, một khúc ca hùng tráng. Đọc Điếu văn tại tang lễ Huỳnh Thúc Kháng, đồng chí Phạm Văn Đồng, thay mặt Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Trung Bộ, đánh giá cao cống hiến của Huỳnh Thúc Kháng: "Đời người như đời cụ sao mà đầy đủ đến thế, vẹn toàn đến thế, tốt đẹp đến thế... Cụ Huỳnh là cha già chí thân, tượng trưng cho một dân tộc... Suốt đời cụ, thủy chung là một khúc ca hùng tráng, hùng tráng đến ngày cuối cùng, chống gậy đi kháng chiến"[1]. Điếu văn kết thúc bằng hai câu đối:

"Làm nghệ sĩ không vinh, tù Côn Lôn không nhục, khí tiết côi Tùng trơ một gốc;

---

1. Dẫn theo Phạm Ngọc Sinh: "Chất Quảng Nam trong con người cụ Huỳnh", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, *Sđd,* tr.39-40.

Lãnh Bộ trưởng trọn tài, quyền Chủ tịch trọn đức, tinh anh sao Vĩ chiếu ngàn thu"[1].

Thân thế và sự nghiệp chính trị của cụ Huỳnh Thúc Kháng cho thấy một sự chuyển biến tư tưởng từ yêu nước chân chính, thương dân thật sự đến tư tưởng cách mạng chân chính; từ một yếu nhân của phong trào Duy tân đi đến cộng tác với Hồ Chí Minh, trở thành một yếu nhân của Nhà nước cách mạng Việt Nam. Bài học và tấm gương của cụ Huỳnh Thúc Kháng và các nhà yêu nước khác đã chứng tỏ sự đúng đắn của con đường Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn: từ chủ nghĩa yêu nước chân chính đi tới chủ nghĩa xã hội. Mối quan hệ giữa Huỳnh Thúc Kháng và Hồ Chí Minh là một bài học lớn để chúng ta hội tụ nhân tâm, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hướng tới tương lai, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì một Việt Nam dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ngày 15-4-2013, tỉnh Quảng Nam đã tổ chức Lễ đón nhận Huân chương Sao Vàng do Đảng, Nhà nước truy tặng cụ Huỳnh Thúc Kháng. Trong bài phát biểu, Chủ tịch nước đánh giá cao vai trò của cụ Huỳnh Thúc Kháng: "Uy tín, tài năng, đức độ của cụ Huỳnh Thúc Kháng thời gian giữ trọng trách Quyền Chủ tịch nước đã góp phần cùng Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh tạo nên khối đại đoàn kết rộng rãi toàn dân trong cuộc

1. Donghuongtienphuoc.com; quangngai.gov.vn.

đấu tranh giữ vững độc lập dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ ở thời điểm hết sức hiểm nghèo. Là một sử gia, cụ Huỳnh đã để lại nhiều công trình có giá trị, nhiều nguồn tư liệu quý về lịch sử nước nhà, trong đó có những chứng cứ về chủ quyền lãnh thổ đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam chúng ta. Suốt đời vì nước, vì dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, Cụ ra đi thanh thản, để lại "Lời vĩnh quyết" như một lời hiệu triệu, kêu gọi mọi người đoàn kết, tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Hôm nay, chúng ta tổ chức trọng thể Lễ truy tặng Huân chương Sao Vàng, phần thưởng cao quý nhất của Đảng, Nhà nước cho cụ Huỳnh Thúc Kháng là một sự ghi nhận, đánh giá rất cao công lao to lớn của cụ đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Cuộc đời hoạt động và nhân cách cao đẹp cùng tài năng, đức độ của nhà văn hóa, chí sĩ yêu nước, Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng là tấm gương sáng để các thế hệ con cháu hôm nay và mai sau học tập và noi theo"[1].

---

1. Donghuongtienphuoc.com; www.sggp.org.vn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I- CÁC TÁC PHẨM CỦA HUỲNH THÚC KHÁNG

1. Diễn văn đọc tại tiệc trà ở Tam Kỳ ngày 10-7-1926 sau khi trúng cử Viện Dân biểu Trung Kỳ.
2. Lời đáp bài diễn thuyết quan Khâm sứ đọc tại Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 7-9-1926.
3. Bài diễn văn đọc lúc tan hội ngày 12-9-1926.
4. Bài diễn văn đọc tại tiệc trà của thân sĩ Trung Kỳ tại Huế năm 1926.
5. Bài diễn văn đọc ở "Nữ công học hội" Huế năm 1926.
6. Trả lời thư cho Ban Thường trực Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tài liệu mang ký hiệu 2-XI-D, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
7. *Bài tựa tiểu thuyết "Tây phương mỹ nhơn" của Huỳnh Thị Bảo Hòa,* Nxb. Bảo Tồn, Sài Gòn, 1927.
8. "Gởi cho mấy ông Nghị viện", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 13-8-1928.
9. "Diễn văn đọc trước Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 1-10-1928", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 29-9-1928.

10. "Mấy lời tâm sự", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 13-10-1928.
11. "Tự do ngôn luận", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 01-5-1929.
12. "Cuộc canh tân với lớp thanh niên", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 2-8-1930.
13. "Chánh học cùng tà huyết có phải là vấn đề quan hệ chung không?", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 17-9-1930.
14. "Lại câu chuyện Bác Truyện Kiều", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 11-10-1930.
15. "*Lại vấn đề chánh học cùng tà thuyết*", báo *Tiếng Dân*, số ra ngày 18-10-1930.
16. "Hán học trong xã hội ta ngày nay", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 15-4-1931.
17. "Có nên khinh rẻ phường chăn trâu không?", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 5-8-1931.
18. "Lối học khoa cử và lối học của Tống nho có phải là học đạo Khổng Tử không?", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 18-11-1931.
19. "Những thảm họa quái gở trong chuyện thi cử", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 9-9 đến 12-2-1931.
20. "Trạng huống lao động ở nước ta", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 28-5-1932.
21. "Vịnh Kiều", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 15-5-1929.
22. "Cụ Phan Bội Châu với ông Nguyễn Thượng Hiền", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 1-11-1933.
23. "Các thuyết Thúc Tôn Thông, Sở Hành không khác Khổng Tử", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 20-1-1934.

24. "Mê người trong tiểu thuyết cũng mê người trong tuồng hát", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 24-4-1934.
25. "Vấn đề Hán học ở nước ta ngày nay", báo *Tiếng Dân,* phụ trương số ra các ngày 4-7-1934, 18-7-1934, 1-8-1934.
26. "Lại câu chuyện Bác Truyện Kiều", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 17-9-1934.
27. *Thi văn với thời đại*, Tiếng Dân xuất bản, Huế, 1935.
28. "Ngòi bút nhà văn", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 19-12-1934 đến ngày 2-1-1935.
29. "Thơ văn với cổ tích nước nhà", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 14-9-1935 đến ngày 19-10-1935.
30. "Vài chuyện dật sự cụ Tây Hồ", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 24-3 đến ngày 26-3-1938.
31. "Phải chăng là cái số "trước phúc đầu họa"", báo *Tiếng Dân,* số ra ngày 9-4-1938.
32. "Một vài mỹ cảm trong đời tôi", báo *Tiếng Dân,* phụ trương số ra ngày 10-4-1939.
33. "Một vài mỹ cảm trong đời tôi", báo *Tiếng Dân,* số 1387, ngày 10-8-1939.
34. *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam*, Tân Thanh xuất bản, Nhà in Tiếng Dân, 1939.
35. "Dịch sách Tôn Tử Binh Pháp", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 8-2-1941 đến ngày 22-2-1941.
36. "Phê bình "Triết học chiến tranh"", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 25-10-1945 đến ngày 26-11-1941.

37. *Lời bạt Việt Nam cổ văn học sử của Nguyễn Đổng Chi,* Hà Thuyên xuất bản cục, Hà Nội, 1942.
38. "Nhà văn Tàu gieo nọc độc đến học giả ta", báo *Tiếng Dân,* số ra từ ngày 16-12-1942 đến ngày 29-2-1943.
39. "Thi Vịnh sử và đặc điểm của nó", báo *Tiếng Dân*, số ra từ ngày 27-7-1941 đến ngày 2-1-1943.
40. "Việt ngâm thi thoại (tục biên)", báo *Tiếng Dân*, số ra từ ngày 23-3-1942 đến ngày 4-7-1942.
41. *Bức thư trả lời chung (trích),* Tiếng Dân xuất bản, Huế, 1945.
42. Dịch xong tác phẩm: *Xã hội tư tưởng sử ABC của Từ Dật Tiều,* xuất bản tại Thượng Hải năm 1928 với đề tựa *Bước đầu trên con đường lịch sử xã hội.*
43. *Bức thư bí mật gởi Cường Để,* Nxb. Anh Minh, Huế, 1957.
44. *Phan Tây Hồ tiên sinh lịch sử,* Nxb. Anh Minh, Huế, 1959.
45. *Thi tù tùng thoại*, Nxb. Nam Cường, Huế, 1959.
46. *Tuồng Trưng Nữ Vương*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1963.
47. *Nghĩa Lộ Trạch*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1966.
48. *Lời giới thiệu cuốn sách Quốc văn Chu dịch diễn giải của Phan Bội Châu* - Phan Bội Châu toàn tập, Nxb. Thuận Hóa - Trung tâm Văn hóa ngôn ngữ Đông - Tây, Hà Nội, 2000.
49. *Huỳnh Thúc Kháng niên phổ (Huỳnh Thúc Kháng tự truyện và Thơ trả lời Kỳ Ngoại hầu Cường Để),* Anh Minh dịch, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000.

50. *Một tập thơ chữ Hán* gần 100 bài, Huỳnh Thúc Kháng sáng tác từ năm 1945 đến năm 1947 do một vị Hoa kiều lưu giữ ở Đà Nẵng.

II- CÁC BÀI VIẾT, TÁC PHẨM NGHIÊN CỨU VỀ HUỲNH THÚC KHÁNG

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.
2. Nguyễn Thế Anh: "Một trường hợp trường tồn của tinh thần Nho giáo ở Việt Nam vào thế kỷ XX: Huỳnh Thúc Kháng và báo Tiếng Dân", tạp chí *Nghiên cứu Huế,* tập 4, 2002.
3. Lê Ấm: *Tiểu sử cụ Huỳnh Thúc Kháng*, tài liệu đánh máy chưa xuất bản, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.
4. Phi Bằng: *Thi văn các nhà chí sĩ Việt Nam,* Tân Thanh xuất bản, Huế, 1939.
5. Thái Bạch: *Thơ văn quốc cấm thời Pháp thuộc*, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1968.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
7. Bảo tàng Hồ Chí Minh: *Hồ sơ Lâm Quang Thự: Bác Hồ với Quốc hội* (Tập Hồi ký của tác giả tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh), đơn vị bảo quản số H25C15/52.
8. Báo cáo chính trị quý IV năm 1928 của Công sứ Quảng Nam tại Hội An, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

9. Báo cáo Sở Mật thám Đông Dương tháng 1-1937, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
10. Báo cáo tình hình Trung Kỳ gửi về Bộ Thuộc địa, số 1624-AP ngày 1-6-1931, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
11. Báo cáo chính trị ngày 27-3-1935 của Sở Mật thám Faifo, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
12. Báo cáo về các hoạt động cộng sản tháng 3-1937 của Sở Mật thám Đông Dương, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
13. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương, tháng 1-1937, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
14. Báo cáo về tình hình tháng 11 và 12-1937 của Sở Mật thám Đông Dương, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
15. Báo cáo của Sở Mật thám Đông Dương tháng 8-1938, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
16. Trường Chinh: "Cái nhọt bọc sẽ phải vỡ mủ", báo *Cờ giải phóng*, số 7, ngày 28-9-1944, in trong *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, t.1.
17. Phan Bội Châu: *Khổng học đăng,* Anh Minh xuất bản, Huế, 1957.
18. Phan Bội Châu: *Tự phán,* Anh Minh xuất bản, Huế, 1957.
19. Đại học Quốc gia Hà Nội - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn: *Tân thư và xã hội Việt Nam*

cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.

20. Cường Để: *Cuộc đời cách mạng Cường Để,* Sài Gòn, 1957.
21. Trần Đương (Biên soạn): *Bác Hồ với nhân sĩ, trí thức*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2005.
22. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
23. Võ Nguyên Giáp: *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2001.
24. Võ Nguyên Giáp: "Huỳnh Thúc Kháng người đóng góp tích cực vào việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Hà Nội, 1997.
25. Mai Thanh Hải: "Cụ Huỳnh Thúc Kháng - Bộ trưởng Bộ Nội vụ những ngày đầu cách mạng", báo *Công an nhân dân cuối tuần*, số 1167, ngày 18-8-2001.
26. Nguyễn Thu Hằng: "Vai trò cụ Huỳnh Thúc Kháng trong thời kỳ tham gia chính quyền cách mạng (1945 - 1947)", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng* (1876 - 1947), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
27. Phạm Khắc Hòe: *Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc,* Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1987.

28. Minh Hương: "Chủ tịch Hồ Chí Minh với cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong *Bác Hồ cầu người hiền tài*, Nxb. Thông Tấn, Hà Nội, 2007.
29. Đào Hùng: "Sự ra đời báo *Tiếng Dân* và cuộc gặp gỡ giữa Huỳnh Thúc Kháng với Đào Duy Anh", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
30. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ban Tuyên giáo Trung ương - Tỉnh ủy Quảng Nam: *Huỳnh Thúc Kháng với cách mạng Việt Nam và quê hương Quảng Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
31. Huỳnh Khâm: *Tập diễn văn của ông Huỳnh Thúc Kháng,* Nxb. Chân Phương Ấn Quán, Hà Nội, 1926.
32. Đinh Xuân Lâm, Chương Thâu: *Phong trào yêu nước cách mạng đầu thế kỷ XX: Nhân vật và sự kiện*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2012.
33. Nguyễn Thiệu Lâu: *Ký sự về Huỳnh Thúc Kháng* - nhật báo *Sống,* Sài Gòn, 27-8-1967, sau in lại trong *Quốc sử tạp lục*, nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, 1968.
34. Châu Yến Loan: "Huỳnh Thúc Kháng từ nhà lao Hội An đến ngục tù Côn Đảo", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
35. Huỳnh Bá Lộc: "Người đại biểu nhân dân Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh

Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

36. Anh Minh: *Huỳnh Thúc Kháng, nhà cách mạng công khai, không đảng phái*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1952.
37. Anh Minh: *Cụ Sào Nam 15 năm giam lỏng ở Huế*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1957.
38. Anh Minh: *Ngũ Hành Sơn chí sĩ*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1963.
39. Anh Minh: *Nhà cách mạng công khai... Huỳnh Thúc Kháng*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1952.
40. Anh Minh: *Cường Để với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng*, Anh Minh xuất bản, Huế, 1951.
41. Ngô Văn Minh: "Những hoạt động chính trị của Huỳnh Thúc Kháng từ năm 1904 đến năm 1947", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
42. Châu Phụng Nhi: "Mính Viên - Người bạn tri kỷ của Tây Hồ", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
43. *Nhời hô hoán cùng vạn quốc hội: Phải giả quyền tự do cho dân Việt Nam,* từ báo *Việt Nam hồn* của Nguyễn Ái Quốc, tài liệu mang ký hiệu 2-IV-A, lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

44. Nguyễn Hữu Ngư: "Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)", *Bách khoa*, số 37, năm 1958.
45. Thế Nguyên: *Huỳnh Thúc Kháng,* Tân Việt xuất bản, Sài Gòn, 1950.
46. Trần Đại Quang: "Diễn văn tại Lễ mít tinh kỷ niệm 140 năm ngày sinh Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng", Quảng Nam, ngày 1-10-2016.
47. Vương Đình Quang: *Hồi ký về cụ Phan và cụ Huỳnh*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1997.
48. Vương Đình Quang (Nghiên cứu, tuyển chọn): *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1965.
49. Vương Đình Quang: "Vài nét về tiểu sử Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Hà Nội, 1997.
50. Dương Trung Quốc: "Công tác nghiên cứu khoa học về Thân thế và sự nghiệp Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
51. Lưu Anh Rô: *Xứ Quảng theo dòng lịch sử,* Nxb. Đà Nẵng, 2015.
52. Lưu Anh Rô: "Cụ Huỳnh Thúc Kháng và báo Tiếng Dân qua báo mật thám Pháp", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

53. Phạm Ngọc Sinh: ""Chất Quảng Nam" trong con người cụ Huỳnh", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
54. Thiếu Sơn: "Bài học Huỳnh Thúc Kháng", nhật báo *Đuốc Nhà Nam*, Sài Gòn, 1970.
55. Nguyễn Thành: *Lược sử báo Tiếng Dân,* Nxb. Đà Nẵng, 1992.
56. Nguyễn Thành: "Tìm hiểu tư tưởng chính trị của Huỳnh Thúc Kháng", tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1-2, năm 1993.
57. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng: Con người và thơ văn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006.
58. Nguyễn Q. Thắng: *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
59. Nguyễn Q. Thắng: *Tiểu luận,* Trường Xuân xuất bản, Sài Gòn, 1975.
60. Nguyễn Q. Thắng: *Phan Châu Trinh: Cuộc đời và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
61. Chương Thâu: *Thơ văn Huỳnh Thúc Kháng (chọn lọc),* Nxb. Đà Nẵng, 1989.
62. Chương Thâu: "Về mối quan hệ giữa cụ Huỳnh Thúc Kháng và Chủ tịch Hồ Chí Minh", in trong Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phan Châu Trinh và Huỳnh Thúc Kháng*, Nxb. Đà Nẵng, 1993.
63. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm và biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập,* Nxb. Đà Nẵng, 2012.

64. Chương Thâu - Phạm Ngô Minh (Sưu tầm, biên soạn): *Huỳnh Thúc Kháng tác phẩm chọn lọc*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014.
65. Phạm Ngọc Thu: "Mấy cảm nhận về thơ của cụ Huỳnh Thúc Kháng mừng kỷ niệm sinh nhật báo Tiếng Dân", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
66. Lâm Quang Thự: *Quảng Nam, Địa lý - Lịch sử - Nhân vật*, Ban Liên lạc đồng hương tỉnh Quảng Nam và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Thanh Hóa xuất bản, 1974.
67. Lâm Quang Thự, Huỳnh Lý, Trần Viết Ngạc, Chương Thâu: *Danh nhân đất Quảng*, Nxb. Đà Nẵng, 1987.
68. Lâm Quang Thự: *Bác Hồ với Quốc hội* (tập hồi ký do tác giả tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh), hồ sơ H25 c15/52, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.
69. Hồ Xuân Tịnh: "Bàn về việc bảo tồn và tôn tạo Nhà lưu niệm Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
70. Trung Kỳ Nhân dân đại biểu Viện: *Các bản thỉnh cầu của các nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lộc, Huế, 1926.
71. Nguyễn Dân Trung: "Bác Hồ và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Hà Nội, 1997.

72. Nguyễn Văn Tâm: "Huỳnh Thúc Kháng với những năm tháng ở tù Côn Đảo", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
73. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
74. Nguyễn Túc: "Chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
75. Nguyễn Văn Tố: *Diễn văn khai mạc kỳ họp Quốc hội khóa I,* Hồ sơ Kỳ họp thứ hai, lưu tại Văn phòng Quốc hội.
76. Phạm Như Thơm: "Huỳnh Thúc Kháng với việc phổ biến chữ quốc ngữ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
77. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
78. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: *Lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, quyển I (1930 - 1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

79. Song Xuyên Nguyễn Xương Thái: "Giờ phút lịch sử đầu tiên của Cụ Hồ Chí Minh gặp cụ Huỳnh Thúc Kháng đầu năm 1946 tại Phủ Chủ tịch Hà Nội và mười ngày tiếp theo", in trong Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Hội Khoa học lịch sử Việt Nam: *Chí sĩ yêu nước Huỳnh Thúc Kháng*, Hà Nội, 1997.
80. Nguyễn Văn Xuân: *Phong trào Duy tân*, Nxb. Đà Nẵng - Trung tâm Nghiên cứu quốc học, 1995.
81. Lê Văn: "Mối quan hệ giữa đồng chí Võ Nguyên Giáp và cụ Huỳnh Thúc Kháng", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
82. Lê Vân: "Một tấm gương như ngọc sáng ngời", in trong Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam: *Thân thế và sự nghiệp cụ Huỳnh Thúc Kháng (1876 - 1947)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.

MỤC LỤC

Trang

Lời Nhà xuất bản 7

Lời nói đầu 9

Chương 1

QUÊ HƯƠNG - GIA ĐÌNH - TUỔI TRẺ (1876 - 1904) 13

1. Quê hương Huỳnh Thúc Kháng 13
2. Gia đình và tuổi trẻ học đường Huỳnh Thúc Kháng 23

Chương 2

HOẠT ĐỘNG TRONG PHONG TRÀO DUY TÂN Ở TRUNG KỲ VÀ NHỮNG NĂM THÁNG Ở NHÀ TÙ CÔN ĐẢO (1904 - 1921) 48

1. Những hoạt động sau khi đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1904) 48
2. Những hoạt động trong phong trào Duy tân ở Trung Kỳ (1905 - 1908) 58
3. Bị giam ở nhà lao Hội An (từ tháng 2-1908 đến tháng 9-1908) 74
4. Những năm tháng ở nhà tù Côn Đảo (1908 - 1921) 85

Chương 3
TRÊN CƯƠNG VỊ VIỆN TRƯỞNG VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ VÀ CHỦ NHIỆM BÁO *TIẾNG DÂN* (1921 - 1943) 112
1. Những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng sau khi ra tù 112
2. Trên cương vị Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ 124
3. Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân* 137

Chương 4
TỪ CHÍ SĨ YÊU NƯỚC ĐẾN NHÀ LÃNH ĐẠO NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1943 - 1947) 180
1. Những hoạt động của Huỳnh Thúc Kháng sau khi báo *Tiếng Dân* bị đình bản đến trước khi giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong nội các Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa 180
2. Trên cương vị Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Quyền Chủ tịch nước 191

Chương 5
TẤM GƯƠNG SÁNG NGỜI CHO CÁC THẾ HỆ HÔM NAY VÀ MAI SAU 253
1. Từ một tấm lòng yêu nước, thương dân thật sự tất yếu sẽ đến với tư tưởng cách mạng chân chính 253
2. Tấm gương về đạo đức và xây đắp khối đại đoàn kết toàn dân tộc 278
3. Đóng góp của Huỳnh Thúc Kháng trên các lĩnh vực văn học và sử học 295
Tài liệu tham khảo 316

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH
Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
PGS.TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
ThS. VÕ TÚ OANH
TS. VŨ THỊ HƯƠNG
Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG
Chế bản vi tính: PHẠM NGUYỆT NGA
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: VÕ TÚ OANH

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

- TRẦN PHÚ - Tiểu sử
- LÊ HỒNG PHONG - Tiểu sử
- HÀ HUY TẬP - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN CỪ - Tiểu sử
- LÊ DUẨN - Tiểu sử
- TRƯỜNG CHINH - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN LINH - Tiểu sử
- TÔN ĐỨC THẮNG - Tiểu sử
- PHẠM VĂN ĐỒNG - Tiểu sử
- VÕ NGUYÊN GIÁP - Tiểu sử
- PHẠM HÙNG - Tiểu sử
- HỒ TÙNG MẬU - Tiểu sử
- NGUYỄN PHONG SẮC - Tiểu sử
- NGUYỄN ĐỨC CẢNH - Tiểu sử
- NGÔ GIA TỰ - Tiểu sử
- HOÀNG QUỐC VIỆT - Tiểu sử
- HOÀNG VĂN THỤ - Tiểu sử
- VÕ VĂN TẦN - Tiểu sử
- NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - Tiểu sử
- PHAN ĐĂNG LƯU- Tiểu sử
- PHÙNG CHÍ KIÊN - Tiểu sử
- VÕ VĂN KIỆT - Tiểu sử
- VÕ CHÍ CÔNG - Tiểu sử
- NGUYỄN HỮU THỌ - Tiểu sử
- HUỲNH THÚC KHÁNG - Tiểu sử
- NGUYỄN VĂN TỐ - Tiểu sử
- LÊ QUANG ĐẠO - Tiểu sử
- HUỲNH TẤN PHÁT - Tiểu sử

Giá: .000đ